NĂM THỨ MƯỜI TÁM • # 211 • NOVEMBER 2006

THẾ KỶ 21

14775 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 - USA
EMAIL: theky21@tapchitheky21.com
Đ.T. TRỊ SỰ: (714) 892- 9414 EXT. 141
TOÀ SOẠN: (714) 839- 8746

Số Đặc Biệt

Cải Cách Ruộng Đất

THẾ GIỚI TRONG TẦM TAY

RADIOVNCR.COM with VIDEO

Quảng cáo trên RADIOVNCR.COM sẽ đưa những dịch vụ và sản phẩm của quý vị đi khắp thế giới nhanh chóng và hữu hiệu.

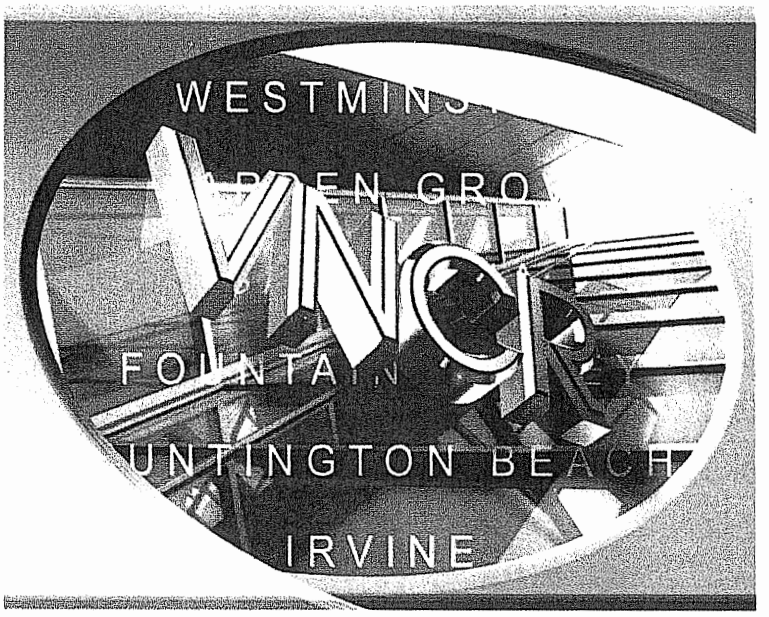

***RADIOVNCR.COM** đặc biệt thông tin qua VIDEO phóng sự và phỏng vấn hấp dẫn, linh động. Nội dung website phong phú, hình thức lôi cuốn, thu hút người xem trên khắp thế giới.*

ĐẸP MẮT! NHANH CHÓNG! HỮU HIỆU!

QUẢNG CÁO NGAY TRÊN

WWW.RADIOVNCR.COM

RADIOVNCR.COM chú trọng đến những dịch vụ về âm nhạc, giải trí, thương mại toàn cầu, thông báo cá nhân/gia đình liên quan đến quan, hôn, tang, tế.

Nhận làm và bảo trì websites cho các cơ sở thương mại.

Liên lạc VNCR (714) 891-8142 để biết thêm chi tiết.

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

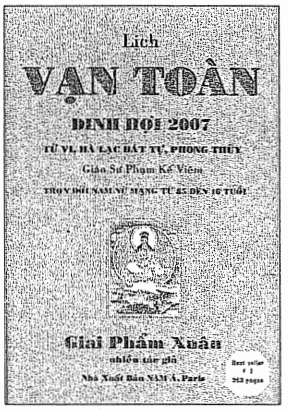

LỊCH VẠN TOÀN ĐINH HỢI 2007

Gồm các phần: Tử Vi, Hà Lạc Bát Tự, Phong Thủy do Giáo sư PHẠM KẾ VIÊM biên soạn; trọn đời nam nữ mạng từ 85 đến 16 tuổi. Phần Tử Vi Tây Phương do THIÊN NGA biên soạn. Âm Lịch Dương Lịch đối chiếu do THIÊN ĐẠO CƯ SĨ biên soạn theo Vạn Niên Lịch, Trung Hoa. Sau cùng là phần Giai Phẩm Xuân gồm các bài văn, thơ tuyển chọn của Hương Giang THÁI VĂN KIỂM, TRẦN TRUNG QUÂN, VŨ HOÀNG CHƯƠNG, PHẠM KẾ VIÊM v.v...Giá 25 Mỹ kim.

LỊCH TAM TÔNG MIẾU ĐINH HỢI 2007

THIÊN ĐẠO CƯ SĨ biên soạn

Lịch xem hàng ngày, mỗi ngày đều có Dương lịch và Âm lịch đối chiếu. Đặc biệt có phần xem ngày tốt xấu, cho biết ngày đó là ngày gì, thuộc tiết nào (ví dụ tiết Lập Xuân, Tiểu Mãn...), sao gì, ngày đó kỵ tuổi gì, cát tinh, hung tinh nào. Cho biết ngày đó nên làm gì, nên cử gì, và cho biết luôn giờ tốt và giờ xấu của hôm đó. Mỗi ngày đều có in một câu văn vần, thường là ca dao, hoặc trích từ các tác phẩm cổ điển, có tính cách nhắc nhở răn dạy người đời. Giá 7 Mỹ kim.

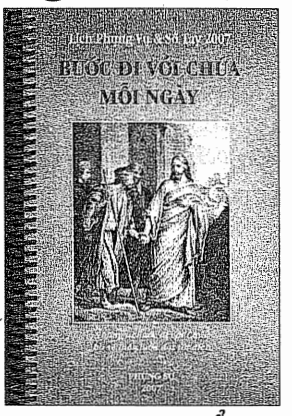

LỊCH PHỤNG VỤ & SỔ TAY 2007 BƯỚC ĐI VỚI CHÚA MỖI NGÀY

Đây là một cuốn sách lịch của người Công Giáo. Mỗi ngày, trên nửa trang giấy, Lịch Phụng Vụ & Sổ Tay 2007 cung cấp các chi tiết cần thiết như: ghi trưng dẫn các bài đọc trong Thánh lễ hàng ngày; mỗi ngày một câu Thánh kinh; một tư tưởng để suy nghĩ, để cầu nguyện và một khoảng trống để ghi chép cảm nghiệm tâm linh hay các chi tiết cần thiết khác. Ngoài ra còn có một số bài viết về đạo. Giá 10 Mỹ kim.

CHUYỆN LÀNG NGÀY ẤY

VÕ VĂN TRỰC

Tác giả viết: "Chuyện làng ngày ấy là chuyện làng xóm, gia tộc, gia đình xảy ra những năm sau Cách Mạng tháng Tám. Tôi ghi lại một cách trung thực những điều tôi nghe, tôi thấy, tôi biết..." Nhưng chính vì "ghi lại trung thực" nên cuốn sách, do nhà xuất bản Lao Động tại Hà Nội vừa in xong chưa ra khỏi nhà in đã bị thu hồi cấm phát hành. Tác giả đã ghi lại những sự phá hoại nền tảng làng xóm cũ của Cộng sản, đặc biệt các cuộc đấu tố đẩy man rợ, đã xóa mất tinh thần truyền thống của nông thôn Việt Nam. Giá 12 Mỹ kim.

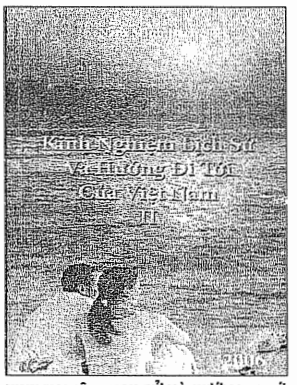

KINH NGHIỆM LỊCH SỬ VÀ HƯỚNG ĐI TỚI CỦA VIỆT NAM

NAM MINH BÁCH

Đây là một công trình khảo cứu công phu, chứng tỏ tác giả là một người nghiên cứu rất sâu rộng tình hình chính trị kinh tế trong thế giới hiện đại. Những vấn đề mà cuốn sách đề cập tới toàn là những vấn đề nổi bật nhất trong cuộc sống nhân loại ngày nay: sự hồn giận của Hồi giáo, nguồn gốc của khủng bố, vấn đề toàn cầu hóa, so sánh sự phát triển giữa Trung Quốc và Ấn Độ, giữa Âu châu và Hoa Kỳ, hiện tượng chống Mỹ trên thế giới, vấn đề ô nhiễm môi trường... Cuốn sách sẽ cho độc giả một kho kiến thức đáng kể. Giá 24 Mỹ kim.

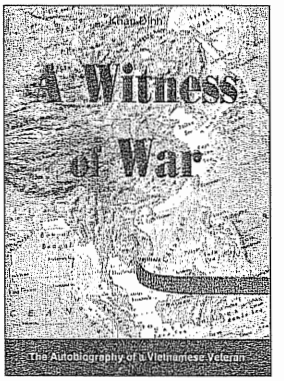

A WITNESS OF WAR

KHAN DINH

Khan Dinh là một sĩ quan Quân lực VNCH, đã trải qua 15 năm chiến trận, gần 10 năm bị giam giữ trong các trại cải tạo, vượt biên đến Mỹ năm 1987. Trong cuốn sách viết bằng Anh ngữ này, ông viết lại những gì ông biết, ông chứng kiến và ông chịu đựng về cuộc chiến mà ông đã trải qua. Cuốn sách không tán dương và cũng không nhục mạ một ai, ông chỉ kể chuyện của cá nhân ông và không cho đây là một cuốn sử, tuy mục tiêu của ông là để lại cho các thế hệ sau "những gì đã xảy ra trong kỷ nguyên này." Giá 16 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí **THẾ KỶ 21**
14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 892-9414 Ext. 141
Email:Theky21@tapchitheky21.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Hạng nhất / First Class	**US $76.00**	**US $145.00**	
Canada	**US $80.00**	**US $155.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $109.00**	**US $210.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $115.00**	**US $225.00**	

***Ghi chú:** Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2006 (Effective April 1, 2006)*

TRẦN MỘNG TÚ

TÁC PHẨM MỚI NHẤT

Đã đọc thơ Trần Mộng Tú, xin mời đọc văn Trần Mộng Tú trong tác phẩm mới nhất xuất bản mùa Thu 2006:

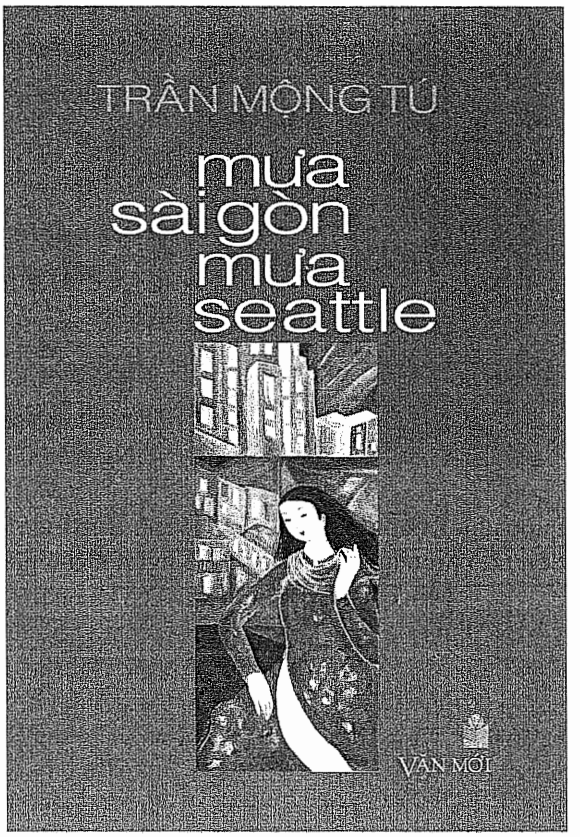

MƯA SÀI GÒN MƯA SEATTLE

Mưa Sài Gòn Mưa Seattle gồm 27 *đoản văn, kývà tản mạn* ghi lại những xúc động bất chợt đời thường; những ý nghĩ giữa một đêm khó ngủ; những ngày mưa, ngày nắng đứng ngơ ngác giữa phố người; những bất ngờ phải ứng xử ở nơi làm việc; những giao tình giữa mình với người cùng quê; với người khác xứ; những chuyến trở về tắm lại trong dòng sông cũ, những giọt lệ giấu kín và những tiếng cười phô ra.

Trong một thế giới mà mọi giá trị đều bị nghi ngờ hay đã vong thân, lối nhìn đời nhìn văn của Trần Mộng Tú có cái gì quí giá, mong manh và hiếm hoi vô cùng. **(Nguyễn Mộng Giác)**

Trần Mộng Tú chỉ kể ra những chuyện thật đã gặp trong đời. Đọc xong mỗi đoạn chúng ta lại khám phá ra một nhân loại thật dễ thương, những đức tốt, những tính xấu sống chung với nhau ở trong mỗi người như anh em một gia đình. **(Đỗ Quý Toàn)**

Thế giới sáng tác của Trần Mộng Tú, khổ đau hay hạnh phúc, luôn có cái long lanh của những hạt ngọc. **(Bùi Bích Hà)**

...dù thơ hay văn, cách viết của Trần Mộng Tú luôn luôn giản dị, trong sáng và lắm lúc hồn nhiên đến bất ngờ! Tôi có cảm tưởng chị viết dễ dàng như thở. **(Trần Doãn Nho)**

MƯA SÀI GÒN MƯA SEATTLE, Trần Mộng Tú
nhà xuất bản Văn Mới, California, Hoa Kỳ 2006
Đã có bán tại các hiệu sách.
Muốn có sách với chữ ký của tác giả, xin liên lạc
email: tran_mong_tu@hotmail.com

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM BIÊN KHẢO SỬ HỌC MỚI:

QUẢNG-BÌNH, CHÍN TRĂM NĂM NHÌN LẠI (1075-1975)

TẬP I

Tác giả: **NGUYỄN ĐỨC CUNG**

Quảng-Bình đã góp mặt! Quảng-Bình đang lên tiếng!

- Một tác phẩm biên khảo sử học **lần đầu tiên** viết rất đầy đủ về tỉnh QUẢNG BÌNH, quê hương của những nhân vật lịch sử thời hiện đại nổi tiếng như Ngô Đình Diệm, Võ Nguyên Giáp, Thích Trí Quang.

- Một vùng **đất lịch sử** đã khiến các sử gia ngoại quốc như **Léopold Cadière**, **Joseph Buttinger**, **Li Tana**, **Keith Taylor** phải lưu ý đề cập đến rất nhiều qua các công trình nghiên cứu giá trị của họ.

- Một công trình biên khảo có khả năng dẫn đưa độc giả tiếp cận một cách thích thú với các **bài học địa lý**, một môn học mà giới trí thức thường coi nhẹ trước đây, như nhận xét của Nguyễn Gia Kiểng trong *Tổ Quốc Ăn Năn*, và với các **bài học lịch sử** thấu đáo, cặn kẽ.

- Một tập tư liệu bề thế, công phu nhằm **giải quyết nhiều vấn đề lịch sử** của đất nước như: vùng tiếp cận giữa hai nền văn minh tiền sử Sa-Huỳnh và Đông-Sơn hình thành như thế nào? Đất nước Chăm-Pa với những thách đố lịch sử trên đất Quảng-Bình; biên giới giữa hai họ Trịnh Nguyễn nằm ở đâu? Tìm lại hệ thống Lũy Thầy qua tư liệu lịch sử và các công tác điền dã; Ý thức hệ Đàng Trong là ý thức hệ Nho giáo hay Phật Giáo? Kinh tế Quảng Bình và cuộc Nam tiến có những mối liên hệ ra sao? Những hạt giống đầu mùa của đạo Công Giáo nẩy mầm và sinh hoa kết quả như thế nào trên đất Quảng Bình ?

- Luận điểm của sử gia nổi tiếng người Anh, **Arnold Toynbee**, cho rằng: ***"Những vùng đất nằm trên vùng biên cương đều có sinh lực mạnh mẽ"***, áp dụng vào trường hợp Quảng Bình đã được minh chứng ra sao với mức độ chính xác ?

* Một tác phẩm biên soạn cẩn trọng, ấn loát tuyệt hảo với **650 trang**, hơn **100 hình ảnh** cùng **hàng trăm chú thích** cẩn thận, tỉ mỉ, thấu đáo chắt lọc từ các nguồn **thư tịch dồi dào** với **rất nhiều tư liệu** Việt, Anh, Pháp, Hán, gồm tác phẩm sách, báo chí, báo điện tử, CD do một ngòi bút được đào tạo chuyên ngành sử học cấp đại học trước năm 1975 tại Miền Nam biên soạn.

Xin bạn đọc và quý đồng châu Quảng Bình hỗ trợ mua sách mới.

- Sách của tác giả **Nguyễn Đức Cung**, Nhà xuất bản **Nhật-Lệ** ấn loát và phát hành vào đầu tháng 9-2006: Giá **25 Mỹ Kim**, ngoài Hoa Kỳ cộng thêm cước phí.

Địa chỉ liên lạc: Nguyễn Đức Cung
257 Kearny Ave, 1st Floor, Kearny, NJ 07032
201-736-5108 hay 201-955-3317
Email: cungdnguyen@aol.com

TÌM ĐỌC HAI TÁC PHẨM MỚI CỦA **SONG THAO**

NHÂN ẢNH xuất bản

CHỐN CŨ

Tập Truyện

Canada: 18 Gia kim
Hoa Kỳ: 17 Mỹ kim
Các nước khác: 22 Mỹ kim

Sách có chữ ký của tác giả, xin liên lạc về:

Tạ Trung Sơn

7805 Claire Fauteux, #1

Montréal, P.Q., H1K 5B6

Điện thoại: **(514) 354-5338**

Email: **tatrungson@hotmail.com**

Ấn phí (bao gồm luôn cước phí):

Canada và Hoa Kỳ: chi phiếu hoặc money order

Các nước khác: money order hoặc Pay Pal

Chi phiếu hoặc money order xin đề tên: TẠ TRUNG SƠN

Phiếm 3

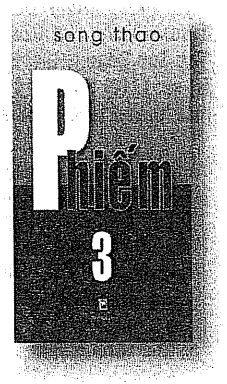

Canada: 25 Gia kim
Hoa Kỳ: 22 Mỹ kim
Các nước khác: 30 Mỹ kim

Sách mới

BÔNG HỒNG TẠ ƠN

Viết về 190 tác giả
nghệ sĩ Việt Nam
của **Nguyễn Đình Toàn**

Trọn bộ 2 cuốn
Giá mỗi cuốn 18 Mỹ kim

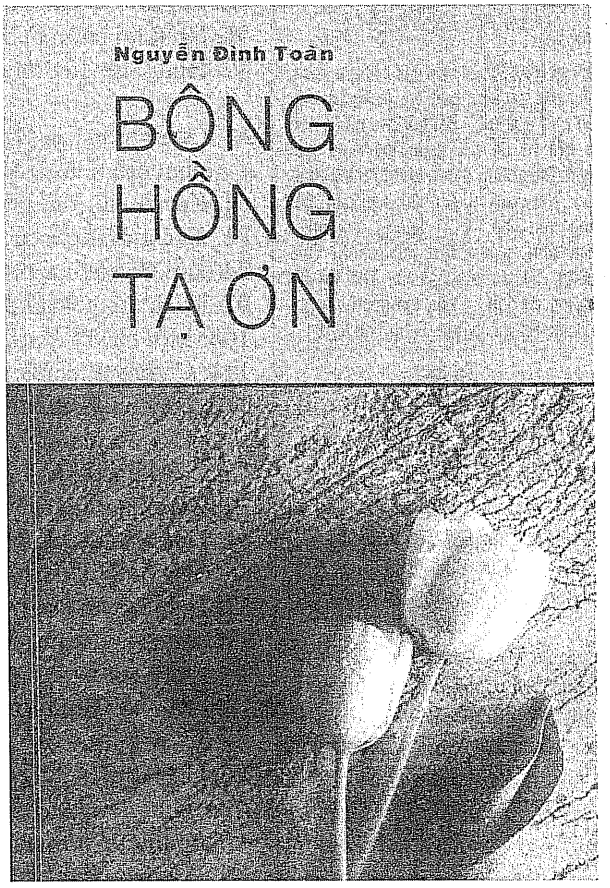

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 892-9414 Ext. 141
E-mail: **theky21@tapchitheky21.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
(714) 891-8142
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 462-8235

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: *Memory*, Acrylic on wood, 10" x 12" của họa sĩ **Ann Phong**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Hí họa: **Babui**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: tư liệu

MỤC LỤC

Số 211 – Tháng Mười Một 2006

KINH TẾ – CHÍNH TRỊ – THỜI SỰ
10. Sức mạnh của lá phiếu cử tri người Việt? – **Nguyễn Anh Tuấn**
18. Hiện tượng chống Mỹ (*tiếp theo*) – **Trần Hữu Thục**
24. Giữa nhiệm kỳ Bush 2: trước bầu cử – **Cổ Lũy**

ĐẶC BIỆT VỀ CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT
32. Lại nói về cải cách ruộng đất – **Nguyễn Minh Cần**
36. Nhìn lại cuộc CCRĐ: Những bài học còn nóng hổi – **Bùi Tín**
42. Hình ảnh Tòa án nhân dân – nhiếp ảnh gia **Dmitri Baltermants**
57. Qua những sai lầm trong CCRĐ – Xây dựng quan điểm lãnh đạo – **Nguyễn Mạnh Tường**
64. Kẻ vô ơn – **Vũ Thư Hiên**
71. Các giai đoạn của cải cách ruộng đất – **Trần Gia Phụng**
74. Hồi ức của một nhân chứng – **Nguyên Thao**
97. Trích đoạn "Ác Mộng" – **Ngô Ngọc Bội**
105. Một cuộc "đấu lý" – **Thế Sĩ Trần Văn Hùng**
111. Chứng từ: Giấy khai tử
112. Đấu tranh chính trị – **Võ Văn Trực**

CÁC BÀI KHÁC
79. Gia vị tuổi già – **Túy Hồng**
81. Thu dỗi (*thơ*) – **Nguyệt Thư**
85. Một thuở học trò – **Hồ Phổ Lại**
87. Tháp Mười (*thơ*) – **Trần Vấn Lệ**
89. Salut, Vietnam – **Nguyễn Đức Tường**
93. Chào em vô tận (*thơ*) – **Bùi Giáng**
101. Văn kỳ thanh (*thơ*) – **Khanh Tương**

MỤC THƯỜNG LỆ
7. Bạn đọc viết
9. Hộp thư trị sự
44. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
50. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

Thủ đoạn chính trị trong mùa bầu cử

Vụ tai tiếng ồn ào mới đây liên quan đến một lá thư hăm doạ cử tri gốc Mễ tại một đơn vị tranh cử dân biểu liên bang tại vùng Quận Cam thật ra chỉ là một trong những thủ đoạn cố hữu thường xuất hiện trong các mùa bầu cử, vốn thường xảy ra hàng năm vào dịp đầu tháng 11.

Nó được coi là một thứ "trò chơi bẩn" (dirty politics), một chiến thuật thường được đem ra áp dụng cho phe đang thua cuộc vì vẫn chưa tìm ra được cách tấn công đối phương một cách chính diện. Trò tìm cách bôi bác hay chụp mũ mỗi khi thấy mình đuối lý hay không thắng được đối phương không phải là độc quyền của người Việt mà đã được các chính trị gia Hoa Kỳ áp dụng từ lâu, và hiệu quả vô cùng độc hại. Ứng viên của cả hai chính đảng lớn ở Hoa Kỳ đều có người sẵn sàng áp dụng chiêu thức ma giáo này, dẫu rằng lịch sử đã chứng minh là dường như phe Cộng Hòa sử dụng thường xuyên hơn, cũng như là hữu hiệu một cách thâm độc hơn.

Lối đánh phục kích kiểu này rất hữu hiệu nhưng không phải lúc nào cũng đạt được thành công. Trong kỳ bầu cử thống đốc tiểu bang California cách đây ba năm, cựu tài tử xi-nê Schwarzenegger bị biết bao nhiêu lời tố cáo về một số hành vi nham nhở kiểu bốc hốt các cô đào diễn viên hồi thời ông còn trai trẻ. Nhưng cuối cùng đa số cử tri cũng mặc kệ cho những chuyện lẻ tẻ đó nên đã bỏ phiếu cho ông. Trong kỳ bầu cử tổng thống Mỹ rất khít khao vào cuối năm 2000, chỉ vài ngày trước khi đi bầu, một bản tin nhỏ được tung ra tiết lộ về chuyện lái xe say rượu của ứng viên George W. Bush đã xảy ra mấy chục năm trước. Mục đích là để tấn công hạnh kiểm cá nhân của ông Bush, lúc bấy giờ được đa số đánh bóng là một chính trị gia ngoan đạo, đạo đức, có vẻ sáng giá hơn rất nhiều nếu so với hình ảnh playboy của đương kim tổng thống Bill Clinton. Thế nhưng nó cũng không đủ sức, có thể đã không đủ thời gian để tạo hiệu quả, để thúc giục cử tri phe bảo thủ bớt đi bỏ phiếu cho ông Bush.

Những đòn độc kiểu chơi bẩn này đã thành công khá lớn trong nhiều trường hợp và đã tiêu diệt biết bao giấc mộng huy hoàng của nhiều chính trị gia đầy triển vọng. Trong kỳ bầu cử tổng thống năm 2004, phe Cộng Hoà tấn công về thành tích cá nhân của ứng viên John Kerry qua bàn tay của nhóm Swift Boat Veterans, cho rằng ông này thực sự đã thổi phồng về các chiến thương bội tinh của mình trong thời gian tham chiến tại Việt Nam. Phe ông Kerry lúc đầu không thèm trả lời, đến lúc bắt đầu có nhiều người đặt câu hỏi về hư thực của những lời tố cáo này thì mới chịu phản công. Nhưng cũng đã quá trễ, vì hình ảnh một chính trị gia thay đổi lập trường như ông đã càng bị tô đậm hơn sau các đợt quảng cáo tấn công này trên màn ảnh TV.

Trong kỳ bầu cử thống đốc tiểu bang Texas vào năm 2002, nhà triệu phú Tony Sanchez đã bỏ ra hơn 50 triệu Mỹ-kim để đánh bóng cho hình ảnh sáng chói của mình là một thương gia gốc Mễ đã thành công lớn tại Hoa Kỳ. Đùng một cái, người ta thấy một mẩu quảng cáo chiếu các tay buôn bạch phiến Nam Mỹ tìm cách "rửa tiền" bằng cách ký thác tại một nhà băng IBC, vốn thuộc sở hữu của ông Sanchez. Ngụ ý muốn nói là ông Sanchez nhận tiền và dung dưỡng bọn tội phạm này cho dù là trong thực tế, cá nhân ông Sanchez nào có biết là tiền ký thác của các thân chủ từ đâu đến. Kết quả là sau đó ông Sanchez bị mất uy tín hơn và sau đó thất cử.

Một trong những "đòn bẩn" nổi tiếng nhất trong chính trường Hoa Kỳ là sự tích "Willie Horton" nổ ra trong kỳ bầu cử tổng thống năm 1988. Tác giả của nó được coi là "cha đẻ" của chiêu thức chơi bẩn trong trò chơi vận động tranh cử, ông Lee Atwater, chiến lược gia số một của Phó TT George H. Bush thời đó. Lúc bấy giờ, ứng viên của đảng Dân Chủ là thống đốc Michael Dukakis của tiểu bang Massachusetts đang có mức ủng hộ của dân chúng cao nhiều hơn ông Bush trong bối cảnh chính quyền Reagan bị tai tiếng về Iran-Contra. Ông Atwater cho chiếu hình tù nhân da đen Willie Horton được phóng thích tự do sau thời gian ở tù, sau đó lại sa ngã, phạm tội giết người và hiếp dâm một phụ nữ da trắng. Ngụ ý là nói chính quyền tiểu bang của ông Dukakis là thủ phạm gián tiếp giết nạn nhân Mỹ trắng vì đã lỏng lẻo phóng thích các tù nhân bừa bãi. Cho dù là trong thực tế, anh Horton được thả ra theo đúng quy chế và thủ tục hành chánh sau khi đã thọ án, và ông Dukakis chẳng có dính líu gì đến việc điều hành của hệ thống tư pháp giam giữ tù nhân. Kết quả là uy tín của ông Dukakis cũng tụt giảm mạnh và sau cùng bị thất cử.

Ngay tại vùng Quận Cam Nam California, trong kỳ bầu cử năm 1988, đảng Cộng Hòa cũng

đã dính líu đến một đòn bẩn khác trong kỳ bầu cử dân biểu tiểu bang đơn vị 71. Bộ máy đảng CH tại địa phương đã bỏ tiền ra thuê mướn nhân viên công lực mặc sắc phục đứng canh trong những khu phố có đông dân gốc Mễ với những tấm biển to với hàng chữ "Không phải công dân Mỹ thì không được quyền đi bầu." Mục đích chính là nhắm đe doạ một cách bóng gió khối cử tri gốc Mễ, có thể nhẹ dạ hay yếu bóng vía, nên có thể tránh xa thùng phiếu với tâm lý không muốn bị lôi thôi hay rắc rối mất thì giờ. Bị thưa kiện vì thủ đoạn hù doạ gián tiếp này, đảng CH địa phương sau đó đã thoả thuận rút lui cũng như đền bù một số tiền thiệt hại.

Đòn phép hù dọa này xuất xứ từ những tiểu bang miền Nam Hoa Kỳ trong những thập niên 50 và 60 khi giới cầm quyền Mỹ trắng thường không muốn dân da đen, thường ít học, nghèo và ít hiểu biết, siêng đi bầu nên thường dựng lên các hình thức gây khó khăn hay trở ngại. Mặc dù sau đó chính quyền liên bang đã phải thông qua đạo luật Voting Rights Act quy định rõ ràng về quyền lợi này cũng như tìm cách giúp đỡ cho mọi công dân có thể dễ dàng đi bầu.

Điều nguy hiểm cho các thủ đoạn "chơi bẩn" này là nó có thể có tác hại ngược lại (backfire) cho chính tác giả của nó. Đó có lẽ là trường hợp đã xảy ra cho ứng viên Nguyễn Đức Tân, khiến cho đảng Cộng Hoà tại địa phương cũng như của cả tiểu bang California phải tìm cách xoa dịu sự công phẫn của nhiều giới, nên chỉ còn cách duy nhất là phải "thí chốt," bằng cách lên án hành động này và đòi con gà của họ là ông Tân phải rút lui. Trong bối cảnh cần phải cẩn trọng lời ăn tiếng nói cho hợp thời (politically correct) ngày nay, mọi hình thức hăm doạ gián tiếp đều bị lên án.

Sự vụng về và khá non nớt của nhiều chính trị gia tập tành bước vào trò chơi thủ đoạn mới là điều buồn cười nhất trong vụ tai tiếng này. Dân chơi ma giáo lão luyện thường tìm cách giấu kín hành tung của mình một cách kỹ lưỡng để phòng khi thất bại hay đổ bể thì không có tang chứng để bị lên án, nhưng nếu thành công thì được hưởng lợi. Nhưng nói chung, "chơi dao thì có ngày bị đứt tay."

Nguyễn Anh Tuấn
Houston, Texas

Nhớ Luật Sư Trần Văn Tuyên

"Nhờ" biến cố bi thảm 30-4-1975 mà tôi được "hân hạnh" vào trại cải tạo Long Thành để gặp LS Trần Văn Tuyên và hầu hết các trí thức, nhân vật nổi tiếng cuả Miền Nam Việt Nam.

Vào một buổi "lên lớp" ở hội trường, trong không khí ngột ngạt và yên lặng cuả khoảng ba ngàn "trại viên cải tạo," cán bộ Hai Ứng trong phần giới thiệu "bài học" và giảng viên có nêu một số nhận xét có tính cách lăng nhục về "thái độ cải tạo" cuả các "trại viên". Anh ta có nêu tên một vài nhân vật để dẫn chứng, trong đó có LS Tuyên và ông Vũ Hồng Khanh. Tôi không nhớ nguyên văn, nhưng nguyên ý là: "Cho đến giờ này mà một số anh vẫn chưa ăn năn, chưa nhận biết tội lỗi cuả mình. Anh Vũ Hồng Khanh và Trần Văn Tuyên còn cho rằng mình là làm cách mạng..." Chợt ở một góc hội trường có người vụt đứng dậy lên tiếng dõng dạc "Tôi phản đối..." Mọi người ngạc nhiên và nhìn ra người ấy là LS Trần Văn Tuyên. Lập tức CB Hai Ứng thét to lên trên loa phóng thanh "Ngồi xuống, ai cho anh nói!" LS Tuyên ngồi xuống và im lặng. Sau này tôi nghe kể lại là LS Tuyên muốn lập lại câu ông đã viết trong bản tự khai "Tôi không có tội với tổ quốc và đồng bào. Nếu có chăng chỉ là đối với đảng CS."

Thái độ can trường nói trên của LS Tuyên khiến tôi phần nào đỡ thất vọng về quý vị đàn anh, trưởng thượng.

Nguyễn Thế Viên (Seattle)

Tham nhũng do cơ cấu

Đọc mục thường xuyên "Sổ Tay" của Ngô Nhân Dụng trên Thế Kỷ 21 số 209, tháng 9/2006, tôi tìm thấy điều tâm đắc khi tác giả chẩn đoán căn nguyên của bệnh tham nhũng ở Việt Nam hiện nay là cơ cấu của chính quyền. Cái cơ cấu ấy cho đảng cộng sản, chứ không phải nhà nước, cái quyền lãnh đạo đất nước và nhiều quyền khác. Nhớ lại, từ sau ngày 30-4-1975 tôi mới được nghe và "làm quen" với nhóm chữ ***đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ***. Từ trung ương xuống, ở mọi cấp đều hiện diện hai bộ máy, bộ máy Đảng đứng trên, và bộ máy Nhà nước ở dưới. Trong lĩnh vực quân sự cũng áp dụng hệ thống "song hành" này; bên cạnh một trung đoàn trưởng, v.v., thì có một chính ủy trung đoàn, và chính ông này mới là người quyết định đánh hay không đánh! Các quan chức trong một guồng máy quốc gia như vậy không còn sợ sệt ai ngoài Đảng ra.

Hà Kỳ Lam
(Pennsauken, NJ)

Các bức thư từ gia đình cố Luật sư Trần Văn Tuyên

1.

Kính gửi anh Phạm Phú Minh,

Tôi là Trần Thị Lan Anh, con gái thứ hai trong gia đình, xin

chân thành cảm tạ và tri ân anh và Thế Kỷ 21 đã tưởng niệm thân sinh chúng tôi, cố LS Trần Văn Tuyên trong số báo 210, tháng 10/ 2006. Tôi cũng xin phép được có thêm vài chi tiết nhỏ về người cha đáng kính của chúng tôi.

- Những ngày cuối cùng trước khi mất Sài Gòn, ba tôi đã nói với tôi như thế này: "Ba đã quyết định ở lại. Cả cuộc đời, ba là tiếng nói cho những người thấp cổ bé miệng. Ba sẽ tiếp tục là tiếng nói cho những người thấp cổ bé miệng đó. Con đã có gia đình thì phải tự có trách nhiệm, ở lại hay đi, con quyết định lấy."

- Tôi được một người bạn luật sư kể lại chị và một nhóm luật sư trẻ có đến gặp ba tôi sau 30/ 4/75 và hỏi có phải đi trình diện với Cộng sản không, thì ba tôi trả lời: "Các anh chị làm luật sư là một nghề tự do thì không có lý do gì phải trình diện ai cả."

- Về cuộc sống cá nhân, ba tôi là một người rất có kỷ luật. Mỗi buổi sáng ông dậy thật sớm, tập thể dục/yoga, đi tắm, rồi mới đọc báo và ăn sáng. Là một người rất giản dị, ông thích ăn rau và đậu phụ, và có thói quen kết thúc bữa ăn với một bát canh thật nóng.

- Ba tôi rất thích đọc sách, và hay dẫn chúng tôi ra mua sách ở tiệm Portail trên đường Catinat mỗi khi chúng tôi được trường học khen là học giỏi. Con gái tôi sau này vẫn nói "Lúc nào con cũng nhớ mùi sách ở tiệm sách ông ngoại dẫn con đi lúc con còn học ở vườn trẻ."

- Trong bài Tấm Gương Bất Khuất của BS Vân Uyên Nguyễn Văn Ái trong báo Thế Kỷ 21 số 210 có nói đến việc có một bác sĩ "ngụy" khám cho ba tôi lúc bị hôn mê, nay nếu có vị nào biết bác sĩ đó là ai, xin cho gia đình chúng tôi biết tên tuổi và địa chỉ để chúng tôi liên lạc.

- Trong bài báo "Trần Văn Tuyên và Võ Nguyên Giáp" của tờ Korea Herald được dịch đăng lại trên số Thế Kỷ 21 vừa rồi có mấy điểm cần đính chính:

- Trang 73, cột bên trái, dòng thứ 24 từ dưới lên: "... trường *Gia Long* Hà Nội" xin sửa lại là: trường **Thăng Long**, Hà Nội.

- Trang 73, cột bên phải, dòng 20 và 21 từ dưới lên: "... trường trung học nổi tiếng của Pháp – Albert" xin thêm chữ **Sarraut** sau chữ Albert, tên trường đúng là **Albert Sarraut**.

Thân ái chào anh.

Trần Thị Lan Anh

Medford, ngày giỗ thứ 30 của cha tôi, 26 tháng 10, 2006

2.

Worcester, ngày 28 tháng 10 năm 2006

Kính gửi: Chú Phạm Phú Minh, Chủ bút tạp chí Thế Kỷ 21

Thưa chú Minh,

Cháu xin thành thật cám ơn chú đã gửi tặng cháu một số tạp chí ấn hành đặc biệt nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày Ba cháu qua đời trong ngục tù Cộng Sản. Những tờ báo này là những món quà tinh thần vô cùng quý báu mà cháu vô cùng trân trọng.

Những bài báo về Ba cháu trong số báo đặc biệt này biểu lộ tình cảm sâu sắc và niềm kính trọng to lớn của các Bác và các Chú, những người từng là bạn đồng nghiệp, đồng chí, và bạn học tập cải tạo chung với Ba cháu, cũng như của chị Phương và anh Thanh, anh chị của cháu.

Cháu rất cám ơn các Bác, các Chú, anh Thanh, và chị Phương đã cung cấp những tài liệu rất quan trọng về cuộc đời và sự nghiệp của ba cháu cũng như những ngày cuối đời của ông. Cháu rất cảm động khi đọc những bài báo này. Những chi tiết về cái chết thảm thương của Ba cháu làm cháu vô cùng xúc động thương xót cho số phận không may mắn của Ba cháu bị ngược đãi bởi Cộng sản.

Một lần nữa cháu chân thành cám ơn chú đã gửi tặng cháu những tờ báo quý giá này. Cháu sẽ gửi tặng chúng cho một số thành viên trong gia đình cháu.

Trân trọng,

Trần thị Vân Nga

Con gái út của Luật Sư Trần Văn Tuyên

HỘP THƯ TRỊ SỰ

Độc Giả Gia Hạn

Nguyễn Tụ Đẩu – CA; Phuong An Doan – CA; Nguyen Xuan Khuyen – CA; Huynh Hoang Cuong – NY; Sharon Nguyen – CA; Lê Khánh Hoàng – TX; Nguyễn Dủ Khiêm – NH; Vance Tran – CA; Do Tran – CA; Nguyễn Hiếu Đệ – MI; Tran Minh Huy – CA; Bui Cam Hong – AZ; Vy Chí Nguyễn M.D. – CA; Dương Đức Như – TX; Chu Vương Miên – CA; Toan Khanh Tran – OK; Vien Nguyen – MN; Nguyen Ba Lieu – CA; Tu Van Dat – MN; Khánh Dương – TX; Joseph Luan Nguyen – CA; Nguyễn Thế Viên – WA; Nguyễn Lưu Kim Loan – TX; Lan Nguyen – CA; Đàm Trung Pháp – TX; Paul Bechtold Lib- IL; Anaheim Pub Lib – CA; Huyng Xuan – OR.

Độc giả đã đóng thêm tiền để nâng cấp gửi báo

Nguyễn Thế Viên – WA.

Độc Giả Thay Đổi Địa Chỉ

Hoàng Kim Châu – TX; Đỗ Văn Nhân – IL; Deichmanske Bibliotek – Norway.

Sức mạnh của lá phiếu cử tri người Việt ???

Người Việt có nên bỏ phiếu cho người Việt?
Có thật chăng đảng Cộng Hoà chống Cộng hơn đảng Dân Chủ?

NGUYỄN ANH TUẤN

Sinh hoạt chính trị tiêu biểu nhất tại Hoa Kỳ mỗi năm là các cuộc bầu cử vào đầu tháng 11. Cứ mỗi hai năm là bầu toàn thể dân biểu và 1/3 nghị sĩ của ngành lập pháp liên bang và nhiều chức vụ hành chánh công quyền khác của tiểu bang và địa phương như hội đồng tỉnh, thành phố v.v. Cứ bốn năm là bầu tổng thống hay thống đốc. Lịch trình các vụ bầu cử liên bang và tiểu bang không hoàn toàn trùng hợp nên năm nào cũng có mùa bầu cử vào đầu tháng 11.

Năm nay, sinh hoạt bầu cử có vẻ sôi nổi hơn trong cộng đồng người Việt tại Mỹ, nhất là tại vùng Quận Cam, thủ đô của khối người Việt lưu vong cũng được biết đến qua cái tên Tiểu SàiGòn. Đặc biệt là con số ứng cử viên gốc Việt ra tranh cử khá đông (gần 20 người), nên không thể tránh những đòn phép tranh giành sôi nổi, hào hứng, ồn ào nhưng cũng không thiếu phần tai tiếng. Như vụ xì-căng-đan về lá thư có nội dung hăm doạ gián tiếp khối cử tri di dân gốc Mễ có thể bị bỏ tù khi đi bầu, do ứng viên Nguyễn Đức Tân là tác giả chủ động, đã gây chấn động và bị mọi người lên án, bàn cãi v.v.

Thế nhưng điều quan trọng đáng nói hơn có lẽ là nhân dịp tranh cử ồn ào sôi nổi này, chúng ta nên đánh giá về cái gọi là sức mạnh lá phiếu của khối cử tri gốc Việt.

Cách đây hai năm khi thử phân tích về sự lựa chọn nào thích hợp và đúng đắn cho cử tri người Việt trong kỳ bầu cử toàn quốc gồm tổng thống và Quốc hội, và liệu sự lựa chọn đó có chút ảnh hưởng nào hay không trên chính trường, chúng tôi đã viết:

"*Đầu tiên, chúng ta có thể khẳng định một cách không sai lầm rằng lá phiếu của cử tri gốc Việt quả thật sẽ chẳng có tí ti ảnh hưởng gì trong kết quả chung cuộc năm nay, một phần vì yếu tố dân số chưa phải là một thực thể đáng lưu ý, và một phần quan trọng khác hơn nữa vì yếu tố địa dư của khối người Việt sinh sống ở những tiểu bang mà kết quả đã gần như biết trước từ lâu cho dù cả khối cử tri gốc Á, tức là bao gồm cả luôn cử tri gốc Việt, có dồn hết phiếu của mình cho bất cứ một ứng cử viên nào.*

. . . Khoảng 70% dân số người Việt lại dồn về cư ngụ ở hai tiểu bang đông dân là California và Texas. Không những số lượng người Việt, dù có đông đảo, cư ngụ tại hai tiểu bang đông dân này chưa đủ là một thực thể đáng lưu ý, mà khuynh hướng chính trị và kết quả tại hai vùng này cũng đã quá rõ rệt và khó có phương thay đổi trong tương lai gần.

. . . Dù toàn thể cử tri gốc Việt ở California có đoàn kết chặt chẽ đi nữa để dồn phiếu cho một phe duy nhất, một giả dụ quá lạc quan và xa rời thực tế, và quyết định bỏ phiếu cho TT Bush và đảng Cộng Hoà thì cuối cùng ông Kerry cũng sẽ thắng tại đây và chiếm luôn 55 phiếu cử tri đoàn của tiểu bang. Ngược lại, cho dù cả khối cử tri gốc Việt ở hai thành phố lớn tại Texas là Houston và Dallas có dồn hết phiếu về phe Dân Chủ đi nữa thì ông Bush và phe Cộng Hoà vẫn sẽ thắng cuộc sau cùng tại đây.

Do đó chúng ta cần phải biết rõ về kết quả sắp xảy ra trong thời gian tới, không phải để nản chí và bỏ cuộc với tâm lý "ông nào lên thì cũng thế thôi" nhưng để nhìn ra một thực tế và không bị các chính trị gia tập sự của mỗi bên thổi phồng về giá trị của lá phiếu người dân với những mỹ từ rất kêu như là "lá phiếu quyết định", "mỗi một lá phiếu cũng có thể làm thay đổi cục diện" v.v. . . Những nhận định trên tuy có đúng về mặt lý thuyết, nhưng cần phải đem áp dụng vào thực tế với những dấu mốc về thời gian và không gian rõ rệt để biết rằng có những lúc nào đó và tại những nơi nào đó, quả thật lá phiếu của chúng ta không có tí ti ảnh hưởng nào cả, và như thế dễ có cái nhìn thảnh thơi và nhiều phần rõ rệt sáng suốt hơn thay vì bị ảnh hưởng bởi các lời lẽ tuyên truyền cũng như những định kiến đã có sẵn."

Năm nay, cuộc bầu cử toàn quốc diễn ra vào ngày 7 tháng 11, không có tranh cử chức tổng thống mà chỉ có 435 ghế dân biểu, 33 chức nghị sĩ trong hệ thống chính quyền liên bang, một số đông ghế thống đốc cũng như hàng ngàn hội đồng

thành phố lẻ tẻ khác trên khắp nước Mỹ. Tuy vậy, những yếu tố chính không thay đổi gì mấy trong vòng hai năm qua, nhất là yếu tố dân số của người Việt vẫn đóng đô phần lớn trong hai tiểu bang California và Texas. Cho nên những nhận định và kết luận của hai năm về trước vẫn còn được áp dụng như cũ, nên xin phép được đăng lại nguyên văn như trên.

Như đã nói ở các vụ bầu cử cấp lớn như thống đốc tiểu bang hoặc nghị sĩ liên bang, lá phiếu của khối cử tri gốc Việt không thấm thía chút nào, cho nên xin được phép gạt sang bên. Ngay cả ở cái chức dân biểu liên bang, cũng đòi hỏi số cử tri đông đảo xấp xỉ cả trăm ngàn, cho nên lá phiếu của người Việt cũng chưa đủ mạnh, ngoại trừ trong một số trường hợp ngoại lệ đặc biệt và hiếm hoi của những đơn vị ngang ngửa, sẽ được bàn tới trong phần sau.

Việc một nữ luật sư người Việt tên Trần Hồng ra tranh cử trong vòng sơ bộ của đảng Dân Chủ để đối đầu với đương kim nghị sĩ Maria Cantwell ở tiểu bang Oregon, giống như trường hợp của ông Vạn Võ ra tranh chức thống đốc California ba năm về trước, là những việc làm nặng phần trình diễn kiểu ma-lanh, chủ ý chú trọng đến việc lợi dụng cơ hội để đánh bóng cá nhân mình một cách ít tốn kém và mau lẹ nhất, chứ không thật sự nhắm đến thành quả chung cuộc, chỉ đáng nhắc đến như một tiểu tiết thoả tính tò mò kiểu "*trivia news*".

Phần lớn bài viết này chú trọng vào cuộc bầu cử ở cấp độ dân cử tiểu bang hay dưới hơn khi mà số phiếu vài ngàn hay vài chục ngàn của tập thể người Việt có thể thay đổi kết quả.

Trước hết là những thay đổi đáng kể so với thời điểm hai năm trước sau khi kết quả năm 2004 đem lại hai chiến thắng — một bình thường dễ hiểu và dễ đoán trước, và một bất ngờ đáng nể và hi hữu hơn — cho ứng cử viên người Việt khi ông Trần Thái Văn (Cộng Hoà) đắc cử ghế dân biểu tiểu bang đơn vị 68 tại vùng Quận Cam (Orange County) và ông Võ Hiền (Hubert Vo) thuộc đảng Dân Chủ bất ngờ đánh bại đương kim dân biểu Talmadge Heflin, một chiến thắng ngựa về ngược rất khít khao và hi hữu trong lịch sử bầu cử tại Texas. Kỳ này, cả hai đều ra tái tranh cử. Ông Trần Thái Văn sẽ không gặp trở ngại gì nhiều, vì đơn vị này vẫn có đa số nghiêng về phe Cộng Hoà. Đối với ông Hubert Vo, lần này cũng có thể sẽ tiếp tục gay cấn, khít khao khi ông Heflin, dân biểu kỳ cựu suốt hơn 20 năm liền trước khi bị thất cử, quyết định nhập cuộc để phục hận, trong một đơn vị mà cử tri vẫn còn nghiêng theo phe Cộng Hoà. Ngược lại, bộ máy của đảng Dân Chủ tại địa phương Houston, sau chiến thắng bất ngờ kỳ trước, càng không thể để vuột mất con cờ sáng giá nhất của mình, một người gốc thiểu số Á Châu, nên tiếp tục dồn mọi nỗ lực để củng cố cho uy tín cũng như bộ máy vận động tranh cử của ông.

Hơn thế nữa, nếu như trong năm 2004 có đa số người Việt ủng hộ ông Heflin — trong đêm kiểm phiếu, ống kính truyền hình Mỹ cho thấy đầy người Việt cầm ly sâm-banh vui mừng vội tại văn phòng của ông Heflin — thì lần này dường như tình thế đã đảo ngược khi mà đa số cử tri gốc Việt, dù có theo phe Cộng Hoà đi nữa, cũng sẵn sàng quay sang ủng hộ ông Hubert Vo. Việc vị dân biểu người Việt này đã có nhiều nỗ lực hợp tác với các sinh hoạt từ thiện trong cộng đồng người Việt, đặc biệt trong kỳ cứu trợ nạn nhân bão Katrina chạy nạn từ Louisiana sang, dĩ nhiên càng làm cho uy tín của ông gia tăng hơn nhiều trong cộng đồng người Việt để dễ dàng nhận được sự ủng hộ kỳ này.

Riêng ở California thì có nhiều ứng cử viên gốc Việt ra tranh cử, tuy chỉ ở những chức vụ trong hệ thống công quyền cấp địa phương nhỏ bé, nên không gây chú ý nhiều ngoài đơn vị của mình. Cho dù là những chức vụ tranh cử này, từ ghế thị trưởng hay nghị viên thành phố, hoặc các học khu học chính, hay các uỷ ban tiện ích công cộng đặc trách vệ sinh hay cấp thuỷ v.v... cũng có tầm ảnh hưởng khá quan trọng trong sinh hoạt hàng ngày vì có chức năng quyết định cho những ngân sách hàng trăm triệu Mỹ-kim mỗi năm.

NGƯỜI VIỆT BỎ PHIẾU CHO NGƯỜI VIỆT?

Với con số gần hai chục người Việt ghi tên ứng cử trong vùng Quận Cam, tự ái dân tộc có thể được thoả mãn một phần nào trong lòng một số người. Nhưng chắc chắn là chiêu bài vận động "người Việt nên bỏ phiếu cho người Việt" — vốn đã không là một luận cứ khôn ngoan, sáng suốt và vững chắc từ căn bản — sẽ không còn đất dụng võ vì là có nhiều người Việt tranh cùng một ghế. Thậm chí, những thủ thuật ma mãnh cố hữu trong chính trường cũng đều được tung ra. Cũng có bài viết trên những tờ báo lớn nói đến việc cần phải phân biệt đâu là ứng cử viên gốc Việt muốn dấn thân thực sự, và đâu là những thành phần gốc Việt được đưa ra (để thoả mãn tự ái vặt của cá nhân hay có thể bị giật dây bởi

những nhóm nào đó) chỉ với mục đích là để chia phiếu trong khối người Việt để cho kẻ thứ ba được hưởng lợi.

Trước hết, lập luận thoả mãn tự ái kiểu rẻ tiền, non nớt, thiếu chững chạc kể trên cũng không thể được đem ra áp dụng lần này vì lý do đơn giản là tại vài nơi có nhiều người Việt cùng ra để giành một ghế. Hơn nữa, tập thể người Việt cũng giống như những sắc dân khác, có đủ thành phần tốt xấu, và việc chê bai hay chỉ trích một người đồng hương trong sinh hoạt chính trị địa phương không còn bị coi là một điều cấm kỵ nữa. Trong thực tế, có những cá nhân người Việt còn bị nhiều người hăng hái chỉ trích và chống đối. Hãy tưởng tượng một người như Trần Trường nộp đơn ra ứng cử, liệu có ai dám dùng luận điệu "người Việt nên ủng hộ ứng cử viên gốc Việt" để cổ võ cho anh ta?

Trước đây, đã có một bài viết với đề tài "Người Việt nên đi chợ Việt hay chợ Mỹ?" Nội dung cho rằng không có lý do gì, về tinh thần cũng như vật chất, buộc người Việt nên đi chợ Việt để ủng hộ đồng hương. Nhất là nếu khi chợ Việt không sạch sẽ bằng chợ Mỹ, nhân viên phục vụ không lịch sự bằng trong chợ Mỹ, hàng hoá không tươi và rẻ bằng bên chợ Mỹ, không được đổi hay trả lại những thứ hàng hoá hay đồ ăn thiêu, cũ mà khi mang về nhà mới biết được v.v... Và chủ nhân chợ Việt cũng chưa chắc gì sẽ đóng góp ngược lại cho cộng đồng người Việt trong vùng, nếu không muốn nói là chỉ làm giầu cho chính cá nhân và gia đình của họ. Bài báo kết luận rằng người Việt nên hành xử quyền của người tiêu thụ của mình một cách khôn ngoan, tức là bỏ đồng tiền ra để đi chợ nào phục vụ tốt nhất cho quyền lợi của mình, cho dù đó là chợ Mỹ, chợ Việt hay chợ Mễ. Chỉ khi nào tất cả các chợ khác nhau đều có cùng tiêu chuẩn phục vụ ngang hàng thì ta có thể lựa chọn chợ Việt vì yếu tố đồng hương là điều có thể lôi cuốn sự ủng hộ.

Kết luận này có thể được đem áp dụng sang lãnh vực bầu cử tại Hoa Kỳ. Cử tri khôn ngoan, nên đừng theo những lời khuyên khuôn sáo cũ kiểu "bầu cho những người tài cao, đức trọng" hoặc những lời chiêu dụ kiểu mị dân của các chính trị gia chuyên nghiệp ở cả hai chính đảng. Mà hãy nên cân nhắc và so sánh về thành tích, quá khứ cũng như quan điểm để bỏ phiếu cho người nào xét ra có thể hợp và có lợi cho quan điểm và quyền lợi của cá nhân mình. Cho dù điều đó có đi ngược lại quyền lợi và quan điểm của người khác hay của đám đông, nhưng điều đó chứng tỏ sự khôn ngoan và can đảm để nói lên tiếng nói của mình. Chỉ khi nào giữa hai ứng cử viên có cùng quan điểm, lập trường như chúng ta, cùng tranh đấu cho quyền lợi của chúng ta thì lúc đó nếu như một trong hai người là đồng hương thì đương nhiên chúng ta sẽ bỏ phiếu ủng hộ cho ứng cử viên gốc Việt. Nói tóm lại, cử tri gốc Việt nên khôn khéo để biết bỏ phiếu cho chính trị gia nào — dù là Mỹ trắng, Mỹ đen, gốc Mễ, gốc Á, gốc Việt — biết tranh đấu cho quyền lợi của chúng ta một cách thiết thực, và nếu như sự lựa chọn đó lại là người Việt đồng hương thì đó là điều vui sướng thêm hơn.

Điểm đặc biệt trong sinh hoạt chính trị tại Quận Cam, không phải chỉ đơn thuần vì số lượng đông đảo lớn nhất ở hải ngoại của khối người Việt lưu vong đến định cư tại đây sau ngày đổi đời 30 tháng 4 năm 1975, mà quan trọng hơn hết là ở chỗ số lượng lớn đó lại cùng nhau quây quần ở trong những thành phố cấp nhỏ như Garden Grove, Westminster, Santa Ana v.v... Vì thế mà sức mạnh của lá phiếu cử tri gốc Việt tại những đơn vị này là điều dễ xảy ra, chỉ có điều là đến sớm hay muộn mà thôi, và trong tương lai có thể bị chia rẽ trong nội bộ hay không. Với tập thể khoảng 300 ngàn người Việt cư ngụ quanh các thị xã nhỏ này, với tổng số dân cư khoảng một triệu người, ta có thể đi đến một kết luận, tuy chưa chính xác cho lắm nhưng có thể chấp nhận được, là khối người Việt chiếm gần 30% dân số. Vì thế cho nên chuyện một người Việt đắc cử vào chức vụ đại biểu không phải là một sự kiện gì khác thường hay nổi bật kiểu xuất chúng.

Ngược lại, ở cộng đồng người Việt đông thứ hai, có lẽ xấp xỉ 200 ngàn người cư ngụ ở miền bắc California, xung quanh thành phố San Jose và nhiều thị xã lân cận khác như Santa Clara, Mountain View, Sunnyvale v.v... thì bài toán thập phân đã thay đổi khá nhiều. Nếu làm thống kê kỹ lưỡng hơn về số người Việt cư ngụ trong ranh giới của San Jose không thôi (với tổng số dân khoảng 1 triệu) thì có thể chỉ có trên dưới 100 ngàn, tức là chỉ chiếm một 1/10 tổng số, tuy là một khối đáng kể, nhưng chưa đủ lực để nói chuyện chia quyền. Điều đó chỉ giành cho các thiểu số mạnh, đông dân hơn như hai khối dân da đen và gốc Mễ, chiếm khoảng 30% tỷ lệ cho mỗi khối. Trong trường hợp này, lá phiếu của người Việt chỉ được ve vuốt và dụ dỗ nếu như kết quả tranh cử có thể rất khít khao ngang ngửa, và trong những trường hợp đó, thì bất kỳ lá phiếu

của những thành phần mới lạ nào từ trước tới nay ít dịp tham dự vào giòng sinh hoạt bầu cử chính mạch cũng đều được săn đón. Đó là trường hợp của cuộc bầu cử tranh chức thị trưởng San Jose hiện nay, cả hai người đứng đầu là nghị viên Chuck Reed và bà phó thị trưởng Cindy Chavez đều thi nhau ve vãn, luôn luôn góp mặt trong các dịp họp mặt có đông người Việt, nếu cần thì khoác thêm cái áo dài thướt tha của phụ nữ, nhưng cũng có thể là áo dài khăn đóng như trường hợp của ông Reed khi tham dự hội chợ Tết hồi đầu năm. Ồ, dĩ nhiên là cả hai đều khôn đủ để lúc nào cũng kẹp theo cái cờ vàng ba sọc đỏ, hầu có thể vỗ ngực là cũng sẵn sàng ủng hộ cho quyền lợi của khối dân Việt chống Cộng này.

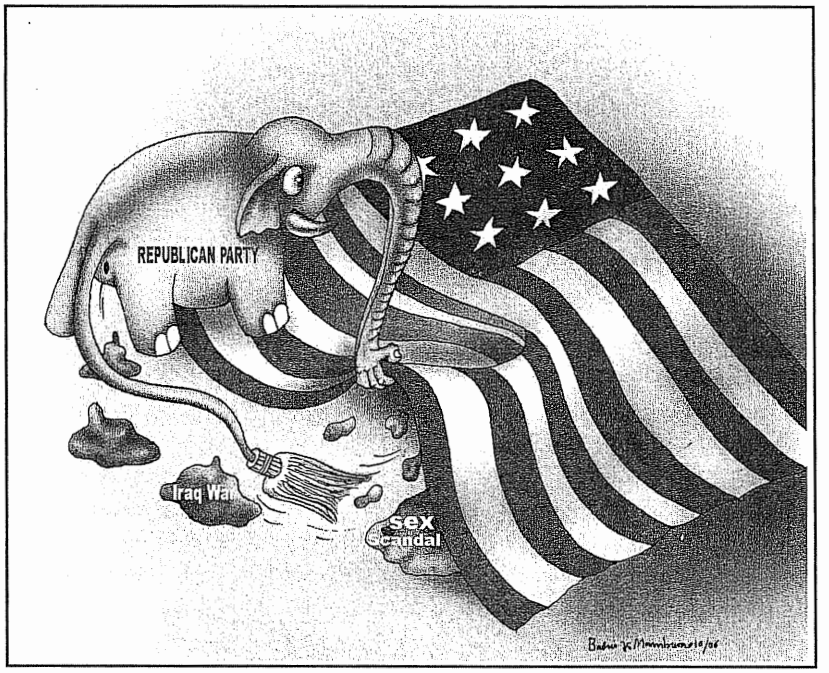

Trong thực tế, cũng có khá đông cử tri Việt thầm lặng, nhưng có trình độ hiểu biết và suy luận vững chắc, để biết lựa chọn cho người nào đại diện cho quyền lợi hợp với mình. Điều đó không có gì ngạc nhiên, và thường dẫn đến kết quả được đoán trước: đó là có một số lớn bỏ cho phe Cộng Hoà, nhưng cũng có một số lớn không kém thì lại nghiêng về phe Dân Chủ. Cho nên, trong thực tế, lá phiếu của người Việt, vốn tự nó cũng chỉ là một phần nhỏ trong cái khối cử tri gốc Á (gồm Trung Hoa, Đại Hàn, Phi Luật Tân, Ấn Độ v.v...) — mà ngay cả lá phiếu của cả gốc Á cũng quá nhỏ trong tập thể cử tri người Mỹ — chẳng có sức mạnh thực sự nào cả. Nhưng nó vẫn được săn đón nồng nhiệt, khi người Việt bắt đầu chịu đi bỏ phiếu, bởi vì ứng cử viên cùng đảng được mình ủng hộ săn đón đã đành rồi, nhưng ứng cử viên đối nghịch cũng tìm cách để ý đến mình vì họ sợ một lá phiếu bỏ cho đối thủ là một lá phiếu diệt trừ sức mạnh của họ.

Ngoài ra cũng cần phải lưu ý là trong cộng đồng người Việt, chuyện đoàn kết là một điều không tưởng, không ai tin hay thực hành nhưng lại cứ thích hô hào. Nhiều khi chính trong nội bộ của người Việt, những đòn phép độc hại lại được đem ra áp dụng để mong đánh gục đối phương, tiêu biểu như trong cuộc tranh cử ly kỳ và gay gắt giữa hai cô Madison Nguyễn và Linda Nguyễn vào một cái ghế nghị viên cho San Jose hồi năm ngoái, chắc chắn đã để lại nhiều kinh nghiệm thương đau và sứt mẻ khó hàn gắn mau lẹ, chứ đừng mong gì nói đến chuyện đoàn kết.

Ở một cộng đồng người Việt đông thứ ba là Houston, Texas, sức mạnh lá phiếu của khối cử tri này cũng dễ bị hiểu một cách sai lạc. Tập thể đông xấp xỉ 200 ngàn người này không thấm gì nếu so với số dân của thành phố đông dân đứng hàng thứ tư trên nước Mỹ. Houston có khoảng 1 triệu 800 ngàn dân nhưng có nhiều vùng ven ô đông dân tạo thành quận hạt chính là Harris County với dân số khoảng ba triệu rưỡi dân. Hơn nữa, khối người Việt tự xưng là sống ở Houston thật ra có một số lớn lại định cư ở nhiều thành phố nhỏ lân cận như Sugarland, Pearland có thể thuộc vào những quận hạt khác. Nếu cộng các quận hạt này thành tổng số khoảng sáu triệu dân, con số có vẻ lớn của 200,000 người Việt này cũng chỉ là một tỉ lệ nhỏ bé 3%, sức đâu để nói chuyện đòi hỏi phải có tiếng nói đại diện! Hơn nữa, vì nhu cầu hội nhập, số người Việt trong vùng Houston lại nằm rải rác khắp toàn thành phố, nên cũng không chiếm một tỉ lệ đáng kể nào cả trong các vụ bầu cử ở các đơn vị nhỏ hơn. Ngay cả ở đơn vị 149 của dân biểu Hubert Vo thì

số cử tri gốc Việt cũng chỉ chiếm một tỉ lệ khiêm nhường không quá 10% tổng số.

CHUYỆN TRANH CỬ TẠI VÙNG QUẬN CAM

Trở về với vùng Quận Cam, có hai vụ tranh cử đáng được chú ý để phân tích. Đó là vụ tranh ghế dân biểu liên bang cho đơn vị 47 giữa đương kim dân biểu Loretta Sanchez (Dân Chủ) và ông Nguyễn Đức Tân (Cộng Hoà), khách quan mà nói, có thể được coi như là một ứng viên không sáng giá có thể sắp hạng thuộc loại "vô danh tiểu tốt." Cho dù Quận Cam được coi là một thành trì (*bastion*) của phe bảo thủ Cộng Hoà từ lâu với số cử tri trong vùng nghiêng về khuynh hướng đó và hiện nay vẫn chiếm giữ năm trong số sáu đơn vị tại đây, nhưng từ hơn mười năm qua, do làn sóng di dân thay đổi, đặc biệt là với sự lớn mạnh càng ngày càng vững của cộng đồng di dân gốc Mễ, vốn thường ủng hộ cho phe Dân Chủ nhiều hơn, cái lợi thế về dân số của Cộng Hoà bắt đầu tụt dốc, nhất là trong đơn vị của bà Loretta Sanchez. Khởi đi từ vụ thắng cử đầu tiên bất ngờ thuộc loại ngựa về ngựa (*upset*) trước đối thủ là ông Bob Dornan cuối năm 1996, đương kim dân biểu kỳ cựu trong nhiều nhiệm kỳ lúc bấy giờ, bà Sanchez đã liên tiếp đè bẹp các đối thủ trong những kỳ tranh cử sau ở tỉ lệ trên 60%.

Thật ra, ông Dornan cũng chỉ là một chính trị gia kiểu "chống Cộng bằng mồm" mà không có thành tích gì đáng kể, ngoài việc khoe phụ tá của mình là nhà báo Al Santoli có bà vợ là người Việt, cứ tưởng như thế là đủ để cho người Việt sẵn sàng hết mình ủng hộ. Kết quả thất cử khá đau đớn của ông Dornan cho thấy là tập thể người Việt, nhất là từ giới trẻ và trung niên lúc bấy giờ, đã không phải hoàn toàn ủng hộ cho đảng Cộng Hoà.

Số phiếu thắng khít khao của bà Sanchez kỳ đó — 47,964 trên 46,980 — cho thấy là chỉ cần một số nhỏ cử tri Việt ủng hộ đảng Dân Chủ là đã đem lại thắng lợi cho bà, phần lớn là nhờ vào sức mạnh của khối cử tri gốc Mễ trong vùng. Hành động thua cay cú (*sore loser*) của ông Dornan, kéo dài việc nộp đơn phản đối kết quả thay vì chấp nhận thua cuộc, càng khiến ông mất uy tín hơn nữa, nên trong lần ra tái tranh cử sau vào năm 1998, ông đã bị bà Sanchez đè bẹp với tỉ lệ trên 60%. Từ đó đến nay, bất kể ứng viên phe Cộng Hoà nào ra ở đơn vị này, cho dù có là người Mễ hay Mỹ trắng, cũng đều chịu chung số phận thảm bại.

Vì thế cho nên không một ứng viên sáng giá nào của đảng Cộng Hoà dám gồng mình và chịu tốn hao để lao thân vào trận chiến tại đơn vị này. Việc ông Tân ra tranh chức với bà Sanchez kỳ này cũng giống như trường hợp của ông Vũ Công của đảng Cộng Hoà trước đây, ra tranh chức với dân biểu kỳ cựu Gene Green thuộc đảng Dân Chủ tại một đơn vị ở Houston vào năm 2000, chỉ có tác dụng gây tò mò ở người Việt, lúc đầu có vẻ nể phục vì thấy lần đầu tiên có một ứng viên gốc Việt là đại diện chính thức của một đảng lớn ra tranh cử dân biểu liên bang, một chức vụ khá quan trọng và nhiều quyền uy. Nhưng khi đi sâu vào chi tiết thì mới rõ thực hư, đây chỉ là những đòn tranh đấu nặng phần hình thức mà ngay cả những người trong cuộc cũng đã biết rõ từ lâu là kết quả thắng bại sẽ ra sao. Việc ông Tân mới đây còn bị điều tra có dính líu hay không đến vụ bê bối đã in và gửi thư hăm doạ khối di dân là có thể bị bắt bỏ tù khi đi bỏ phiếu nếu mình là di dân lậu lại càng khiến cho uy tín của ông càng xuống thấp, đến nỗi mà ngay cả đảng Cộng Hoà tại địa phương cũng muốn biến ông thành dê tế thần để cứu nguy cho uy tín của đảng khi đòi ông phải rút lui. Đây chỉ là một đòn tranh cử thuộc loại ma giáo, một loại *dirty trick* mà hai bên thường đem ra áp dụng để tấn công đối phương, tuy rằng bên đảng Cộng Hoà thường tỏ ra có kinh nghiệm hơn trong lãnh vực này. Trong một số trường hợp khi thủ đoạn bị lật tẩy, nó sẽ đem lại ép-phê ngược (*backfire*), giống như kiểu chơi dao có ngày đứt tay, ấy là chưa kể hậu quả tai hại trong lâu dài hơn cho tập thể người Việt tại địa phương. Sau vụ này, ông Tân sẽ được nhiều người biết đến hơn, nhưng là một loại lưu danh trớ trêu kiểu "*lưu xú vạn niên.*"

Hơn thế nữa, sau ngày đắc cử, bà Sanchez lại tỏ ra là một vị dân cử thực sự tranh đấu cho lý tưởng của người Việt quốc gia một cách anh dũng và hữu hiệu nhất, cho dù là khối cử tri gốc Việt không chiếm đa số trong đơn vị này. Việc bà theo chân phái đoàn của TT Clinton đến viếng thăm Việt Nam vào năm 2000, nhưng sau đó tự động tìm cách đến thăm các nhà đấu tranh bị kềm kẹp hay quản thúc trong nước khiến bà sớm trở thành một người hùng, thực sự tranh đấu cho nhân quyền tại Việt Nam, trong lòng đa số người Việt quốc gia tại hải ngoại, dù theo Cộng Hoà hay Dân Chủ. Tài liệu của bà cho báo giới tiếng Việt cũng kể đến thành tích bà đã tranh đấu để cho những chiến sĩ biệt kích nhảy toán năm xưa của VNCH được chính phủ Mỹ bồi thường đến 40,000 Mỹ-kim mỗi người. Bà cũng đã mời các

vị đồng viện họp chung trong nhóm quan tâm đến các đề tài về Việt Nam (Vietnam Caucus) tại Hạ Viện. Bà đã hợp tác hữu hiệu với luật sư Trịnh Hội trong công tác cứu giúp số người Việt bị kẹt tại Phi Luật Tân, cũng như giúp đỡ hàng ngàn hồ sơ bảo lãnh cho thân nhân người Việt được sang Mỹ. Hồi đầu năm 2006, khi nhà cầm quyền cộng sản ở Việt Nam ra lệnh không cấp chiếu khán cho bà về thăm Việt Nam với lý do là đã xen lấn vào nội tình ở trong nước, vô tình họ đã khoác cho bà cái huy chương chống Cộng hữu hiệu và cao quí nhất trong lòng đa số khối người Việt tại đây.

Một vụ bầu cử thứ hai đáng để ý đến là cuộc tranh chức nghị sĩ tiểu bang giữa bà Lynn Daucher (Cộng Hoà) và ông Lou Correa (Dân Chủ) cho đơn vị 34. Nhiều phần là kết quả sẽ gay cấn khít khao. Bà Daucher là một nữ dân biểu Mỹ trắng, thuộc loại kỳ cựu trong hàng ngũ viên chức của đảng Cộng Hoà tại địa phương. Chiếc ghế trống này có được là vì nghị sĩ đương nhiệm, Joseph Dunn, quyết định rút lui, nên dân biểu Trần Thái Văn lúc đầu muốn nhảy vào, nhưng sau khi bà Daucher quyết định nhập cuộc và được sự hậu thuẫn của bộ máy đảng Cộng Hoà tại địa phương, nên ông Văn phải rút lui theo đúng với kỷ luật trong nội bộ. Có thể nói bà Daucher trước đó là một cái bóng mờ nhạt trong cộng đồng người Việt tại quận Cam, nhưng sau này đã được đánh bóng khá kỹ, lúc nào cũng diện một chiếc áo dài màu xanh thật xinh và mát mắt mỗi khi xuất hiện trước đám đông người Việt, quấn thêm một tấm băng dài hình lá cờ VNCH cho chắc ăn, cũng như tìm dịp cùng xuất hiện với dân biểu Văn trong những dịp tiếp xúc với Thống đốc Cali trong những vấn đề có dính líu đến người Việt. Trong khi đó, ông Correa là một một chính trị gia lâu năm ở cương vị Giám Sát Viên (*Supervisor*), phải gọi đúng hơn là nghị viên hội đồng quận hạt cho đúng chức năng của nó, thường xuyên sinh hoạt gắn bó với cộng đồng người Việt, nên cũng được một số đông cá nhân và đoàn thể người Việt ra mặt ủng hộ.

Những kết quả sắp tới cho các vụ bầu cử tại vùng Quận Cam sẽ nói rõ hơn mức độ trưởng thành của cử tri khối người Việt. Nhiều phần là dân biểu Trần Thái Văn (Cộng Hoà) sẽ đắc cử. Cũng như là bà Loretta Sanchez (Dân Chủ) sẽ dễ dàng giữ vững chức vụ dân biểu liên bang của mình. Kết quả cái ghế nghị sĩ tiểu bang giữa bà Daucher và ông Correa sẽ hào hứng hơn, cùng lúc đánh giá được trình độ chọn lựa của cử tri gốc Việt, chạy theo thực chất hay hình thức.

CUỘC TRANH CỬ TẠI HOUSTON, TEXAS

Riêng ở địa phương Texas, nhất là ở đơn vị 149 tại thành phố Houston, chỉ có cuộc tái tranh cử giữa dân biểu Hubert Vo và ông Talmadge Heflin là đáng chú ý vì có thể là sẽ ngang ngửa giống như lần trước. Lý do chính là vì dân số trong đơn vị này vốn vẫn nghiêng nhiều về phe Cộng Hoà, tuy rằng lần này có vẻ như là tỉ lệ cử tri gốc Việt quay sang ủng hộ ông Hubert Vo tăng nhiều so với năm 2004. Trong kỳ tranh cử trước, ông Heflin bị chỉ trích nặng vì một vài vụ tai tiếng gây bất mãn lớn trong khối dân da đen nên khiến cho họ đi bỏ phiếu đông để đánh bại ông. Sau đó, ông cũng tỏ ra thua cay cú (*sore loser*) khi kéo dài thời gian để khiếu nại chống lại kết quả cho dù sau cùng vẫn bị thất bại, khiến cho uy tín của ông bị giảm nhiều. Nếu lần này ông cũng thua luôn, nhiều người tiên đoán rằng cái ghế này có thể sẽ nằm yên về tay đảng Dân Chủ và ông Hubert Vo, ít nhất là cho đến sau năm 2010, khi quốc hội Texas có thể sẽ vẽ lại bản đồ phân chia khu vực (*redistricting*).

Ngoài ra, một vụ bầu cử ít được người Việt chú ý đến nhiều nhưng có tầm mức quan trọng hơn là ở chức vụ dân biểu liên bang đơn vị 22 ở ngoại ô Sugarland. Người đương nhiệm là ông Tom Delay, một chính trị gia ma đầu lão luyện, đầy quyền lực trong suốt hơn 20 năm qua, nhưng vừa mới bị thất sủng vì áp lực tai tiếng của nhiều vụ xì-căng-đan tại Hạ Viện và sau đó phải xin từ nhiệm cũng như rút tên ra khỏi danh sách tái ứng cử. Phe Dân Chủ đưa ra ứng cử viên "nặng ký" Nick Lampson, một cựu dân biểu trước đây trong một đơn vị lân cận, nhưng bị hất cẳng trong kỳ bầu cử năm 2004 sau vụ vẽ lại bản đồ các đơn vị tại Texas do phe Cộng Hoà dưới quyền điều động của ông Delay giật dây. Phe Cộng Hoà giờ chót đưa ra bà Shelley Sekula-Gibbs, nghị viên thành phố Houston, nhưng muốn bỏ phiếu cho bà, cử tri phải đề tên bà vào (*write in*) thay vì chỉ có bấm lỗ, một thủ tục khó khăn khiến cho cơ may thắng cử của bà bị sút giảm nặng. Chưa kể là trong bối cảnh tai tiếng dồn dập hiện nay đến với đảng Cộng Hoà và chính quyền Bush, nhiều người tiên đoán là chiếc ghế ở đơn vị 22 cũng như ở nhiều đơn vị khác sẽ từ bỏ chỗ Cộng Hoà và quay sang phe Dân Chủ, đem lại thắng lợi đa số cho Dân Chủ ở Hạ Viện. Chính vì tính chất gay cấn, ngang ngửa của cuộc bầu

cử này, một đơn vị từ lâu thuộc về phe Cộng Hoà nhưng có nhiều triển vọng là sẽ thay đổi vì nhiều vụ tai tiếng của ông Delay và phe Cộng Hoà, mà cả hai đảng đều phải vận động để xin sự ủng hộ của đủ thành phần cử tri, trong đó có một số cử tri đáng kể gốc Việt cư ngụ trong vùng. Và chính trong dịp may hãn hữu này mà lá phiếu của cử tri gốc Việt có thể tạo được một sức mạnh, nếu như nó giúp đem lại chiến thắng cho một phía nào đó.

QUYẾT ĐỊNH THEO CẢM TÍNH NGƯỜI VIỆT

Cho dù là với cương vị công dân Hoa Kỳ khi đi bỏ phiếu nhưng không ai cấm chúng ta đặt nặng quyền lợi và cảm tính của người Việt trong sự chọn lựa cho mình, vì đó là quyền tự do tối thượng mà Hiến Pháp Hoa Kỳ đã công nhận và ban phát. Đối với cộng đồng người Việt lưu vong, việc lựa chọn giữa các ứng cử viên không phải là điều dễ dàng và cần phải được cân nhắc kỹ lưỡng.

Từ lâu một số người Việt vẫn còn mang nặng một thành kiến sai lầm là phe Cộng Hoà là cương quyết, chống Cộng trong khi phe Dân Chủ là chủ bại, phản chiến. Chỉ cần nhìn lại lịch sử cận đại chưa đầy 40 năm qua cũng thấy rõ là quan niệm này hoàn toàn sai lạc nếu không muốn nói là quá đơn giản gần như non nớt. Chính TT L. B. Johnson của đảng Dân Chủ vào giữa thập niên 60, khi biết rằng chính quyền quân đội tại Sàigòn vẫn chỉ lo tranh giành quyền bính qua các cuộc đảo chỉnh thay vì chú tâm đề phòng trước sự xâm nhập lớn mạnh của Cộng sản Bắc Việt, nên đã quyết định gia tăng con số khổng lồ cả nửa triệu binh sĩ Mỹ đến tham chiến tại Việt Nam để giữ cho tiền đồn chống Cộng này khỏi rơi vào tay kẻ thù phương bắc. Hành động can đảm của ông Johnson đã mang lại một kết quả thất vọng cho chính cá nhân ông sau đó, là phải quyết định không ra tái tranh cử vào năm 1968 vì chính sách đưa quân tham chiến của mình đã gây chia rẽ trầm trọng trong dân chúng Hoa Kỳ.

Giới cầm quyền thời Đệ Nhị Cộng Hoà tại miền Nam Việt Nam thường tự tin vào sự ủng hộ đắc lực của TT Nixon (đảng Cộng Hoà) nhưng chính phụ tá của ông là Henry Kissinger đã đi đêm với Lê Đức Thọ để thành hình Hiệp Định Paris vào đầu năm 1973 hầu dọn đường tháo lui của quân đội Mỹ khỏi VN sau khi đã bắt tay được với Trung Cộng và không còn sợ đến ảnh hưởng toàn thắng của Liên Sô ở Á Châu. Hành động phản bội này của ông Kissinger và đảng Cộng Hoà, dẫn đến cuộc di tản đau thương vào ngày 30 tháng 4 oan nghiệt năm nào, nhiều người vẫn còn biện minh cho rằng vì có sự chống đối của các dân biểu và nghị sĩ thuộc phe đa số Dân Chủ thời bấy giờ. Ai cũng biết, việc điều hành chiến tranh và đối ngoại thuộc về đặc quyền của ngành hành pháp, chính quyền Mỹ và Ngũ Giác Đài đã dọn đường sẵn cho cuộc tháo chạy này cả năm trời trước đó khi cho dựng sẵn trước các trại lều tiếp cư ở đảo Guam để đón tiếp số lượng di dân tị nạn đông đảo vào mùa hè năm 1975.

Trong kỳ bầu cử năm 2004, những lời tuyên bố của TT Bush cũng đã tạo ra một sự chấn động trong lòng khối người Việt quốc gia.

Đó là trong cuộc phỏng vấn với ký giả Bill O'Reilly trên đài truyền hình Fox News, ông Bush phấn khởi nói về sự quyết tâm đấu tranh cho dân chủ, tự do của nhân dân A Phú Hãn trong cuộc bầu cử toàn quốc. Nhưng khi được hỏi là có phải người dân miền Nam Việt Nam trước đây không chịu đấu tranh cho tự do của họ cho nên ngày nay không có tự do hay không, TT Bush đã trả lời gọn lỏn "*Yes*". Sau đó ông nói tiếp rằng ông tin chắc chắn rằng (*absolutely*) dân Iraq sẽ chiến đấu cho lý tưởng tự do của họ. Nói một cách khác, ông Bush muốn cho thấy nhiệm vụ thiêng liêng của người Mỹ là ở lại giúp dân Iraq chiến đấu cho tự do vì đó là ước muốn cao cả của họ. Ông muốn so sánh ví dụ là dân miền Nam VN trước đây không chịu chiến đấu cho tự do của họ nên Mỹ mới rút khỏi VN. Còn bây giờ, dân Iraq đang tranh đấu cho tự do của họ nên chính quyền của ông cần phải ở lại để giúp cho dân Iraq đạt được lý tưởng này.

Lời nói của TT Bush, giống như lời phát ngôn của tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld trước đó không lâu, cũng tai hại đớn đau cho sự đấu tranh hy sinh của hàng triệu quân dân cán chính VNCH trong cuộc chiến vừa qua. Trong một chương trình phỏng vấn Hardball trên đài MSNBC vào ngày 29-04-2004 do nhà báo Chris Matthews chủ trì, khi được hỏi so sánh giữa Iraq ngày nay và VN lúc trước, ông Rumsfeld, một viên chức chính quyền cao cấp của ông Bush nổi tiếng với những lời lẽ và hành động xem thường các đồng minh lâu đời như Pháp và Đức, cũng đã không tha đồng minh nhỏ bé cũ của mình là VNCH với câu trả lời như sau: "*Ở VN (hồi đó) anh thấy là có một thành phần có tinh thần quốc gia dân tộc cao độ ở miền bắc, rồi bọn Việt Cộng cũng là một thành phần đáng kể trong tình thế bấy giờ... Rồi anh lại thấy chúng*

ta có một chính quyền (VNCH) không được lòng dân ở miền Nam. Cái chính phủ miền Nam này chẳng có hiến pháp, chẳng có bầu cử gì cả. Đối với đại đa số người Việt, họ bị coi là một thứ chính phủ bù nhìn."

Ngoài sự hiểu biết ấu trĩ, ngu xuẩn hoặc chẳng thèm đếm xỉa gì đến sự thật của chính trị gia Mỹ kiểu ông Rumsfeld với lối phát biểu như trên, những lời nói đó còn là một vết dao đâm thấu tâm can của khối quân dân cán chính VNCH đã sinh sống và tranh đấu, hy sinh trên chiến trường cũng như trong lòng biển cả trên đường mưu tìm tự do mặc dù thường bị bó tay hay chèn ép bởi đồng minh khổng lồ nhưng thiếu chân thật và sẵn lòng phản bội là Hoa Kỳ.

Việc lựa chọn theo phe Dân Chủ hay Cộng Hoà cần phải được cân nhắc kỹ lưỡng hơn tuỳ theo quyền lợi của mỗi cá nhân, và cũng áp dụng khác nhau ở từng thời điểm và địa phương riêng biệt chứ không thể áp dụng một cách nhất quán. Ở cấp chính quyền địa phương hay tiểu bang, yếu tố chống Cộng chẳng là mối bận tâm của các chính trị gia Hoa Kỳ cho dù theo Dân Chủ hay Cộng Hoà, và do đó mỗi cử tri nên ý thức mà bỏ phiếu cho sự lựa chọn đáp ứng đúng nguyện vọng thiết thực và cụ thể nhất cho mình hơn là những đề tài xa vời nhưng trống rỗng. Ở cấp liên bang, chúng ta cần phải sớm nhìn ra chân lý là chính trị gia Mỹ lúc nào cũng chỉ nhắm vào quyền lợi tối thượng của đa số dân chúng Mỹ, một thứ đa số có thể thay đổi bất thường tuỳ theo quyền lợi riêng tư của họ, và do đó quan điểm của các chính trị gia Mỹ cũng thay đổi theo cho phù hợp để mong sinh tồn theo đúng tinh thần của chủ nghĩa thực dụng (*pragmatism*) mặc dù nhiều người Việt vẫn thường chê bai đó là một chính sách đón gió trở cờ.

Việc ủng hộ đảng Dân Chủ hay Cộng Hoà, không phải là điều quan trọng hay cần thiết để phân biệt xem cái nào là đúng đắn hay sai lạc vì nói cho cùng nó là sự lựa chọn của mỗi cá nhân khi bước vào thùng phiếu để quyết định điều gì đúng với lương tâm và quyền lợi của riêng mình. Sự lựa chọn của mỗi cá nhân chúng ta, cho dù có đi ngược lại nguyện vọng của nhiều người khác, vẫn là một quyết định đúng đắn nếu như nó phản ảnh đúng nguyện vọng và quyền lợi của riêng mình.

Sau cùng, khối người Việt nói riêng và gốc Á nói chung, vẫn còn là một khối thiểu số trong chính trường Hoa Kỳ trong nhiều chục năm nữa, do đó trong thực tế nếu đoàn kết và hợp tác với hai khối thiểu số lâu đời tại đây là khối dân da đen và dân gốc Mễ, dễ có hy vọng và xác suất thành công hơn thay vì ưng thuận theo khối đa số, bởi vì một lý do đơn giản là dù chúng ta có đi theo họ thì cũng chẳng làm thay đổi cán cân và do đó cũng khó lòng đòi hỏi những điều kiện để ngã giá; thế nhưng nếu sự hợp tác của chúng ta với khối thiểu số có thể giúp lật ngược thế cờ thì như thế nhiều phần có thể đạt được một số đòi hỏi nào đó. Tình hình thực tiễn tại chính trường Hoa Kỳ cho thấy là đảng Dân Chủ dành nhiều thiện cảm hơn bên đảng Cộng Hoà cho các khối thiểu số như dân đa đen, gốc Mễ, đồng tính luyến ái v.v... vì thực ra nó được kết hợp bởi những khối này trong khi những nhân vật gốc thiểu số có mặt bên đảng Cộng Hoà thường được dành vào mục đích làm kiểng để đánh bóng cho hình ảnh đa dạng đa nguyên cởi mở của đảng hơn là được góp mặt thực sự vào nội bộ của đảng. Đó là lý do tại sao mỗi kỳ đại hội đảng bốn năm một lần, phe Cộng Hoà thường cố đem một vài nhân vật gốc thiểu số lên để đánh bóng cho thoả mãn tự ái cá nhân hoặc để tránh bớt sự tẩy chay của các khối thiểu số nhưng khi đi vào thực tế cầm quyền thì chẳng cần đoái hoài gì đến những thành phần này.

Trong một mức độ nhỏ hơn ở cấp địa phương, hãy lấy thí dụ của cuộc bầu cử dân biểu liên bang đơn vị 22 tại Houston giữa hai người Nick Lampson (Dân Chủ) và bà Shelley Sekula-Gibbs (Cộng Hoà) sắp tới, có thể là ngang ngửa 50-50 thay vì 55-45 như kết quả thắng cử của ông Delay năm 2004. Trong trường hợp đó, khối cử tri người Việt, tuy chỉ có thể chiếm một phần nhỏ trong tập thể khối lớn của dân thiểu số, giả như nếu cùng dồn phiếu cho ông Lampson và nếu ông thắng cử sẽ gây tiếng vang khắp nước, sẽ tạo được một thiện cảm lớn vì đã đóng một phần trong kết quả cách mạng kỳ bầu cử này và chắc chắn sẽ được đảng Dân Chủ săn đón kỹ lưỡng hơn với công lao đã giúp mang lại thành công bất ngờ. Lợi hại hơn nữa, là sẽ không bị đảng Cộng Hoà xem thường trong tương lai gần vì chắc chắn là sẽ được o bế đến trong những kỳ bầu cử tới.

Tuy nhiên đó chỉ là một ước vọng (*wishful thinking*) vì làm gì có tình trạng cả khối cử tri gốc Việt đoàn kết để dồn phiếu cho một bên.

Việc viết bài phân tích, hay phê bình người này, chính sách nọ, thật ra chỉ là nhiệm vụ của người viết thấy sao nói vậy, theo đúng với lương tâm và hiểu biết của mình.

Houston, Texas 27-10-2006

HIỆN TƯỢNG CHỐNG MỸ

TRẦN HỮU THỤC

(Tiếp theo)

*** Quan điểm của Martin Heidegger:** Chuyển HTCM thành ra những khái niệm triết lý là sản phẩm của Martin Heidegger, triết gia Đức (23). Americanism, theo Heidegger, là "yếu tính còn phơi mở chưa đầy hay chưa hoàn tất của một thứ kỳ quái nhô lên trong thời hiện đại." Do đó, Mỹ là *katestrophenhaft*, có nghĩa là "nơi của tai họa."

Với sự phát triển không thể cưỡng chống của *Americanism*, Heidegger cho rằng Âu Châu nằm giữa một gọng kềm lớn, bị ép một bên là Liên Sô và bên kia là Mỹ. Từ quan điểm siêu hình, Liên Sô và Mỹ giống nhau, với cùng một thứ kỹ thuật cuồng loạn và buồn chán, cùng một thứ tổ chức không hạn chế của một con người trung bình. Người Âu Châu, vốn phát minh ra khoa học, nhưng luôn luôn kềm chế nó để nó không đi quá đà, còn với Liên Sô và Mỹ thì ý niệm về lượng tính tách khỏi phẩm tính và rồi phát triển thành "một thứ hổ lốn vô biên của sự dửng dưng và đồng dạng." (24).

Cả Mỹ và Liên Sô đều là ác quỷ. "Bolschevism chỉ là một biến thể của Americanism." Nhưng Mỹ mang lại một đe dọa lớn hơn và có ý nghĩa hơn, theo Heidegger. Chính vì thế, sau Đệ Nhị Thế Chiến, Heidegger bàn về chuyện Âu Châu có thể "đối thoại" với Liên Sô bởi vì nó có cảm quan về ý nghĩa lịch sử. Còn với Mỹ thì không thể, vì Mỹ không có ý nghĩa thực sự. "Chủ nghĩa Mỹ là hình thức nguy hiểm nhất của tính vô biên giới, bởi vì nó xuất hiện trong đời sống của giai cấp trung lưu hỗn hợp với Thiên Chúa Giáo và tất cả cái đó đặt trong một không khí hoàn toàn thiếu vắng ý nghĩa về lịch sử." Nhận định về việc Mỹ tham gia Đệ Nhị Thế Chiến, Heidegger viết "Sự tham gia của Mỹ vào chiến tranh thế giới này không phải là đi vào lịch sử, nhưng là hành động mang tính cách Mỹ cuối cùng của sự vắng mặt ý nghĩa lịch sử của Mỹ."

Trong khi tạo ra biểu tượng Mỹ, Heidegger thu tóm vào bên trong nó nhiều nan đề hay bệnh hoạn của thời đại tân tiến, từ sự nhô lên của ngành truyền thông toàn cầu cho đến sự hờ hững với môi trường và sự giản lược văn hóa hóa thành một hình thức tiêu thụ. Heidegger đặc biệt quan tâm đến chủ nghĩa tiêu thụ (consummerism) mà ông cho là tượng trưng cho tinh thần của thời đại chịu ảnh hưởng nặng nề của Mỹ. "Tiêu thụ chỉ với mục đích tiêu thụ là thủ tục độc nhất tiêu biểu cho lịch sử của một thế giới đã trở thành một không-thế-giới (unworld). Tồn tại hiện nay là thứ tồn tại có thể thay thế." Nó là hiện thân của sự nhái theo (ersatz), bắt chước, hấp thu (absorption), biến cái độc đáo và cái đích thực thành cái đồng phục và tiêu chuẩn.

Nối bước Nietzche, Heidegger diễn tả Mỹ là một lực lượng xâm lược, chiếm đoạt linh hồn của Âu Châu, làm suy yếu chiều sâu và lý trí của nó. "Yếu tính Đức đã hàng phục yếu tính Mỹ đến chỗ hiện nay thỉnh thoảng tạo ra hiệu quả tai hại đến nỗi nước Đức hiện nay cảm thấy hỗ thẹn rằng dân tộc của nó đã từng được xem là 'dân tộc của thi ca và tư tưởng'." Bởi thế, Âu Châu xem như đã chết, nhưng chưa chết hẳn. Nó vẫn còn ngắc ngoải chờ đợi cái mà Heidegger gọi là "Cái Sẽ Tới" (The Happening). Nhưng "Cái Sẽ Tới" đó sẽ chỉ có thể có nếu nó biết huy động sức mạnh tiềm tàng bên trong nó để đẩy lùi thứ "Mỹ tính" về bên kia bán cầu.

Do Heidegger đã từng ủng hộ Đức Quốc Xã, nên tư tưởng của ông giảm đi nhiều ảnh hưởng về sau. Nhưng sau chiến tranh, phe Tả Châu Âu nắm lấy những ý tưởng nòng cốt để tăng cường thêm tư tưởng chống Mỹ của riêng họ. Khi Cộng Sản sụp đổ, trái với mọi dự đoán, HTCM không những không chết đi mà lại vẫn dai dẳng sống và sống còn mạnh hơn và đi vào giòng tư tưởng chính của Châu Âu. Thay vì nằm giữa gọng kềm của Liên Sô và Mỹ, bây giờ Châu Âu trở thành một cực đối nghịch với Mỹ. Điều đó cho thấy, giới trí thức Âu Châu không những chỉ phê phán Mỹ, mà là bài Mỹ (Americanophobia) vì nó bác bỏ tất cả những giá trị xã hội cũng như chính trị Mỹ, xem chúng như một cái gì man dã, một loại "thiến hoạn về Tinh Thần" (emasculation de l'Esprit) theo cách nói của Heidegger.

2. Hiện Tượng Chống Mỹ ở Pháp

Hiện tượng chống Mỹ bàng bạc ở khắp các nước Âu Châu, nhưng Pháp có lẽ là nơi mà xu hướng này mạnh mẽ nhất, dằng dai nhất và điển hình nhất, đến nỗi bất kể quan hệ Pháp-Mỹ như thế nào về hình thức, luôn luôn có một khoảng cách khó thể san bằng giữa Pháp và Mỹ. Hình ảnh về nước Mỹ mà người dân Pháp có được xuyên qua sách, báo hàng ngày được mô tả như sau:

Mỹ là một xã hội hoàn toàn bị điều khiển bởi tiền bạc. Không có bất kỳ một giá trị nào khác, cho dù đó là luân lý, gia đình, tôn giáo, quyền dân sự, văn hóa, chức nghiệp... Mọi thứ đều là hàng hóa, được đánh giá và sử dụng chỉ độc có giá trị vật chất. Một người chỉ được phán đoán qua số tiền mà người đó có trong trương mục ngân hàng. Mọi tổng thống Mỹ đều dính líu quyền lợi nặng nề trong các công ty dầu hỏa, các tổ hợp kỹ nghệ-quân sự, nông nghiệp và thị trường chứng khoáng ở Wall Street. Mỹ là một "khu rừng hoang," ngoài luật pháp, một thứ tư bản chủ nghĩa dã man, ở đó người giàu cứ giàu thêm và người nghèo càng ngày càng nghèo. Không có trợ cấp thất nghiệp, không hưu bổng. Chỉ có những người may mắn lắm mới có quyền có chăm sóc sức khỏe và sống một đời đàng hoàng. Đại học chỉ dành cho những người có tiền trả học phí, và học phí rất đắt. Mỹ là xứ bạo động tràn lan, hoành hành. Bạo động ngự trị bất cứ nơi đâu mà người ta tới. Dân chủ ở Mỹ chỉ là dân chủ hình thức, vân vân và vân vân (25).

Nghe như một loại tài liệu tuyên truyền rẻ tiền được dùng trong các nước Cộng Sản thời còn bế quan tỏa cảng. Ấy thế mà đó là những gì có thật được chính một tác giả Pháp, Jean-Francoise Revel, viết mới có vài năm trước đây. Revel không nói quá. Chính một Đại sứ Mỹ ở Anh viết vào năm 1987 "Mỹ bạo động, Mỹ dốt nát (crass), Mỹ vụng về (inept), tất cả những thứ đó trở thành hình ảnh thường nhật của Mỹ ở Châu Âu."

Đối với Pháp, dù được xem là tượng trưng cho tiến bộ, dân chủ, bình đẳng, hiện đại, Mỹ là đe dọa lớn nhất đối cách sống còn của văn hóa Châu Âu nói chung và văn hóa Pháp nói riêng. Người Pháp không thể chấp nhận văn hóa Mỹ vì hai lý do: tính thương mại và tính lắp ghép tùy tiện (26). Văn hóa Mỹ là kết hợp hai yếu tố vốn không thích hợp nhau: dân chủ và thương mại. Đáng lẽ ra cái gì là cao thượng thì tách bạch ra khỏi những yếu tố thông thường khác, ở Mỹ, văn hóa đòi hỏi phải có tính bình đẳng và dân chủ. Nghĩa là văn hóa phải đi vào quần chúng, bất kể thành phần (vì như vậy mới dân chủ). Hậu quả là: các sản phẩm văn hóa trở thành phổ thông và đến với thị trường y như bất cứ sản phẩm tiêu dùng nào khác. Văn hóa trở thành hàng hóa. Là hàng hóa, phải sản xuất hàng loạt. Do sản xuất hàng loạt, chúng cần thị trường tiêu thụ. Vì không được sự bảo trợ của văn hóa Âu Châu, nó tự tạo ra khách hàng của chúng để đủ sức trang trải phí tổn. Thế là, với thị trường càng ngày càng mở rộng, văn hóa Mỹ rời bỏ phẩm tính để đi vào lượng tính.

Một thứ văn hóa như thế tất nhiên phải xuất phát từ một sự lắp ghép tùy tiện. Nó bất chấp mọi tiêu phạm, trộn lẫn giữa cao cấp và bình dân, giữa cái cao thượng và cái tầm thường. Tất cả tiêu chuẩn đều bị san bằng, giảm xuống cùng một loạt như nhau, nghĩa là "cá đối bằng đầu." Văn hóa Mỹ trở thành phản-lịch sử, phản-siêu hình và phản-cơ cấu, vì nó chuộng thành phần hơn toàn thể. Nhiều trí thức nổi tiếng Pháp từ George Duhamel cho đến Francoise Mauriac, từ Jean-Paul Sartre cho đến Simone de Beauvoir đều không tiếc lời chê bai mỗi khi có dịp. Năm 1865, nhân cuộc triển lãm quốc tế đầu tiên tổ chức ở Paris với sự tham dự của Mỹ, nhà thơ Beaudelaire phát biểu: "Con người hiện đại đã bị Mỹ hóa đến nỗi nó đánh mất cả khái niệm về sự khác biệt đặc trưng cho những hiện tượng trong thế giới vật lý và thế giới luân lý, sự khác biệt giữa cái tự nhiên và cái siêu nhiên." Tờ Journal của anh em Goncourt (về sau thành lập giải thưởng Goncourt) viết nhân cuộc triển lãm lần hai năm 1867: "Triển lãm quốc tế là cú đánh cuối cùng cho sự Mỹ hóa nước Pháp." Còn Simone de Beauvoir gọi dân Mỹ là một dân tộc cừu (un peuple de moutons), toàn những kẻ nhắm mắt đi theo, thiếu tinh thần phê phán và sáng tạo (27).

Thập niên 1930 là thời kỳ HTCM phát triển mạnh ở Pháp khi ảnh hưởng của lối sống và cung cách làm việc của Mỹ bắt đầu lây lan sâu rộng trong xã hội Âu Châu. Mỹ bị tấn công liên tục và dữ dội với nhiều tác phẩm nghiên cứu hay biên khảo phân tích về chủ nghĩa Mỹ và những sai trái của nó, chẳng hạn như *Scènes de la vie future* của Georges Duhamel, *Le mode sans âme* của Daniel Rops và đặc biệt là hai cuốn *La Décadence de la nation francaise* và *Cancer américian* của Robert Aron (1898-1975) và

Arnaud Dandieu (1897-1933). Tất cả đều cùng một chủ điểm: lên án "con quỷ của thời đại" chỉ biết đến giá trị vật chất là Mỹ. Trong *La Décadence de la nation francaise*, tác giả nhận xét: "sự duy lý hóa toàn bộ của xã hội hiện đại dưới sự hỗ trợ của Ford, Taylor và Young, đã phi nhân hóa tất cả hệ thống quy chiếu của chúng ta" (28). "Giáo điều kỹ nghệ mới" của Mỹ đưa đến hai lần phản bội: phản bội tình cảm yêu nước cũ xuất phát từ truyền thống cách mạng Pháp và phản bội truyền thống tư bản Pháp. Theo hai ông, khi chạy theo triển vọng "vật chất và lượng tính, nước Pháp đã thua trận và tự hy sinh mình cho những cơ cấu xã hội hoàn toàn đối nghịch với nó." Và do đó, nó trở thành "vật ký sinh" của đế quốc Mỹ, đã phá hoại "tất cả những biểu lộ tình yêu đất và yêu quốc gia." Họ đề nghị nước Pháp nên "trở lại một thứ cá nhân chủ nghĩa thực, tình cảm và chống duy lý" (anti-rational).

Trong *Le Cancer américain*, hai ông đánh giá lại căn bệnh Mỹ, một thứ bệnh ung thư tiềm ẩn xâm nhập vào tất cả cộng đồng con người. Họ vạch rõ Mỹ "là một phương pháp, một kỹ thuật, một thứ bệnh của tinh thần." Họ bài bác "tính cách Mỹ," cho đó là một thứ "chủ nghĩa man rợ" (barbarism) đe dọa toàn thể loài người." Bản tuyên ngôn thành lập nhóm "Esprit" (29) năm 1932, nhắm vào một nước Mỹ đại độc tài (grand américain Tyranny), một xã hội được cai trị y như các hãng, xưởng mà các chủ nhân của nó cố tìm cách biến con người thành máy móc để tìm kiếm lợi nhuận. Trong tình huống đó, đời sống con người bị giằng xé giữa dục vọng và nhân cách đưa đến rối loạn về mặt tâm lý, dễ gây ra giết người và tự sát. Giải pháp là phải cứu vớt con người bằng cách làm cho nó ý thức về căn cước thực sự của chính nó.

Tình cảm bài Mỹ thập niên 1930 được diễn tả bằng từ ngữ "pseudo-Nietzscheism": nêu lên sự quan trọng của ý chí chống lại thứ chủ nghĩa duy lý lạnh lùng của "con vật kinh tế" (homo oeconomicus) được xiển dương bởi các chủ ngân hàng và các tập đoàn kỹ nghệ Mỹ.

Sau Đệ Nhị Thế Chiến và trong suốt thời kỳ chiến tranh lạnh, nhận định nổi tiếng của Heidegger giữa Liên Sô và Mỹ (xem lại tiểu mục "Tư tưởng Heidegger" phần trên) được tán thành bởi nhiều nhà trí thức tầm cỡ của Pháp như Merleau Ponty, Jean-Paul Sartre hay Etienne Gilson và được lập đi lập lại không mệt mỏi bởi một số chính trị gia theo chủ nghĩa De Gaulle (Gaullisme) như Jacques Thibau trong *La France colonisée* (1976), Jean-Marie Benoist trong *Pavane pour une Europe défunt* (1980), Anicet Le Pors trong *Marianne à l'encan* (1980) (30)... Chẳng hạn như chính trị gia Pháp, Alain de Benoist, một trong những lãnh tụ của Tân Hữu Phái Pháp, trong một tác phẩm viết vào năm 1981, nhận định: "Sự thực là có hai hình thức độc tài toàn trị y hệt như nhau. Cái trước ở phương Đông (ám chỉ Liên Sô), bỏ tù, hành hạ thể xác, nhưng còn có chỗ cho hy vọng. Cái kia, ở phương tây (ám chỉ Mỹ), đưa đến sự tạo ra những con người máy hạnh phúc (happy robots). Nó điều hòa không khí địa ngục và giết chết linh hồn" (31). Có thể xem đây là một trong những lập luận nền tảng của tư tưởng chống Mỹ trong hàng ngũ trí thức và chính trị gia Âu Châu.

Trong bài viết *Questions aux vrais maitres du monde* trước "Hội nghị quốc tế về Viện Bảo tàng truyền hình và truyền thanh" (MTR) ngày 11/10/1999, đăng lại trên tờ Le Monde (32), Pierre Bourdieu, một trong những trí thức hàng đầu của Pháp hiện nay, cho rằng Mỹ đang kiểm soát toàn bộ hệ thống truyền thông trên thế giới, đó không phải là một quyền năng chính trị hay kinh tế, mà là một thứ quyền năng biểu tượng (pouvoir symbolique), một thứ quyền hành tác động trực tiếp trên tinh thần và trí tưởng tượng của con người xuyên qua các sản phẩm văn hóa của nó: sách báo, truyền hình, phim ảnh... Quyền hành được củng cố, bành trướng xuyên qua thị trường tự do quốc tế. Chúng được thúc đẩy bởi lợi nhuận, không lưu tâm đến yếu tố văn hóa. Cái mà thế giới nhận được chỉ là thuộc loại chuyện trong nhà ngoài phố, loại phim ảnh dung tục, tầm thường đánh vào những ham muốn tầm thường của con người. Văn hóa thực sự là tác phẩm của những người nghệ sĩ xem khán giả/độc giả như những người kế thừa chứ không phải được đo lường bởi đám người chen chúc trong các rạp hát.

Hiện nay, Pháp dị ứng nhất với Mỹ về chủ nghĩa đa-văn hóa (multiculturalism), án tử hình và chính sách toàn cầu hóa.

- Đa văn hóa là một thách đố với một nước Pháp thế tục, cộng hòa và đồng hóa (assimilationist). Nếu áp dụng nó, nước Pháp sẽ bị chia cắt thành những "ghetto" chủng tộc, những cộng đồng cô lập, hoàn toàn trái với chủ trương cố hữu là một nước Pháp "duy nhất không thể phân chia" (one and indivisible).

- Kế đó là án tử hình. Với án tử hình đã bãi bỏ ở Pháp từ năm 1981, dư luận Pháp hết sức kinh

tởm khi thấy hàng ngàn người nằm chờ án tử hình trong các nhà tù Mỹ nhiều năm (death-row inmates) như Karla Tucker, Betty Beets, Gary Graham, Odell Barneo …Có người nằm chờ hành quyết ở *death-row* đến cả hai chục năm.

- Còn chủ trương toàn cầu hóa chính là Mỹ hóa. Vì với ưu thế của văn hóa phổ thông và thị trường tự do, đặc biệt là từ khi có mạng lưới điện toán toàn cầu, toàn cầu hóa, dưới con mắt của tầng lớp ưu tú Pháp, là "con ngựa thành Troie" (Trojan Horse) của Mỹ.

Tính thần chống Mỹ đôi lúc trở nên cuồng nhiệt đến nỗi có người mong muốn nước Mỹ thất bại về quân sự hay ngay cả mong muốn cho nước Mỹ sụp đổ toàn diện. Một ngày sau biến cố 9/11, nhật báo Le Monde cho chạy một bài xã luận do đích thân chủ bút Jean-Marie Colombani viết, có tựa đề là "Nous tous sommes américains" bày tỏ nỗi xúc động lớn lao trước một tai họa đổ xuống đất Mỹ, thì lập tức ngay sau đó, vô số người Pháp, cả độc giả lẫn những người viết báo, phản ứng mạnh mẽ vì cho rằng không có gì để phải than khóc cho nước Mỹ, nếu không bày tỏ nỗi hân hoan khi Mỹ phải chịu đựng một tai họa như thế. Mỹ xứng đáng nhận lãnh hậu quả. Không lâu sau đó, trong tác phẩm *All American? The World After September 11, 2001*, Colombani hoàn toàn đổi giọng, diễn tả Mỹ là một loại xí nghiệp Thiên Chúa Giáo cực đoan, các quan tòa của nó chỉ chăm chăm muốn kết án tử hình tội phạm, cảnh sát thì tàn bạo đối với người da đen, vân vân.

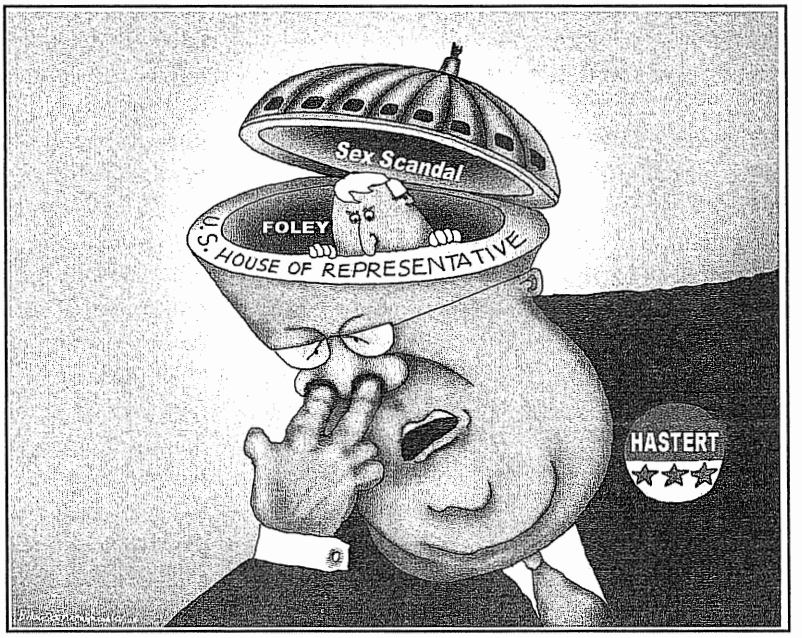

3. Một lý thuyết mới về Mỹ: đế quốc Mỹ sẽ sụp đổ

Khác hẳn với tất cả những nhận định trên, Emmanuel Todd, tiến sĩ sử học Pháp, đưa ra một cái nhìn khá mới mẻ - và khá thú vị - về Mỹ. Todd không bênh, không chống, mà là xem thường Mỹ qua một tác phẩm mới nhất có tựa đề là *After the Empire: The Breakdown of the American Order* (33). Là chuyên gia chuyên nghiên cứu về sự hưng thịnh và suy tàn của các dân tộc và văn hóa trong lịch sử một ngàn năm vừa qua, Todd bắt đầu nổi tiếng với tác phẩm *La chute finale: essais sur la décomposition de la sphère soviétique* xuất bản năm 1976, tiên đoán đế quốc Sô Viết sẽ sụp đổ, 15 năm trước khi điều đó trở thành sự thật.

Xuất hiện trong thời kỳ hiện tượng chống Mỹ lên cao tại Âu Châu, tác phẩm bán rất chạy ở Pháp và Đức. Lập luận của Todd có thể tóm tắt như sau:

- Sau gần hai thế kỷ thành lập, với nguồn tài nguyên thiên nhiên mới mẻ và dồi dào, với vốn liếng và lao động từ Âu Châu, Mỹ trở thành cường quốc trên thế giới, thay thế hẳn các nước châu Âu. Sau năm 1945, trong thời gian chiến tranh lạnh, dù phải đối đầu với khối Cộng Sản đang bành trướng mạnh, nhưng với lực lượng quân sự và tiềm lực kinh tế hùng mạnh cộng với lý tưởng dân chủ tự do, Mỹ kiểm soát phần còn lại của hành tinh với một quyền lực và ảnh hưởng ngang tầm với hai chữ "đế quốc." Trong giai đoạn này, do phải tranh giành ảnh hưởng với Liên Sô, Mỹ đóng vai trò của một kẻ cứu tinh hào hiệp, chuyên giúp đỡ các dân tộc khác thoát ách độc tài, thực dân và nghèo đói, một người xây dựng hòa bình.

- Sau khi Liên Sô sụp đổ, Mỹ trở thành siêu cường độc nhất, muốn kiểm soát toàn thế giới, bắt đầu lộ rõ ra tham vọng đế quốc của mình. Tuy nhiên, Mỹ không thể làm được điều đó một cách hiệu quả vì thế giới bây giờ quá đông đúc, quá rộng, quá văn minh và quá dân chủ.

- Trong vòng 20 năm vừa qua, Mỹ đứng giữa hai chọn lựa: quốc gia hay đế quốc. Về phương diện lịch sử, một đế quốc thực sự phải có hai đặc tính, đó là có đủ sức mạnh quân sự để duy trì quyền lực trên toàn lãnh thổ chiếm được và thu góp đủ tài nguyên để nuôi sống bộ máy trung ương và có chủ trương hòa đồng (universalism), nghĩa là cư xử với các dân tộc bị chinh phục y như những công dân bình thường. Hiện nay, Mỹ không có đủ điều kiện đó. Quân lực Mỹ quá lớn đối với một quốc gia, nhưng lại quá nhỏ nếu như muốn kiểm soát toàn thế giới, nhất là kiểm soát trung tâm hùng mạnh là Âu-Á (Eurasia). Vả lại, quân đội Mỹ có một sự yếu kém về cơ cấu vì từ khi thành lập: Mỹ chưa bao giờ thực sự đối đầu với một địch thủ ngang sức. Thêm vào đó, nuôi dưỡng ý đồ của một cuộc chiến tranh thắng mà không đổ máu (về phía Hoa Kỳ) cho thấy từ trong căn bản, quân đội đó là yếu kém. Thành thử, quân đội Mỹ không thể chiếm và giữ đất để xây dựng thành một thứ không gian đế quốc (imperial space) theo nghĩa truyền thống. Về phương diện ý thức hệ, sau chiến tranh lạnh, Mỹ càng lúc càng xa dần với chủ nghĩa hòa đồng. "Sự biến mất áp lực (của khối Cộng Sản) cho phép tâm thức Mỹ lấy lại sự cân bằng tự nhiên của nó" (34). Mỹ theo xu thế biệt lập (differencialism), chỉ chọn liên kết với một số đối tượng thích hợp. Bên trong thì liên kết dân da trắng, tách biệt khỏi dân da đen và dân gốc Tây Ban Nha và Thổ Dân; bên ngoài thì liên kết với dân Do Thái và tách biệt với dân Hồi giáo. Chế độ dân chủ của Mỹ suy đồi, vì sau quá trình phát triển ghê gớm, một giai cấp mới xuất hiện, gọi là *overclass* (siêu giai cấp) khoảng 20% dân số. Do sức mạnh kinh tế, giai cấp này đi đến chuyên quyền. Một điều trớ trêu xảy ra: trong khi cả thế giới đang tiến đến dân chủ thì Mỹ mất dần các đặc tính dân chủ. Do đó, Mỹ không còn hòa thuận với thế giới nữa. Todd nhận xét: Mỹ chẳng hề mất tất cả những đặc tính quốc gia của mình và sẽ thất bại như là một đế quốc (35).

- Về phương diện kinh tế, Mỹ chủ trương tự do kinh doanh. Chủ trương này lúc đầu có lợi cho Mỹ. Nhưng dần dần, do sự phát triển của các nước, do trình độ dân chúng nâng cao (có học), do cái "cầu" giảm xuống, Mỹ trở thành là một kẻ phàm ăn (36). Do thặng dư kinh doanh, đồng tiền thực sự bây giờ tích lũy ở Âu và Á châu trong lúc Mỹ trở thành một "kẻ ăn mày đáng sợ của hành tinh" (37). Mỹ càng ngày càng lệ thuộc vào các nước khác, cả về hàng hóa lẫn vốn liếng. Từ một nước sản xuất nhiều hơn tiêu thụ, Mỹ tiến dần đến chỗ tiêu thụ nhiều hơn sản xuất. Mỹ đang "trở thành trung tâm của một hệ thống trong đó công việc số một là tiêu thụ hơn là sản xuất." Do đó, ngân sách càng ngày càng thâm thủng. Hiện nay, cứ mỗi ngày, mức thâm thủng trung bình là một tỷ rưỡi đô la.

- Đã thế, vai trò "đế quốc" không phải là chọn lựa tự giác của Mỹ, mà lại là sản phẩm của tình thế: sự sụp đổ bất ngờ của khối Sô Viết. Nói khác đi, Mỹ không có một kế hoạch cụ thể nào trong vai trò đế quốc bỗng nhiên rơi vào tay mình.

- Rốt cuộc, sự lệ thuộc về kinh tế, sự bất toàn về quân sự, sự suy yếu về chủ nghĩa hòa đồng cộng với sự thụ động trước tình thế mới, góp phần ngăn cản Mỹ hình thành một cái nhìn bình đẳng, công chính và đầy trách nhiệm về thế giới. Mỹ không còn cách nào khác để xác định vai trò bằng cách cư xử sai trái với những nước nhỏ (38). Đây chính là cái lập luận ẩn dấu đằng sau các chính sách của Mỹ hiện nay. Todd gọi đó là một thứ "kịch bản đầy mê sảng của những xung đột hạng hai" (hysterical dramatization of second-order conflicts) (39). Sau biến cố 11/9, cuộc tấn Afghanistan và Iraq, đe dọa Bắc Triều Tiên, khiêu khích Trung Quốc là nằm trong kịch bản đó. Hành động đó được ông gọi là "theatrical micromilitarism" (chủ nghĩa tiểu quân phiệt có tính cách trình diễn). Nó chỉ có mục đích "trình diễn sự cần thiết của Mỹ trong thế giới bằng cách tiêu diệt những đối thủ yếu kém" (40). Đánh những kẻ yếu (nhất là các nước thiếu hẳn hệ thống phòng không hữu hiệu như Afghanistan và Iraq), Mỹ trở lại với đường lối quân sự truyền thống trước đây: đánh giết thổ dân. Chơi con bài chống-Á Rập là cách chơi dễ dàng nhất. "Không còn gì phải thắc mắc, đây là cách của Mỹ, cách chơi của một siêu cường, nhưng là một siêu cường vô quyền muốn duy trì sự kiểm soát của mình trong một thế giới quá lớn và quá đa dạng đối với nó" (41). Mỹ "trước đây được xem như là một kẻ tạo hòa bình, bây giờ trở thành kẻ gây rối" (42).

- Qua những nhận định trên, Todd kết luận: trước sau gì, "đế quốc" Mỹ cũng sẽ sụp đổ. Trong lúc đó, Nga sẽ trở lại sân khấu thế giới như là một cường quốc vì có một kho vũ khí không thua gì Mỹ, lại giàu tài nguyên và có tinh thần hòa đồng chủ nghĩa. Và quan trọng hơn, các nước Âu Châu và Nhật sẽ được giải phóng khỏi ảnh hưởng của Mỹ. Sau một thời gian dài bị Mỹ khống chế, Âu Châu bây giờ đã giàu có, thịnh vượng, không

còn muốn trở thành một thứ công dân hạng hai dưới mắt Mỹ.

Trong lời tựa viết cho dịch phẩm, Michael Lind cho rằng tác phẩm của Todd là một phê phán đầy cảm tình đối với Mỹ, chứ không phải là một trí thức theo xu hướng chống Mỹ (structural anti-Americanism), y như tác giả tự xác định lúc đầu.

Thực ra, theo tôi, nếu đọc kỹ, *After the Empire: The Breakdown of the American Order* cũng chỉ là một thứ HTCM cố hữu của tâm lý Pháp được ngụy trang. Trong phần 8, "The Emancipation of Europe", Todd – cũng như những tác giả khác – phân tích nhiều điểm khác nhau giữa hai xã hội, hai lối sống, hai nền văn minh, đồng thời vạch rõ lối sống Mỹ là đe dọa sự tồn tại của Âu Châu. "Con số và biến dạng của những khác biệt giữa người Âu và người Mỹ hầu như vô tận. Giữa những điều đó, một nhà nhân chủng học đã phải trình bày địa vị của người phụ nữ Mỹ – một khuôn mặt như bị thiến, đầy đe dọa hầu như làm bối rối đàn ông Âu Châu y như khuôn mặt đầy quyền lực của người đàn ông Á Rập làm bối rối người phụ nữ Âu Châu vậy" (43). Quan niệm cho rằng Nga và các nước Âu Châu khác sẽ vượt Mỹ rõ ràng chứa đựng một thứ "mặc cảm Châu Âu" hay nói cho rõ ra "mặc cảm Pháp" vừa tự ti vừa tự tôn đối với Mỹ. Điều khá lạ lùng là Todd không mấy quan tâm đến Trung Quốc và Ấn Độ, những nước mà trong thời gian vừa qua, chứng tỏ họ có đủ tiềm năng để thách thức đế quốc Mỹ hơn Âu Châu rất nhiều.

HTCM, nói chung, đối với người Pháp, che giấu một tâm lý đặc thù khác: tâm lý bài Anh (Anglophobia). HTCM là sự nối dài được tăng thêm cường độ của Hiện Tượng Chống Anh. Hiện tượng chống Anh là thiên hướng của tầng lớp ưu tú Pháp trong các thế kỷ trước, kể từ khi Anh thay thế Hòa Lan như là cường quốc Châu Âu vào cuối thế kỷ 17. Hình ảnh của một nước Anh tàn bạo, man dã, bội bạc và tài phiệt mà Jacobin thời cách mạng Pháp và Napoléon tiếp theo đó tuyên truyền chống Anh, không khác gì mấy với hình ảnh của nước Mỹ mà người Pháp vẽ ra ngày nay. Những sỉ nhục và cản trở mà Pháp chịu đựng từ Mỹ hôm nay có phần tệ hơn vì chúng gợi nên những vết thương cũ mà Anh gây ra cho Pháp vào hai thế kỷ 18 và 19. Anh là một phủ định của Pháp. Lúc đầu, khi cảm hứng bởi cách mạng Mỹ để thực hiện cuộc cách mạng 1789, Pháp hy vọng rằng một khi giành được độc lập từ Anh rồi, Mỹ sẽ cùng với Pháp đứng chung một chiến tuyến chống Anh. Thế nhưng, Mỹ theo chân Anh, vẫn không xem Pháp là đồng minh. Đã thế, với chủ nghĩa Monroe, Pháp hoàn toàn bị đẩy ra ngoài. "Tôi không tìm thấy một người Anh nào lại không cảm thấy thân tình với người Mỹ và không một người Pháp nào lại không cảm thấy mình là một người xa lạ giữa những người Mỹ", Talleyrand (44) chua chát nhận định. Mỹ, rốt cuộc, là một phủ định khác của Pháp!

(Còn tiếp)

Chú thích

(23) Những ý tưởng của Heidegger lấy từ Martin Heidgger, An Introduction to Metaphysics (các trang từ 45 đến 50); Denis Lacorne, Anti-Americanism and Americanophobia: A French Perspective *và James W. Ceaser,* A genealogy of anti-Americanism.

(24) In America and in Russia this development grew into a boundless etcetera of indifference and always-the-same – so much so that the quantity took on a quality of its own (Heidegger, sđd, tr. 46)

(25) Jean-Francoise Revel, Anti-Americanism, *tr. 77*

(26) Bricolage: something made or put together using whatever materials happen to be available.

(27) Xem Denis Lacorne, Anti-Americanism and Americanophobia: A French Perspective.

(28) Robert Aron và Arnaud Dandieu, Décadence de la nation francaise, *Paris Rieder, 1931, trang 107, 108, dẫn theo Denis Lacorne, bđd.*

(29) Nhóm "Esprit" do Robert Aron và Arnaud Dandieu thành lập năm 1930, xuất bản tờ tạp chí "Ordre nouveau" đặt lại vấn đề về nền văn minh Tây Phương.

(30) Xem Tony Judt, Past Imperfect: French Intellectuals, 1944-1956, *Berkeley, University of California Press, 1994 (Dẫn theo Denis Lacorne, bđd).*

(31) Dẫn theo Denis Lacorne, bđd.

(32) Pierre Bourdieu, Questions aux vrais maitres du monde

(33) Emmanuel Todd, After the Empire: The Breakdown of the American Order.

(34) Emmanuel Todd, sđd , tr. 109

(35) The country has by no means lost all of its national characteristics, and it will fail as an empire (Emmanuel Todd, sđd tr. 74).

(36) Nguyên văn: heavy consummer.

(37) Nguyên văn: the planet's glorious beggar (Emmanuel Todd, sđd tr. 58).

(38) Nguyên văn: minor powers.

(39) Emmanuel Todd , sđd, tr. 132.

(40) Emmanuel Todd , sđd, tr. 134.

(41) Emmanuel Todd , sđd, tr. 143-144.

(42) Formerly perceived as a peacemaker, America become a troublemaker (Emmanuel Todd , sđd, tr. 169-170).

(43) Emmanuel Todd , sđd, tr. 176.

(44) Charles Maurice de Talleyrand-Périgord (1754-1838) là nhà ngoại giao nổi tiếng Pháp trải qua 5 triều đại: vua Louis XVI, Cách Mạng Tư Sản, Napoleon đệ I, Louis XVIII và Louis-Philippe.

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU
GIỮA NHIỆM-KỲ BUSH 2: TRƯỚC BẦU-CỬ

CỔ-LŨY

Cho đến nay, sáu năm với chính-quyền George W. Bush giới quan-sát chính-trị như đã đồng ý về một số điểm quan-trọng. Nhân kỳ bầu-cử mang nhiều tính-cách quyết-định (xin xem bài Bầu-Cử Giữa Nhiệm-Kỳ Bush II, Thế-Kỷ 21 tháng Sáu và Bầu-Cử Sơ-Bộ, Thế-Kỷ 21 tháng Bẩy, 2006, cùng người viết) ngày 7 tháng Mười-một sắp tới, nhiều nhận xét hướng về bầu-cử, tranh-cử cho thấy một nhược-điểm trong công-thức-tranh-cử của đảng Cộng-hòa dưới sự lãnh-đạo của tổng thống Bush. Cái nguy-hiểm lớn nhất trong chiến-lược chính-trị của ông Bush là nó luôn luôn đặt tổng-thống vào vị-thế không thể nào có chỗ cho những sai-lầm ("margin for error").

Ngay từ khi bắt đầu nhiệm-kỳ đầu đầu thập-niên 2000, tổng-thống đã chọn-lựa chia-rẽ để sách-động giới bảo-thủ trung-kiên nhằm lấy phiếu của họ qua những kế-hoạch như cắt giảm thuế-má, bổ-nhiệm quan tòa liên-bang và đơn-phương biểu-dương sức mạnh của Hoa-Kỳ ở khắp nơi—và không cần đếm-xỉa đến phe đối-lập Dân-chủ cũng như cử-tri độc-lập không thuộc một trong hai đảng chính. Chiến-lược này dựa trên tính-toán rằng nếu ông Bush thuyết-phục được đủ cử-tri Cộng-hòa và độc-lập —nhưng ngả về bảo-thủ— đi bầu ông có thể bạt thắng những khó chịu của cử-tri độc-lập ôn-hòa và cử-tri Dân-chủ kịch-liệt chống đối ông. Nói chung chiến-lược này giúp ông Bush và đảng Cộng-hòa thắng-lợi trong hai kỳ bầu cử lớn 2002 và 2004 —những thắng-lợi với một tỉ-số chênh-lệch rất nhỏ nhưng bền-chắc.

Những chiến-lược cũng cho thấy, trong những giây phút huy-hoàng nhất của chính-quyền vẫn có gần một nửa dân-chúng trong nước chống đối ông và chiều-hướng chính-quyền đi đến. Đây cũng có nghĩa là những lúc "xấu trời" cái "margin of error" của tổng-thống thu lại rất hẹp. Một loạt những ngày "xấu trời" phủ lên nhiệm-kỳ hai của tổng thống: phản-ứng chậm-trễ, lúng-túng lúc thiên-tai Katrina ở hai tiểu-bang Louisiana và Mississippi, tính-toán trong vụ Terri Schiavo ở Florida, thất-bại trong việc cải-tổ An-ninh Xã-hội, những xì-căng-đan kéo dài, và những bạo-hành cùng thất-bại ở Iraq không biết bao giờ mới chấm dứt. Từ giữa năm 2005, mức ủng-hộ ông Bush ít khi lên đến 45 phần trăm, và hiện nay qua phần lớn các thăm-dò dư-luận nằm dưới mức 40 phần trăm.

Những bất-mãn với thành-tích và quyết-định của tổng-thống, nhất là về Iraq, là yếu-tố lớn nhất đe-dọa đa-số Cộng-hòa tại hai viện trong Quốc-hội - đủ để đánh bạt đi nhiều tin-tức phấn-khởi về kinh-tế (giá dầu-khí đi xuống và thị-trường chứng-khoán đi lên rõ-rệt) . Cái nguy-hiểm rõ-rệt cho phe Cộng-hòa qua các thăm-dò dư-luận gần bầu-cử nhất là mức ủng-hộ ông Bush chỉ còn 39 phần trăm so với 53 phần trăm phản-đối. Giữa những cử-tri độc-lập hai-phần-ba phản-đối so với một-phần-ba ủng-hộ ông Bush. Ở những tiểu-bang bảo-thủ phe Cộng-hòa phải đương-đầu với hai thử-thách: những mâu-thuẫn giữa ông Bush với một số lãnh-tụ bảo-thủ cũng như xì-căng-đan tình-dục gần đây có thể làm giảm bớt số cử-tri Cộng-hòa đi bầu; và, ý muốn thay đổi nói chung, ngay cả trong số người thiên Cộng-hòa.

Nói chung phe Dân-chủ cần mười lăm ghế trong hạ viện và sáu ghế trong thượng viện để chiếm lại đa số.

Lại một lần nữa tổng-thống lên tiếng nhấn mạnh những khác-biệt gay-gắt giữa hai đảng về thuế-má và an-ninh quốc-gia, với hy-vọng khích-động người bảo-thủ đi bầu để tránh "trận hồng-thuỷ" ngày Bẩy tháng Mười-một. Ông và những cố-vấn thân cận nhất vẫn không thay đổi chiến lược chia rẽ để chiếm phần thắng dù là với một tỉ-số.

Theo chiều-hướng trên bài sau đây đưa ra những cái nhìn của giới quan-sát và phân-tích chính-trị chuyên môn.

CỔ-LŨY

Chưa đầy ba tuần lễ trước bầu cử Quốc-hội giữa nhiệm kỳ hai của tổng thống George W. Bush—một bầu cử với hệ quả lớn lao cho hai năm chót của tổng thống, cũng như tương lai nhìn theo chiều xa đến việc chọn lựa tổng thống mới năm 2008—nhiều tin không lành đã xảy đến cho Quốc-hội với đa số người Cộng-hòa cùng đảng với tổng thống, cũng như tình hình an ninh và kinh tế nói chung.

I. NHỮNG XÌ-CĂNG-ĐAN CHỒNG CHẤT

Ở đơn vị bầu cử dân biểu hạ viện 16 thuộc tiểu bang Florida, một thành trì bền vững của đảng Cộng-hòa, giới lãnh đạo đảng như không mấy yên tâm với cuộc bầu cử ngày Bẩy tháng Mười một sắp tới. Dân biểu lâu đời thuộc đơn vị này, ông Mark Foley, đã bất thình lình từ chức gần cuối tháng Chín sau khi hệ thống truyền hình toàn quốc ABC và giới truyền thông nói chung đưa ra tin ông từng gửi những điện thư "nóng bỏng" cho những người trước kia được chọn làm tập sự trong quốc hội ("page," thường là học sinh lớp Mười một vừa đi học vừa "chạy việc" trong hạ viện).

A. Xì-căng-đan Foley đi lên cao

Ông Foley từ chức cuối tháng Chín, sau khi danh sách ứng viên đã hoàn tất và phiếu dành cho người bỏ phiếu khiếm diện đã được gửi đi. Ứng viên được vội vàng chọn thay chỗ cho ông Foley là Joe Negron nói, "Một lá phiếu cho Foley là một lá phiếu cho Negron." Đây là thông điệp mang những trấn an cần thiết ở một đơn vị bầu cử từng liên tục bầu cho phe Cộng-hòa trong suốt một phần tư thế kỷ qua. Nhưng cũng có lo sợ xì-căng-đan này sẽ khiến nhiều người trong số cử tri Cộng-hòa rộng lớn (tới bẩy-mươi phần trăm) chán nản và không chịu đi bầu, trong khi đó cử tri phe Dân-chủ như có vẻ hồ hởi tham gia đi bầu nhiều hơn thường lệ. Trong các đơn vị bầu cử từng ngả về phía Cộng-hòa, cử tri tỏ thái độ ghê tởm về hành động có vẻ như phản bội của ông Foley. Nhưng những cử tri trung kiên trách cứ cá nhân ông Foley, chứ không phải đảng Cộng-hòa. Nhiều người đầy kinh nghiệm trong giới quan sát chính trị không thể dự đoán kết quả bầu cử sẽ ra sao.

Tuy nhiên, nói chung giới báo chí truyền thông đưa ra những yếu tố bất lợi cho đảng Cộng-hòa đa số, đang cầm quyền và có thế lực lớn ở cả ngành tư pháp lẫn lập pháp (phe Dân-chủ ở thế thiểu số rõ rệt từng nhắc nhở cử tri về chính quyền "độc đảng" để kiếm lợi thế). Đi cùng tỉ số dân chúng hài lòng với "thành công" của tổng thống về nhiều mặt mỗi ngày một thấp, với dư luận chung bất mãn về tiến triển trong cuộc chiến ở Iraq, và thất bại của quốc hội với đa số Cộng-hòa không nhúc nhích giải quyết vấn đề cấp bách như An-sinh Xã-hội di dân và hối mại quyền thế (bị xem là một Quốc-hội "ngồi chơi xơi nước," do-nothing Congress), với những xì-căng-đan bị phanh phui lần hồi, nhiều ứng viên Cộng-hòa tưởng như nắm chắc phần thắng đã phải lo lắng chật vật nhiều.

Ứng viên Negron nói trên xem ứng viên Dân-chủ đối nghịch Tim Mahoney "chỉ có thể thắng được nếu ông tranh cử đối đầu với Mark Foley." Chủ tịch đảng Dân-chủ ở Florida, ông Mark Bubriski trả lời, "Đây không phải chuyện một con sâu làm rầu nồi canh, và người đi bầu thấy rõ điều này." Trước khi ông Foley từ chức phe Cộng-hòa chiếm mười-tám ghế dân biểu trên số hai-mươi-lăm dân biểu Florida. Giới quan sát chính trị nay nghĩ rằng phe Dân-chủ có thể lấy được năm ghế, đủ để giúp phe này lấy lại thế đa số trong hạ viện cùng với những thắng lợi ở các tiểu bang khác. Ông Brian Smoot, một nhà vận động bầu cử Dân-chủ nói cử tri trung bình đều biết chuyện ông Foley và chiến tranh Iraq không đi đến đâu. Nhưng chính việc giới lãnh đạo hạ viện không ra tay đối phó với ông Foley dù đã biết chuyện gì xảy ra đã "cô đọng suy nghĩ của dân chúng rằng, đây không chỉ là một Quốc-hội ngồi chơi xơi nước mà còn là một Quốc-hội đầy những xì-căng-đan và chỉ biết chơi trò chính trị hơn là đối phó với những vấn đề quan trọng," theo lời ông Smoot.

Đây có vẻ đúng phần nào khi cử tri đang chăm chú theo dõi phản ứng của Chủ tịch Hạ-viện Dennis Hastert, cũng là nhân vật Cộng-hòa lâu đời nhất trong quốc hội. Ông Hastert đang cố gắng chống chỏi những buộc tội rằng ở chức vụ uy quyền nhất, và ở vị trí phải ra tay hành động đúng đắn, ông đã không làm tròn nhiệm vụ, và chuyện này xảy ra khá lờ mờ. Giữa tháng Mười, tổng thống Bush đã lên tiếng và xuất hiện ủng hộ ông Haster ở một cuộc vận động gây quĩ cho đảng; nhiều ứng viên Cộng-hòa, nhất là những ứng viên có triển vọng không rõ ràng, lại cố tránh xa ông Hastert cho bằng được. Tổng thống và giới lãnh đạo đảng hy vọng chuyển chú mục của cử tri vào những vấn đề liên quan đến an ninh quốc gia, một đề tài từng giúp đảng rất nhiều trong hai kỳ bầu cử 2002 và 2004. Nhưng xì-

cang-đan Foley tiếp tục trấn át những tin tức khác.

Một ngày trước đó những nhân chứng bắt đầu ra trước Ủy-ban Đạo-đức hạ viện để điều trần, trong đó phải kể chánh văn phòng đã làm việc cho ông Foley hơn mười năm, ông Kirk Fordham, hơn hai năm trước đây đã than phiền với văn phòng chủ tịch hạ viện về những hành động có thể vi phạm đạo đức và nghề nghiệp của ông Foley. Những than phiền này đã được chuyển đến văn phòng chủ tịch một thời gian lâu hơn hẳn thời gian mà ông Hastert nhận là có biết về than phiền. Ông Hastert đã lên tiếng rằng nhân viên văn phòng ông có biết những vấn đề liên quan đến ông Foley mùa thu năm qua; một phụ tá cao cấp Cộng-hòa trong quốc hội lại xác nhận ông đã cảnh cáo văn phòng ông Hastert hơn hai năm trước về những liên hệ không đứng đắn giữa ông Foley và các người tập sự vị thành niên thuộc phái nam trong quốc hội.

Ông Fordham đã chuyển qua làm phụ tá cho dân biểu Thomas Reynolds (Cộng-hòa, Nữu-Ước), chủ tịch Ủy-ban Tranh-cử Cộng-hòa và cũng thuộc nhóm lãnh đạo cao cấp trong đảng, từ năm 2005. Liên hệ cũ giữa ông Fordham với ông Foley và ông Reynolds, cùng giới lãnh đạo Cộng-hòa cao cấp hiện nay đưa ra nghi vấn giới này đã biết nhiều về ông Foley qua ông Fordham hơn là họ đã tiết lộ. Văn phòng chủ tịch đã không có quyết định mạnh nào hết, và do đó giới truyền thông cũng như phe Dân-chủ nghi ngờ ông Hastert cùng nhiều lãnh tụ Cộng-hòa trong quốc hội đã biết chuyện ông Foley từ lâu, nhưng cố ý "lờ" và dìm (cover up) chuyện này đi. Ứng viên Dân-chủ Tessa Hafen, tiểu bang Nevada, buộc tội ứng viên Cộng-hòa đang tại chức Jon Porter từng nhận "hàng ngàn đô-la đóng góp từ... giới lãnh đạo [Cộng-hòa] đang cố che giấu những hành động sách nhiễu tình dục[kiểu đồng tính luyến ái]của Mark Foley." Giới lãnh đạo Cộng-hòa cao cấp như John Boehner (lãnh tụ đa số hạ viện), John Shimkus (chủ tịch ủy ban các học sinh tập sự ở hạ viện) và Thomas Reynolds đều đổ trách nhiệm cho ông Hastert đã được báo cáo mà không ra tay thi hành biện pháp kỷ luật.

Với chiều hướng bất lợi này, giới lãnh đạo đảng Cộng-hòa phải đặt câu hỏi có lẽ phải có biện pháp kỷ luật đối với những người liên hệ để thuyết phục cử tri rằng đảng xem hành động của ông Foley không phải là chuyện thông thường. Họ lo sợ xì-căng-đan có thể gây thất vọng trong giới cử tri Cộng-hòa khiến đảng viên không muốn đi bầu, và về lâu dài làm mất uy tín đảng như một tổ chức từng kêu gào bảo vệ luân lý đạo đức trong xã hội cùng sự quan trọng của gia đình, với hậu thuẫn rộng lớn trong dân chúng. Nhật báo bảo thủ hàng đầu, tờ *Wall Street Journal,* đưa ra nhận định về hai vấn đề chính có thể gây nguy hại cho phe đa số Cộng-hòa trong bầu cử sắp tới: vụ Foley-Hastert và chiến tranh ở Iraq. Tờ này cũng cho thấy số người ủng hộ tổng thống Bush lại đi xuống dưới mức bốn-mươi phần trăm (sau khi đã nhích lên đôi chút sau kỷ niệm năm năm vụ 11 tháng Chín và Cuộc chiến chống Khủng-bố Toàn-cầu, G-WOT).

Nhật báo còn bảo thủ gấp bội, tờ *Washington Times*, lại huych toẹt nhấn mạnh ông Hastert phải từ chức nhận lỗi. Ông Fordham cũng từ chức phụ tá cho dân biểu Reynolds; ông cho biết đã từng nói chuyện với giới chức Cộng-hòa cao cấp nhất và yêu cầu họ can thiệp về vụ Foley —trong đó phải kể thêm ông Scott Palmer, chánh văn phòng của ông Haster hơn hai mươi năm và được xem là một trong những nhân vật Cộng-hòa có ảnh hưởng lớn lao nhất ở Hoa-Thịnh-Đốn. Ông Palmer phủ nhận điều này, nhưng ông Fordham biết ông Palmer có gặp ông Foley sau khi nói chuyện với ông Fordham. Một chiến lược gia Cộng-hòa quan trọng cho biết những điều trần của ông Fordham có thể đẩy ông Hastert ra khỏi chức chủ tịch quốc hội, chức vụ ông từng nắm từ năm 1999 (một năm trước khi ông Bush đắc cử tổng thống) với thế lực như một đồng minh mạnh nhất của tổng thống Bush.

Cùng giữa tháng Mười, hãng thông tấn Associated Press (AP) cho biết dân biểu mười nhiệm kỳ Curt Weldon (Cộng-hòa, Pennsylvania) bắt đầu bị FBI điều tra vì nghi ngờ ông dùng ảnh hưởng chức vụ phó chủ tịch Ủy-ban Quân-lực hạ viện để lấy giao kèo lốp-bi cho con gái của ông. Cô Karen Weldon tuổi rất trẻ và không có mấy kinh nghiệm về lốp-bi là một trong hai người cầm đầu công ty lốp-bi Solutions North America có giao kèo một triệu đô-la với hai công ty Nga và hai anh em người Serbia có liên hệ với nguyên tổng thống Serbia là Slobodan Milosevic từng bị buộc tội diệt chủng (genocide) ở Đông Âu. Ông Weldon —hiện đang phải chật vật đối đầu với ứng viên Dân-chủ Joe Sestak— nói tin tức báo chí về xì-căng-đan rất là "lỏng lẻo."

Những xì-căng-đan liên hệ đến giới lốp-bi và phe đa số Cộng-hòa cầm quyền có vẻ xảy ra liên tục. Với con số người làm lốp-bi chính thức gia tăng gấp bội trong sáu năm của chính quyền Bush, giới truyền thông cho thấy hiện nay tính

đổ đồng mỗi nhân vật dân cử (hạn chế ở mức dân biểu và nghị sĩ) có tới gần bẩy chục người làm lốp-bi vây quanh sẵn sàng làm việc. Với ngân sách chiến tranh Iraq và A-Phú-Hãn đi gần đến 450 tỉ và ngân sách an ninh quốc gia hàng trăm tỉ đô-la nữa, cơ hội "làm việc" xem ra không "lỏng lẻo" lắm.

B. Chuyện dài Abramoff cũng đi lên cao

Cũng giữa tháng Mười, dân biểu Bob Ney (Cộng-hòa, Ohio) chịu tội nhận hối lộ từ tay "trùm lốp-bi" Jack Abramoff (xin xem hai bài *Hối-Mại Quyền-Thế Kiểu Mỹ*, Thế-Kỷ 21 tháng Mười-một 2005 và tháng Năm 2006, cùng người viết) qua đợt điều tra của quốc hội và bộ tư pháp về hối mại quyền thế tiếp tục làm rung chuyển khối Cộng-hòa trong quốc hội và tòa Nhà Trắng.

Trước tòa ông Ney nhận tội âm mưu và khai gian. Trước đây một tháng ông đã thú nhận từng "ăn bẩn" cả chục ngàn đô-la cùng ăn chơi ở các sòng bài ở Luân-Đôn cũng như chơi golf ở bãi chơi nổi tiếng Saint Andrews, Tô-Cách-Lan, với Abramoff sau khi ông đã "làm ơn" cho Abramoff và một tay doanh thương gốc Syria với biệt danh "Ông Mập." Ông Ney không ra ứng cử trong kỳ bầu cử sắp tới và có lẽ sẽ bị trục xuất khỏi quốc hội sau bầu cử. Oái oăm thay ông Ney đại diện cho đơn vị bầu cử từng được đại diện bởi ông Wayne Hays, chủ tịch một ủy ban cao cấp trong hạ viện đã phải từ chức năm 1976 vì liên hệ tình dục với cô "thư ký" Elizabeth Ray không hề biết đánh máy và giữ giấy tờ sổ sách. Tòa Nhà Trắng muốn giữ khoảng cách an toàn với ông Ney; phát ngôn viên của tổng thống nói, "Những gì ông Ney vi phạm không phải là một phản ánh [tiêu cực] về đảng Cộng-hòa, đây là một phản ánh về ông Ney mà thôi." Nhưng phát ngôn viên Tony Snow có lẽ đã phát ngôn hơi vội vàng.

Một ngày sau khi ông Ney nhận tội, báo chí truyền thông lại ồn ào về liên hệ mật thiết giữa Abramoff và tòa Nhà Trắng. Nguyên năm năm trước đây ông Allen Stayman bị mất chức vụ cao cấp ở bộ ngoại giao; ông đang chuẩn bị những thay đổi về luật lệ lao động có lợi cho những người làm công ở vùng quần đảo Bắc Mariana thuộc Hoa-Kỳ. Chính quyền ở đây là "khách hàng" của Abramoff và không muốn ông Stayman thay đổi gì hết. Abramoff liên lạc với ông Ken Mehlman lúc đó là giám đốc chính trị tòa Nhà Trắng (và hiện nắm chức vụ đầy uy quyền là chủ tịch Ủy-ban Lãnh-đạo đảng Cộng-hòa Toàn-quốc, National Republican Committee). Điện thư trao đổi giữa đôi bên (do Ủy-ban Cải-tổ Chính-quyền, Government Reform Committee, GRC, thuộc hạ viện thu được) cho biết ông Mehlman sẽ cách chức ông Stayman dù viên chức cao cấp trong bộ ngoại giao muốn giữ ông này lại.

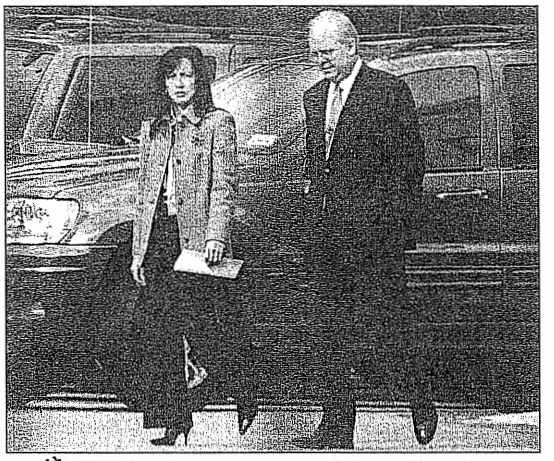

NGƯỜI TRUNG-GIAN? Bà Susan Ralston làm việc cho ông Carl Rove (trong ảnh, cố-vấn thân-tín nhất của tổng-thống) đồng thời liên-hệ với "trùm lốp-bi" Jack Abramoff (đang bị án tù).

Sự việc trên cho thấy hơn hai năm sau khi xì-cang-đan Abramoff bị đưa ra ánh sáng dân chúng vẫn chưa biết hết mức ảnh hưởng bao trùm của tay lốp-bi này trên quốc hội với đa số Cộng-hòa và tòa Nhà Trắng —dù trước đây tòa Nhà Trắng từng chối là không có liên hệ gì với Abramoff. Ủy ban GRC cũng báo cáo Abramoff trực tiếp tham dự vào việc bổ nhiệm các chức vụ trong chính quyền, ảnh hưởng những quyết định về chính sách và lấy được sự ủng hộ của tòa Nhà Trắng cho những ứng viên chính trị —tất cả những điều này đều là cho quyền lợi các "khách hàng" của Abramoff. Báo cáo liệt ra hơn bốn trăm lần liên hệ giữa tòa Nhà Trắng và đội lốp-bi của Abramoff, trong đó phải kể trường hợp đội lốp-bi lấy được hơn mười-sáu triệu đô-la cho khách hàng của Abramoff xây một nhà tù mà chuyên viên chính phủ xem là không cần thiết. Ông Mehlman cũng giúp Abramoff lấy được ủng hộ của tòa Nhà Trắng cho một ứng viên thống đốc Cộng-hòa đảo Guam thuộc Hoa-Kỳ.

Ông Mehlman, một luật sư tốt nghiệp viện đại học tư danh tiếng Harvard, từng có công xây dựng phong trào vận động người Cộng-hòa triệt để tham gia bầu cử, và là người điều khiển chiến dịch tái tranh cử của tổng thống Bush năm 2004. Ông đã rời tòa Nhà Trắng năm 2003 nhưng vẫn hoạt động chính trị mạnh mẽ, và từ năm 2005 nắm chức vụ chủ tịch Ủy-ban Lãnh-đạo đảng

Cộng-hòa Toàn-quốc. Ông cho biết không nhớ rõ chi tiết những liên hệ với Abramoff, nhưng cũng xác nhận những liên hệ đều là công việc của ông trong vai trò giám đốc chính trị tòa Nhà Trắng. Phe Dân-chủ nhấn mạnh ông Mehlman đã vi phạm đạo đức nghề nghiệp và pháp luật khi ông là giám đốc chính trị cho tòa Nhà Trắng đồng thời lốp-bi chính quyền cho Abramoff và hưởng những quyền lợi từ Abramoff mà không báo cáo .

Đầu năm nay Abramoff nhận tội hối lộ nhiều nhân vật Cộng-hòa cao cấp và quốc hội, kể cả liên hệ với dân biểu Tom DeLay (Cộng-hòa, Texas) xem như người có quyền hành thứ ba trong nước và đã từ chức cũng như bỏ tranh cử.

Trong số hơn bốn trăm lần liên hệ lốp-bi với tòa Nhà Trắng, ngoài ông Mehlman ra chắc chắn nhiều xì-căng-đan sẽ được lần lần phanh phui. Mới đây tên tuổi ông Karl Rove, cố vấn quyền hành và thân tín nhất của ông Bush, đã như dính liền với nỗ lực ảnh hưởng lớn lao của Abramoff vào tòa Nhà Trắng: bà Susan Ralston, phụ tá hành chánh cao cấp nhất của ông Rove, đã bất thình lình từ bỏ chức vụ quan trọng này. Nguyên trước đây bà là phụ tá thân tín của Abramoff, và rồi ở vị trí quan trọng trong tòa Nhà Trắng vẫn tiếp tục giúp đỡ Abramoff. Giới truyền thông vẫn chưa rõ làm sao Abramoff "gài" bà vào làm phụ tá cao cấp hàng đầu cho ông Rove trong tòa Nhà Trắng; hẳn ông Rove biết bà từng là phụ tá thân tín của Abramoff. Theo các điện thư trao đổi giữa hai bên mà hạ viện có được, bà Ralston giúp Abramoff và những người làm việc cho ông gặp gỡ, đi lại với ông Rove và cung cấp cho họ tin tức bên trong về những bổ nhiệm của tổng thống, những quyết định cao cấp về các giao kèo làm ăn hàng tỉ đô-la ở Iraq qua bộ An-ninh Quốc-gia (Department of Homeland Security). Điện thư cũng cho thấy bà đã nhiều lần đòi Abramoff dàn xếp cơ hội giải trí đắt tiền cho nhiều nhân vật chính quyền cao cấp, kể cả ông Rove và ông Mehlman nữa.

II. IRAQ: MỐI OAN KHIÊN KHÓ DỨT

Cuộc chiến của chính quyền Bush ở Iraq — như đã được người viết xác nhận nhiều lần qua loạt bài về Iraq trên *Thế-Kỷ 21* từ đầu năm 2003— đã rất nhanh chóng biến từ một lợi điểm cho chính quyền (gắn chặt nó vào cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu, G-WOT, như một bằng chứng thành công) đến một nhược điểm quân sự và chính trị lớn lao (như một thất bại ê chề không muốn nhắc nhở tới mà chính quyền muốn tách biệt hẳn với G-WOT)), và nay như mối oan khiên chính quyền không dứt bỏ được.

Giữa tháng Mười, báo cáo của chuyên san y khoa đầy thẩm quyền ở Anh, tờ *The Lancet*, cho biết trong vòng ba năm rưỡi qua sáu trăm ngàn người dân Iraq đã thiệt mạng vì những bạo hành ở đây. Tờ này cũng đã báo cáo hơn một trăm ngàn người Iraq đã thiệt mạng trong khoảng hơn một năm sau khi cuộc chiến bắt đầu tháng Ba năm 2003. Báo cáo từ tờ *The Lancet* dựa trên những nghiên cứu tại chỗ đáng tin cậy của ba viện đại học uy tín: Johns Hopkins (với trường y khoa và trường cao đẳng về bang giao quốc tế hàng đầu thế giới), Massachusetts Institute of Technology (MIT, viện đại học về kỹ thuật hàng nhất nhì ở Hoa-Kỳ và thế giới), và viện đại học Al Mustansiriya ở thủ đô Baghdad. Tổng thư ký Liên Hiệp quốc Kofi Annan cho biết mỗi ngày số thương vong ở Iraq lên đến một trăm người khoảng nửa năm nay; thủ tướng Iraq Nuri al-Maliki (cầm quyền cũng khoảng nửa năm nay) xác nhận con số này là đúng. Tổng thống Bush mới đây vừa đặt con số người thiệt mạng khoảng ba-mươi ngàn người; ông cũng nói con số tờ *The Lancet* đưa ra là nhằm gây bất lợi cho đảng Cộng-hòa trong bầu cử sắp tới.

Số binh sĩ Mỹ thiệt mạng ở Iraq đã lên hơn hai ngàn tám trăm người; đồng thời mặt trận ở A-Phú-Hãn (Afghanistan) sau năm năm đang có nguy cơ biến thành một Iraq thứ nhì với số thương vong Mỹ và đồng minh lên cao đều đặn hàng ngày, và quân kháng chiến Taliban trở lại như mạnh mẽ hơn trước đây —cùng với mức sản xuất thuốc phiện và heroin gia tăng hơn bao giờ hết. Một thăm dò dư luận đáng tin cậy cho thấy hơn tám mươi phần trăm dân chúng Iraq nghĩ rằng dùng bạo hành tấn công quân lực Mỹ ở đây là điều có thể chấp nhận được.

Cũng giữa tháng Mười, tuần san phổ thông *Newsweek* đưa câu hỏi về chiến tranh Iraq; tám-mươi-lăm phần trăm độc giả trả lời cho biết cuộc chiến sẽ ảnh hưởng vào chọn lựa của họ trong bầu cử sắp tới. Đây chưa kể đến những ảnh hưởng tiêu cực vào chính trị và xã hội Mỹ đã được người viết nhắc tới nhiều lần trước đây.

A. Mặt trận không có "tin vui"

Từ khi chính quyền Bush xua quân vũ bão tiến chiếm Iraq, lật đổ lãnh tụ độc tài Sadam Hussein (vì ông có "vũ khí có tầm sát hại lớn," WMD, và "liên hệ với khủng bố," để "nhằm xây

dựng dân chủ làm gương sáng cho cả nguyên vùng 'Trung Đông' noi theo" —ba lý do chính quyền đưa ra lấy cớ đi vào Iraq, và đã bị giới truyền thông và thượng viện Mỹ chứng minh là hoàn toàn bịa đặt), cứ vài tháng hoặc nửa năm chính quyền lại tung ra một hai "tin vui" về chiến trường này (những "khúc ngoặt" đáng mừng, "turning the corner," mà nhiều nhà hí họa chính trị nói "turning the corner" nhiều quá hóa ra đi lại từ đầu, giậm chân tại chỗ hoặc tệ hơn nữa). Những "tin vui" này rất nhanh chóng và lần lượt bị thay thế hoặc bị mờ nhạt đi bởi những khó khăn, thất bại quân sự, kinh tế lẫn chính trị —những khó khăn hầu như không có cách gì giải quyết nổi, hoặc nói cách khác là sa lầy chính trị lẫn quân sự.

GIẾT-CHÓC VÀ TANG-THƯƠNG Ở IRAQ: Bưng quan-tài vào đền thờ cũng bị khám-xét nghiêm ngặt.

Trong khi đó bạo hành gia tăng cùng với số thương vong lên cao đều đặn của dân chúng trong một cuộc nội chiến không tuyên bố, với quân độ Mỹ bị kẹt ở giữa chịu trận. Sau ba năm rưỡi, mới đây quân đội Mỹ lại phải làm "khúc ngoặt" thay quân đội Iraq giữ an ninh trật tự ở nhiều địa danh thiếu an ninh nay đã thành quen thuộc: thủ đô Baghdad, Ar Ramadi, Tal Afar, Al Fallujah, Al Anbar, Kirkuk, Samarra, Najaf, Amara, Dora, Basra, vân vân. Những đội ám sát (death squads) thuộc nhiều phe nhóm tôn giáo, chính trị và chủng tộc khác nhau nay không những tra tấn, xử tử, ám sát hàng loạt nạn nhân mà còn nêu danh tính những nạn nhân của mình trên Internet. Nguyên ba tuần lễ đầu tháng Mười có hơn bẩy mươi binh sĩ Mỹ bị thiệt mạng; cuối tháng Mười số binh sĩ thiệt mạng đã lên mức cao nhất trong vòng hai năm qua. Trong khi đó quân nổi dậy mặc đồng phục đi diễn hành giữa ban ngày ở nhiều nơi trong những vùng "tự trị."

Đầu tháng Mười, chủ tịch ủy ban quân lực Thượng-viện, nghị sĩ John Warner (cựu chiến binh Thủy-quân Lục-chiến và nguyên là một đồng minh Cộng-hòa tin cậy của tổng thống) tuyên bố sau chuyến thăm viếng Iraq là nước này không đi thẳng tiến tới phía trước như chính quyền nói, mà đang trôi giạt theo chiều ngang, và tổng thống Bush không thể nào tiếp tục "tuần tự tiến tới" hay tiếp tục như cũ ("stay the course," như bộ ba tổng thống, phó tổng thống Dick Cheney cùng tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld, cũng như nhiều giới dân cử Cộng-hòa vẫn nối đuôi tuyên bố). Khoảng hai tuần sau tư lệnh lục quân Anh mới, tướng Richard Dannatt, kêu gọi rút quân lực Anh, khoảng bẩy ngàn rưỡi người, ra khỏi Iraq với lý do rằng sự hiện diện của binh sĩ Anh ở đây làm tình hình an ninh tệ hại hơn, và phê bình chính sách Iraq của thủ tướng Tony Blair, người từng triệt để ủng hộ ông Bush ở Iraq, là quá ngây thơ. Ngay sau đó Nhóm Nghiên-Cứu Iraq dẫn đầu bởi nguyên tổng trưởng ngoại giao và cố vấn thân tín nhất của gia đình Bush, ông James Baker và nguyên dân biểu Dân-chủ cao cấp Lee Hamilton, lại ra mắt báo chí với những khuyến cáo khác hẳn xác quyết "staying the course" của ông Bush. Chi tiết nghiên cứu sẽ được công bố sau bầu cử, nhưng điểm thấy rõ là giới Cộng-hòa và ngay cả ông Bush không muốn nhắc nhở tới xác quyết này nữa.

Giữa tháng Mười, gần đi đến bầu cử mà toàn những tin bất lợi từ Iraq dồn dập đổ về hàng ngày, dư luận báo chí lại ồn ào chuyện tổng thống Bush ra tối hậu thư cho thủ tướng Maliki được hai tháng, và tổng thống A-Phú-Hãn Hamid Karzai (cũng có tước hiệu là "đô-trưởng Kabul"

vì tổng thống chỉ quanh quẩn ở thành phố này, không dám đi xa vì điều kiện an ninh ngoài thủ đô không cho phép) được sáu tháng để ổn định phần nào tình hình an ninh hai nước và trấn an dư luận Mỹ chống đối chiến tranh ở hai nơi này. Hai vị này được báo cáo là rất nhăn nhó, vì họ đều như hoàn toàn bất lực trong việc giảm bớt những bạo hành mỗi ngày một công khai và mở rộng —và nếu họ có làm được gì thì cũng là "nụ hôn tử thần" vì sẽ bị những phái dân quân (militia), tôn giáo và dân chúng nói chung xem là không "chống Mỹ cứu nước." Cũng có tin là thủ tướng Maliki sẽ bị chính quyền Bush tìm người thay thế, dù ông đã được đa số dân chúng chọn lựa, tuy là gián tiếp, trong cuộc bầu cử mà chính quyền vẫn ngợi ca là một thành công của dân chủ ở "Trung Đông." Sau đó chính quyền Iraq lại bị áp lực phải có những thời khóa biểu về tiến triển an ninh, nhưng ông Maliki cũng phản đối ngay tức khắc —ít nhất là giữ thể diện quốc gia bên ngoài.

B. "Khăng khăng chối cãi"

Khoảng một tháng trước bầu cử giữa nhiệm kỳ, ký giả Bob Woodward (cùng với ký giả Carl Berstein thuộc nhật báo *Washington Post*, từng làm rung chuyển chính quyền Richard Nixon với điều tra về xì-cang-đan Watergate, đưa đến việc Nixon phải từ chức năm 1974) tung ra tập sách dầy gần sáu trăm trang (*State of Denial*, tạm dịch là "Khăng Khăng Chối-Cãi," do nhà Simon & Shuster xuất bản) về những dối trá về cuộc chiến Iraq của nội các thu hẹp (inner circle) trong chính quyền Bush.

Đây như một quả bom vĩ đại nổ ra giữa vô số những sách vở, điều tra gần đây tố cáo, chỉ trích chính quyền Bush, cuộc chiến Iraq và chống khủng bố nói chung (những sách như *Cobra II* của Bernard Trainor và Michael Gordon, *Fiasco* của Tom Ricks, *The One Percent Doctrine* của Ron Suskind, và *Hubris* của Michael Isikoff và David Corn). Ông Woodward hiện là một chủ biên nhật báo nói trên và đã viết hai quyển sách trước đây khá tích cực về chính quyền Bush từ sau vụ Mười-một tháng Chín; ông cũng là ký giả uy tín trực tiếp lấy được tin tức, tài liệu thuộc loại tối mật từ các nhân vật chính trị quan trọng hàng đầu. Các cố vấn ở tòa Nhà Trắng đã khuyến cáo tổng thống và phó tổng thống không nên để ông phỏng vấn.

Nếu theo dõi tin tức báo chí, truyền thông đều đặn và khách quan, một người có kiến thức trung bình cũng thấy ngay những khía cạnh tiêu cực trong cuộc chiến ở Iraq, từ lúc chính quyền Bush sửa soạn đi vào cuộc chiến cho đến những tiếp nối sau đó và tình hình suy sụp hiện nay. Người ta không cần một báo cáo tối mật mới thấy sa lầy chính trị, quân sự hiện nay và những đổ vỡ sắp tới. Người ta không cần một nguồn tin ẩn danh để đi tới kết luận cuộc chiến đã giết chết hơn nửa triệu người Iraq và hơn hai ngàn tám trăm binh sĩ Mỹ trong vòng ba năm rưỡi không thể có lối thoát tốt đẹp: không có ánh sáng cuối đường hầm và cuộc chiến sẽ chấm dứt tạm với những đớn đau chập chùng kéo dài.

Trong tập sách mới và những phỏng vấn sau đó ông Woodward đi thẳng vào nhận định cốt tủy: Tổng thống Bush cùng những người thân cận dưới quyền liên tục đánh lừa dân chúng và quốc hội Mỹ về những sự thật ở Iraq, ngoài mặt cứ nói về thành công tiến bộ ở Iraq trong khi quân nổi dậy mỗi ngày một mạnh mẽ hơn và bạo hành gia tăng với tốc độ khủng khiếp. Ông Wooward cho thấy hàng tuần quân nổi dậy tấn công quân đội Mỹ chín trăm lần, hoặc cứ mỗi mười-lăm phút một lần. Những chuyên viên tình báo cho biết năm tới tình hình còn tệ hơn nữa, nhưng tổng thống và Ngũ Giác Đài tiếp tục nói tình hình sẽ tốt đẹp hơn nhiều —dù phụ tá tin cẩn Philip Zelikow của ngoại trưởng Condolleeza Rice từ năm 2005 đã báo cáo Iraq là một thất bại hoàn toàn và các tướng lãnh tại chỗ cho biết "không có cách chiến thắng quân sự ở Iraq." Tình hình đã quá tệ hại trước bầu cử năm 2004, nhưng chính quyền vẫn tuyên bố to lớn về những chiến thắng và tiến bộ. Mức tệ hại đã gia tăng gấp mười lần tháng Năm 2003, khi ông Bush tuyên bố "nhiệm vụ hoàn tất" trên một hàng không mẫu hạm ngoài khơi California. Những đơn vị quân đội và cảnh sát tốt nghiệp để rồi bị quân nổi dậy "làm thịt" đến độ từ ba mươi đến năm mươi phần trăm những đơn vị này tan biến mất hay đào ngũ trốn về nhà.

Mùa xuân vừa qua Tổng tham mưu quân lực Mỹ đưa ra phân tích mật rất bi quan về tình hình quân sự ở Iraq; phân tích cũng bao gồm những chi tiết đen tối về mức sản xuất dầu thô, điện khí và tiến bộ về mặt chính trị. Cuối tháng Năm bộ quốc phòng phải gửi báo cáo lên quốc hội về tình hình Iraq, và báo cáo này hoàn toàn đi ngược lại phân tích của Tổng tham mưu: báo cáo này cho biết "những lý do và điều kiện tạo ra các bạo hành [bởi những quân nổi dậy] sẽ tan biến dần dần đầu năm 2007." Báo cáo về tình hình bi

quan đủ mọi mặt, thu thập bởi mười sáu cơ quan tình báo và phản gián về Iraq nằm dưới quyền ông "trùm" tình báo John Negroponte, lên tổng thống cũng trùng với thời gian, nhưng bị dấu nhẹm để tổng thống và phó tổng thống có thể trình bày Iraq như mặt trận chính trong cuộc chiến G-WOT và chứng minh là dân chúng Mỹ ngày nay được an toàn hơn nhờ vào chính sách cũng như những "thắng lợi" và "tiến bộ" trong cuộc chiến Iraq và chống khủng bố nói chung nhân dịp kỷ nhiệm năm năm vụ Mười-một tháng Chín. Sau đó báo cáo mật bi quan này, đi ngược hẳn những gì tổng thống và phó tổng thống nói, bị tiết lộ ra ngoài giới truyền thông. Theo báo cáo mật này cuộc chiến Iraq đã đẩy mạnh sự phát triển của khủng bố toàn cầu qua những quyết định và hành động của chính quyền làm gia tăng tinh thần Hồi-giáo chống đối cực đoan, cũng như cung cấp một nơi huấn luyện những phương pháp bạo hành mỗi ngày được xuất cảng thêm đến những quốc gia khác. Nói tóm lại cuộc chiến ở Iraq bị kết luận là "đã giúp khủng bố phát triển, mở rộng." Cuộc chiến này tạo cho khủng bố cơ hội tuyển chọn thu hút người hồ hởi tham gia, và phương tiện học tập, huấn luyện, đợi ngày sử dụng khi cần đến.

Sau bầu cử năm 2004, những khó khăn và thất bại ở Iraq đã rộng lớn đến độ đổng lý văn phòng tổng thống Andrew Card và người viết diễn văn chính của tổng thống, Michael Gerson —và có chi tiết cả phu nhân tổng thống Laura Bush— đều thúc giục tổng thống bãi nhiệm tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld, người bị xem là "nhỏ mọn, cáu kỉnh, luôn luôn xem mình là đúng, hay tranh giành, kiêu căng đồng thời lại hay tủi thân," một người "nắm hết quyền hành và quyết định mọi chuyện từ lớn đến nhỏ, nhưng lại cực lực phủ nhận mọi trách nhiệm về quyết định của mình." Dĩ nhiên tổng thống Bush không bãi nhiệm ông Rumsfeld —rõ ràng là bị phủ quyết bởi phó tổng thống Dick Cheney, "bộ bài trùng" với ông Rumsfeld từ thời làm việc dưới quyền tổng thống Nixon và tổng thống Bush bố.

Thay vào đây tổng trưởng ngoại giao ôn hòa và thực tiễn Colin Powell phải ra khỏi nội các, và được thay thế bởi bà Condolleeza Rice, một người trung thành triệt để với tổng thống. Bà Rice cũng bị buộc tội là hai tháng trước cuộc tấn công khủng bố Mười-một tháng Chín, ông giám đốc tình báo CIA George Tenet và ông Cofer Black, đứng đầu phản gián bộ ngoại giao, đã đến gập bà, lúc đó là cố vấn an ninh quốc gia cho tổng thống, để báo tin về một tấn công sắp tới vào Hoa-Kỳ. Quyển "Khăng Khăng Chối-Cãi" cho biết ba người duyệt hết những tin tức tình báo tối mật và mới nhất cho thấy Al Qaeda sắp ra tay tấn công, và mục tiêu tấn công Osama bin Laden đã chọn là nội địa Hoa-Kỳ. Bà Rice đã lịch sự ngồi nghe hai viên chức tình báo cao cấp nhưng rồi gạt tin này qua một bên, xem như không đáng quan tâm, và cũng không báo cáo cho tổng thống biết.

Điểm khá ngạc nhiên, nhưng cũng quen thuộc, là chi tiết về liên hệ giữa Việt-Nam và Iraq: theo tập sách ngay từ ban đầu Iraq là chính chuyện chiến tranh hay thất bại trước đây ở Việt-Nam. Ông Cheney và Rumsfeld là hai người ủng hộ và kiến trúc sư chính ở Iraq. Họ cũng mang cựu cố vấn an ninh và ngoại trưởng Henry Kissinger thời Nixon vào cuộc chiến mới, và ông này từng là cố vấn ngoại giao thường trực cho tổng thống Bush dù không nằm trong chính quyền. Ông Cheney và Rumsfeld trước đây là hai người tuổi trẻ tài cao đang đi lên —với hy vọng một ngày nào sẽ thành tổng thống, như nhiều người đồng trang lứa— dưới thời Nixon và tổng thống Gerald Ford. Dù cuộc chiến thất bại ở Đông-Nam Á không ảnh hưởng lớn lao vào sự nghiệp hai người, họ đều mang một vết nhơ khó dứt bỏ. Đối với Kissinger, Cheney và Rumsfeld cuộc chiến ở Iraq, những đau nhức về tình báo theo dõi người trong nước, những người tình nghi bị giam giữ tra tấn, quyền lực vua chúa của tổng thống, tất cả đều là về Việt-Nam. Bộ ba từng tin chắc nịch qua bao thập niên rằng Hoa-Kỳ đã rút những bài học chính trị và công quyền sai lầm về cuộc chiến Việt-Nam. Một khi tổng thống Bush nằm vào tay họ ông trở thành một dụng cụ của bộ ba Cheney/Rumsfeld/Kissinger nhằm xóa bỏ ba mươi năm lịch sử và ý tưởng hậm hực rằng thời tuổi trẻ đầy quyền lực của họ đã chấm dứt trong thất bại, chết chóc và thảm họa.

Một tuần lễ cuối tháng Mười, hai tuần trước bầu cử, hai tờ báo hàng đầu Hoa-Kỳ (*New York Times* ở phía Đông và *Los Angeles Times* ở phía Tây) đều lên tiếng về việc Hoa-Kỳ rút ra khỏi Iraq: dù tổng thống có tuyên bố thế nào, câu hỏi không phải là Hoa-Kỳ có thể chiến thắng ở Iraq hay không. Câu hỏi chính là Hoa-Kỳ có thể rút khỏi Iraq mà không để lại một nội chiến kéo dài mãi mãi và tạo những hỗn loạn cùng tang thương khắp vùng "Trung Đông," đồng thời cho khủng bố điều kiện và cơ hội lan tràn khắp thế giới.

LẠI NÓI VỀ CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT

NGUYỄN MINH CẦN

Kính dâng hương hồn các nạn nhân chết oan dưới chế độ độc tài toàn trị!

Ngày 15.12.2002, chúng tôi có viết một bài về Cải cách Ruộng đất (CCRĐ) ở miền Bắc với tựa đề "**Xin đừng quên! Nửa thế kỷ trước...**" Bài này được đăng trên báo *Thế Kỷ 21* số Xuân Quý Mùi 2003, và sau đó đã công bố trên nhiều tạp chí tiếng Việt ở các nước và hiện đang được đăng lại trên bán nguyệt san "Tự Do Ngôn Luận" ở trong nước. Bài đó là để nhớ lại 50 năm trước, Đảng cộng sản Việt Nam (ĐCS) đã làm thí điểm và sau đó phát động cuộc CCRĐ trên miền Bắc nước ta.

Qua thư từ bạn đọc cho biết bài báo đó đã làm nhiều độc giả xúc động. Gần đây, Đài Á Châu Tự Do (RFA) lại tổ chức một đợt phát thanh trên 10 buổi về chuyên đề CCRĐ đã gây được dư luận sôi nổi cả quốc nội lẫn hải ngoại. Một điều rất cảm động là nhiều thính giả trong nước đã viết thư đến Đài RFA kể lại bi kịch gia đình của mình trong cuộc CCRĐ 50 năm trước đây. Đó là những chứng nhân đã ghi lại một đoạn lịch sử đầy đau thương của toàn Dân tộc.

Sau khi bài báo được công bố và sau các buổi phát thanh của Đài RFA, chúng tôi nhận được hồi âm của nhiều độc giả và thính giả. Một số câu hỏi đã được nêu lên. Hôm nay, nhân dịp tập san *Thế Kỷ 21* ra số đặc biệt về CCRĐ, chúng tôi xin thâu góp những câu hỏi đó để trình bày thành những đề tài sau đây.

"NGƯỜI CÀY CÓ RUỘNG" - THỰC VÀ HƯ

Có thật mục đích của ĐCS khi làm CCRĐ là để "người cày có ruộng" như họ thường tuyên bố không? Xin nói ngay rằng: Không! Khẩu hiệu "người cày có ruộng" đó chỉ là trên lời nói mà thôi, còn thực tế thì lại khác. Vì sao có thể khẳng định như vậy?

Thứ nhất, sau khi ông Hồ Chí Minh đến Moskva (đầu năm 1951) nhận lệnh của Stalin và Mao Trạch Đông về làm CCRĐ thì trong hai năm chuẩn bị (1952-1953), ĐCS chỉ lo chủ yếu việc "vẽ ra" chính sách dựa theo "mẫu mã" của Trung Quốc, rồi luật hoá các chính sách đó để cưỡng bức người dân phải theo pháp luật mà họ đã áp đặt. Cứ xem lịch trình làm việc của ĐCS, Quốc hội, Chính phủ VNDCCH trong hai năm đó thì rõ. Trong thời gian hai năm chuẩn bị, ĐCS không hề để thời gian điều tra nghiên cứu xem thực tế tình hình ruộng đất ra sao? nơi nào ruộng tư nhiều, nơi nào chủ yếu là ruộng công? sự phân bố ruộng đất ra sao trong các tầng lớp nông dân? thực trạng giai cấp địa chủ miền Bắc nước ta hồi đó như thế nào? tình hình ruộng đất của nhà thờ họ, của chùa, của nhà thờ Công giáo, của các tu viện, các đền, miếu... ra sao?, v.v... và v.v... để trên cơ sở thực tiễn đó mà định ra chính sách. Điều đó nói lên rằng những người lãnh đạo ĐCS không hề nghĩ đến việc làm sao cho "người cày có ruộng" **thật sự**, "có ruộng" **lâu dài** để nền kinh tế được phát triển, để thật sự cải thiện đời sống người dân. Hồi đó, họ chỉ nghĩ rằng bây giờ đã nắm được chính quyền rồi, đã có "chuyên chính vô sản" rồi, thì ĐCS muốn làm sao cũng được, người dân phải cúi đầu chịu thôi, vì vậy phải làm một "cuộc cách mạng long trời lở đất," để "tiêu diệt giai cấp địa chủ," để cho mọi tầng lớp dân chúng phải khiếp đảm, tạo điều kiện thuận lợi nhằm thực hiện nhiệm vụ chính của chuyên chính vô sản — như Lenin đã dạy cho họ — là xây dựng chủ nghĩa xã hội, bước đầu của chủ nghĩa cộng sản. Chính vì thế, cái đích của ĐCS đâu phải là để "người cày có ruộng" mà chính là để thực hiện nhiệm vụ của chuyên chính vô sản!

Thứ hai, thực tế cho thấy rằng: sau khi chia "quả thực," người ta tổ chức rùm beng việc cắm biển, treo cờ trên các thửa ruộng được chia cho bần cố nông để quay phim, chụp ảnh tuyên truyền là "người cày có ruộng" rồi. Nhưng chẳng bao lâu lại phải "sửa sai," nên nhiều thửa ruộng đã chia cho bần cố nông phải trả lại cho những "địa chủ" bị quy oan mà số này chiếm đến 71,6% trong số các nạn nhân (1). Số thửa ruộng còn lại bần cố nông cầm giữ được một thời gian... chưa kịp "nóng tay" thì ĐCS đã vội

vã lùa họ vào hợp tác xã — tức là thu hồi lại ruộng đất của nông dân, biến thành "của chung" — để "tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội"! Rõ ràng là mục đích "người cày có ruộng" chỉ là lời nói dối xảo quyệt để lôi kéo nông dân theo ĐCS mà thôi. Như vậy, trên thực tế ĐCS đã lừa bịp và phản bội nông dân!

DIỆT CHỦNG - CÓ HAY KHÔNG?

Để trả lời câu hỏi này, cần phải xem kỹ tài liệu mà các nhà kinh tế trong nước đã công bố (1): cuộc CCRĐ đã thực hiện ở 3.563 xã với 10 triệu dân số (2), mà tỷ lệ địa chủ được quy định trước là 5,68% (3). Các đội và các đoàn CCRĐ đều ra sức truy bức để cố đôn tỷ lệ địa chủ lên 5% như một quy định bắt buộc (4), vậy thì tổng số người bị quy là "địa chủ" là trên 500 000 người. Như chúng ta đã biết, khi một người bị quy là "địa chủ" thì ngay lập tức họ phải chịu biết bao nhục hình: bị cô lập hoàn toàn với bà con thân thích, bị bao vây, thậm chí bao vây kinh tế (đến mức có nhiều người bị đói), bị đấu ngày đêm để truy của, bị nhục mạ tàn tệ (bị gọi là "tên", "thằng", "con", bắt phải cúi đầu trước bất kỳ người nông dân nào dù lớn hay bé, phải "thưa ông/bà nông dân," bị xỉa xói, chửi mắng, đánh đập cũng phải cam chịu, bất quỳ phải quỳ, còn con cái họ bị khinh miệt, bị kỳ thị cực kỳ độc ác về mọi mặt: học hành, công việc, hôn nhân...). Chúng ta thử hình dung nửa triệu con người phải chịu đựng như vậy, đó là chưa kể số bà con, họ hàng, thông gia, bạn bè phải cùng chịu liên luỵ - con số đó không sao tính được. Theo tài liệu đã công bố thì có đến 172 008 nạn nhân — dễ hiểu đây là nói về những người bị bắn giết trong số nửa triệu người bị quy là "địa chủ." Con số nạn nhân này không bao gồm những người tự tử sau khi bị quy là "địa chủ" hay "Quốc dân đảng phản động," mà số đó cũng không ít.

Thử hỏi, khi người dân đang sống yên lành, đang tham gia mọi việc lao động bình thường, phần đông họ đã từng tham gia kháng chiến, đã từng giúp đỡ cho những người cộng sản trong thời kỳ khó khăn nhất, bỗng dưng các lãnh tụ ĐCS tổ chức một trận thảm sát như vậy thì có phải là cuộc diệt chủng hay không? Đó là một cuộc diệt chủng, một tội ác đối với loài người. Không thể nói khác được.

Có người đồng ý đúng là diệt chủng, nhưng cho rằng các nhà lãnh đạo ĐCS "không cố tình" diệt chủng, mà chỉ vì họ muốn dọn đường để tiến lên chủ nghĩa xã hội thôi, nghĩa là "động cơ" của họ có thể là tốt chăng, nhưng "vô tình" gây ra nạn diệt chủng?

Nạn diệt chủng có thể có nhiều loại với "động cơ" khác nhau, diệt chủng vì kỳ thị chủng tộc, vì kỳ thị giai cấp, vì lý do tôn giáo, vì lý do ý thức hệ... nhưng vì gì đi nữa thì cũng vẫn là diệt chủng. Thời Hitler, bọn phát xít Hitler cũng nói rằng chúng muốn làm trong sạch nòi giống của chúng nên chúng đã tiêu diệt hàng chục triệu người, trong đó có sáu triệu người Do Thái (gọi là vụ Holocaust), thế thì lẽ nào vì cái "động cơ tốt đẹp" đó (!?) mà có thể tha tội diệt chủng cho bọn Hitler được chăng? Thời xô viết, Lenin cũng nói vì phải dẹp đường để tiến lên chủ nghĩa cộng sản nên đã tiêu diệt hàng triệu người, Stalin cũng nói vì cần làm cho hàng ngũ ĐCS trong sạch, cần cố kết khối nhân dân lao động nên đã tiêu diệt hàng chục triệu người, thì lẽ nào ta có thể coi đó là diệt chủng vì "động cơ tốt"? Dưới thời Mao Trạch Đông, Mao và các lãnh tụ ĐCS nấp dưới lá cờ "chống hữu phái," "đại nhảy vọt," "đại cách mạng văn hoá"... đã tiêu diệt hàng chục triệu người dân lương thiện, thì có thể gọi đó là cuộc diệt chủng vì "động cơ tốt" được chăng? Dưới thời Pol Pốt, bọn Khơme Đỏ cũng nhân danh vì quần chúng lao động, vì muốn tiến lên "thiên đường xã hội chủ nghĩa" đã tiêu diệt ba triệu người, thế thì phải chăng Pol Pốt và bọn Khơme Đỏ có thể chạy được tội diệt chủng? Ngày nay, Toà án Quốc tế đang xử những tên diệt chủng ở vùng Balkan trong nước Nam Tư cũ đã tiêu diệt năm-sáu ngàn người, thế thì những kẻ đã gây ra cuộc thảm sát trên 100 ngàn người trong cuộc CCRĐ ở miền Bắc nước ta có thể nào thoát khỏi tội diệt chủng?

Cũng nên nhớ rằng, theo tài liệu in trong sách đã dẫn (1) có ghi rõ trong số 172 008 nạn nhân trong cuộc CCRĐ thì có đến 123 266 người coi là oan (chiếm đến 71,6%). Đọc con số đó, chắc mọi người đều thấy ghê rợn! Còn sau đây là những con số cụ thể về các nạn nhân:

* Địa chủ cường hào gian ác — 26 453 người, trong đó số coi là oan — 20 493 người (77,4%);

* Địa chủ thường — 82 777 người, trong đó số coi là oan — 51 480 người (62,19%);

* Địa chủ kháng chiến — 586 người, trong đó số coi là oan — 290 người (49,4%);

* Phú nông — 62 192 người, trong đó số coi là oan — 51 003 người (82%).

Nhưng ngay cả những nạn nhân mà người ta không coi là oan cũng không chắc đã đúng, không chắc họ đã có tội, vì toàn bộ chính sách CCRĐ, những tiêu chuẩn quy định thành phần, v.v... do Uỷ ban CCRĐ TƯ vạch ra đều rập khuôn theo CCRĐ của Trung Quốc ở vùng Hoa Nam thì làm sao thích hợp được với điều kiện Việt Nam. Hơn nữa khi thi hành ở tất cả các cấp thì lại hết sức tuỳ tiện với tinh thần "thi đua," "lập thành tích" hay "thà oan hơn là bỏ sót"!

PHẢN ỨNG CỦA DÂN CHÚNG

Nhiều bạn đọc muốn biết về phản ứng của người dân đối với CCRĐ. Như chúng tôi đã viết trong bài trước, CCRĐ giống như một trận bão táp khủng khiếp ập xuống đầu người dân miền Bắc, thế thì người dân miền Bắc hầu hết giống như ngọn cỏ phải rạp mình xuống để sống còn. Có phản ứng chăng thì chỉ là những tiếng rên siết ai oán mà thôi. Mạnh dạn hơn một chút là giễu cợt, châm biếm nhẹ nhàng. Có thể tìm thấy sự phản ứng yếu ớt đó của người dân trong lời ăn tiếng nói, trong ca dao, hò vè may ra còn có chút gì đọng lại. Vì có đi làm "công tác sửa sai," nên chúng tôi ghi lại được đôi điều, rất mong sự bổ khuyết của quý bạn đọc.

Câu nói cửa miệng của người dân miền Bắc thời đó, về sau đã trở nên thành ngữ là: "Nhất đội, nhì Trời." Trời cũng còn thua đội, vì quyền sinh quyền sát người dân đen thấp cổ bé họng hoàn toàn nằm trong tay đội.

Còn để "cười" cái chủ trương "ba cùng" của Đảng, tức là cán bộ đi làm CCRĐ phải "cùng ăn, cùng ở, cùng làm" với bần cố nông, mà thực ra nhiều "anh đội," "chị đội" đã không thực hiện đúng. Chẳng hạn, nói là "cùng ăn," nhưng cán bộ lại bí mật mua quà, dấm dúi ăn chùng ăn vụng sau lưng "cốt cán" "rễ chuỗi." Tệ hơn nữa, có một số người lại lợi dụng "ba cùng" để "hủ hoá," nên trong dân gian có truyền tụng câu này:

"Nực cười cho chuyện "ba cùng"
Cùng ăn, cùng ngủ, lại cùng làm... nhau."

Để giễu cợt sự "bắt rễ" và "xâu chuỗi" lại có câu: "Em bắt rễ anh, anh xâu chuỗi em." Để chế nhạo cái tình trạng sống bừa bãi của một số không ít "anh đội" và mỉa mai đường lối "dựa vào bần cố nông" của Đảng, rất nhiều nơi đã lưu truyền câu ca dao này:

"Đội về, đội dựa vào mông
Đến khi đội rút, con bồng con mang," hay
"Đội về, đội dựa vào mông
Đội đi, đội để con bồng con mang."

Hồi năm 1957, khi xuống thôn Nhân Chính (gần thôn Quan Nhân, vùng Hạ Yên Quyết), Cầu Giấy, chúng tôi được anh em địa phương đọc cho nghe một bài thơ ai đó đã dán ở một miếu cổ hồi CCRĐ năm trước:

"Cụ Hồ ơi hỡi! Cụ Hồ ơi!
Thảm cảnh gây chi cuộc đổi đời
Người hiền "dựa cọc" chờ ăn đạn
Quỷ dữ "tố bừa" lại thượng ngôi!
Làng mạc, quê hương tan nát cả,
Gia phong, đạo lý đảo điên rồi.
Đất nước đắm chìm trong biển thảm,
Tiếng dân kêu khóc thấu chăng Trời?"

Xin nói rõ: chữ "dựa cọc," cũng như "lên thớt," là tiếng lóng, có nghĩa là án tử hình. Còn chữ "tố bừa" cũng như "tố điêu," "tố đại hội," có nghĩa là đặt điều vu khống bậy bạ cho người khác để được đưa lên làm "cán bộ." Bài thơ này cũng chỉ là "tiếng dân kêu khóc chứ chẳng có phản ứng gì mạnh mẽ.

Còn bài này chúng tôi nghe được ở Thái Bình hồi đầu năm 1956, tại một làng nằm cạnh Cầu Bo, nói lên nỗi khổ của người bị "quy lên" làm địa chủ. Xin nói thêm, chữ "lên" và chữ "xuống" rất phổ biến trong CCRĐ và nghĩa của nó khác thường lắm: có khi "lên" lại khổ, mà "xuống" lại đáng mừng! Như "lên thành phần" hay "quy lên" nghĩa là "đưa lên làm địa chủ, phú nông, hay phản động," còn "hạ xuống" là "hạ thành phần," "đưa xuống làm trung, bần, cố nông." Người bị quy là địa chủ thì lập tức bị bao vây về mọi mặt để tránh phân tán tài sản, tránh sự thông tin cho nhau, tiếp đó bị "truy tài sản" (chủ yếu là vàng bạc, nữ trang, tiền...) để sau này làm "quả thực" chia cho bần cố nông. "Truy tài sản" là từ ngữ của CCRĐ, còn trong dân gian thì gọi là "truy của" hay "tra của":

Đấu đêm rồi lại đấu ngày
Tra lui tra tới: của mày để đâu?
Sân vườn, chuồng lợn, bờ ao
Đào tung xới hết chẳng sao có vàng.
Trời ơi! Oan thật là oan,
Thân con quá khổ biết làm sao đây!

Đến khi Đảng chủ trương "sửa sai" thì câu này hầu như là câu cửa miệng của người dân, có thể nghe được rất nhiều nơi:

Đảng sai thì Đảng sửa
Càng sửa lại càng sai.

Năm 1957, khi làm "sửa sai" ở ngoại thành Hà Nội, chúng tôi nghe được câu này lưu truyền ở vùng Đông Anh:

Bác Hồ nói chuyện sửa sai:
Sai thì cứ sửa, sửa rồi cứ sai!
Đảng ta là rất anh tài
Sai hoài, sai mãi, sửa hoài cứ sai.

Câu nói của ông Hồ, ở vế đầu "*sai thì cứ sửa*" nghe thật đơn giản, bình thường, nhưng đến vế sau "*sửa rồi cứ sai*" thì lại vang lên như là một sự khuyến khích tiếp tục làm sai nữa! Hai câu sau đầy mỉa mai chua chát, người dân cười chê cái thói huênh hoang của Đảng luôn luôn tự khoe là "anh minh tài giỏi nhất," là "đỉnh cao của trí tuệ," thế mà cứ *"sai hoài, sai mãi, sửa hoài cứ sai"*!

Suy cho cùng, hai câu đó có tính tổng kết cao. Đây là một cái nhìn xuyên suốt lịch sử ĐCSVN. Thật vậy, sau những cái gọi là "sai lầm nghiêm trọng trong CCRĐ" thì lại tiếp đến là những sai lầm trong "vụ án Nhân Văn -Giai Phẩm," "vụ án Xét lại-Chống Đảng," "cuộc cải tạo giai cấp tư sản ở miền Bắc," "công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp," "hợp tác hóa thợ thủ công, thợ hớt tóc, chữa xe đạp, tiểu thương, buôn thúng bán mẹt," v.v... Rồi đến biết bao việc làm sai khác của Đảng, cả trong Nam ngoài Bắc, nào là việc đưa quân đánh miền Nam gây cuộc nội chiến Bắc Nam, tàn hại trên bốn triệu sinh mạng, nào là vụ thảm sát Tết Mậu Thân (1968), các vụ đánh tư sản mại bản, vụ bắt "tập trung cải tạo" mấy trăm nghìn sĩ quan, binh lính, viên chức, trí thức thuộc chế độ cũ, vụ đưa dân đi kinh tế mới, mấy cuộc đổi tiền có tính chất ăn cướp v.v... Mấy câu ngắn gọn trên đây biểu lộ tài trí nhạy bén của người dân.

Cần nhấn mạnh rằng: chỉ có một trường hợp duy nhất có phản ứng mãnh liệt của dân chúng, đã bùng lên thành một cuộc nổi dậy của nông dân ở huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An vào giữa tháng 11.1956, nghĩa là sau khi ĐCS đã nhận "sai lầm" trong CCRĐ và tuyên bố chính sách "sửa sai." Nhân việc "sửa sai," nông dân - phần đông là Công giáo - một số xã ở huyện Quỳnh Lưu đã tổ chức đại hội có mời cả những cán bộ cấp tỉnh và cấp huyện đến tham dự để đưa ra mấy yêu cầu: trả lại cho giáo dân những linh mục chánh sở và các giáo sĩ đã bị bắt giam; trả lại xác các linh mục đã bị hành quyết; trả lại các tài sản của thánh đường đã bị tịch thu hoặc sung công, v.v... Quyết nghị của cuộc họp đã được trao cho ông Chủ tịch Ấn Độ của Uỷ Ban Kiểm Soát Đình Chiến vào ngày 9.11.1956. Sau đó, ngày 10.11, nông dân lại mở đại hội ở xã Cẩm Trường thì bị bộ đội và công an võ trang đến ngăn cản và giải tán. Thế là hai bên xô xát và bùng lên thành cuộc nổi dậy của nông dân. Hàng ngàn nông dân tay không đã chống lại quân đội trong ba ngày liền. Rạng ngày 13.11, một cuộc biểu tình lớn đã nổ ra. Sư đoàn 304 đã được điều đến để bao vây những người nổi dậy. Ngày 14.11, người ta lại huy động thêm Sư đoàn 312 đến để đàn áp họ. Có hàng ngàn người đã bị giết và bắt đi tù sau vụ này, nhưng những người lãnh đạo ĐCS cố sức giấu kín sự kiện này, ngay cả với cán bộ cao cấp trong Đảng.

ĐCS CẦN PHẢI SÁM HỐI!

Đúng vậy! Chừng nào ĐCS chưa thành thực sám hối về những tội ác tày trời trong cuộc CCRĐ thì chừng đó người dân không thể tin tưởng rằng Đảng sẽ không tái phạm những tội ác to lớn như vậy trong tương lai.

Một điều đáng lo ngại là trong những năm gần đây, ĐCS đã lặp lại những thủ đoạn hèn mạt, thô bạo đúng như trong thời CCRĐ đối với nhiều nhà tranh đấu cho dân chủ. Chúng ta không thể nào quên được việc chính quyền dùng bọn công an đầu gấu, bọn côn đồ để xông vào nhà và hành hung cụ Hoàng Minh Chính. Cũng như những vụ lùng sục, trắng trợn cướp đoạt tài sản của những nhà tranh đấu dân chủ, như nhà văn Hoàng Tiến, nhà báo Nguyễn Khắc Toàn, kỹ sư Bạch Ngọc Dương, kỹ sư Đỗ Nam Hải, ông Trần Anh Kim và nhiều người khác, những cuộc đấu tố thô bạo do công an tổ chức tại các khu phố để lăng mạ tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang, bác sĩ Nguyễn Đan Quế, và gần đây, hôm 11.10.2006, chúng đưa ra đấu tố nhà văn nữ Trần Khải Thanh Thuỷ tại phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội...

Tất cả những hành động điên cuồng đó chứng tỏ rằng ĐCS, và nói chung giai cấp cầm quyền ngày nay, đang hết sức bối rối trước phong trào dân chủ lên mạnh. Với sự đồng tâm nhất trí của các lực lượng dân chủ chắc chắn những thế lực đen tối đang thống trị dân ta sẽ bị đẩy lùi và tự do dân chủ cuối cùng sẽ thắng lợi.

Moskva 18.10.2006

Ghi chú:

1. Xem "Lịch Sử Kinh Tế Việt Nam 1945-2000" gồm ba tập, đã ra được hai tập, tập I (1945-1954), tập II (1955-1975), do Viện Kinh tế Việt Nam xuất bản tại Hà Nội.
2. Theo điều tra dân số năm 1960, nghĩa là bốn năm sau CCRĐ, dân số miền Bắc Việt Nam là 16 triệu người.
3. Xem trang 85, tập II, sách đã dẫn.
4. Xem trang 86, tập II, sách đã dẫn.

Nhìn lại cuộc cải cách ruộng đất:
Những bài học còn nóng hổi

BÙI TÍN

Cuộc cải cách ruộng đất được thực hiện trên miền Bắc nước ta đã hơn một nửa thế kỷ. Sau ba năm thực hiện, do sai lầm nặng nề và phổ biến, đảng CS buộc phải nhìn nhận sai lầm (tháng 10-1956) và sửa sai. Họ không thành tâm và cũng không thể sáng suốt để nhìn thật rõ và thật đủ những sai lầm, do đó họ không sửa được sai lầm.

Bi kịch CCRĐ kéo dài trong không gian và thời gian, chồng chất ngày càng nhiều những đau khổ và tàn phá cho đất nước và dân tộc. Lúc này, những người dân chủ và yêu nước nhìn lại bi kịch ấy và phân tích cho sâu sắc hơn là một việc làm cần thiết, có ích.

Nhân dịp này, những bài viết của anh Nguyễn Minh Cần, anh Trần Gia Phụng và những buổi phát thanh chuyên đề của đài Châu Á Tự do RFA rất có giá trị.

Có người bảo CCRĐ đã diễn ra hơn nửa thế kỷ, đi sâu vào dĩ vãng rồi, hay ho gì mà bới móc ra. Đảng CS đã sửa sai, đã đổi mới hơn 20 năm rồi, nhắc lại chuyện xưa cũ làm gì !

Không! Vẫn cần nhắc lại và ***rút ra những bài học sâu sắc hơn,*** giúp ích cho con đường đi lên và hòa nhập của đất nước, để chia tay dứt khoát với những sai lầm trong quá khứ, để mạnh bước trên ***con đường đổi mới thật sự***. Cần nhìn lại cuộc CCRĐ với con mắt thực tiễn, tôn trọng sự thật lịch sử, trên tinh thần nghiên cứu khoa học cũng như trên lập trường đấu tranh cho dân chủ, tự do.

Từ đó cũng nên nhìn rộng ra vấn đề chiến lược: ***quan hệ giữa đảng CS với nông dân VN.***

Sau khi có thời gian nửa thế kỷ để nhìn lại và suy nghĩ, chúng ta nên tập trung chú ý đến những vấn đề và bài học dưới đây:

1. Cục diện mới dẫn đến Cải cách ruộng đất

Những ai từng sống những năm giữa thế kỷ 20 ở Việt nam có thể nhớ lại không khí lãng mạn nhẹ nhàng trong cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp, với những bài hát sôi nổi ''Bao chiến sỹ anh hùng...,'' ''Nào ta đi hùng binh...'' ''Diệt phát xít...'' Đảng CS rút vào bí mật, các cuộc thanh trừng diễn ra kín đáo, tuổi trẻ sẵn sàng xông ra trận để bảo vệ nền độc lập.

Từ cuối năm 1949, năm 1950 và 1951 một ***cục diện mới*** mở ra. Đảng CS Trung Quốc thắng to và rất nhanh, chiếm cả lục địa Trung Hoa, lập nên nước Cộng hòa nhân dân, Quân giải phóng Trung Quốc đến biên giới Trung - Việt; Việt Nam chấm dứt thời kỳ bị cô lập, ***quan hệ Việt - Trung*** về mọi mặt mở ra rất rộng rãi về ngoại giao, kinh tế, quân sự, văn hóa... Ảnh hưởng của Trung Quốc tràn vào Việt Nam như nước lũ, từng đoàn cố vấn Trung Hoa nhập Việt, cùng với viện trợ quân sự đủ trang bị mới hoàn toàn cho sáu sư đoàn bộ binh và một sư đoàn pháo binh; rồi gạo, vải, đường, thuốc men, xe Giải phóng...; hàng ngàn cán bộ quân sự, kinh tế, giáo dục, y tế, văn hoá sang Trung quốc học tập; mọi người nô nức học tiếng Tàu và tiếng Nga. Khắp nơi nhảy ương ca, ''đồ đồ đồ sol đồ, đồ đồ đồ sol rê, rê rê rê mí xì rê, rê rê mí rê đô là...''; những đoàn văn công Trung Quốc sang biểu diễn...; sách đỏ ''Mao tuyển'' và huy hiệu hình Mao tràn ngập.

Cuối năm 1949, ông Hồ Chí Minh đi Bắc Kinh, Mátxcơva, gặp Mao Trạch Đông và Stalin. Tháng 2-1950 La Quý Ba đại sứ Trung Quốc cùng đoàn chuyên gia đến Việt Bắc. Tháng 9-1950 chiến dịch Biên giới, được đoàn chuyên gia quân sự cầm đầu bởi tướng Trần Canh làm quân sư, mở rộng biên giới Việt-Trung từ Cao Bằng, Lạng Sơn đến Tiên Yên, Móng Cái. Có thể nói lý luận Trung Quốc, kinh nghiệm TQ, hàng hóa TQ, vũ khí TQ, phim ảnh TQ, sách báo TQ... trở thành cuộc sống bao trùm các ''vùng giải phóng,'' còn gọi là ''vùng tự do.''

Vì vùng giải phóng là vùng ''tự túc,'' khép kín, cách biệt với vùng ''tạm chiếm'' nên cũng là cách biệt hẳn với thế giới bên ngoài; hàng phương tây đều gọi là hàng địch, hàng lậu, hàng cấm.

Chính trong không khí ấy, trong những điều

kiện ấy mà cuộc Cải cách Ruộng đất là một sản phẩm Trung Quốc, mang nhãn hiệu thuần Trung Quốc, từ mục tiêu đến cách tiến hành theo các bước cụ thể; có thể khẳng định đây là một ***đặc sản Trung Quốc***.

2. Đặc sản Trung Quốc: từ chủ trương đến phương châm và biện pháp

Tháng giêng năm 1950, khi ông Hồ gặp Mao Trạch Đông ở Bắc Kinh và Stalin ở Mátscơva, cả hai ông Mao và Xít đều thúc dục ông Hồ phải về làm ngay cải cách ruộng đất để còn đi đến xóa bỏ tư hữu ở thành thị và nông thôn. Ông Xít còn phân công cho ***đảng CS của Mao*** việc ''giúp đỡ'' cho cách mạng vô sản ở châu Á, trước hết là Việt Nam.

Ông Hồ luôn sùng bái đến mức tuyệt đối Xít và Mao, coi đó là hai bậc thày của mình, - không bao giờ phạm sai lầm - , nên khi về nước là răm rắp thực hiện.

Cũng theo thúc dục của Xít và Mao, đầu năm 1951 ***Đại hội II của ĐCS*** họp ở Tuyên Quang, ra công khai trở lại dưới tên mới ''Đảng Lao động Việt nam'' và ra nghị quyết về Cải cách Ruộng đất.

Từ Á - Phi sang Âu - Mỹ, xưa nay đã có biết bao nhiêu cuộc cải cách ruộng đất. Các cuộc cách mạng tư sản dân quyền đều đặt vấn đề chia lại ruộng đất cho nông dân. Thế nhưng khi đảng CS Liên Xô và Trung Quốc đặt ra vấn đề CCRĐ thì ***mục đích không phải là chia ruộng cho nông dân***. Mục đích của họ rõ ràng là một mục đích khác, đó là ***thiết lập và củng cố sự thống trị*** còn mới mẻ của ***đảng CS*** lên toàn xã hội, điều mà họ công khai tuyên bố: thiết lập nền chuyên chính vô sản, một nền chuyên chính đầy máu và nước mắt.

Ở Trung Quốc, sau cuộc Vạn lý trường chinh (từ tháng 10-1934 đến tháng 10-1935) đảng CS TQ bị mất đến 9/10 lực lượng. Quốc dân đảng của Tưởng Giới Thạch phát triển mạnh; sau khi phát xít Nhật thua trận, Quốc Dân Đảng củng cố chính quyền trên toàn quốc theo hướng quân phiệt. Cuối năm 1945, được Stalin chuyển cho toàn bộ số vũ khí tước được của đội quân Quan Đông Nhật ở quân khu Mãn Châu, Quân Giải phóng Nhân dân TQ lớn rất nhanh và chỉ trong hai năm, từ 1948 đến 1949 đã Nam hạ chiếm toàn lục địa TQ. Họ đột nhiên chiếm được một vùng đất lạ mênh mông ***lâu năm dưới sự cai trị của Quốc dân đảng***, nên họ cần làm gấp cuộc CCRĐ để quét sạch tàn dư còn khá nặng nề và nguy hiểm ấy. Địa chủ quốc dân đảng bị bắn, giết, chôn sống như rạ.

Cần chỉ rõ các cố vấn TQ về CCRĐ sang VN đều dự ''thổ địa cải cách'' ở TQ, có khá nhiều kinh nghiệm thực tế ở vùng Hoa Nam; nhưng họ có trình độ ***văn hóa rất hạn chế***, hầu hết từ thành phần cơ bản bần cố nông nghèo khổ thất học, lần đầu tiên đi ra nước ngoài, lại mang nặng tư tưởng nước lớn Đại Hán tộc, nên luôn có thái độ trịch thượng, tự coi mình là giỏi giang, cái gì cũng biết để dạy bảo người khác. Về phía Việt Nam, các cấp ***đoàn ủy*** (chỉ đạo một vùng) và đội (chỉ đạo một xã) cũng đều tuyển lựa trong lớp bần cố nông - ba đời nghèo khổ, nên thường là dân mù chữ, đi làm thuê, mới được học bình dân học vụ và bổ túc văn hóa, không có khả năng lãnh đạo, càng không có tư duy độc lập, nên chỉ còn biết vâng dạ các đồng chí cố vấn, ''phái viên quý báu'' của Mao chủ tịch vĩ đại (!), dù cho các vị - từ tổng cố vấn Kiều Hiểu Quang trở xuống - chuyên mang thực tế TQ thay cho thực tế VN. Máu đổ rùng rợn từ đó.

Vậy mà năm 1956, khi nhìn ra sai lầm, thú nhận sai lầm và đề ra sửa sai ở Hội nghị trung ương 10, những người lãnh đạo đảng CS VN ***không một ai dám nói gì đụng đến Trung quốc.***

Tất nhiên trách nhiệm trước hết là ở thái độ chủ quan, giáo điều, xa rời thực tế của đảng CS VN, nhưng không thể bỏ qua cội nguồn của những sai lầm ấy là thái độ sùng bái TQ, sùng bái Mao, sùng bái ĐCS TQ, sùng bái đoàn cố vấn CCRĐ, sùng bái kinh nghiệm TQ. Những người lãnh đạo đảng CS VN đã từ nhiệm vai trò ''chủ nhân ông" đất nước mình, ***từ nhiệm vai trò làm chủ*** trong lãnh đạo đất nước, ***tự biến mình thành kẻ tay sai ngay trên đất nước mình.***

Chính do thái độ mù quáng, sùng ngoại, tê liệt trong tư duy và suy luận, thiếu bản lĩnh tự hào dân tộc mà bộ chính trị ĐCS VN suốt trong năm 1954 và đến cuối 1955 vẫn tin và truyền bá công khai rằng: ''Địa chủ VN ta rất ma quái, phần lớn giấu thành phần giai cấp để chỉ là phú nông và trung nông,'' ''rất nhiều địa chủ giả bộ, đóng kịch làm địa chủ kháng chiến,'' ''rất nhiều tên địa chủ giả vờ hăng hái ủng hộ cách mạng, góp vàng bạc, tiền, hiến nhà chỉ để che giấu tội ác,'' ''nhiều tên chui vào đảng CS, không ít tên còn chui sâu, leo cao..." ''phần lớn đảng bộ và chi bộ đảng vùng đồng bằng Bắc Bộ là do Đơ Bê - deuxième bureau, Phòng nhì quân viễn chinh Pháp - tổ chức.''

Theo thôi thúc cố vấn Tàu, ***các tôn giáo bị diệt thẳng tay***, sư sãi cha cố bị đi làm khổ sai, tiếng chuông chùa im bặt, tượng Phật, ảnh Chúa bị liệng xuống ao.

Tôi nhớ lại, giữa năm 1955, khi ''địa chủ cường hào ác bá kiêm Việt gian" bị bắn la liệt và bừa bãi - suốt từ Thái Nguyên về Hưng Yên, Thái Bình, Kiến An, từ Hà Đông, Ninh Bình vào Nghệ An, Hà Tĩnh, gây xôn xao dữ dội, các tờ thông tin và đặc san về CCRĐ vẫn đưa tin về chỉ thị của Bộ chính trị là ''tỷ lệ *5%* dân số là địa chủ là tỷ lệ chính xác (!) trên thực tế,'' và ''mỗi xã phải có ít nhất ***hai đến ba*** địa chủ ác bá để chịu tội tử hình là đúng đắn.'' Nơi nào không đạt những tỷ lệ ấy là đã bị nhiễm căn bệnh ***hữu khuynh***, phải làm lại; phải luôn nhớ đây là ''cuộc cách mạng long trời lở đất," phải nắm vững phương châm ''phóng tay phát động quần chúng, nghĩa là làm mạnh, dù có tả khuynh đôi chút cũng không sao, còn hơn là hữu khuynh,''; ''đừng e ngại các biện pháp mạnh, như đấu tố, dùng đông đảo quần chúng áp đảo địch và kẻ lừng chừng, dùng tòa án và các cuộc xử tử tại chỗ để gây khí thế.'' Chính lãnh đạo đảng CS đã thôi thúc cuộc tàn sát, đến tận giữa năm1956 khi xã hội đã phản ứng mạnh mẽ.

Rõ ràng tình hình Trung Quốc và Việt Nam khác hẳn nhau về chính trị, kinh tế, về chiếm hữu ruộng đất, về các giai cấp và tầng lớp ở nông thôn, về các đảng phái chính trị. Áp dụng máy móc kinh nghiệm Trung Quốc vào Việt Nam rõ ràng là sai lầm cơ bản nhất, là ***nguyên nhân của những nguyên nhân*** sai lầm kéo dài dai dẳng hơn hai năm trời qua cả năm đợt cải cách, đến năm 1956, sau khi Đại hội 20 của đảng CS Liên xô (tháng 2-1956) công khai công nhận sai lầm về sùng bái cá nhân Stalin, cuộc họp Trung ương lần thứ 10 đảng Lao động Việt Nam (tháng 9-1956) mới dám làm theo để công khai công nhận sai lầm của mình.

Cần chỉ ra thật rõ rằng cuộc kiểm điểm sai lầm này vẫn còn rất hời hợt, không sâu sắc triệt để, sửa sai do đó vẫn chỉ sơ sài hình thức, vin cớ là trong thời kỳ chiến tranh, ''phải tránh ***không cho địch lợi dụng***," ''phải ***chiếu cố miền Nam***, tránh làm cho bà con trong Nam giảm niềm tin, kẻ địch trong Nam lợi dụng..."

Do thái độ sùng bái TQ, e sợ đảng CS TQ, kiểm điểm sai lầm không dám đụng đến TQ nên từ đó họ vẫn kéo dài căn bệnh ''cúi đầu'' trong ứng xử với TQ, với những hệ quả tai hại lâu dài cho đất nước và dân tộc, kéo dài cho đến tận ngày nay mà vẫn chưa biết bao giờ mới chấm dứt.

3. Bàn tay của Trung Quốc trong chia đôi Việt Nam

Chuyện này không trực tiếp dính đến cuộc CCRĐ, nhưng không thể bỏ qua khi nói đến CCRĐ vì nó xảy ra ngay khi CCRĐ đang ở cao điểm ở Việt Nam và nó cũng bắt nguồn từ thái độ sùng bái TQ, ở thái độ từ nhiệm quyền tự chủ, quyền độc lập của Việt nam.

Chuyện này khá dài. Chỉ xin nói rất gọn để rõ do đâu mà nước ta bị chia đôi. Nước ta liền một giải, bỗng nhiên bị chia làm hai, hai chế độ, hai nhà nước, hai chính phủ, hai phe...; vết thương chia cắt đến nay vẫn chưa thành sẹo, sự chia cắt đã tác động sâu sắc đến cuộc sống của mỗi gia đình, mỗi con người Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ qua.

Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được thành lập từ ngày 1-10-1949, đến những năm 1953, 1954, vị trí quốc tế còn rất thấp (mãi đến năm 1971 Bắc Kinh mới được vào Liên Hợp Quốc). Mao và Chu Ân Lai lợi dụng cuộc chiến tranh Pháp - Việt để ***tìm kiếm một tư thế ngoại giao trên trường quốc tế***. Liên Xô đã tiếp tay cho Bắc kinh, đề xướng cuộc họp quốc tế ở

Genève (Thụy Sỹ) đầu năm 1954 nhằm tìm giải pháp cho hai cuộc chiến tranh ở Triều Tiên và ở Việt Nam. Mỹ, Anh và Pháp đều tán thành. Đây là ***cuộc ra mắt quốc tế đầu tiên của nước Trung hoa Cộng sản.*** Đoàn đại biểu Trung Quốc do Thủ tướng kiêm ngoại trưởng Chu Ân Lai dẫn đầu. Qua kể lại, văn kiện hội nghị và hồi ký của những nhân vật tham dự như Molotov (ngoại trưởng Liên Xô), Chu Ân Lai, Phạm Văn Đồng (ngoại trưởng VN Dân chủ Cộng hòa), Tạ Quang Bửu (thứ trưởng Quốc phòng miền Bắc VN)... thì thoạt đầu đoàn miền Bắc chỉ có một dự kiến là ***ngừng bắn tại chỗ***, trong khi chờ thời hạn cuộc tổng tuyển cử tự do trên toàn quốc. Đó là ngừng bắn theo ''***kiểu da báo***,'' theo từng vùng xen kẽ với nhau, không chia đôi, không cắt ngang đất nước qua một vĩ tuyến nào đó...

Trong tư tưởng quân sự của các tướng Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Lê Trọng Tấn, Trần Văn Trà... hồi ấy, lập trường ''ngừng bắn tại chỗ'' dựa trên ***thế trận đang thuận lợi trên toàn quốc***, và nhìn rộng hơn, là thế trận trên toàn chiến trường Đông Dương. Trên chiến trường chính là miền Bắc, chiến thắng vang dội Điện Biên Phủ đã được sự phối hợp và hỗ trợ khá mạnh của các chiến trường Trị-Thiên, Tây Nguyên (nơi cả GM 100 bị tiêu diệt trên đường13 và 14), Đông Nam bộ và đồng bằng sông Mékông, cũng như ở gần Luang Prabang, Phong Saly, Paksé-Sénô ở Lào. Vùng giải phóng rộng lớn ở đồng bằng Liên khu 5 là nguồn nhân lực và vật lực quan trọng cho cuộc chiến.

Người đề ra việc chia cắt Việt nam làm hai miền ***chính là Chu Ân Lai*** nhằm làm cho cuộc họp kết thúc nhanh, được phía chính phủ Pháp tán thành ngay giữa thái độ sửng sốt, ngỡ ngàng của trưởng đoàn Phạm Văn Đồng và tất cả đoàn VN dân chủ cộng hòa. Đầu tháng 7-1954, Chu Ân Lai từ Genève trở về Bắc Kinh báo cáo với Mao rồi ghé qua Liễu Châu ở Quảng Tây, gần biên giới Trung - Việt, triệu tập ông Hồ Chí Minh và tướng Giáp sang gặp tại đó, ép buộc chấp nhận giải pháp chia cắt. Chu ép rằng ''Mao chủ tịch đã tán thành ý kiến này; chia cắt chỉ tạm thời thôi, trong khi chờ tổng tuyển cử toàn quốc; phải giải quyết sớm không thì Mỹ sẽ can thiệp...'' Ông Hồ băn khoăn đành cúi đầu, tướng Giáp cay đắng vẫn phải vâng lời. Chu còn ngỏ ý việc chia cắt sẽ ở vào quãng ***vĩ tuyến 16***, nơi hồi 1945 các nước Đồng minh quy định ranh giới cho việc giải giới quân phát xít Nhật (quân Anh ở phía Nam, quân Trung hoa Tưởng ở phía Bắc).

Ngày 20/7/1954, ngay trước ngày ký Hiệp định Genève, chính cũng lại Chu Ân Lai ép Phạm Văn Đồng chấp nhận việc chia cắt ở vĩ tuyến 17, dọc theo sông Bến Hải, viện cớ rằng Thừa thiên - Huế là Cố đô, có nhiếu lăng tẩm nhà Nguyễn nên Pháp và ông Bảo Đại không chịu nhượng bộ. Lại một quả đắng phải nuốt vì trước đó Phạm Văn Đồng, Tạ Quang Bửu nhận điện của tướng Giáp từ Hànội... đã cò kè với phía Pháp đường chia cắt phải ở vĩ tuyến ***13*** (qua đèo Cả) rồi lùi về vĩ tuyến ***14, 15***, rồi cố giữ ở vĩ tuyến ***16*** (phía Nam đèo Hải Vân) như Chu Ân Lai từng hứa hẹn, mà cũng không được. Chỉ thị trước đó của Phạm Văn Đồng cho Tạ Quang Bửu khi mặc cả với phía Pháp: "không được để mất vùng Nam Ngãi Bình Phú (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên)" chỉ là ý muốn hão huyền.

Chính con dao Bắc kinh trong bàn tay của Mao và Chu Ân Lai đã cắt đôi đất nước ta với sự đồng thuận của nhóm lãnh đạo CS ở Hànội. Sự chia cắt độc ác ấy nằm trong ''chiến lược chia để trị'' truyền thống của bọn bành trướng cũng như của bọn thực dân, để lại những di hại lâu dài. ***Bắc kinh là kẻ hưởng lợi lớn*** nhất tại Genève năm 1954, được nâng cao vị trí quốc tế, được tiếng là 'đóng góp nổi bật cho hòa bình ở châu Á", được đóng vai ***cường quốc thế giới.***

Thái độ cam chịu làm chư hầu của Trung quốc là đường lối chiến lược nhất quán xưa nay của đảng CS VN, được khẳng định trong điều lệ của đảng kể từ năm 1960 (Đại hội III) ghi rõ lấy tư tưởng Mao làm nền tảng lý luận. Đường lối ấy chỉ tạm ngưng một thời gian ngắn khi bùng nổ mâu thuẫn Xô - Trung và chiến tranh biên giới Việt - Trung (1979) nhưng ngay sau khi đảng CS Liên xô tan vỡ (tháng 8-1991), đường lối ấy lại được khôi phục, còn mặn mà chặt chẽ hơn trước, ***suốt từ sau đại hội VII (1991) đến đại hội X,*** được Đỗ Mười và Lê Đức Anh bảo kê, còn kéo dài chưa biết đến bao giờ mới hết!

Chính hai nhân vật tệ hại này đã một mặt làm tay trong cho Bắc kinh để lấn đất, lấn biển nước ta qua hai hiệp định Việt - Trung 1999 và 2000, mặt khác trì hoãn việc ký hiệp định Việt - Mỹ, cản bước VN sớm gia nhập WTO theo thâm ý của các ông chủ ở Bắc Kinh.

Nhắc đến thái độ bạc nhược của nhóm lãnh đạo CS ở Hànội trước thế lực bành trướng TQ, xin nhớ ông cha ta vẫn căn dặn là phải cứng cỏi về nguyên tắc, dựa vào ý chí độc lập của toàn khối dân tộc, không thể chia rẽ, yếu đuối để họ lấn lướt ''được đằng chân lân đằng đầu,'' đồng

thời không khiêu khích chúng, khôn khéo giữ hòa khí để duy trì quan hệ láng giềng bình thường và bình đẳng.

Nhiều nhà trí thức dởm bênh che cho thái độ quỵ lụy dai dẳng của bộ chính trị đảng CS VN thường viện vi trí địa lý Việt Nam ở sát nước khổng lồ nên phải có thái độ biết thân phận mình, theo học thuyết ***địa lý - chính trị***; họ lý giải: người ta không thể chọn láng giềng, đây là định mệnh (!), phải biết sống để tồn tại, cứ phải chờ, TQ đổi mới đến đâu ta đổi theo đến đấy.

Các nhà thông thái nửa mùa ấy có biết hay không, một loạt nước sống cạnh TQ, có biên giới với TQ, vẫn ***giữ vững độc lập tự chủ*** đó sao? Ấn Độ, Sri lanca, Miến Điện, Thái Lan, Mông Cổ... đều nhỏ bé hơn TQ sao vẫn giữ được nền độc lập và tự chủ. Họ đâu có thúc thủ chịu đựng cái bất hạnh địa lý - chính trị có một nước lớn là láng giềng. Các nhà thông thái trên đây có biết chăng: dân tộc Hán lớn đến vậy, luôn tự hào là ***Đại Hán*** tộc, sống từ ngàn xưa trên đất Trung Quốc, thế mà từng bị dân tộc nhỏ bé ở Mông Cổ và Mãn Châu tràn sang thống trị thời Nguyên Mông và Mãn Thanh.

Các nhà chính trị thời hiện tại cần hiểu rằng: ngày nay, với khoa học kỹ thuật và công nghiệp quốc phòng phát triển cao, không gian và thời gian bị thu lại rất hẹp, quan hệ quốc tế trên cơ sở những giá trị của thời đại được toàn cầu hóa với tổ chức Liên Hợp Quốc, không phải dễ gì mà một nước lớn lấn áp, thống trị được một nước láng giềng, trừ phi nhóm lãnh đạo của chính nước đó dại dột ***tự nguyện làm chư hầu cho nước lớn***.

Thật đại phúc cho dân tộc Việt nam ta, gần đây đã có những thanh niên thông minh tuấn tú như Lê Chí Quang, Nguyễn Khắc Toàn, Đỗ Nam Hải, Trần Khải Thanh Thủy, Lê Thị Công Nhân... cùng nhiều chiến sỹ dân chủ đã cảnh báo về nguy cơ đến từ phương Bắc và chỉ ra con đường độc lập tự chủ chân chính của nước ta là gắn bó với những giá trị tự do dân chủ của thời đại, tỏ rõ bản lĩnh chính trị cao hơn hẳn bộ chính trị hiện tại, cao hơn hẳn những Nông đức Mạnh, Nguyễn Tấn Dũng, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Phú Trọng... một cái đầu.

4. Món nợ lưu cữu của đảng CS đối với nông dân VN

Trong CCRĐ bà con nông dân ta đã chịu bao nhiêu tổn thất? Theo thống kê nội bộ của đảng CS (chưa được công khai hóa), ở những vùng đã làm CCRĐ:

- số ''địa chủ thường'': *82.777* , số quy sai là *51.480*, tỷ lệ sai là 62% ;

- số địa chủ kháng chiến: *586*, số quy sai là *290*, tỷ lệ sai là 49% ; -số địa chủ cừơng hào ác bá: *26.453*, số quy sai: *20.493*, tỷ lệ sai là 77%40.

Như vậy là đã có hơn ***80 ngàn*** gia đình địa chủ đã bị bắt bớ, đấu tố, hành hạ; mỗi gia đình có trung bình bốn đến năm người, bị liên quan, nên số bị nạn lên đến ***400 ngàn*** người. Họ mất nhà, mất tiền của, một số tự sát, còn sống cũng đói khổ, ốm đau, suy kiệt; khá đông gia đình bị tan vỡ, con cái thất học, bơ vơ...

Số ''cường hào ác bá'' (bị coi là oan hay không oan) bị tù đầy, đánh đập, tra tấn rồi bị bắn lên đến hơn ***26 ngàn***, cả gia đình bị điêu đứng theo, thì con số bị nạn có thể lên đến hơn ***100 ngàn***. Vậy là tính sơ sơ số nạn nhân trực tiếp nói chung lên đến ***nửa triệu con người***.

Chưa hết, theo thống kê nội bộ, trong Chỉnh đốn tổ chức được tiến hành ở 2.876 chi bộ đảng CS gồm có 15 vạn đảng viên, đã có đến ***84.000 đảng viên*** bị xử trí (bị tù, tra tấn, xỉ vả, bị giết) chiếm 47%. Con số khủng khiếp này - nhiều hơn số địa chủ bị đấu tố - đã được giữ rất kín. Tôi có những bạn thân, đồng đội cấp trung đoàn (hồi ấy chưa có quân hàm) là trung đoàn trưởng, tỉnh đội trưởng... bị đánh rụng hết răng, mù mắt, gẫy chân; một số khi sửa sai thì đã bị lao phổi nặng do phải nằm đất ẩm, chỉ có manh chiếu rách. ***Số đảng viên bị tra tấn còn tàn khốc hơn dân thường*** vì bị coi là phần tử thù địch chui vào đảng để phá từ bên trong. Hầu hết là đảng viên trí thức, có trình độ học vấn khá.

Những biện pháp sửa sai đều hời hợt qua loa vì phần lớn của cải đã bị chia chác rơi vãi tan nát hết, còn người chết, tật bệnh hiểm nghèo, đau khổ không thể khôi phục nổi. Cần chỉ rõ thái độ vô trách nhiệm, đạo đức giả của lãnh đạo khi ba hoa về sửa sai ''kịp thời,'' ''thành khẩn,'' ''hoàn thành sửa sai.''

Với thời gian nửa thế kỷ, nhìn lại cho sâu sắc, thế là cả một lớp nông dân thuộc tầng lớp trên ở nông thôn, có văn hóa và kiến thức, am hiểu sâu nghề làm ruộng truyền thống đã bị tiêu diệt nhân danh cách mạng vô sản.

Món nợ của đảng CS vẫn chưa hết. Ngay sau CCRĐ, chưa kịp sửa sai xong, đảng CS đã ép nông dân đi vào con đường ***tập thể hóa nông nghiệp***, theo chỉ thị của Stalin và Mao. Hợp tác xã từ bậc thấp lên bậc cao, từ hợp tác xã từng xóm thôn đến hợp tác xã toàn xã theo kiểu Công xã nhân dân Trung quốc và nông trường xô viết

ở Nga. Máu không tuôn chảy nhưng đó là ***con đường nghèo đói rã họng, chết dần chết mòn***, suốt 25 năm từ 1960 đến 1985, nông dân chỉ sống cầm hơi nhờ mảnh đất 5% để lại cho từng hộ, trong khi 95% diện tích đưa vào tập thể không sản xuất nổi sản phẩm ngang bằng 5% kia. Mặc cho nông dân nghèo đói đến cùng cực, mặc cho vô vàn đảng viên kêu trời lên về sự phi lý ngu muội, như bí thư tỉnh ủy Vĩnh Phú Kim Ngọc bị vùi dập không thương tiếc; nông dân nhiều nơi bị dồn đến thế khốn cùng đã xé rào, tự cứu lấy mình, lúc ấy đảng mới ''sáng suốt,'' chịu ty hý mở mắt theo.

Ngay sau khi nông dân thoát khỏi chiếc gông cùm tập thể hóa của đảng CS, ***được tự do sản xuất*** trên đồng ruộng mình sau năm 1986, lập tức sản lượng gạo nhảy vọt để VN trở thành nước sản xuất gạo hàng đầu; điều này càng chứng tỏ đảng CS đã ''tận tình'' tàn phá và bần cùng hóa nông nghiệp đến mức nào trong suốt gần 30 năm trời mụ mẫm và mù quáng.

Cùng với tai họa khủng khiếp tập thể hóa nông ngiệp, đảng CS huy động hàng triệu thanh niên nông thôn vào Quân đội nhân dân, không ít tuổi trẻ đã phải ''sinh Bắc tử Nam,'' và ngay sau đó hơn 50 vạn lính nông dân đã bỏ mạng trên đất Cambốt (với 20 vạn bị thương). Và hiện nay đảng đang đền ơn đáp nghĩa nông dân ra sao? Biết bao mẹ anh hùng, mẹ liệt sỹ nối đuôi nhau trước các nhà ''tiếp dân" vì ruộng đất, nhà cửa đã bị quan chức đảng, bọn cường hào cộng sản cướp đoạt.

Vậy thì câu hỏi đảng CS đã trả hết nợ với nông dân hay chưa vẫn còn nguyên tính chất nóng bỏng. Đồng ruộng đất đai là sinh mạng của nông dân. Hiến pháp vẫn khẳng định ruộng đất thuộc quyền sở hữu của toàn dân. Nhà nước do đảng CS dựng lên thay mặt toàn dân nắm quyền sở hữu ấy. Cuối cùng là đảng CS lộng quyền, tự tung tự tác, chia chác ruộng đất tùy tiện, để đến nay quan chức đảng các cấp phần lớn trở thành những địa chủ tư sản mới, chủ nhà đất mới, phú nông mới, làm chủ đất, ruộng, rừng, hồ ao... ở khắp nơi.

Nông dân, người dân Việt ngày nay gọi các quan chức đảng là lũ ''***địa tặc,***'' lũ giặc cướp đất của dân, những kiện cáo, khiếu kiện về ruộng đất, nhà cửa ở khắp mọi nơi ngày càng chồng chất, một vụ chưa giải quyết đã lại nổ ra trăm ngàn vụ khác, ***oan khiên oán giận ngút trời***, không có cách gì giải quyết nổi.

Nhìn chung nông dân nước ta như con bò cái khỏe mạnh đã bị đảng cộng sản ''chiếu cố", vắt kiệt sữa, bỏ đói dài dài, nay trơ xương, cay đắng nhìn về thành phố sung túc phồn vinh, ngậm ngùi về sự lạc hậu bất công, về sự phản bội lời hứa xây dựng một nông thôn xã hội chủ nghĩa tiên tiến giàu sang của đảng CS. Đây là món nợ cực lớn.

Kết luận

Nhìn lại cuộc CCRĐ và mối quan hệ giữa ***nông dân VN và đảng CS*** trong hơn nửa thế kỷ qua, có thể kết luận đó là mối quan hệ tuyệt hảo, tốt đẹp hay chỉ là một bi kịch kéo dài. Câu hỏi nóng bỏng rút ra từ thực tế lịch sử là :

- đến bao giờ đảng CS mới trả lại ***quyền tư hữu ruộng đất đầy đủ*** cho nông dân, những người đã và đang khai khẩn, lao động làm ra nông sản cho xã hội, và trả lại cho mọi tầng lớp xã hội ***quyền tự do đầy đủ về kinh tế, chính trị, văn hóa và tôn giáo***, như trong một xã hội dân chủ văn minh?

- đến bao giờ đảng CS VN ***trở về với nền độc lập tự chủ*** của dân tộc, từ bỏ thái độ thần phục nước lớn, khôi phục các vùng đất và vùng biển đã mất, để cùng nhân dân mình theo con đường phát triển đúng đắn gắn bó với thời đại dân chủ văn minh?

Trên đây là hồi tưởng và suy nghĩ của một người từng ở trong lòng cuộc CCRĐ để quan sát và thuật lại, nhân dịp nửa thế kỷ cuộc sửa sai (tháng 10-1956).

Xin chớ vội cho là tôi đã cố tình thổi phồng sự kiện, phóng đại tình hình vì cay cú không còn ở trong đảng CS.

Tôi đã cố giữ tinh thần ***trung thực*** của một chiến sỹ dân chủ, lấy sự thật và chỉ có sự thật làm mục tiêu và động lực tinh thần, nhằm làm cho bà con nông dân ta, tuổi trẻ và cả những người cộng sản nhìn lại một cách tỉnh táo và lương thiện về những vấn đề chiến lược: ***nền độc lập dân tộc*** và ***quan hệ giữa nông dân VN và đảng CS VN***.

Người viết mong được nhiều ý kiến nhận xét, đối thoại và tranh luận từ mọi hướng, từ các nhà nghiên cứu ở trong nước, các viện sỹ, giáo sư, sinh viên ngành chính trị, lịch sử, triết học, kinh tế, văn hóa của Học viện chính trị quốc gia và Viện Khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt là từ tuổi trẻ trong và ngoài nước và bà con nông dân quý mến.

(Paris tháng 10-2006)

DIỄN TIẾN CỦA MỘT TÒA ÁN NHÂN DÂN

(Hình của nhiếp ảnh gia Dmitri Baltermants (1912-1990) chụp năm 1955 tại Việt Nam)

Quang cảnh tòa án

Nông dân đang tố khổ địa chủ

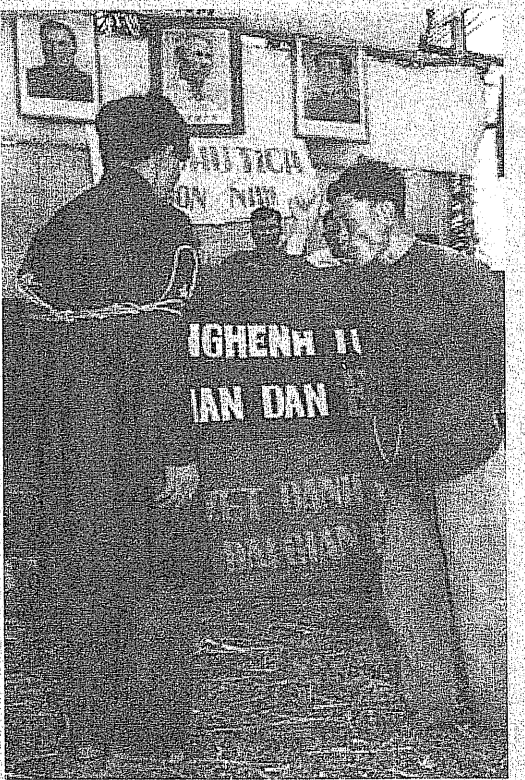

Các lãnh tụ cộng sản (ảnh treo tại tòa án) đang chứng kiến tác phẩm "cải cách ruộng đất" của mình. Từ trái: Malenkov (Thủ tướng Liên Xô), Hồ Chí Minh, Mao Trạch Đông.

Cảnh xử bắn ngay tại chỗ sau khi địa chủ bị kết án tử hình.

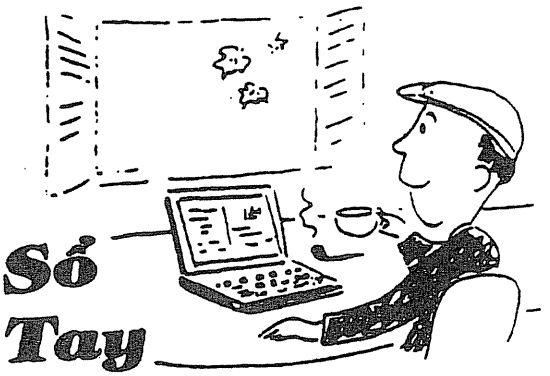

NGÔ NHÂN DỤNG

GIẢI NOBEL HOÀ BÌNH CHO MỘT NGÂN HÀNG?

Trong tháng Mười, Giải Nobel Hoà bình đã được trao cho một giáo sư kinh tế học người Bangladesh và ngân hàng do ông sáng lập. Uỷ ban tuyển chọn của Giải Nobel Hoà bình ở Na Uy đã chứng tỏ họ đầy sáng kiến khi tặng giải cho một nhà kinh tế và một ngân hàng, những nghề nghiệp không có vẻ liên quan gì tới hoà bình thế giới cả! Nhưng đây là một ngân hàng chuyên cho vay những món tiền nho nhỏ có thể chỉ vài chục mỹ kim, mà người vay là những phụ nữ sống ở miền quê các nước nghèo nhất thế giới. Trước đây Giải Nobel Hoà bình đã được trao cho những chuyên gia nông học vì tìm ra những loại giống lúa mới giúp nông dân ở các nước nghèo đỡ đói; mấy năm trước giải Nobel lại đem tặng cho một phụ nữ Phi châu vì bà gây ra phong trào bảo vệ rừng và bảo vệ môi trường sống trong cả lục địa này. Giải Nobel Hoà bình năm nay được chia cho Giáo sư Mohammed Yunus và Ngân hàng Grameen mà ông lập ra từ năm 1983. Như vậy thì ngân hàng của ông đóng góp gì cho hoà bình thế giới?

Muốn trả lời câu hỏi này chúng ta có thể nhớ lại một thông điệp của Đức Giáo hoàng Phao Lô thứ sáu, thông điệp "Hoà bình trên Trái đất." Cố giáo hoàng nhìn lại cảnh nghèo khó ở nhiều quốc gia và cảnh chênh lệch giầu nghèo còn đầy rẫy trong những nước gọi là tiền tiến, và ngài kết luận: Từ nay, "tên gọi của hoà bình là phát triển," tức là phát triển kinh tế.

Ngân hàng Grameen do Giáo sư Yunus sáng lập cũng như các tổ chức tín dụng khác mô phỏng theo ngân hàng này, không có tham vọng là phương thuốc duy nhất giúp các nước nghèo phát triển. Nhưng họ có khả năng khích lệ rất nhiều người ở các nước nghèo tự cải thiện đời sống của mình, thoát khỏi cảnh nghèo đói mà không cần nhờ vả vào các chính phủ hay các cơ quan từ thiện. Có hàng trăm triệu người nghèo trên thế giới, từ Bangladesh ở Á châu, đến Uganda ở Phi châu, và ngay trong một số thành phố ở Mỹ như New York, Chicago, Detroit, vân vân, đã có cơ hội vay tiền ở những ngân hàng gọi là "tín dụng vi mô" (micro credit) này. Có thể coi đây là một phép lạ trong lãnh vực tài chánh do thiện chí của con người tạo ra, dựa vào lòng tin nơi tính thiện của loài người.

Phép lạ này xẩy ra bắt đầu từ lòng tin vào những người nghèo nhất trong nước Bangladesh, một nước quá đông dân, bị thiên nhiên bạc đãi. Giáo sư Yunus đã chứng kiến cảnh những phụ nữ nhà quê sống gần trường đại học nơi ông dậy, họ muốn sống tự lập bằng những nghề thủ công như đan rổ giá bằng tre, hoặc nặn và nung những cái nồi đất, hoặc nuôi một đàn gà lấy trứng đem bán. Nhưng các người dân quê này không thể nào đi vay tiền ở các ngân hàng để làm vốn, dù chỉ cần số tiền nhỏ dưới 10 đô la Mỹ. Vì các ngân hàng không cho những người như vậy vay tiền, mà những người đó cũng không có tài sản nào đáng dùng để cầm thế khi đi vay.

Có những phụ nữ chỉ biết cắt tre, vót tre và đan tre thành những rổ, giá, thúng, mẹt đem bán ngoài chợ để kiếm ăn. Nhưng ngay trong một công việc kinh doanh nho nhỏ bằng nghề thủ công đó, người phụ nữ cũng không đủ tiền mua tre về làm hàng, mà nhiều khi phải đi vay vốn. Vay ở ngoài chợ, người đàn bà này và các người buôn thúng bán mẹt khác phải trả tiền lãi 10 phần trăm một tuần lễ.

Mười phần trăm một tuần lễ là bao nhiêu trong một năm? Trong đầu nhà kinh tế học thử làm ngay một con tính. Nếu tính theo lối lãi kép như các kinh tế gia thường làm, nghĩa là tiền lãi đọng không trả tuần này sẽ được cộng gom vào tiền vốn để tính lãi cho tuần sau, thì lãi suất 10% một tuần sau 52 tuần lễ tương đương với 14200 phần trăm một năm. Tức là vay một đồng, lãi kép 10% một tuần, sau 52 tuần sẽ trả thành 142 đồng! Có nhà ngân hàng nào trên thế giới dám tính lãi suất cao như vậy không? Có nhà kinh doanh nào kiếm được lợi suất biến một đồng thành 142 đồng sau một năm đầu tư hay không? Chắc chắn là không! Giáo sư Mohammed Yunus nẩy ra ý định giúp

những phụ nữ nghèo khổ này. Nhưng không bố thí, không biến họ thành những người phải đi nhờ vả. Họ phải giữ được phẩm giá con người, làm việc kiếm ra tiền để sống, và hễ đi vay thì phải trả.

Năm 1974 ông Yunus đã bắt đầu lấy tiền túi của ông cho 42 phụ nữ vay, tổng cộng chỉ có 27 mỹ kim. Ông yêu cầu họ trả tiền lãi giống như khi đi vay ở ngân hàng thương mại. Và phép lạ đã xẩy ra. Những người vay tiền làm ăn đều trả lại đủ vốn lẫn lãi. Người cho vay thì thu lại vốn và hưởng một số tiền lãi như các ngân hàng khác vậy. Người vay tiền không phải ngửa tay xin ai, họ tự tin và giữ được phẩm giá con người. Giáo sư Yunus đã mời những bạn bè, đồng nghiệp và người quen tham dự phong trào này, và dần dần ông cùng với các nông dân trong vùng chính thức mở một ngân hàng mang tên là Grameen, chữ Bengali có nghĩa là Làng quê.

Ý tưởng chính trong việc phát động phong trào tiểu tín dụng là dùng các quy tắc của kinh tế thị trường. Người ta đi vay khi nào thiếu vốn để làm ăn. Người có dư vốn vì trước đó làm ra tiền mà để dành không tiêu pha, có quyền được hưởng tiền lãi khi đưa vốn cho người khác sử dụng. Hai bên thương lượng với nhau một cách bình đẳng theo lối thuận mua vừa bán. Cho vay tiền làm vốn không phải là làm ơn cho người vay, mà là một hành động kinh doanh. Ngân hàng chỉ cho vay nếu thấy người vay có khả năng trả lãi rồi đến kỳ thì trả vốn. Hành động vay và trả đặt trên sự tín nhiệm giữa hai bên, được xã hội bảo đảm, bằng luật lệ hay phong tục tập quán.

Nhưng nếu người đi vay ỷ lại, hoặc trây lười không chịu trả lãi và vốn thì sao? Cứ một nhóm năm người vay nợ chịu bảo đảm lẫn cho nhau, một người thiếu tiền không trả được thì những người kia bù vào trả giúp, nếu không thì những người trong nhóm sẽ không được vay thêm nữa. Làm như vậy thì chính những người đi vay thấy có bổn phận giữ chữ tín để khỏi mang tiếng với xóm làng. Cứ sáu nhóm năm người đó họp lại thành một hội để tương trợ và chịu trách nhiệm chung. Mối liên hệ dựa trên lòng tin tưởng giữa các cá nhân quen biết đó, không khác gì căn bản lối "chơi họ" của người Việt Nam xưa đến nay. Nếu tất cả mọi người trong một nhóm cùng không có tiền trả thì ngân hàng đành nhận đó là "nợ xấu" không đòi được. Nhưng chỉ trong trường hợp thiên tai thì chuyện đó mới xẩy ra. Khi đó các con nợ được miễn trả góp trong một năm, nhưng không được xoá nợ để bảo vệ tinh thần trách nhiệm.

Hiện giờ Ngân hàng Grameen ở Bangladesh mỗi năm cho hơn sáu triệu rưỡi người vay tiền, tổng cộng khoảng 500 triệu mỹ kim. Không ai bố thí cho ai, không ai phải nhờ vả người khác, những ngân hàng nông thôn này làm việc đúng các quy tắc tín dụng của kinh tế thị trường, dựa trên lòng tin tưởng là khi người ta ký một hợp đồng thì người ta sẽ giữ lời cam kết.

Phong trào ngân hàng nhà quê đó giờ đã lan ra khắp thế giới. Vào cuối năm 2004 đã có hơn 3,000 tổ chức tín dụng nhỏ như vậy, đã cho hơn 92 triệu vay tiền; mà trong số đó có 67 triệu người sống ở những nơi nghèo nhất trên địa cầu, mà đây là lần đầu tiên họ đứng tên vay tiền, dù đó là những món tiền nhỏ dưới 100 mỹ kim!

Những món tiền đó không đủ làm vốn để phát triển kinh tế các quốc gia, nhưng đã giúp những người nghèo nàn trong xã hội vươn lên. Cảnh bất công chênh lệch giầu nghèo được giảm bớt. Khi xã hội bớt bất công và những người nghèo tự tin ở chính họ và tin vào nền kinh tế thị trường mà họ đang sống, đó cũng là một yếu tố giúp cho hoà bình được bền vững. Chúng ta cũng biết rằng Bangladesh là một quốc gia Hồi giáo, mà 90 phần trăm các người vay tiền cũng như gửi tiền lấy lãi ở Ngân hàng Grameen đều là phụ nữ. Biết như vậy chúng ta hiểu rằng thế giới Hồi giáo có thể thay đổi bước vào thời hiện đại chứ không phải chỉ toàn những người cực đoan quá khích. Đó là một tin mừng cho cả loài người.

Ở Mỹ đã có những tổ chức "tín dụng vi mô" theo mẫu ngân hàng Grameen để giúp các nhà tiểu thương trong các thành phố lớn như New York. Nhiều người vay được vài ngàn mỹ kim làm vốn đã làm ăn khá giả, họ tự hỏi tại sao một ý kiến hay như vậy mà người Mỹ trước giờ không nghĩ ra. Nước Mỹ cũng có những điều học được từ thế giới Hồi giáo! Chính Giáo sư Yunus cũng nêu trường hợp các quỹ tín dụng vi mô Ở Sri Lanka giúp các nông dân sau trận thần phong tsunami năm kia để khuyên chính phủ Mỹ nên theo gương đó sau những trận bão như trận Katrina.

CÔNG ĐOÀN ĐỘC LẬP THÁCH THỨC ĐẢNG CỘNG SẢN

Một Công đoàn Độc lập Việt Nam đã tuyên bố thành lập tại Hà Nội vào tháng trước. Công

đoàn nêu mục đích "Bảo vệ các quyền lợi vật chất và tinh thần của giai cấp công nhân và người lao động Việt Nam." Ba người đứng tên đại diện của Công đoàn, các ông Nguyễn Khắc Toàn, Lê Trí Tuệ và Cao Văn Nhâm đã kêu gọi giới lao động Việt Nam tham gia, và yêu cầu các tổ chức lao động quốc tế công nhận và yểm trợ. Một cuộc hành trình mới bắt đầu cho người lao động ở nước ta.

Ba người trong Ban Đại Diện và 12 uỷ viên lâm thời đã trình diện trước công luận, từ nay guồng máy công an bảo vệ chế độ sẽ dùng phương cách đối phó quen thuộc đối với các tổ chức độc lập nằm ngoài quyền kiểm soát của đảng, tức là đàn áp tàn bạo. Như họ đã tìm cách chèn ép, triệt hạ Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất từ 30 năm qua. Chỉ vì quý vị tăng ni không chịu để cho quyền lực chính trị chen vào tôn giáo.

Cho tới nay, Giáo hội Phật giáo Thống nhất sở dĩ vẫn kiên cường, tiếp tục đòi phục hồi quyền sinh hoạt tự do, đó là nhờ chung quanh giáo hội luôn luôn có các Phật tử. Cũng vậy, sức tranh đấu của Công đoàn Độc lập Việt Nam sẽ mạnh mẽ và bền bỉ hay không, điều này tuỳ thuộc vào khả năng thuyết phục và thu hút giới lao động trong nước của những người lãnh đạo công đoàn, những người đang can đảm xung phong đứng đầu sóng ngọn gió.

Chúng tôi tin rằng 15 người đứng tên thành lập công đoàn đã tính toán trước các nước cờ và sẵn sàng chống đỡ các đòn đánh phá của đảng Cộng Sản. Và, trước khi ra mặt công khai, chắc họ đã dự trù các kế hoạch gây dựng cơ sở để góp gió thành bão. Khi nào chúng ta thấy những nhóm công nhân ở một nhà máy, một công trường, hay một nông trại, tự động đứng lên đòi hỏi các quyền lợi cụ thể cho người lao động; khi nào thấy những nhóm công nhân tự tập họp trong một phong trào bột phát rồi tìm đến liên kết với nhau, lúc đó chúng ta biết gió đang chuyển thành bão.

Nếu ngay bây giờ đảng Cộng Sản muốn tỏ ra họ đủ tự tin và đủ can đảm thì họ hãy tôn trọng quyền hoạt động tự do của Công đoàn Độc lập. Hãy để cho các công đoàn độc lập có dịp thi thố, tranh đua với Tổng Công đoàn độc quyền của đảng, xem ai thực sự đem lại lợi ích cho các người lao động.

Nếu Công đoàn Độc lập Việt Nam bị đàn áp, hành động đó sẽ lật mặt nạ giả dối của đảng Cộng Sản. Tất cả mọi người sẽ có thấy rõ đảng Cộng Sản Việt Nam chỉ là một tổ chức cường quyền đàn áp công nhân để bảo vệ quyền lợi của giới chủ nhân tư bản cấu kết với đảng.

Hoàn cảnh nước Việt Nam bây giờ đã thay đổi. Vì các nhà tư bản ngoại quốc đã được mời tới khai thác "sức lao động rẻ mạt" của công nhân Việt Nam. Các quan chức cộng sản và họ hàng, con cháu, bạn bè của họ thì tự biến mình thành các nhà tư bản nội địa. Vì tham gia vào kinh tế thị trường để "bóc lột giá trị thặng dư" có lời hơn việc dùng quyền lực để "ăn cắp thuần tuý" gấp bội, mà tương lai lại vững vàng hơn khi chế độ phải thay đổi.

Trong nước ta bây giờ có hai hệ thống xí nghiệp. Trong hệ thống quốc doanh thì đảng Cộng Sản vẫn nắm toàn quyền, vừa đóng vai chủ nhân vừa lãnh đạo công đoàn. Nhưng hầu hết các doanh nghiệp đó đều oặt oẹo, không đủ sức cạnh tranh nếu mai mốt Việt Nam được vào Tổ chức Thương Mại Thế giới. Các xí nghiệp tư làm việc theo lối tư bản đã phát triển nhanh chóng, vì phong cách làm việc có hiệu quả kinh tế cao hơn lối làm ăn kiểu quốc doanh. Họ đóng góp hơn phân nửa sức sản xuất trong nước và nay mai sẵn sàng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Nhưng sự có mặt của nền kinh tế tư bản còn gây ra những hậu quả khác, bất lợi cho giới công nhân.

Như lá thư ra mắt của Công đoàn Độc lập Việt Nam viết, chính sự có mặt của lực lượng tư bản ngoại quốc và tư bản nội địa đã thay đổi hoàn toàn tương quan giữa giới lao động với giới chủ nhân và đảng Cộng Sản ở nước ta. Khi còn dùng hệ thống quốc doanh độc quyền, đảng Cộng Sản là chủ nhân cất cử các quản đốc xí nghiệp; nhưng đảng vẫn toàn quyền sai khiến các lãnh tụ công đoàn. Không ai dám đặt câu hỏi nào về cảnh mâu thuẫn và giả dối đó.

Sự có mặt của giới tư bản tư nhân đã khiến hệ thống cũ mất thế cân bằng, hậu quả là phải gây ra khủng hoảng. Tỷ trọng của "kinh tế tư bản" trong nền kinh tế Việt Nam ngày càng lên cao, kinh tế quốc doanh xuống dốc. Giới chủ nhân trong phần kinh tế tư bản cư xử theo đúng cung cách của các nhà tư bản khắp thế giới. Mục tiêu của họ là tối đa hoá doanh lợi.

Trong các nước tư bản tiến bộ nhờ chế độ dân chủ tự do thì mục tiêu tối đa hoá doanh lợi là đương nhiên, không ai coi là phi lý. Vì pháp luật trong các xã hội dân chủ tự do bảo đảm tất cả mọi người có quyền lo cho quyền lợi riêng của chính mình. Nhưng pháp luật dân chủ cũng

hạn chế quyền của giới tư bản, để bảo vệ đức công bằng, không cho người mạnh dùng lợi thế bắt nạt kẻ yếu. Một trong các biện pháp bảo vệ đức công bằng trong xã hội tư bản là luật pháp công nhận mọi người lao động có quyền thành lập công đoàn của chính họ, cho chính họ, đối lập với quyền lợi giới chủ nhân, độc lập với quyền lực chính trị. Mọi người lao động có quyền tranh đấu, quyền đình công của họ được luật pháp bảo đảm.

Ở Việt Nam hiện nay không có, chưa có những luật lệ tiến bộ đó. Đảng Cộng Sản đã thực hiện 20 năm đổi mới, đã thay đổi hệ thống kinh tế, công nhận quyền sở hữu xí nghiệp tư, tôn trọng quyền kinh doanh của các chủ nhân. Trái lại, họ chưa hề thay đổi hệ thống pháp luật để bảo đảm quyền lợi của người lao động. Các nhà tư bản quốc tế có thể bắt buộc đảng Cộng Sản bãi bỏ các độc quyền kinh doanh nếu các chủ nhân thấy họ bị thiệt thòi. Nhưng đảng Cộng Sản vẫn giữ tất cả những thứ độc quyền khác, nếu giới tư bản nước ngoài chấp thuận. Trong đó, có độc quyền lập công đoàn của đảng. Đối với các vị chủ nhân tư bản thì quyền tự do lập công đoàn của giới lao động càng bị hạn chế càng có lợi cho các người bỏ vốn. Tổ chức duy nhất được đảng Cộng Sản công nhận vẫn chỉ là Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, hoàn toàn do đảng kiểm soát. Công nhân các xí nghiệp không có một tiếng nói độc lập nào cả.

Các quan chức cộng sản được giới tư bản chiều đãi và mua chuộc, hoặc chính họ đóng vai tư bản bỏ vốn đầu tư, làm sao họ đại diện cho người lao động Việt Nam được? Trong cảnh trống vắng, thiếu tiếng nói đích thực đại diện cho quyền lợi giới công nhân, các nhà tư bản nội địa và ngoại quốc càng thêm cơ hội "tối đa hoá doanh lợi." Nhưng giới công nhân thì không có vũ khí nào để tự bảo vệ.

Tình trạng mất cân bằng này đã tạo cơ hội cho giới tư bản làm giầu mà không bị chi phối vì các luật lệ bảo vệ người lao động như ở các nước tư bản tiên tiến. Như bản tuyên bố của Công đoàn Độc lập Việt Nam nêu lên, người lao động Việt Nam "thường xuyên bị chủ ức hiếp, dọa sa thải, thậm chí đánh đập, làm nhục mà không có ai bênh vực, bảo vệ." Mặt khác, tiền lương của công nhân thì thấp mà những lúc đau ốm không được săn sóc, có khi vẫn phải làm việc vì sợ bị chủ đuổi việc. Tổng liên đoàn Lao động của đảng Cộng Sản hoàn toàn bất lực trong việc bênh vực công nhân các xí nghiệp tư. Vì công đoàn của đảng phải làm theo chính sách của đảng. Mà đảng thì đang tìm mọi cách chiều đãi tư bản ngoại quốc để kiếm đô la; đồng thời giúp các đảng viên cao cấp "tích luỹ tư bản" để chuẩn bị cho ngày đảng bị mất quyền hành. Chính bà Cù Thị Hậu, chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động cũng thú nhận rằng các chi nhánh của bà không có quyền quyết định đình công, vì phải theo lệnh của chi bộ đảng. Mà quyền đình công thì bị hạn chế, vì hệ thống giấy tờ cho phép rất dài dòng, phức tạp.

Công đoàn Độc lập Việt Nam ra đời vạch rõ tình trạng đảng Cộng Sản đeo hai mặt nạ, bên ngoài mạo danh đại biểu công nhân, bên trong phục vụ giới chủ nhân. Tình trạng man trá, giả dối đó phải chấm dứt. Đồng thời, đây là một dịp để đồng bào ta trong nước thấy rằng quyền tự do hội họp và tự do lập hội là một quyền căn bản không thể thiếu được. Cả Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất lẫn Công đoàn Độc lập Việt Nam đều nhắm vào một mục tiêu: Thực hiện quyền tự do hội họp, tự do lập hội. Đó là những quyền được ghi rõ trong các bản hiến pháp nước ta, ở miền Nam cũng như miền Bắc, kể từ năm 1946 đến nay. Nhưng quyền đó không bao được đảng Cộng Sản Việt Nam tôn trọng. Đây là lúc phải chấm dứt thái độ giả trá đó. Người Việt Nam không chấp nhận bị những kẻ đeo hai mặt nạ buộc dân tộc mình trong cảnh chậm tiến mãi mãi.

Sau khi Công đoàn Độc lập Việt Nam ra đời thì tại Warszawa, thủ đô Ba Lan, một cuộc hội nghị quốc tế về quyền của người lao động đã được tổ chức trong những ngày 28 tới 30 tháng Mười, 2006. Hội nghị quy tụ nhiều người Việt từ khắp nơi trên thế giới và có những lãnh tụ công đoàn Đoàn Kết (Solidarnos) của Ba Lan tham dự. Hội nghị diễn ra ngay trong trụ sở quốc hội Ba Lan, tạo một khí thế phấn khởi cho những người tham dự và những nhà tranh đấu cho dân chủ tự do và quyền lao động trong nước.

Một ngày trước khi hội nghị bắt đầu, một người Việt trong nước lên đường đi dự hội nghị, Luật sư Lê Thị Công Nhân đã bị giữ lại trong lúc chuẩn bị lên máy bay ở phi trường Nội Bài rồi bị cấm không cho đi mặc dù đã được Toà Đại sứ Ba Lan can thiệp và cấp chiếu khán từ trước.

Nhưng trong cuộc họp ngày 28 tháng 10, bà Lê Thị Công Nhân đã có dịp nói chuyện trực tiếp với hội nghị qua điện thoại. Bài thuyết trình

ngắn của bà đã khiến tất cả mọi người nức lòng vì quan niệm chín chắn, thực tế và thái độ cương quyết của bà cho thấy một phong trào công nhân độc lập có thể thành hình ở nước ta. Những nhà tranh đấu dân chủ ở trong nước như các ông Nguyễn Văn Đài, Nguyễn Khắc Toàn cũng nói chuyện trực tiếp với hội nghị qua điện thoại.

Điều đáng kể thứ hai trong ngày khai mạc là sự có mặt của những người Ba Lan đã có kinh nghiệm đấu tranh với chế độ cộng sản xứ này từ thập niên 1980, nhiều người nay vẫn còn hoạt động trong Công đoàn Đoàn Kết. Ông phó chủ tịch Công đoàn này đã đại diện ông chủ tịch đang ở ngoại quốc tới dự. Ông cùng các nhà lãnh đạo công đoàn đã trình bầy về những phương pháp và kinh nghiệm đấu tranh của công đoàn Solidarnos. Đặc biệt, ông đã cống hiến ngay trang nhà điện tử của công đoàn để giới lao động Việt Nam ở khắp thế giới có thể dùng mà trao đổi tin tức, truyền bá các hiểu biết và kinh nghiệm cho giới lao động Việt Nam, bằng tiếng Việt. Sự ủng hộ nồng nhiệt của Công đoàn Đoàn Kết đối với hội nghị về quyền lao động của người Việt đã khiến một số đại biểu từ hai nước khác bầy tỏ ý nguyện được người Ba Lan giúp họ trong việc đấu tranh cho tự do dân chủ giống như họ đang hỗ trợ người Việt Nam.

Ban tổ chức hội nghị cho biết Toà Đại sứ của chính phủ Hà Nội đã gửi thư cho tổng thống Ba Lan để can thiệp yêu cầu cấm không cho tổ chức. Nhưng hành động dại dột này trở thành khiêu khích đối với các nhà lãnh đạo, trong đó có ông chủ tịch quốc hội Ba Lan cho nên giới trí thức dân chủ ở Ba Lan càng muốn ủng hộ phong trào dân chủ tự do ở Việt Nam nhiều hơn. Năm 1989 khi đảng Cộng Sản Ba Lan chịu trao quyền cho Phong trào Solidarnos, đảng Cộng Sản Việt Nam đã cho tổ chức một cuộc biểu tình trước toà Đại sứ Ba Lan ở Hà Nội để hô các khẩu hiệu ủng hộ Cộng Sản Ba Lan. Nhưng nhân viên sứ quán đã yêu cầu họ giải tán, vì việc trao quyền là do nguyện vọng của nhân dân Ba Lan.

HỒ CẨM ĐÀO CỦNG CỐ QUYỀN LỰC

Các đảng cộng sản thường che giấu, không bao giờ muốn vạch áo cho người xem lưng, trừ những lúc cực chẳng đã. Cuối tháng Chín, chính phủ Trung Quốc bắt Trần Lương Vũ, bí thư thành ủy Thượng Hải. Muốn thấy vụ thanh trừng này lớn thế nào, hãy tưởng tượng ở Việt Nam mà đi bắt một bí thư thành ủy Sài Gòn. Vì Thượng Hải cũng là thành phố lớn nhất và kinh tế phát triển nhanh nhất ở Trung Quốc. Vụ này làm chấn động hàng ngũ các đảng viên.

Năm 1995 Cộng Sản Trung Quốc đã bắt Trần Hy Đồng, bí thư Bắc Kinh, rồi đem ra toà trừng trị hẳn hoi. Trần Hy Đồng lúc đó đứng đầu một thế lực mạnh có khả năng khuynh đảo Giang Trạch Dân, cho nên phải đem thanh toán làm gương. Câu chuyện tham nhũng lộng quyền của băng đảng Bắc Kinh đã được viết thành một cuốn tiểu thuyết (Thiên Nộ).

Những vụ bắt tham nhũng thường xẩy ra trước đại hội đảng hoặc kỳ họp Trung ương. Đó là thời gian họ moi móc tội lỗi để cất đường thăng quan tiến chức của nhau. Bên Trung Quốc, cuối năm 2007 sẽ họp đại hội đảng. Trần Lương Vũ bị bắt hai tuần trước khi Trung ương đảng Cộng Sản Trung Quốc họp vào đầu tháng Mười năm nay để bàn về tình hình xã hội. Nhóm nắm đầu Thượng Hải đều là đàn em của Giang Trạch Dân; Giang đã từng làm bí thư ở thành phố này trước khi được triệu về kinh lên ngôi cửu ngũ vào năm 1989, cho tới khi Hồ Cẩm Đào lên thay. Trần Lương Vũ đã được Giang Trạch Dân đề cử vào Bộ Chính trị năm 2002, lúc Hồ Cẩm Đào lên làm tổng bí thư. Giang chỉ rời khỏi chức chủ tịch quân uỷ trung ương đầy quyền lực vào năm 2004. Trần Lương Vũ bị tố giác ba tội chính: tạo cơ hội cho nhiều chủ xí nghiệp ở thành phố kiếm lời phi pháp; bảo vệ các thủ hạ đã phạm tội; và giúp gia đình quyến thuộc lạm quyền kiếm lợi.

Nhưng nếu đem ba tội trên ra mà kiểm điểm thì lãnh tụ cộng sản nào cũng có thể bị bắt hết. Tại sao người ta lại đem Trần Lương Vũ ra hạch tội trong lúc này? Chính là để chặt nốt chân tay cánh Giang Trạch Dân còn sót lại.

Nhưng việc bắt giữ Trần Lương Vũ không hoàn toàn chỉ nhằm chặt chân tay phe đảng Thượng Hải, mà còn chứng tỏ phe Hồ Cẩm Đào và Ôn Gia Bảo đang củng cố thêm quyền hành, sau gần bốn năm nhậm chức. Họ cần trừng trị một lãnh tụ địa phương thuộc loại sừng sỏ nhất, có ô dù lớn nhất, để doạ các tay cầm đầu địa phương khác. Nhóm Hồ Cẩm Đào và Ôn Gia Bảo nhất định "giết một con gà để cho đàn khỉ sợ," như tục ngữ Trung Hoa nói. Họ muốn doạ cho các con khỉ sợ về vấn đề gì? Ngoài mặt là đẩy mạnh chiến dịch chống tham nhũng, bên trong là chấm dứt cảnh các quan lớn địa phương không chịu theo lệnh trung ương trong việc giảm

bớt tốc độ nền kinh tế đang lên quá nóng, chỉ sợ nó sụp đổ không hãm kịp.

Hãy nói về chuyện tham nhũng. Đây là một thùng thuốc súng chỉ chờ châm ngòi là bùng nổ như vụ Thiên An môn năm 1989. Vụ biển thủ quỹ hưu bổng của các công nhân viên thành phố Thượng Hải, khoảng 400 triệu mỹ kim trong tổng số quỹ khoảng 1.25 tỷ đô la, có thể coi là lớn, đáng đem tố làm gương. Đó cũng chỉ là một dấu hiệu của nạn tham nhũng ngày càng hoành hành mạnh hơn. Theo thống kê chính thức của nhà nước, từ 2002 đến 2005 mỗi năm có 42,000 quan chức bị điều tra về tham nhũng với 30,000 người bị truy tố về tội hình. Nhưng đó chỉ là những vụ biển thủ công quỹ, chưa kể đến những tội phạm trong lãnh vực tài chánh, ngân hàng, mà đó mới là nơi làm ăn lớn. Theo uỷ ban Kiểm soát Ngân hàng của Nhà nước thì trong năm 2005 số tiền của các ngân hàng bị "sử dụng sai trái" lên tới hơn 767 tỷ đồng nguyên, gần một trăm tỷ mỹ kim. Những vụ ăn cắp nhờ chương trình tư hữu hoá (ở nước ta gọi là cổ phần hoá) làm giảmTổng Sản lượng Nội địa mất 2.1 phần trăm. Theo công tố viện toàn quốc, hầu hết các ngân hàng thuộc mọi loại đều có hành vi tham nhũng vì các viên chức ngân hàng đòi ăn hối lộ trước khi cho vay tiền. Đã có hơn 6000 nhân viên ngân hàng bị bắt, trong số đó có 325 viên chức quản đốc ngân hàng.

Vụ bắt giữ Trần Lương Vũ liệu có giúp giảm bớt nạn tham nhũng hay không? Rất khả nghi. Vì nguyên nhân sinh ra tham nhũng không phải là ở cá nhân các quan chức mà nằm trong cơ chế quản lý xã hội. Cơ chế để cho con rắn tham nhũng chặt đầu này lại mọc đầu khác. Một cơ chế bất trị là quyền hành tuyệt đối của các bí thư đảng, từ cấp xã, thôn lên tới huyện, tỉnh, và trung ương. Luật pháp nằm trong tay họ, các cơ chế "khiếu nại," truy tố và ngay cả toà án đều nằm trong tay cán bộ lãnh đạo các cấp. Kinh tế càng phát triển nhưng guồng máy thi hành luật pháp càng yếu ớt, nạn tham nhũng càng gia tăng.

Nhưng tỷ lệ kinh tế phát triển cao chính là một mối lo của chính quyền trung ương. Từ mấy năm nay, đảng Cộng Sản Trung Quốc đã ra lệnh phải giảm bớt tốc độ phát triển, vì sợ trái bong bóng phình lên quá nhanh sẽ có ngày nổ bùng. Các quan chức địa phương bất chấp những chỉ thị từ Bắc Kinh. Nhà nước yêu cầu giảm bớt những vụ đầu tư vào nhà đất, xây dựng cư xá loại đắt tiền, và các cơ xưởng sản xuất khiến khả năng dư thừa so với nhu cầu của thị trường. Cần ngăn bớt các vụ đầu tư không tính toán để giảm tốc độ tăng trưởng giả tạo. Vì khi số cung lên quá cao, số cầu không lên kịp, những xí nghiệp đầu tư sẽ phá sản. Hậu quả tai hại nhất là các ngân hàng của nhà nước sẽ không đòi được nợ, có thể gây khủng hoảng tài chính. Trong lúc này, Bắc Kinh đang muốn bán bớt các cổ phần của những ngân hàng lớn cho tư nhân, trong đó nhắm vào các công ty tài chánh quốc tế. Nhưng giới đầu tư quốc tế khó tin tưởng khi ngân hàng còn làm việc theo lối phe đảng, cho vay mà không tính đến khả năng thu hồi được nợ. Riêng trong phạm vi xây dựng nhà ở, số đầu tư trong tám tháng đầu năm 2006 đã tăng 28% so với cùng thời gian năm ngoái, tổng số lên tới 1, 630 tỷ đồng nguyên, tương đương với 206 tỷ mỹ kim. Cần phải chặn bớt không cho vay tiền kinh doanh địa ốc nữa. Nhưng các mệnh lệnh ở trên đưa xuống không được các địa phương hấp hành. Thượng Hải và tỉnh Quảng Đông là những thí dụ điển hình. Cho nên việc thanh toán Trần Lương Vũ và đồng bọn Thượng Hải là một đòn đe doạ tất cả các lãnh tụ địa phương khác, để họ phải lắng nghe và thi hành lệnh của trung ương.

Thượng Hải là một trường hợp cứng đầu cần "cho một bài học." Trong 14 năm qua, thành phố này tăng trưởng theo gia tốc liên tiếp cao hơn số trung bình toàn quốc; đến năm ngoái kinh tế cả nước tăng 10.2 phần trăm thì Thượng Hải tăng 11.1 phần trăm. Những tỉnh và thành phố khác cũng bắt chước. Họ cứ ra lệnh cho ngân hàng dưới quyền cho vay, cho vay nữa, cho các dự án xây cất chẳng hạn, miễn có việc làm cho công nhân. Đối với các bí thư tỉnh, thành và thị xã, làm sai chỉ thị của trung ương là điều có thể nguy hiểm; nhưng mặt khác nếu không tạo đủ công ăn việc làm để dân thất nghiệp làm loạn thì còn nguy hiểm hơn nữa. Cho nên họ cứ "bất tuân thượng lệnh" rồi tính sau. Nhưng nếu tình trạng này kéo dài thì uy tín của các ông Hồ Cẩm Đào và Ôn Gia Bảo sẽ mất hết. Đó là lý do phải đánh gẫy nhóm cầm đầu ở Thượng Hải để "giết gà doạ khỉ." Một trận thanh trừng đạt được mấy mục tiêu một lúc. Chứng tỏ Hồ Cẩm Đào vẫn quyết tâm chống tham nhũng. Củng cố uy quyền và thi hành một chính sách kinh tế điều độ hơn để tránh hoạ bong bóng vỡ.

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

QUÝ

Cái gì hiếm mới quý. Cái này lại không hiếm. Ai cũng có. Nếu không có từ lúc bẩm sinh thì sau này cũng có. Vậy thì tại sao lại quý? Có lẽ vì nếu không có nó thì không có cuộc sống! Biết là nó quý nên người ta hay khoe ra. Từ khi còn rất nhỏ. Như ông bạn Đức Phổ của tôi chẳng hạn, khi đã hết cái tuổi hồn nhiên có thể khoe ra một cách khơi khơi thì lại... tiếc!

ước chi còn tuổi lên mười
ở truồng tắm giếng. Coi trời như không.
mấy cô con gái tròn trăng
mỉm cười ngó trộm. Cái thằng chịu chơi!

Gió mưa là bệnh của trời. Khoe chim là bệnh của thời... tí hon! Không hiểu mấy anh oắt con, hiện tại như giun như dế, tương lai còn xa vời vợi mới tới chỗ có thể đánh đông dẹp bắc được, mà khoe cái nỗi gì. Vậy mà bệnh khoe hình như là bệnh dễ lây. Tác giả Đạm Thạch, trong truyện ngắn "Nhớ và Quên" cũng bày đặt khoe. *"Còn thằng Bàn con Sáu Bắp có lần rủ tôi hai đứa cùng trật quần nằm giữa bờ đê chờ con Lượng con bà mụ Huấn Tường đi ngang qua thấy chơi. Tôi nghe lời nó làm theo. Nhưng nửa chừng khi thấy bóng con Lượng đi gần tới tôi vội kéo quần lên khỏi rún và nằm úp mặt xuống ruộng giả đò ngủ say. Còn một mình thằng Bàn nó lãnh đủ tiếng chửi của con Lượng: đồ tồi bại, đồ mất dạy, khi nó kịp nhìn thấy cái con trùn hổ của thằng Bàn vội kéo cái nón lá bước né qua. Không biết nó về nhà có mách với bà Huấn Tuồng không mà sau đó nghe êm re trong khi thằng Bàn chơi dại đang còn sợ xanh máu mặt."* (Thế Kỷ 21, số 206, tháng 6/2006).

Lớn lên cái tính khoe của đó có khi cũng không chừa. Báo điện tử VNExpress ở trong nước, số ngày 13/9/2006 vừa qua có nguyên một bài nói về cái thú biểu dương lực lượng khá phổ biến hiện nay. Chị Minh, 27 tuổi, cán bộ một viện nghiên cứu, cho biết chính chị đã ba lần bắt gặp chuyện phô trương tại ba địa điểm khác nhau. Lần thứ nhất, khi chị đang chạy xe trên đường Nguyễn Trãi ở Hà Nội, chị bỗng nghe tiếng một người đàn ông đi xe máy chạy bên cạnh gọi nhỏ: "Em ơi!" Theo phản xạ tự nhiên, chị quay mặt về phía người gọi. Ngay lúc đó, gã đàn ông nói tiếp: "Nhìn này!" và chỉ tay xuống chỗ khóa quần đã được phanh ra hết cỡ. Một cảnh tượng hãi hùng đập vào mắt chị: của quý của gã đàn ông ở trạng thái nghênh chiến đang vô tư đón gió! Chị hốt hoảng, vội ngoảnh mặt đi chỗ khác, chiếc xe loạng choạng giữa đường. Gã đàn ông cười hô hố rồi nhấn ga chạy mất hút. Lần thứ hai, khi đi thực tế tại công viên Cầu Đôi, chị Minh cùng một nhóm nữ sinh Đại Học Khoa Học Tự Nhiên đã vô cùng sợ hãi khi bất ngờ gặp phải một gã đàn ông mặc quần đùi lôi súng ra khoe. Gã nhoẻn miệng cười khoái trá trong khi các nữ sinh hét toáng lên rồi chạy tan tác trong công viên. Lần thứ ba không thấy được kể đến trong bài báo. Có lẽ chị Minh quá hốt hoảng! Một chị khác, chị Khánh, ngụ tại Cát Linh, cũng ở Hà Nội cũng đã gặp... nạn như vậy. Chị đã bị sốc và trong suốt một thời gian dài hễ nghe tiếng nói trên đường phố là chị cảm thấy vô cùng sợ hãi. Từ đó trở đi, chị Khánh luôn tự dặn mình không được quay sang nhìn khi nghe người đi bên cạnh gọi. Bệnh khoe súng là căn bệnh đã có từ lâu. Tây nó kêu là bệnh khoái trưng bày *(exhibitionism)*. Tiến sĩ Nguyễn Hồi Loan, Chủ Nhiệm khoa Tâm Lý, Đại Học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn Hà Nội, giải thích là những người thực hiện hành vi kỳ quặc kể trên bị mắc một căn bệnh về tâm lý mà người ta vẫn gọi là tà dâm. Hành vi tự thỏa mãn sinh lý trước mặt người khác giới là biểu hiện của chứng loạn dục (rối loại đời sống tình dục). Những người sinh sống trong một gia đình thiếu giáo dục giới tính hoặc bị ảnh hưởng bởi văn hóa đồi trụy có thể dẫn đến sai lệch về tâm sinh lý gây ra căn bệnh trái khoáy này.

Khoe giữa chốn nhân gian đông đảo như vậy là bệnh. Nhưng khoe trong chốn chúng mình với nhau lại là thường tình. Hình như đàn ông có tâm lý còn rơi rớt lại từ thời kỳ săn bắn là thích chinh phục. Súng nghênh ngang, đạn đã lên nòng, có... săn bắn chút đỉnh cũng là chuyện

chẳng chết anh tây nào. Nhưng điều kiện ắt có và đầy đủ là phải nghênh ngang. Không nghênh ngang thì giấu biệt như hành động của chú mèo lỡ làm bậy. Cái nghênh ngang, tới một tuổi nào đó, thì khó kiếm lắm. Khi tôi sang Cali chơi, mấy ông bạn tôi nửa đùa nửa thật hỏi tôi đã gia nhập khối NATO chưa? Lạ nhỉ? Từ thuở bé tới giờ tôi có bao giờ thích hoạt động chính chị chính em gì đâu huống chi là chơi với thứ dữ như cái anh Minh Ước Bắc Đại Tây Dương này! Thấy tôi ngơ ngẩn đáng thương quá, mấy ông bạn vàng mới diễn nghĩa từ NATO... cải tiến. Đó không phải là *North Atlantic Treaty Organization* mà là *No Action, Talk Only*! Các ông này bày đặt dùng tiếng Hồng Mao chứ tiếng Việt phong phú của chúng ta cũng đã diễn nghĩa chuyện... một mai khi buông súng này rồi: Mồm Miệng Đỡ Chân Tay! Có lẽ các ông suy bụng ta ra bụng người chứ chuyện buông súng này cũng phức tạp lắm. Có khi trông vậy mà không phải vậy.

Hai cô nàng nằm tắm nắng trên bãi biển ngó ông đi qua chàng đi lại. Bỗng có một anh chàng có thân hình của một vận động viên thể dục đi ngang qua. Một cô trầm trồ:

"Trời! Trông anh chàng này mới cường tráng làm sao!"

Cô thứ hai lắc đầu thương hại cô bạn:

"Điều đó không chắc! Tớ có một đứa bạn lấy một anh chàng nhà có cái garage đủ chứa được tới ba chiếc xe hơi nhưng trong đó chỉ có mỗi chiếc xe đạp!"

Hồi trước 1975, tại vuông sân trước phim trường Alpha, một nhóm chúng tôi đứng nói chuyện. Chuyện xoay quanh chuyện đàn ông. Ông Thái Thúc Nha kết luận cuộc tranh cãi đã kéo dài: "Tôi nói thật với mấy ông chứ trời cho mỗi người chỉ có ngần ấy thôi. Ông nào xài nhiều thì hết sớm, xài lai rai thì còn cầm cự được lâu dài." Câu chuyện vui đùa lâu ngày tưởng đã quên. Viết tới đây, sực nhớ lại. Ông chủ hãng phim chắc cũng nói đúng phần nào. Phúc phận mỗi người có hạn, chuyện đó là chuyện công bằng của trời đất. Các nhà khoa học nghĩ sao về những thắc mắc hầu như tiềm tàng trong mỗi người đàn ông? Cứ thấy thực tế thì cũng không đến nỗi nào. Báo *The Times of India* vừa mới đi một tin rất phấn khởi. Cụ ông Virmaram Jat, năm nay đã 88 tuổi, vừa mới làm cha của một cặp song sinh. Nhưng chỉ có một bé còn sống. Người mẹ của đứa bé mới có 43 tuổi, là bà vợ thứ ba của ông Jat, kém ông 45 tuổi. Là một điền chủ giầu có tại tiểu bang Rajasthan, miền tây Ấn Độ, ông Jat không rượu chè hút sách, vẫn đi bộ mỗi ngày và uống sữa lạc đà liên tục từ nhỏ tới giờ. Theo ông cho biết thì tối nào ông cũng phải bày cuộc cờ và thời gian đánh cờ tốt nhất là vào khoảng từ 2 đến 4 giờ sáng!

Việt Nam ta thì có các vị bảy tám chục tuổi vẫn cứ đường trường xa thẳng cánh chim bay. Có vị còn mò về Việt Nam tham gia vào phong trào trong nước gọi là "bò già gặm cỏ non." Một vị còn lý luận: già thì răng cỏ đâu mà gặm cỏ già, gặm cỏ non là đúng chỉ số! Theo cố Bác Sĩ Trần Bồng Sơn thì trời chỉ cho biết chất lượng làm việc của chú nhỏ chứ còn chuyện bảo hành suốt đời thì không. Mọi thứ đều có thời hạn sử dụng cả. Vậy thì thời hạn của công tác hành hiệp này là bao lâu? Muốn trả lời câu hỏi nóng bỏng này phải lướt qua chút về những yếu tố để đàn ông trở thành đàn ông. Để trở thành một người đàn ông với đầy đủ tố chất, tinh hoàn và tuyến thượng thận sẽ tiết ra *testosterone* và *dehydroepiand-rosterone* (DHEA) giúp cho đàn ông tăng khối cơ, sức cơ, mọc râu, giọng trầm, não nhận thức được tâm trạng và xu hướng tình dục. Lượng nội tiết tố này tăng cao vào buổi sáng, giảm dần vào buổi trưa và tăng trở lại vào buổi tối. Lượng nội tiết tố này giảm dần khi bước vào tuổi 35 và tốc độ giảm khoảng 15% mỗi thập kỷ. Khi hàm lượng *testosterone* giảm thì "chàng" sẽ gặp nhiều thay đổi sinh lý về mật độ xương, bắp thịt nhão, da khô, béo phì, sức khỏe tim mạch và nhất là về sinh hoạt tình dục giảm bớt. Nhưng cũng đừng có lo lắng thái quá. Chuyện đâu còn đó. Muốn tự mình kiểm tra sức khỏe tình dục của mình cũng dễ ợt. Bạn hãy sờ vào tinh hoàn: nếu chúng căng, bóp nhẹ đã có cảm giác đau thì máy móc còn ngon lành. Nếu không còn ngon lành thì cũng còn bài bản chích, thoa hoặc uống. Chích *Sustanon* hơi bất tiện nên chỉ dành cho những người trẻ tuổi bị bệnh suy sinh dục bẩm sinh. Uống có nhiều loại nhưng các loại như *Methytestosterone* hay gây tổn thương cho gan, loại *Andriol Testocap* trong đó có *testosterone undecanoate* là loại có *testosterone* tự nhiên không gây độc hại cho cơ thể. Bền lâu hay không là tùy theo cách dùng súng. Nếu đều hòa, không thái quá, thêm vào tập thể dục thể thao thường xuyên, có cuộc sống tình cảm lành mạnh, không lo âu căng thẳng thì còn... yêu em dài lâu. Quý vị cao tuổi cứ yên tâm, không

nên... căng thẳng vì chỉ có 30% các ông lớn tuổi có nồng độ *testosterone* giảm tới mức suy tuyến sinh dục mà thôi. Số còn lại tuy không được như ông Ấn Độ Virmaram Jat thì cũng vẫn theo đoàn lữ hành của các bà được như thường!

Súng ống có nhiều loại. Súng lục, súng trường, súng liên thanh, súng ca nông. Loại lính đánh thuê nhà nghề như trong các phim vui vẻ dĩ nhiên toàn là loại đại bác ru đêm không. Đừng nhìn vào đó mà hốt hoảng. Có xinh xinh như súng lục thì khi nhả đạn cũng cứ nổ như thường. Đạn cũng có thể làm nên chuyện như súng ca nông! Dân Nam ta, khi nghễu nghện, thì có kích thước khoảng từ 11 đến 12 phân. Đây là kích thước trung bình, kém hơn cũng không sao. Theo Bác Sĩ Nguyễn Thành Như thuộc bệnh viện Bình Dân ở Sài Gòn thì chỉ cần cỡ 6 phân cũng trận mạc được rồi. Ông Bác sĩ chịu chơi này tuyên bố trước báo chí như vậy. Ngày hôm sau, báo đăng, ông nhận ngay được một cú điện thoại của một bậc nữ lưu không xưng tên mắng vốn. Chị lớn tiếng chê ông Bác sĩ không hiểu gì về phụ nữ cả. Chị em phụ nữ chúng tôi cần số phân nhiều hơn nữa! Cãi qua cãi lại, cuối cùng bác sĩ Như đành phải... nhận trách nhiệm với người phụ nữ kia!

Thực ra không được bằng chúng bạn cũng là một chuyện... bức xúc lắm. Cái mặc cảm nhỏ nhoi là mặc cảm khó gỡ ra được. Nhà văn bác sĩ Trang Châu trong truyện ngắn "Mùa Xuân Hai Bên" đã bâng khuâng cho nhân vật xưng "tôi"... mặc cảm: *"Suốt thời gian học Đại Học, tôi không bị khó khăn vì chuyện học hành nhưng tôi hay bị suy nhược tâm thần khi phát hiện ra dấu hiệu bất thường ở bộ phận sinh dục của mình. Đọc cuốn cẩm nang 'Đời Sống Lứa Đôi' khi mô tả bộ phận sinh dục đàn ông, tôi thấy của tôi chỉ được một phân nửa kích thước bình thường, ở vị trí bình thường cũng như khi cường dương được mô tả trong cuốn sách. Phát hiện này làm tôi hoang mang ghê gớm; tôi lo sợ sẽ làm thất vọng bất cứ người nữ nào khi bước vào giai đoạn thân mật nhất. Tôi ngại rằng từ thất vọng đi đến đổ vỡ không xa. Tôi cũng đọc một cuốn sách khác nói về tình dục trong đó tác giả phản bác quan niệm kích thước của phái nam cần thiết cho phái nữ; tác giả này xác quyết rằng phương cách giao hợp quan trọng hơn kích thước trong việc tạo khoái cảm. Nhưng tôi nghi ngờ hiệu quả thật sự của các phương pháp tác giả chỉ dẫn... Trong lý thuyết cái không có gì có thể trở thành tất cả khi va chạm với đời. Một trong những câu chuyện mẹ tôi ngồi tán gẫu với mấy bà bạn mà tôi nghe được có một chuyện tôi không rõ thực hay hư, nếu thực, thực được bao nhiêu phần trăm, mặc dù mẹ tôi, dẫu không ở trong chăn của hai nhân vật liên hệ, vẫn đoan quyết là thật một trăm phần trăm. Một đôi trai gái nọ trong năm năm trời quyết liệt yêu nhau dù bị hai gia đình ngăn cản vì khác tôn giáo. Cuối cùng tình yêu của họ đã thắng. Họ chính thức lấy được nhau. Nhưng chỉ một tháng sau bà vợ đâm đơn xin ly dị. Ra tòa, quan tòa ngạc nhiên hỏi lý do. Bà vợ, gốc người Huế, òa lên khóc rồi đưa ngón tay út của mình lên cho quan tòa thấy và nói trong nghẹn ngào: "Thưa quan tòa, lý do... lý do là cái... nớ của anh có chừng ni ri!"* (Thế Kỷ 21, số Xuân Bính Tuất 2006, tháng 1&2/2006).

Nhỏ như ri mần răng cho lớn như tê? Lớn có hai loại lớn: to và dài. Y khoa ngày nay chiều được cả hai chuyện này. Muốn to thì bác sĩ có thể hút mỡ ở các nơi khác, như bụng chẳng hạn rồi bơm vào dưới da chú nhỏ hoặc lấy một mảnh mỡ ở bụng đem quấn quanh thân thằng bé. Có điều bất tiện là mỡ quấn quanh thì sẽ có ngày teo đi và mỡ bơm dưới da sẽ có thể vón thành cục sau vài năm. Tại bệnh viện Bình Dân đã có trường hợp một ông Việt Kiều mang chú nhỏ có một cục toòng teng như quả trứng gà, hậu quả của lần bơm mỡ hai năm trước đó cho thêm phần oai vệ! Bác sĩ phải giải phẫu lấy quả trứng gà ra. Ông Việt Kiều này xin lại quả trứng gà để làm tài liệu kiện ông bác sĩ bơm mỡ!

Muốn chú nhỏ "cao" hơn, các phương pháp quảng cáo trên thị trường như bơm, hút, bôi, thoa, xức, tập luyện v.v... đều vô ích. Đừng ham cái lẫm liệt nhất thời mà lãnh hậu quả! Muốn dài chỉ có một cách là phẫu thuật. Bác sĩ sẽ cắt rời dây chằng treo chú nhỏ vào xương mu làm cho chú "cao" thêm được từ hai đến ba phân. Thực ra các bác sĩ chẳng có tài thánh gì mà hóa phép cho nó vươn vai lên cao hơn được đâu. Phẫu thuật chỉ làm hai hoặc ba phân núp bên trong vươn ra ngoài nhìn ánh sáng!

Chuyện dài ngắn to nhỏ là chuyện tương đối, cả phía sở hữu cũng như phía thụ hưởng chẳng nên lấy đó làm điều. Hạnh phúc gia đình cũng như bản lĩnh đàn ông chẳng bao giờ nằm ở nơi khuất nẻo như vậy. Những gì nằm ở giữa hai tai mới là điều cần tu bổ chứ không phải là cái nằm ở giữa hai đùi. Đó là lời khuyên của Bác sĩ Nguyễn Thành Như, người đã bị chị em mắng vốn mà vẫn còn có can đảm đưa ra những lời

khuyên... trái tai như vậy!

Tôi không phải là bác sĩ nên cứ ấm ớ. Của trời cho thì cứ mỗi anh một trự, chẳng anh nào kèn cựa được với anh nào cả. Thật vậy không? Thường thì như vậy. Nhưng đôi khi trời cũng rộng lượng cho thêm một cái *bonus*! Dĩ nhiên những lúc trời vui tính như vậy không nhiều. Trên thế giới này chỉ có khoảng 100 anh đàn ông được trời cưng như vậy. Tính theo tỷ lệ thì cứ năm triệu rưỡi anh đực rựa mới có một anh con cưng của trời. Thường thì trong hai chú nhỏ thì cũng bên bảy bên ba nhưng báo chí Ấn Độ vừa đưa tin một trường hợp hi hữu là hai chú nhỏ đồng cân đồng sức. Người "hi hữu" này là một thương gia 24 tuổi, ngụ tại phía bắc của Uttar Pradesh, được báo chí giấu tên để bảo vệ sự riêng tư. Anh thương gia này vừa tới một bệnh viện ở thủ đô New Delhi để xin tỉa bớt một chú nhỏ trước khi lấy vợ. Bác sĩ phẫu thuật đã ngạc nhiên: "Chúng tôi chưa bao giờ thấy cả hai dương vật đều có đầy đủ chức năng trong các tài liệu y khoa. Trong một hình thức phổ biến hơn của tình trạng hai pha thì một bộ phận chỉ rất đơn giản và thô sơ." Bác sĩ giải phẫu rất bối rối khi phải quyết định bỏ cái nào giữ cái nào trong hai cái ngang tài ngang sức nhau này!

Trong khi đó, tại Đức, anh chàng Michael Gruber, 40 tuổi, không được hưởng phước từ trời mà từ các nhà phẫu thuật. Anh bị tai nạn xe máy bay mất thằng nhỏ. Thằng lớn không thể an vui nếu không có thằng nhỏ nên anh được phẫu thuật để tạo nên một thằng nhỏ *handmade* bằng da, xương và tế bào của chính cơ thể anh qua đôi bàn tay khéo léo của nhà phẫu thuật. Thằng nhỏ nhân tạo này hoạt động ngon lành tới mức anh đúc ra được một bé trai tên Etienne. Chuyện tới đây thì vui vẻ cả. Nhưng cái tính cầu toàn của anh chàng tham lam này mới sinh ra chuyện. Tuy hoạt động tốt nhưng chú nhỏ giả tạo đôi khi gặp trục trặc khiến anh tới bệnh viện xin chế cho anh một cái khác ngon lành hơn. Các bác sĩ cũng chiều theo ý anh. Họ làm thêm một cái mới. Nhưng để cho chắc ăn thì phải thử xem cái mới có vận hành tốt mới cắt cái cũ đi chứ khơi khơi cắt trước có khi mất cả chì lẫn chài. Anh hớn hở về khoe vợ hai khẩu súng. Cô vợ tá hỏa vì chưa bao giờ thấy cảnh lạ như vậy. Cô cuốn gói đi mất!

Mới có hai cái mà đã bỏ chạy. Nhiều hơn nữa thì sao? Chuyện như thế này! Một bữa bà mẹ tắm cho hai đứa con, một trai một gái. Khi đứa bé gái phát hiện ra cái cục lủng lẳng của thằng em trai, bèn kiện:

"Tại sao mẹ sanh em con có cái kia mà con không có?"

Cô bé khóc bù lu bù loa vì không được mẹ thương bằng em. Bà mẹ luống cuống dỗ dành cô bé:

"Đừng khóc nữa con! Mai mốt lớn lên con cũng sẽ có. Nếu con ngoan thì con sẽ có một cái. Nếu con không ngoan thì con sẽ có nhiều cái!"

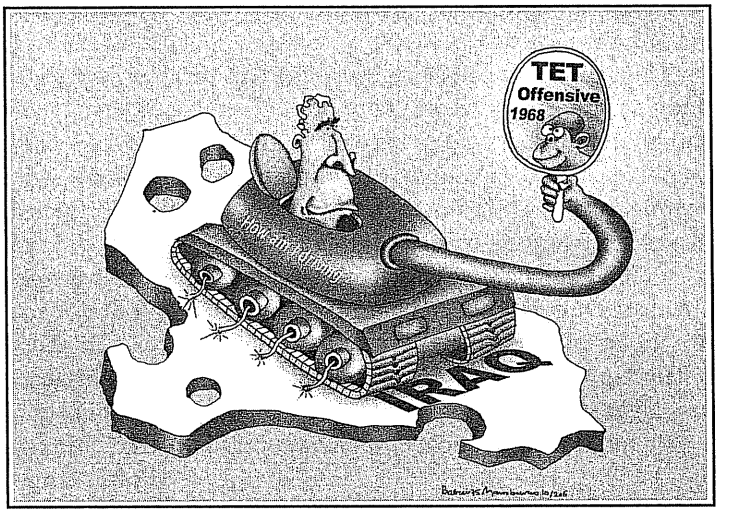

Bà mẹ này thật cao siêu. Nói về cái hình nhi hạ mà dậy con về hình nhi thượng. Thôi thì cứ coi như đây là một câu chuyện nhi đồng dành riêng cho người lớn!

09/2006

BƯỚM

Bướm là một loài sặc sỡ, nhởn nhơ và quyến rũ. Bướm thường bay la cà vờn hoa trong dáng vẻ ung dung, vẽ vời, đài các. Cũng có thứ bướm không sặc sỡ, không biết bay nhưng cũng vẫn quyến rũ. Ở đâu vậy? Tôi nhờ nhà thơ Hoàng Anh Tuấn vẽ bản đồ đi tìm loài bướm không sắc màu đó.

Em hoang dại cồn dâng vùng rêu cỏ
Anh ngựa điên tung vó dấy phong ba
Trời quạnh hiu nổi bão tố phấn hoa
Khe suối nhỏ ẩm nồng hương dã thú

Cái nơi róc rách đó nằm ở ngã ba đường của

một sinh vật mà Tạo Hóa rất vừa ý nhưng dân gian thì... ba phải cho đó là cái "nhìn thì thèm, cho ăn thì giận." Sinh vật đó dưới mắt con Tạo thì là số dách nhưng dưới mắt một kỹ thuật gia thì lại còn nhiều sơ sót. Sau khi chết, ông vua xe hơi Ford được lên thiên đàng. Thánh Phê Rô ra đón tận cửa. Ngài cho biết là vì Ford quá nổi tiếng nên ông sẽ được một ân huệ là có thể nói chuyện với bất cứ ai ở trên thiên đàng này. Ông vua không ngại này, dĩ nhiên, chỉ muốn đối thoại với xếp lớn nhất. Thánh Phê Rô dẫn ông tới gặp Thượng Đế. Chào hỏi xong, Ford liền vấn ngay:

"Thưa Ngài, lúc chế tạo ra đàn bà Ngài đã suy nghĩ gì?"

Thượng Đế không nắm được câu hỏi, bèn hỏi lại:

"Ngươi hỏi như vậy là có ý gì?"

Ford tấn công ngay:

"Thưa Ngài, trong sáng chế của Ngài có quá nhiều sơ sót. Phía trước thì bị phồng lên, phía sau thì bị nhô ra. Máy thường kêu to khi chạy nhanh. Tiền bảo trì và nuôi dưỡng quá cao. Thường xuyên đòi hỏi nước sơn mới. Cứ mỗi 28 ngày lại bị chảy nhớt và không làm việc được. Chỗ bơm xăng và ống thoát khói lại quá gần nhau. Đèn trước thì quá nhỏ. Tiêu thụ nhiên liệu thì nhiều khủng khiếp!"

Thượng Đế nghe xong, mồ hôi tháo ra như tắm. Ngài tìm kế hoãn binh:

"Ngươi hãy đợi một chốc để ta xem lại bản thiết kế."

Ngài lui vào phía trong, gọi toàn bộ kỹ sư thiết kế và cơ khí của Ngài lại để duyệt lại thiết kế. Sau một hồi bàn cãi gay go, họ trình lên Thượng Đế bản báo cáo. Thượng Đế rất hài lòng, trở ra, lớn tiếng phán với Ford:

"Những lời ngươi vừa nói hoàn toàn đúng, sáng chế của ta quả có nhiều sơ sót, nhưng đứng trên phương diện thương mại thì kết quả rất phấn khởi. Có gần 98% đàn ông trên thế giới xài sản phẩm do ta chế tạo, trong khi chỉ chưa đầy 10% đàn ông xài sản phẩm của ngươi!"

Thượng Đế nói không ngoa. Cái sản phẩm bất toàn của Ngài được mọi người đàn ông trên thế giới này giành giật. Mua cũng có, cướp cũng có, thương lượng đổi chác cũng có, mưu mô lường gạt cũng có, đem quân đập lộn nhau cũng có. Nghĩa là họ tìm đủ cách để chiếm đoạt cho bằng được. Như anh chàng Lương Mập trong truyện ngắn "*Mảnh Đất Nhiều Âm Binh*" của nhà văn Lâm Chương. Anh chàng Lương này muốn chiếm đoạt cô gái tên Lan nhưng tài cán chẳng bao lăm nên không lọt được vào mắt xanh của cô nàng. Anh bèn chơi trò... âm binh! *"Lương Mập hí hửng mang lọ bùa ếch về gặp Bảy Cự. Hắn nói: "Có bùa rồi. Lần này nhất định thành công." Bảy Cự hỏi cách xử dụng. Hắn giải thích theo lời chỉ dẫn của lão thầy bùa Miên: "Khi con Lan ngồi đái, tia nước đái sẽ xói một cái lỗ dưới mặt đất. Bỏ bột bùa ếch vào ngay cái lỗ ấy. Sau vài ngày sẽ thấy kết quả." Bảy Cự nóng lòng: "Kết quả thế nào, mày nói rõ hơn coi? Nó là đứa con gái ngây thơ hiền lành, mày đừng dùng bùa ngải hại đời nó tội nghiệp." Lương Mập cười: "Chú Bảy yên tâm. Tôi thương nó, đâu nỡ làm hại nó. Tôi chỉ dùng mẹo để nó phải thương lại tôi. Khi con Lan lậm bùa rồi, nó ngồi đâu phải khép cặp đùi lại. Nếu không thì cửa mình sẽ phát ra âm thanh "ộp, ộp" như tiếng ếch kêu." Bảy Cự cười ngất: "Như vậy rồi nó thương mày à?" Lương Mập nói: "Chưa thương đâu. Phải qua một giai đoạn nữa. Tôi sẽ hốt cho nó một thang thuốc vô thưởng vô phạt uống vào chẳng có tác dụng gì cả, đồng thời tôi ngưng bỏ bùa. Tiếng ếch kêu cũng chấm dứt. Nó tưởng đó là hiệu nghiệm của thuốc. Nó sẽ coi tôi là ân nhân, và từ đó phát sinh tình cảm."*

Dĩ nhiên tiếng nhạc ếch mà Lương Mập chờ đợi chẳng bao giờ xảy ra. Phần vì bùa ngải là thứ làm xàm, phần vì bướm đâu có gốc ếch mà kêu ồm ộp! Lương Mập tới cự nự với ông thày bùa. Ông cho một thứ bùa khác cũng nhắm vào... bướm mà tấn công. *"Lương Mập thắc mắc: 'Sao bùa nào của thầy cũng nhằm vào bộ phận kín của phụ nữ?' Lão nghiêm nét mặt: 'Tôi còn cả trăm thứ bùa khác. Nhưng mục đích tối hậu của cậu chỉ nhằm vào cái đó nên tôi cũng nhằm vào chỗ đó mà cho bùa.' Lương Mập phân trần: 'Tôi thương cô ta thiệt tình. Chứ đâu phải vì cái đó.' Lão lắc đầu: 'Cậu lầm rồi. Nếu cô ta không có cái đó, cậu có thương không?' Lương Mập cứng họng. Trên đường về, nghiệm lại lời của lão thầy bùa, hắn hiểu ra rằng tình cảm trai gái đều bắt nguồn từ cái đó khác nhau mà thôi."*

Ờ hớ! Tại sao trai gái tìm tới nhau? Lão thầy bùa vậy mà cũng thông minh. Nếu thông minh hơn một chút, chắc lão sẽ nhận ra là chuyện này có nguyên ủy đàng hoàng. Đó là tính không... đàng hoàng của Con Tạo! Con Tạo đã ăn gian với ông Ford! Bởi vì khi sinh ra bướm, Con Tạo đã đồng thời sinh ra cho giống đực

một cái nhũng nhẵng coi như cái *credit card* tha hồ cà mà khỏi phải thanh toán. Thế là cứ cà miết. Làm chi mà không đạt tới 98%!

Đàn ông như những con ong cần mẫn ưa đánh bạn với bướm. Chuyện ong bướm Con Tạo đã bày ra sẵn đấy rồi. Đánh chết cũng dính thôi. Muốn bao che làm sao rút cục cũng cứ... một cõi đi về!

"Em muốn lấy anh khí tượng thủy văn nhưng người đâu toàn tính chuyện mây mưa.

Em muốn lấy anh đầu bếp nhưng anh ấy hay đòi nếm trước.

Em muốn lấy anh thuế vụ nhưng anh ấy hay đòi xuống đòi lên.

Em không chê anh bán vé số nghèo hèn nhưng sợ anh hay cào hay bóc.

Em muốn làm vợ anh uốn tóc nhưng ngán bị đè cổ đè đầu.

Em tính chọn kho bạc làm dâu nhưng sợ anh hay săm soi thiệt giả!"

Đụng cửa nào cũng gặp anh nhũng nhẵng! Không nhũng nhẵng đâu còn nam nhi chi trí! Gặp cơ hội là eo sách. Trong chiến tranh phận bướm tới vài chục bến nước lận. Đây là một bến. Thành phố Kontum trong những ngày nhốn nháo chạy loạn. Phi trường tràn ngập người, máy bay họa hoằn mới có. Người ta trả bất cứ giá nào để có một chỗ trên máy bay. *"Trước mặt tôi, cách vài chục thước, bên cạnh hai thùng đốt rác hoen rỉ, một anh lính không quân trẻ giữ việc trông coi các phi vụ lên xuống đang lớn giọng khoe khoang chiến công chim gái của gã với một người đàn ông. Gã nói nói, cười cười một cách hồn nhiên thích thú, chiếc mũ binh chủng bạc phếch ngả nghiêng theo cái đầu không lúc nào đứng yên. Theo lời gã, liên tiếp mấy đêm qua, gã đều 'cua' được những cô gái chịu theo điều kiện của gã, nếu muốn được lên máy bay mau lẹ, chắc chắn, phải thuận để gã...'Toàn thứ mới không à nghen.' Anh ta đoan quyết: 'O-ri-zin' đàng hoàng chứ không phải đồ phế thải đâu. Có điều kẹt chỗ quá nên phải... bắn thế đứng!' Gã cười hắc hắc. 'Vậy mà cũng khoái lắm, chỉ mỏi đầu gối chút chút thôi'."* (Kinh Dương Vương, Văn Học số 228, tháng 11712/2005).

Trong chiến tranh, bướm đã trở thành một thứ tiền tệ xót xa, là một thứ phận nhục nhằn.

những người đàn ông khắp nơi đã hoan lạc rẻ rúng

trên những khóc cười của phận đàn bà Việt Nam

cái chết của những loài bướm mắc tội tông truyền

trên những đường cong chữ S có em rách bươm như những đường trinh con gái

thân xác em đã nhàu như chiếc áo lịch sử đã được cởi tới cởi lui hoang dâm

(Nguyễn Thị Thanh Bình)

Trong thời bình thì bướm là một nạn nhân của tiền tệ. Bướm được mang ra... mại dzô như bất cứ món đồ nào khác. Càng mơn mởn càng được giá. Nếu là bướm còn phong nhụy thì... hết xảy! Mấy anh Tàu là mấy anh bày đặt. Họ liên hệ chuyện lần đầu mở cửa của bướm với sự may mắn. May mắn thật hay đó chỉ là màn hỏa mù để bao che cho cái thú... xông đất mà anh nam nhi nào cũng muốn?

Ngày xưa các nữ nhân được dạy dỗ giữ bướm trong lồng cho tới khi động phòng hoa chúc, ngày nay tới tuổi trưởng thành mà con bướm vẫn trong lồng là một điều tủi hổ. Người ta la làng lên. Như cô Sarah DiMuro ở New York. Ngày 7 tháng 11 sắp tới là ngày sinh nhật 30 tuổi của cô. Cô sẽ ghi dấu ngày bắt đầu... băm bằng một hành động không giống ai. Cô tuyển ứng viên đưa cô từ bướm phong nhụy thành bướm... phong trần! Cô quả quyết là bướm của cô cho tới nay vẫn nằm yên trong cung cấm. Sinh ra trong một gia đình công giáo ở New England, DiMuro cho biết mãi tới năm 23 tuổi cô mới lần đầu tiên hôn bạn trai, bởi vì cô học trong một Đại Học dành riêng cho nữ. Tại Manhattan, cô sống trong một khách sạn toàn quý bà quý cô. Báo chí, truyền thanh, truyền hình vớ được chuyện lạ rêu rao ầm ỹ. Khuôn mặt cô xuất hiện trên truyền thông là một khuôn mặt dễ nhìn, vui tươi. Bởi vậy nên dư luận mới xôn xao là tại sao, bình thường như vậy mà mãi tới giờ này cô vẫn chưa bước qua cánh cửa hẹp của bướm hóa thân! Người thì cho đây là một câu chuyện vui vẻ, hết sức *fun* của thời đại chúng ta. Người thì chỉ trích DiMuro là kẻ kiếm chuyện để... nổi tiếng. *"Gái 29 tuổi mà vẫn còn trinh, rồi bỗng dưng quyết định phá bằng cách mồi chài những kẻ lạ mặt qua một tạp chí là loại người gì?"* DiMuro không khơi khơi làm chuyện giật gân. Cô cho biết là giây phút thường là rất riêng tư "cấm ngoại thủy không ai được biết" này sẽ có thể được đưa lên truyền hình! Chẳng lẽ đây là một chuyện buôn buôn bán bán kiểu thế kỷ 21?

Bướm là một sinh vật mảnh mai, nhu mì. Bướm chẳng bao giờ biết cắn. Có đúng không?

Bác sĩ chuyên khoa nam học Nguyễn Thành Như thuộc bệnh viện Bình Dân, Sài Gòn, cho biết là chính ông đã được nghe kể chuyện bướm giữ rịt không chịu nhả "chàng" ra. Nghe kể như vậy nhưng Bác sĩ Như không tin. Một khi bướm đã há miệng thì nhập mới khó chứ xuất thì là chuyện đương nhiên. Cửa bao giờ cũng rộng mở. Chàng thì sau khi đã nhả tơ thì ắt tự động thu mình nhỏ lại làm sao mà chẳng lách ra được. Hơn nữa, bướm thực chất không phải là một khối cơ mà là một ống niêm mạc, có khả năng co giãn rất lớn đủ để cho một bào thai ra đời thì làm sao mà co kéo "chàng ơi chàng ở chớ về" được! Bác sĩ Như, chắc trong lúc vui tính, cũng cho biết thêm là khi còn là sinh viên, ông đã được một ông thầy chỉ mẹo để lui quân. Chàng chỉ việc đưa một ngón tay vào cái nơi bài tiết của nàng là bướm hết... răng liền!

Không biết cắn nhưng bướm có thể vật chết người như không. Chuyện giết người... trên ngựa là chuyện có thật. Dân gian ngày xưa cho rằng muốn tránh tội... sát nhân thì chỉ cần lấy một vật nhọn đâm vào đốt xương cùng của... kỵ mã là ngon lành. Bởi vậy nên khi con gái về nhà chồng, mẹ thường giắt cho con cây trâm nhọn để cài tóc nhưng ý là đưa cho con một dụng cụ phòng thân trong chốn tình trường. Cây trâm có phải là cây trâm thần không? Theo Tây y thì cây trâm trong trường hợp này chỉ có thể giúp làm tỉnh giấc những người do mệt quá hay say quá sau một ngày cưới hỏi thôi. Còn nếu do quá xúc động hay trong người có sẵn bệnh tim mạch hoặc trong người đang yếu lại tưởng mình khỏe, đường ta ta cứ đi, mà gục trên lưng ngựa thì đừng trâm triếc lôi thôi cho mất thời giờ. Cứ nhấc điện thoại, bấm số 911 cho chắc ăn!

Lẫy lừng như vậy, bướm còn làm tới hơn nữa. Nó tham gia chuyện... quốc sự. Học giả Hồ Hữu Tường là một cây viết không thiếu chất... phiếm. Trong cuốn hồi ký "41 Năm Làm Báo" ông dùng ngòi bút phóng túng và hài hước để vẽ ra những chân dung hết sức sống động của các nhà chính trị, các nhà báo cùng thời với ông. Trong phần nói về nhà cách mạng Nguyễn An Ninh, ông gài bướm vào lối dạy các thanh niên phân biệt Cộng Sản Đệ Tam và Đệ Tứ của nhà cách mạng nhiều chất hóm hỉnh này. Nguyễn An Ninh giảng:

"Mấy em còn nhỏ, chưa biết vợ con. Thế nào ra đời rồi cũng phải cưới vợ. Vậy để qua dậy cho mấy em học làm chồng có lẽ có ích lợi hơn là học làm cách mạng với mấy anh đó, nói cái gì mà mấy em không hiểu. Đây qua hỏi các em vậy chứ l... có mấy lỗ? Đừng có cười chớ! Các em làng chàng, không học bài căn bản này, rủi làm bậy vợ nó chết thì làm sao?

Mấy cậu thnah niên ngơ ngác nhìn nhau, thì Ninh dạy:

- L... có ba lỗ, một cái lổ để đái, một lỗ để đẻ và một lỗ để đ... Các em phải thuộc cái đó bằng không thì không được đa!

Bọn trẻ cười lăn, nhưng cũng nghe Ninh kết luận:

- Ừ thì Đệ Tam một lỗ, Đệ Tứ một lỗ, và con đường dân tộc cũng một lỗ. Các em làng chàng đi sai đường thì không khác nào cưới vợ mà đ... sai lỗ vậy.

...

- Ừ thì các em cứ cười cho đã đi, rồi nghe qua nói một câu nầy. Tất cả con trai cưới vợ, nào để nhìn nó đái? Nhà nghèo, thêm sợ nó đẻ. Chỉ muốn cưới vợ vì cái chuyện vợ chồng mà thôi. Thì Đệ Tam hay Đệ Tứ gì thì cũng ví như đái và đẻ. Chớ toàn dân thảy đều muốn cuộc cách mạng dân tộc, giải phóng dân tộc mình khỏi gông cùm ngoại bang. Có phải vậy không?"

Bướm leo lên chót vót, với tới chính trị. Riêng tôi vẫn cứ thích bướm vờn vã với thơ văn. Nghe nó nhởn nhơ hơn. Hãy nghe nhà thơ Quan Dương nói chuyện phải quấy với con bướm của ông.

Ngày em chưa biết điểm trang
Như hoa còn búp xanh rờn ngây thơ
Tôi con bướm dực còn tơ
Đậu trên búp nụ tỉnh bơ. Ngu đần

Nước trôi lách kẽ ngón chân
Búp xanh đã nở nụ hồng mãn khai
Biết soi gương kẻ chân mày
Biết chôn tuyệt tích thơ ngây xuống mồ

Tôi vừa cũng hết dại khờ
Biết đau khi vẫy tay chia cuộc tình
Bây giờ em đã thành tinh
Bao nhiêu bướm khác chực rình chung quanh

Ngày xưa đậu búp em xanh
Ngu không hút nhụy nay đành... chắt răng!

Ơ lạ chưa! Bướm nào mới là bướm? Bướm anh hay bướm em? Ngày xưa ông Trang Chu cũng tẩu hỏa nhập ma như vậy. Ông cứ đấm ngực tự hỏi Trang Chu hóa bướm hay bướm hóa ra Trang Chu. Chắc phải mời me-sừ Trang Chu về để hỏi cho ra lẽ!

09/2006

Website: www.songthao.com

Qua những sai lầm trong Cải cách Ruộng đất - Xây dựng quan điểm lãnh đạo

NGUYỄN MẠNH TƯỜNG

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường (1909-1996), năm 23 tuổi đã đậu hai bằng Tiến sĩ Văn khoa và Luật khoa ở Đại học Montpellier, Pháp. Sau khi về nước, ông dạy học tại trường Trung học Bảo hộ (Lycée du Protectorat). Bất mãn vì chính sách kỳ thị của Pháp, ông bỏ nghề dạy ra mở văn phòng luật sư. Năm 1946, ông tham dự Hội nghị Việt-Pháp tại Đà Lạt nhưng không được cử đi dự Hội nghị Fontainebleau. Ông theo chính phủ Hồ Chí Minh kháng chiến chống Pháp tới ngày ký Hiệp định Genève 1954 thì trở về Hà Nội dạy học ở trường Đại học Văn khoa. Với tư cách thành viên của Mặt trận Tổ quốc, L.S. Nguyễn Mạnh Tường đọc bài diễn văn này trong một phiên họp của Mặt trận Tổ quốc ở Hà Nội, ngày 30 tháng Mười, 1956. Cũng nên nhắc lại rằng bài diễn văn này được đọc sau khi Trung ương Đảng hạ lệnh chấm dứt chiến dịch Cải cách Ruộng đất ngày 20.7.1956 và sau đó ban hành các biện pháp sửa sai. Vì bài diễn văn này, ông Tường bị tước hết mọi chức vụ và danh vị nghề nghiệp và phải sống một cuộc đời vô cùng thiếu thốn. Năm 1991, nhân dịp được phép sang Pháp ông đưa cho nhà xuất bản Quê Mẹ ở Paris in và phát hành cuốn sách tự thuật L'excommunié (Kẻ bị khai trừ) năm 1992. Ông trở về Hà Nội và mất năm 1996, thọ 87 tuổi.

Thưa các quí vị,

Hội nghị Mặt trận Trung ương họp để nghiên cứu các sai lầm trong Cải cách Ruộng đất và chính sách sửa chữa sai lầm ấy. Hôm nay tôi được đúc kết trước toàn thể Hội nghị các ý kiến mà trong mười ngày vừa qua tôi đã trình bày trong tổ thảo luận, với tinh thần thận trọng của người trí thức không bao giờ quên trách nhiệm của mình trước nhân dân và lịch sử nước nhà.

Tôi phấn khởi được nghe bản phê bình của Đảng Lao động do ông Trường Chinh đọc trước Hội nghị. Nhưng tôi cũng phải thú rằng lòng phấn khởi của tôi một phần bị giảm đi, vì tôi nhớ lại kết quả tai hại của các sai lầm đã phạm trong công cuộc Cải cách Ruộng đất. Tôi xin phép các vị được kính cẩn nghiêng mình trước kỷ niệm những người vô tội đã chết oan, không phải vì bàn tay của địch mà chính của ta. Trong cuộc kháng chiến anh dũng của ta, những đồng bào đã hi sinh, có thể nói được, chết với trong lòng chan chứa nỗi vui sướng vì chết cho sự nghiệp giải phóng dân tộc khỏi nanh vuốt của địch. Họ chết vì địch, cho ta, đó là cái chết tích cực, cái chết vẻ vang, cái chết oanh liệt mà Tổ quốc ghi nhớ muôn thuở. Trái lại, các người chết oan vì các sai lầm trong cuộc Cải cách Ruộng đất này, lúc tắt thở, cay đắng đau xót vì chết với một ô danh. Chúng ta đã xoá bỏ cái ô danh đó, nhưng con cháu của các nạn nhân tài nào mà không ngậm ngùi? Đau đớn hơn, bây giờ ta làm thế nào mà biến cái khổ cực của người tắt thở thành một niềm an ủi cho họ được? Nếu chúng ta duy tâm và tin rằng linh hồn còn tồn tại thì một phần nào ta chuộc lại được tội lỗi của ta. Nhưng ta duy vật và các người ấy lúc chết cũng là duy vật. Do đó, cái nỗi khổ cực của họ ta biết rõ rằng bây giờ ta không thể nào thủ tiêu được nữa. Quyền hạn của ta không tới đó. Nhưng cái gì ta có thể làm được, ta cần làm, để như là đền bù một phần nào sự tổn thiệt của các người ấy, và chứng minh ta thấm thía nỗi đau khổ của họ khi họ từ trần là ta cương quyết rút bài học kinh nghiệm đau đớn và sửa chữa các sai lầm nghiêm trọng mà họ là nạn nhân.

Với tinh thần của một người trong quần chúng, của một người công dân đau khổ trước bao nhiêu cái chết oan của người vô tội, tôi xin phép trình bày mấy ý kiến xây dựng. Chủ yếu tôi sẽ phê phán và truy nguyên các sai lầm trong Cải cách Ruộng đất, nhưng theo ý tôi các sai lầm này chỉ là biểu hiện điển hình và bi đát

nhất của những thiếu sót trong sự lãnh đạo của Đảng Lao động. Do đó tôi xin được góp ý kiến xây dựng quan điểm lãnh đạo của Đảng Lao động.

Tại sao tôi lại tin như vậy? Là vì, không những trong Cải cách Ruộng đất chúng ta đã phạm sai lầm nghiêm trọng mà cả trong nhiều khu vực khác nữa. Trong các khu vực này, sai lầm cũng đã đưa một số người trong quần chúng đến cái chết thê thảm. Do đó, nếu chỉ cục bộ hóa các sai lầm, chúng ta không thể rút được bài học kinh nghiệm, chúng ta sẽ khiếm khuyết với sự tín nhiệm của tất cả các đảng viên Đảng Lao động, với sự mong đợi của toàn dân. Chúng ta phải kiên quyết không cho các sai lầm ấy tái diễn và tác hại nữa. Đó là nhiệm vụ tối thiểu của chúng ta đối với các người đã chết oan.

Tình hình nước ta hiện thời ra sao? Tình hình ấy có bi quan không? Đó là vấn đề nhận định thôi. Nhưng cái chủ yếu là ta không nhìn tình hình ấy với con mắt bi quan. Vậy sự thật khách quan như thế nào? Nhìn vào nông thôn, ta thấy hiện thời tình trạng thiếu đoàn kết rất phổ biến. Vì thi hành sai chính sách cải cách, ta đối lập các từng lớp trong giai cấp nông dân, cán bộ cũ và mới, chi bộ cũ và mới của Đảng. Trong khi đập tan giai cấp địa chủ, ta không phân biệt đối xử, ta để cho chết chóc thê thảm những người hoặc già cả hoặc thơ ấu mà ta không chủ trương tiêu diệt. Ta chỉ cần đọc lại các bài giáo huấn cho đồng bào nông thôn trong báo Nhân Dân là ta đủ hiểu mặt mũi nông thôn hiện giờ ra sao. Nhìn vào các công xưởng, công trường, ta thấy gì? Cứ đọc báo Nhân Dân thôi, ta thấy Chính phủ gửi các phái đoàn đi thăm các anh chị em công nhân, ủy lạo họ, bắt buộc thi hành quy chế lao động mà Chính phủ đã ban ra. Nghĩa là thế nào? Nghĩa là giai cấp công nhân đã phải lao động sản xuất hai năm nay mà không được bồi dưỡng đúng mức. Lắng nghe dư luận đồng bào Hà Nội thôi, ta được biết rằng có ít ra một doanh nghiệp quốc gia lãng phí bao nhiêu triệu trong khi dưới chế độ Pháp thuộc, cũng doanh nghiệp ấy mang lại cho thực dân đế quốc các số lãi khổng lồ.

Về Mậu dịch nửa năm nay, đồng bào ca thán như thế nào, ta đã biết. Nào chèn ép các nhà kinh doanh tư nhân, nào lãng phí bao nghìn triệu trong khi thực hiện chính sách, nào tàn nhẫn với các người bán sức lao động cho mình, nào đưa ra thị trường sữa hư mà không bao giờ nghĩ đến tính mệnh của người ốm, của trẻ sơ sinh, nào tung ra bơ hỏng, thuốc lá mốc, phạm đến sức khỏe của nhân dân, nào bất lực trước hiện tượng vật giá ngày càng lên trong khi nhiệm vụ của mình là phải bình ổn nó. Có thể nói được, suốt ngày đêm không đâu là không có lời oán trách Mậu dịch.

Về hộ khẩu thì cán bộ tỏ vẻ không phải là nhằm duy trì trật tự an ninh, phá vỡ cơ sở của địch, trái lại quấy nhiễu nhân dân, tạo ra một đời sống thành thị điêu đứng cho tất cả. Nếu các vị cần những dẫn chứng cụ thể, tôi chỉ xin nhắc lại hồ sơ mênh mông, thu lượm các thắc mắc cay đắng của đồng bào Thủ đô trong Đại hội lần thứ ba của nhân dân Hà Nội vừa họp cách đây hai tháng.

Nói về chính sách khôi phục kinh tế, ta thấy gì? Số vốn mà các nhà công thương mang ra kinh doanh chỉ là một phần ti tiểu, số công nhân làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân không có nghĩa lý gì. Trái lại ta thấy tất cả một phong trào các nhà tư bản thu hẹp hoạt động của họ, hoặc "chuyển hướng" bằng cách đâm ra quay chỉ, bán nước mía, hay dệt vài thước vải vớ vẩn, hoặc đóng cửa ăn vào vốn để khỏi đụng chạm đến Sở Lao động vì vấn đề công nhân, với Sở Công thương vì vấn đề đăng ký và nguyên liệu sản xuất, với Sở Tài chính vì thuế khoá đặc biệt. Thuế bổ sung đã đưa bao nhiêu người đến chỗ phá sản, có kẻ đến chỗ tự sát. Các người tiểu thương buôn thúng bán mẹt, đẩy chiếc xe hàng tiều tụy trong phố, cũng "được" nộp thuế, cũng như các người suốt ngày làm việc ở công sở hay công xưởng, tối về thức đêm dệt vài thước kiếm thêm tiền độ thân. Hàng trăm, hàng nghìn công chức cũ về hưu, với gia đình của họ, trước đây sống bằng lương hưu trí, hai năm nay không được ai chiếu cố đến, chết dần chết mòn, có người đâm đầu xuống sông tự tử, có người hai lần uống độc dược để quyên sinh.

Còn như các cán bộ thì ta có cần nói đến không? Ta cứ trông mặt mũi, quần áo họ, ta chỉ cần hỏi con số những người qua các phòng khám bệnh, các bệnh viện, ta liếc mắt nhìn họ ăn uống những gì trong bữa cơm, là ta đủ hiểu khổ cực của họ.

Ta quên thế nào được các đồng bào tập kết ra ngoài Bắc, số phận con cái họ ở Hà Nội, Hải Phòng, số phận chính của họ bi đát quá nỗi! Khổ cực nhất cho các anh chị em là không nương tựa được vào một đời sống gia đình để khuây khỏa trong lúc thảm sầu.

Các hiện tượng trên đây có đúng không, tôi

chỉ yêu cầu các vị đọc báo Nhân Dân, nghiên cứu các hồ sơ chồng chất lên ở Mặt trận Thành Hà Nội sau Đại hội lần thứ 3 vừa rồi, nghe ngóng lời than phiền của quần chúng, nhìn nhận các quang cảnh diễn ra dưới mắt của các vị là các vị đủ hiểu rồi. Quả thực như ông Trường Chinh đã tuyên bố, uy tín của chính phủ, của Đảng bị tổn thiệt rất nhiều. Thế tại sao đồng bào chúng ta lại khổ cực? Phải chăng vì cán bộ của chúng ta non, hẹp hòi, chưa thấm nhuần lý luận cách mạng, không tôn trọng giá trị của con người, các nhu cầu và đòi hỏi chính đáng của nó? Phải chăng vì ta đang mắc trầm trọng bệnh ấu trĩ của cách mạng? Các điều đó là có, ta không hề chối và ta cũng không thể chối cãi được. Nhưng nhận định như vậy vẫn còn hời hợt. Ta phải đi sâu hơn nữa. Khi trong Cải cách Ruộng đất của ta, ta thấy bao nhiêu người bị tù tội, bị giết oan, trong đó bao nhiêu người dân ưu tú đã từng góp phần không nhỏ vào sự nghiệp cách mạng, khi hiện thời ở nông thôn vẫn có người bị đánh đập, ngược đãi, khi ta không xây dựng được đoàn kết giữa các đồng bào, thì ta phải nhận định rằng các sai lầm ta đã mắc trong cuộc Cải cách Ruộng đất này chỉ là những biểu hiệu cực độ của các sai lầm ta đã phạm, và các sai lầm ấy nêu lên, như tôi trình bày trên đây, một vấn đề cực kỳ quan trọng là vấn đề lãnh đạo của Đảng Lao động.

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường, 1990, Hà Nội

Do đó, tôi yêu cầu các vị cho phép tôi bắt đầu nghiên cứu các sai lầm trong Cải cách đã rồi sau khi truy nguyên các sai lầm ấy, đề đạt mấy ý kiến về vấn đề lãnh đạo.

I. Vấn đề pháp lý trong Cải cách Ruộng đất

Ta đã sai lầm nghiêm trọng trong Cải cách Ruộng đất, ta có thể tránh được sai lầm ấy mà vẫn bảo đảm được đường lối căn bản của cách mạng không?

Tôi giả nhời cương quyết rằng có.

Đường lối cách mạng của ta đòi hỏi gì? Ruộng phải trở về người cày. Điều này rất đúng không ai có thể chối cãi được. Nông dân là đại đa số trong nhân dân, nông dân là quân đội chủ lực của cách mạng, nhất định cách mạng không thể nào thành công được nếu ta không thỏa mãn nhu cầu thiết yếu và cấp bách của nông dân. Không cần phải là một nhà chính trị cao, một nhà cách mạng thạo, cũng nhận thấy điều ấy. Chỉ cần nhìn lịch sử cách mạng từ thời kỳ cổ đại đến giờ là đủ hiểu rồi.

Như vậy về nguyên tắc, ta tán thành chủ trương Cải cách Ruộng đất.

Về phương pháp, ta có nên ban ơn cho nông dân không? Nhất định là không. Nông dân ta trong bao nghìn năm đã khổ cực dưới chế độ bóc lột phong kiến và một trăm năm nay dưới chế độ bóc lột thực dân. Đồng bào nông thôn ta lầm than như vậy, đã mất hết khí thế con người. Ta cần khôi phục khí thế của người nông dân, xây dựng cho họ tinh thần chủ nhân ông trên đất nước. Do đó ta thấy cần thiết phải phát động tư tưởng của họ để họ nhận được phân minh kẻ thù của họ, để họ vùng giậy nắm lấy quyền thế ở nông thôn.

Nhưng từ đây trở đi, ta thấy khởi phát các sai lầm. Sai lầm này, ông Trường Chinh đã nhận thấy là ở chỗ: ta quên hẳn ta hiện thời nắm chính quyền và chính quyền ấy, nếu ta biết sử dụng nó, khai thác nó một cách sáng suốt, nhất định ta vẫn thành công nhưng ta tránh được bao tai họa làm ta đau khổ hiện thời.

Con đường ông Trường Chinh đã đi để tiến tới kết luận ấy là con đường chính trị. Các anh em tôi là những nhà luật học, chỉ là nhà chuyên môn và lý luận trên cơ sở chuyên môn thôi, đã trông thấy kết luận ấy ngay từ khi chính sách

phát động và Cải cách được đề ra. Tại sao? Vì giải pháp chính quyền cụ thể là giải pháp pháp lý, đảm bảo thắng lợi hoàn toàn của cách mạng nếu ta biết mang nó ra phục vụ chính trị và cách mạng.

Ta muốn gì? Tìm kẻ thù của nông dân, của cách mạng để tiêu diệt nó. Nhưng đồng thời nếu ta biết lo xa, nhìn xa, ta cũng không quên rằng công lý của cách mạng, muốn bảo toàn được uy tín và thắng lợi của cách mạng, phải biết đánh đúng địch. Khi đưa ra khẩu hiệu "thà chết 10 người oan còn hơn để sót một địch" thì khẩu hiệu này không những quá tả một cách vô lý mà phản lại cách mạng là đằng khác nữa. Muốn chứng minh điều này ta chỉ cần nhìn thực tế: kết quả sai lầm ta đã phạm khi thực hiện khẩu hiệu này rất tổn thiệt cho uy tín của cách mạng và cho bản thân bao nhiêu chiến sĩ cách mạng. Nếu không phải đó là phản lại cách mạng thì là gì?

Khẩu hiệu của pháp lý thì khác hẳn: "Thà 10 địch sót còn hơn một người bị kết án oan." Thế ta có lo ngại rằng 10 địch sót không? Không, vì ta nắm chính quyền, vì cách mạng ta đã thành công. Như vậy kẻ thù của cách mạng chẳng sớm thì chậm, nhất định hoặc cải thiện, giác ngộ, hoặc lọt vào lưới của ta. Khẩu hiệu này lợi ở chỗ: không một người oan nào bị kết án. Do đó, không có các kết quả cực kỳ tai hại diễn ra hiện thời.

Làm thế nào thực hiện được khẩu hiệu ấy? Kinh nghiệm pháp lý của hàng nghìn năm lịch sử thế giới cho ta biết rằng ta có phương pháp để tìm đúng địch mà đánh, không đánh tràn lan, không đánh người vô tội. Tôi xin phép nhắc tóm tắt sau đây các nguyên tắc căn bản mà pháp lý nêu lên để đạt mục đích ấy.

Một nguyên tắc đầu tiên là không hình phạt các tội đã phạm quá lâu rồi mà bây giờ mới khám phá ra. Tại sao? Vì rằng vấn đề bằng chứng khó giải quyết được, tang vật đã mất, nhân chứng có người đã từ trần, có người không nhớ rõ các sự việc họ đã mục kích. Hơn nữa, sở dĩ hình luật phạt các tội, là vì các tội ấy đã xâm phạm vào trật tự xã hội: tác hại cho nạn nhân và gây tác dụng xấu trong quần chúng. Nhưng khi tội đã phạm quá lâu, trật tự xã hội hết bị xâm phạm rồi, nạn nhân không còn đau khổ, tác dụng xấu của tội cũng hết, thời gian đã hàn gắn các vết thương. Bây giờ lại vạch chuyện cũ thì không những khó thu thập được bằng chứng kết tội mà lại gây một sự náo động trong xã hội không cần thiết. Chính xã hội thấy "quên" lợi hơn là "nhớ".

Một nguyên tắc thứ hai là trách nhiệm của phạm nhân thì chỉ một mình phạm nhân phải chịu, không có trách nhiệm chung của vợ con, của gia đình. Nêu trách nhiệm trước hình luật của các người "có quan hệ" với phạm nhân không những là bất công mà lại còn gây các sự rung động vô ích trong xã hội. Hơn 400 năm nay không một nước Tây phương nào làm việc đó nữa. Trách nhiệm trước hình luật chỉ là một trách nhiệm cá nhân mà thôi. Không những thế, về phương diện nhân đạo, thì các phạm nhân quá già được miễn nghị, miễn tố và các vị thành niên được chiếu cố.

Một nguyên tắc thứ ba là muốn kết án một người phải có bằng chứng xác đáng. Phải có nhân chứng là những kẻ đã mục kích sự phạm pháp và cung khai một cách cụ thể, rõ ràng, chắc chắn. Một nhân chứng thôi chưa đủ, ít ra cũng phải có hai nhân chứng cung khai phù hợp với nhau mới được coi là đáng kể. Cung khai của các nhân chứng phải ăn khớp với nhau và trong quá trình phạm pháp các tang vật thu được phải có tác dụng hợp lý, sát hợp với kết quả do cuộc điều tra mang lại.

Một nguyên tắc thứ tư là thủ tục điều tra, xét xử phải bảo đảm quyền lợi của bị tố nhân. Bị tố nhân có quyền nhờ luật sư bào chữa cho mình, và khi thiếu điều kiện nhờ luật sư, khi nào là một trọng tội, Tòa phải cử luật sư bào chữa không, cho bị can. Trong tất cả, giai đoạn điều tra ở trình độ công an thẩm vấn trong phòng dự thẩm, buộc tội trước tòa, quyền lợi của công tố viện ngang với quyền lợi bị can, nghĩa là nếu công tố viện đưa hết lý lẽ để buộc tội, bị can đưa hết lý lẽ để minh oan. Cuộc đấu lý diễn ra trong tất cả quá trình điều tra, truy tố, xét xử giữa công tố viện và luật sư. Các vị thẩm phán ngồi xét xử phải là vô tư, đứng giữa để theo rõi cuộc đấu lý diễn ra dưới mắt mình. Như thế mới nhận định đúng và xử công minh. Toà án xét xử không chịu lệnh của ai trong khi xét xử, chỉ biết xét xử theo lương tâm của mình và căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ, sau khi nghe hai tiếng chuông buộc tội và gỡ tội. Người thẩm phán phải được đủ đảm bảo để làm nhiệm vụ của mình mà không sợ ai khiển trách hay gây khó khăn cho mình được. Khi điều tra thẩm vấn, tuyệt đối cấm không được dùng phương pháp tra khảo, đánh đập, hành hạ bị can, mớm cung cho bị can, dọa nạt hay dụ dỗ hắn. Khi nào có

điều nghi ngờ thì bị can được miễn nghị. Nếu bị kết án thì còn quyền chống án lên tòa trên. Nếu bị kết án tử hình thì lại còn quyền xin ân giảm trước vị Chủ tịch Chính phủ. Con người của bị can, trong tất cả quá trình truy tố và xét xử phải được tôn trọng triệt để, khi bị can ra trước tòa thì không được xiềng xích họ và không lúc nào được dùng nhục hình đối xử với họ.

Theo một nguyên tắc căn bản, không phải vì một người tác hại cho một người khác mà người ấy phải chịu trách nhiệm trước hình luật. Tác hại cho ai thì chỉ nêu trách nhiệm về phương diện dân sự, nghĩa là bồi thường thôi — của người đã tác hại. Muốn truy tố người ấy để thi hành hình luật đối với hắn thì phải chứng minh rằng hắn phạm một tội, nghĩa là phạm vào một điều khoản nào qui định trong hình luật, và hình luật không bao giờ có tác dụng đối với quá khứ cả: nếu hành động của một người diễn ra trong thời kỳ mà hình luật chưa quan niệm là một tội thì người ấy không thể mang ra truy tố được. Không những bị can phải phạm một tội đã qui định rồi trong pháp luật, mà ta lại còn phải xét xem rằng lúc phạm tội ấy bị can có ý thức, có ý chí phạm pháp hay không, hay là vô tình mà phạm pháp. Sự đối xử trong hai trường hợp ấy khác nhau.

Lúc tôi nhắc lại các nguyên tắc này thì có vị cho rằng như thế là phiền phức, phức tạp. Dĩ nhiên rồi, nhưng tất cả vấn đề là: ta có muốn giết người vô tội không? Nếu không thì không thể nào làm khác được. Hơn nữa, muốn nhận định vấn đề cho đúng, ta không nên đứng vào vị trí một người hiện thời không dây dưa với pháp luật, một người ở một cương vị chính quyền. Ta phải đứng vào cương vị của bị tố nhân; lúc ấy vấn đề rất sáng tỏ, không những ta đòi thi hành các nguyên tắc pháp luật, ta còn cố gắng tìm hiểu thêm các nguyên tắc mới để đảm bảo người oan khỏi bị chết.

Nếu mang ra áp dụng các nguyên tắc ấy vào cuộc Cải cách ruộng đất của ta, ta sẽ làm thế nào? Thủ tục cải cách cứ diễn bài nhưng sự trừng trị bọn cường hào gian ác hay phản động, ta sẽ không giao cho một tòa án nhân dân, đặc biệt như ta đã làm với tất cả sự thiếu sót về phương diện pháp lý mà ta đã biết. Trái lại, sau khi phát động tư tưởng của nông dân, ta sẽ nghe lời họ tố cáo kẻ thù của họ. Ta sẽ ủy nhiệm toà án nhân dân thường lập các hồ sơ, để tòa án, với bộ máy và kinh nghiệm của nó, tiếp tục điều tra, kiểm tra, lấy cung chứng, truy tố, luận tội, xét xử. Ta đảm bảo triệt để cho bị tố nhân quyền bào chữa của họ, ta yêu cầu các luật sư làm tròn nhiệm vụ của họ, ta tôn trọng triệt để con người của bị tố nhân. Ta chỉ thù ghét và kết án, trừng phạt tội của nó đã phạm thôi. Ta tin tưởng ở tòa án, ta đảm bảo cho các vị thẩm phán làm việc ngoài sự điều khiển của chính quyền, một cách biệt lập, tôi nói biệt lập chứ không phải độc lập, theo lương tâm của các vị và căn cứ vào hồ sơ và kết quả của cuộc thẩm vấn.

II. Các nguyên nhân sai lầm

Theo như tôi nhận định, với chủ quan của tôi, các nguyên nhân sai lầm thuộc hai loại, có loại trực tiếp, nhưng nếu ta phân tích loại này thì ta sẽ đi tới một loại thứ hai mà theo tôi là những nguyên nhân chính, ta cần chú ý.

Các nguyên nhân trực tiếp ta trông thấy ngay. Sở dĩ khi nghiên cứu chính sách cải cách, ta không nghĩ đến giải pháp pháp lý đưa ra để điều hòa với giải pháp chính trị, phải chăng là vì ta không biết giải pháp pháp lý? Nếu không thì là sự thiếu sót nghiêm trọng của cấp lãnh đạo. Nhưng tôi tin rằng không phải như thế đâu. Sở dĩ ta không để ý đến giải pháp pháp lý là vì ba lý do:

1. Quan điểm ta-địch, thù-bạn của ta rất mơ hồ.

2. Ta bất chấp pháp luật, lấy chính trị lấn át pháp lý

3. Ta bất chấp chuyên môn

Quan điểm bạn-thù, ta-địch mơ hồ — Các hiện tượng trên trường quốc tế và trong nước rất nhiều và rõ rệt.

Trên trường quốc tế, trong các nước dân chủ của ta thôi, ta thấy những điều làm ta suy nghĩ. Ta thấy chẳng hạn những người suốt đời hi sinh cho sự nghiệp cách mạng, giữ những trọng trách trong chính thể cách mạng, rồi bỗng nhiên phải truất quyền, khai trừ ra khỏi Đảng, tống giam, thậm chí có khi bị giết nữa. Rồi ít lâu sau, ta lại thấy các người ấy được khôi phục công quyền, đảng tịch, cương vị, người nào bị kết án tử hình rồi thì được an táng lại ở các đài kỷ niệm các liệt sĩ mà Tổ quốc ghi tên muôn đời.

Trong nước ta, qua cuộc Cải cách Ruộng đất ta thấy bao nhiêu các chiến sĩ cách mạng thành tích lộng lẫy, có người ngực gắn tới hai huy chương kháng chiến (ở ngoại thành Hà Nội) bị kết án là phản động, cường hào gian ác và, sau khi nhận tội, bị tống giam hay bị hành hình. Ấy

là không nói đến các người trong quần chúng bị hi sinh oan. Đối với các nạn nhân này, ta có thể một phần nào hiểu các sai lầm đã phạm, vì họ thiếu hay không có thành tích cách mạng hay kháng chiến. Nhưng đối với các đảng viên ưu tú, tinh hoa của dân tộc, lúc bị xử trí như ta đã biết, thì ta tự hỏi trong đầu óc của những người xử họ có cái gì mà ta gọi là lý tính không? Ngay một thường dân, không phải là một nhà chính trị hay văn hóa, chỉ sử dụng cái lẽ phải của mình thôi, cũng không thể nào hỗn hợp người xấu với kẻ tốt như vậy được. Ta phải đặt vấn đề rằng cán bộ từ trên xuống dưới, tham gia Cải cách Ruộng đất, không phải là người điên cuồng, cũng không phải là người chủ mưu, dụng tâm phá hoại. Nếu như thế thì ta sẽ gửi họ đến bác sĩ chuyên môn chữa bệnh thần kinh, hay đến công tố viện của các tòa án. Nhưng không phải như thế, ta tin như vậy. Do đó, kết luận mà ta tiến tới, dù muốn hay không, là các các cán bộ ấy có một quan điểm rất mơ hồ về ta-thù, bạn-địch.

Còn gì đau đớn hơn là câu ta được nghe "ta đánh cả ta nữa." Nếu như vậy thì ta cần phải nhận rằng ta không phân biệt được bạn và thù. Ta đọc lại các bài gần đây đăng trong báo Nhân Dân của các đồng chí bị xử trí oan, hoặc các đồng chín ấy nói, hoặc không nói, nhưng ta đều hiểu các đồng chí ấy nghi ngờ những người kết án các đồng chí, không phân biệt được bạn và thù. Vì vậy nên đánh cả bạn, giết cả bạn.

Tôi thấy đây là một điều cực kỳ quan trọng. Nguyên do ở đâu? Phải chăng ở một tinh thần cảnh giác quá cao đến nỗi mù quáng, ở một tả khuynh mà ta thường mắc trong giai đoạn ấu trĩ của cách mạng? Đây không phải là nơi và lúc mà ta cần phân tích sâu sắc điều ấy. Chủ yếu là ta nhận thấy rằng một nguyên nhân sai lầm là ở trong quan điểm thù bạn rất mơ hồ. Nếu ta không kịp sửa chữa sai lầm, xây dựng lại quan điểm thù bạn, một ngày kia ta sẽ lại phải khóc trên kỷ niệm của những vị có công nhất với cách mạng, với nhân dân. Ta cương quyết không thể nào để tình trạng ấy tái diễn ra được.

Bất chấp pháp luật — Giáo sư Ba Lan Mahelli nói chuyện ở Bộ Tư pháp, cho ta biết rằng bên Ba Lan, khi cách mạng thành công, các nhà chính trị bất chấp pháp luật. Họ quan niệm rằng họ đủ tài năng để đảm nhận các cương vị lãnh đạo trong ngành tư pháp, để bó buộc tư pháp phục vụ triệt để chính trị mà không đếm xỉa đến các nguyên tắc căn bản của pháp lý. Kết quả là chẳng bao lâu bộ máy tư pháp sộc sệch, không những không củng cố được chính thể cách mạng, ngược lại, tác hại quá nhiều gây bao nhiêu khó khăn cho chính quyền cách mạng. Sai lầm ấy được uốn nắn kịp thời: hoàn cảnh khách quan đã dạy một bài học cho chủ quan các nhà chính trị, để lãnh đạo chuyên môn phải nhập trường học tập, trước non hai năm, sau năm năm, để qua pháp lý, phục vụ chính trị và cách mạng.

Điều này không làm chúng ta ngạc nhiên. Trong giai đoạn đầu tiên, chính trị say sưa với các thắng lợi đã thu —và dĩ nhiên các thắng lợi ấy vĩ đại— lâm vào tình trạng tự mãn và bao biện.

Nhưng quản trị một nước, đặc biệt một nước đang xây dựng chính quyền cách mạng, nghĩa là một cái gì vô cùng mới mẻ và khó khăn — không giống như là đề ra đường lối và khẩu hiệu tranh đấu cách mạng và vận động quần chúng làm cách mạng. Hai khu vực hoạt động ấy tuy quan hệ mật thiết với nhau, nhưng mỗi ngành hoạt động có kỹ thuật và quy luật của nó. Lúc nhà chính trị bao biện, bất chấp hoàn cảnh khách quan kinh nghiệm xương máu của lịch sử, thì chẳng sớm thì muộn ta thấy diễn ra những tai hại hiện thời làm chúng ta đau xót. Trên con đường bao biện và tự mãn ấy, các nhà chính trị đã bị thúc đẩy bởi những thành kiến đối với pháp lý và tin rằng pháp lý là cái gậy chỉ dùng để chọc bánh xe, không hiểu rằng, trái lại, chính pháp lý giúp xe khỏi lật, khỏi gây tai nạn. Nguy hại hơn là chính trị tự đặt mình lên trên pháp luật. Ngay trong trường hợp chính trị sau khi đặt mình lên trên pháp luật, còn giữ vững thái độ chân chính, cũng đã gây ra bao khó khăn rồi. Pháp luật chủ yếu đề ra những cái gì có thể làm được, cái gì không được phép làm, do đó nhân dân vững tâm biết rõ đường mà đi. Nhưng tâm hồn quần chúng chỉ được ổn định khi nào quần chúng biết rõ rằng cái gì bó buộc mình cũng đồng thời bó buộc nhà cầm quyền. Trái lại, khi pháp luật chỉ gò bó quần chúng mà không gò bó nhà cầm quyền thì nhà cầm quyền mỗi lúc có thể vẽ ra các đường mới mà quần chúng chưa từng biết. Vì vậy quần chúng hoang mang: cái gì hôm qua làm được, ngày mai với sự độc đoán của nhà cầm quyền có thể bị coi là phi pháp. Hoang mang ấy lên tới cực độ khi tác dụng của sự thay đổi thái độ này của nhà cầm quyền không

những ảnh hưởng đến tương lai, mà là ảnh hưởng cả về quá khứ nữa. Đó là trường hợp nhà cầm quyền, lúc tự đặt mình lên trên pháp luật, giữ thái độ chân chính đúng mực, huống hồ là khi nhà cầm quyền sử dụng quyền thế của mình một cách lộng quyền, như ông Trường Chinh đã nhận định. Quyền xử tử người một cách đơn giản như vậy trái với luật pháp: đó chỉ là một giải pháp chính trị mà thôi. Nếu mà các người sử dụng quyền ấy lại không sử dụng với tinh thần chính sách của lãnh đạo, sử dụng một cách lộng quyền thì kết quả thế nào, hiện thời ta đã trông thấy rõ.

Bất chấp chuyên môn — Các nhà chính trị bất chấp pháp luật. Nhưng nếu các vị ấy tranh thủ ý kiến của các nhà chuyên môn và cho phép các nhà chuyên môn đề đạt ý kiến thì các nhà chuyên môn cũng sẽ yêu cầu các nhà chính trị nên chú ý đến pháp luật, và dùng pháp luật phục vụ cách mạng.

Nhưng tiếc thay, trong 10 năm vừa qua, ta thấy một tình trạng quái gở. Chính trị ám ảnh đầu óc chúng ta đến nỗi hai chữ "lập trường" làm ta mất ăn mất ngủ. Nếu được dùng một hình ảnh "duy tâm," tôi ví lập trường như cái oan hồn ngày đêm theo đuổi kẻ nào đã hãm hại người chủ của nó. Có một điều lạ, là các anh em công nông, các vị lãnh tụ không bao giờ nói đến lập trường trong sinh hoạt hàng ngày. Trái lại, các cán bộ và đảng viên tiểu tư sản không lo ngại gì bằng sự mất lập trường. Vì vậy, để nhớ đến nó, mở miệng ra là nêu lập trường rồi. Đó là tinh thần tự ti của một giai cấp mất khí thế, quên rằng mình đứng trong hàng ngũ cách mạng. Dù sao, ở Việt Nam chúng ta cũng đã xẩy ra những sự việc như sau đây, ta cần ghi nhớ để con cháu ta cười muôn thuở: khi chọn một người vặn lái ô tô, ta không hỏi người ấy có bằng vặn lái và đã vặn lái bao năm, ta chỉ hỏi: "Có lập trường không?" Kết quả là từ hai năm nay, riêng trong thủ đô Hà Nội, hàng trăm tai nạn xảy ra do các người vặn lái ô tô có lập trường mà không nắm chuyên môn. Khi đưa tới bệnh viện một bệnh nhân cấp cứu, vấn đề mang ra thảo luận trước tiên là: Bệnh nhân thuộc thành phần giai cấp nào? Chữa cho địa chủ thì "mất lập trường." Để nó chết mới chứng minh mình có "lập trường giai cấp" (hiện tượng do B.S. Nguyễn Xuân Nguyên đưa ra).

Tại sao có những hiện tượng quái gở như vậy? Là vì chính trị chiếm đóng tất cả các khu vực trong nhận thức của chúng ta làm chúng ta mất cả cái nhân đạo tối thiểu của con người, làm chúng ta khước từ các chân lý. Chân lý cho biết rằng chính trị không thể nào thay thế được cho chuyên môn, không làm được việc của chuyên môn. Nếu như vậy thì ít ra chính trị cũng hỏi ý của chuyên môn mới là phải. Nhưng không. Chính trị nghi ngờ chuyên môn, không tin ở chuyên môn. Lúc thì cho rằng chuyên môn là do văn hoá và khoa học tư sản đế quốc xây dựng, là vô dụng (đó là một sai lầm nghiêm trọng các người tin như vậy chưa đọc Lenin). Lúc thì cho rằng các nhà chuyên môn không phải xuất hiện ở tầng lớp cơ bản, công hay nông, thì không có đảm bảo vì thái độ lừng chừng, lập trường lỏng lẻo, dù là 10 năm nay họ đã bước chân vào đường cách mạng và chứng minh nhiệt tình của mình đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, kiến thiết quốc gia.

Theo ý tôi, đây là một vấn đề then chốt. Các anh em trí thức kháng chiến thường phàn nàn rằng Đảng Lao động thiếu tín nhiệm họ. Họ đau khổ mà nhận thấy rằng mặc dầu họ đã trải qua bao nhiêu thử thách, chịu đựng bao nhiêu hi sinh, trải qua bao nhiêu gian nguy, Đảng vẫn chưa tin ở họ. Nào họ có yêu sách gì quá đáng đâu? Họ có đòi làm Bộ trưởng hay Đại sứ đâu? Không. Đại đa số các anh em trí thức nói chung, không mơ ước các cương vị, công tác lộng lẫy đâu, họ vui lòng nhường chỗ cho các nhà chính trị, các đảng viên. Họ chỉ thiết tha đòi hỏi được mang khả năng chuyên môn và kinh nghiệm của họ ra phục vụ nhân dân mà thôi. Họ chỉ thiết tha mong muốn được bảo toàn danh dự trí thức của họ và cái tự do tư tưởng mà họ quan niệm là cần thiết cho nhân phẩm của người trí thức mà thôi. Họ đã từng nghe thấy Đảng tuyên bố: Người trí thức là vốn quí của dân tộc. Nhưng họ cảm thấy vốn ấy quí quá đến nỗi phải cất nó đi thật kỹ, giữ gìn nó trong một bán ảnh, một hoàng hôn trường cửu. Nếu có ai cho rằng tôi nói không đúng, tôi cứ đề nghị người ấy quay mặt nhìn chung quanh, ở các cương vị công tác trong chính thể của ta. Có một chỗ nào mà người trí thức ngoài Đảng nắm được thực quyền không? Tác dụng "hiếu hỉ" hay "cười gật" thì có, mà lại có nhiều. Nhưng ngay ở các cương vị ấy, ngoài vai trò hiếu hỉ, cười gật, người trí thức có một trách nhiệm gì không, có quyền nói gì làm gì không, quần chúng đã biết và miễn tôi giả nhời.

(Còn tiếp)

KẺ VÔ ƠN

VŨ THƯ HIÊN

1

Nghe tôi nói đến "Hiếu nhà băng," ông Thạc lộ vẻ ngạc nhiên:

- "Hiếu nhà băng" ở Zurich? Ông cũng quen hắn à?

- Quen. Nhưng chưa lâu lắm. Ông biết ông ấy?

- Biết chứ. Từ hồi kháng chiến chống Pháp kìa. Lúc ấy hắn có cái biệt danh khác — "Hiếu tồ".

- Trái đất tròn thật. Tôi gặp ông Hiếu trong chuyến du lịch trên sông Nil, lâu rồi, dễ cũng đến ba hoặc bốn năm. Quen nhau kiểu ấy thì chỉ loáng thoáng thế thôi, mãi đến năm ngoái gặp lại nhau ở Genève hai đứa mới có dịp tâm sự. Ông này tính tình cởi mở, dễ chịu lắm, tuy có hơi tồ tồ một chút thật, ông gọi là Hiếu tồ cũng không ngoa. Nghe ông nói mới biết, chứ tôi cứ tưởng ông ta là dân Bắc kỳ di cư rồi vọt qua đây sau tháng tư 75. Cái vụ thuyền nhân bi thảm là thế, thế giới chửi cho mục mả, vậy mà cũng có cái mặt hay của nó — người mình giờ ở đâu cũng có, dễ chỉ thua dân Trung Quốc. Người ta bảo ở đâu có gián ở đấy có người Trung Quốc.

- Hiếu tồ đi sang bên này khoảng 78 hay 79 chi đó.

- Thuyền nhân?

Ông gật đầu.

- Tức là có đi kháng chiến một đoạn, rồi dinh tê?

- Đại khái thế. Nghe nói bây giờ hắn giàu. Không phải giàu thường thường, mà giàu lắm.

Ông Thạc liếm đôi môi khô. Trong giọng nói của ông có một chút khó chịu, hoặc một chút ghen tị, hoặc cả hai.

- Trông ông ấy bề ngoài thì cũng bình bình, vầy vậy, không có dáng giàu có — tôi thấy cần nói nhận xét của mình, tôi không thích cái sự khó chịu vì người khác giàu ở ông Thạc - Ăn vận xuềnh xoàng, xe không sang — một cái BMW không còn mới. Đại khái thì cũng như mọi người khác, người bình thường, tôi thấy ông ấy không có gì đặc biệt, không vênh, cũng không hãnh. Nghe ông ấy kể thì đúng là trước khi về hưu ông ấy có làm việc ở một ngân hàng lớn. Phó giám đốc hay là chuyên viên gì đấy.

- Giám đốc đấy, ông ạ. Làm đến chức ấy thằng chó nào mà không giàu cơ chứ?

- ông Thạc đổi giọng ngậm ngùi. Ngẫm ra cái số con người ta thật lạ, lên voi xuống chó khôn lường, có giời biết trước. Tôi biết Hiếu lắm. Trước đây, hắn công tác cùng chỗ với tôi.

Đến lượt tôi ngạc nhiên:

- Tức là ông Hiếu còn ở bộ đội nữa?

- Chứ sao. Cấp dưới của tôi. Nhưng hồi ông đến công tác ở chỗ tôi thì hắn không còn đấy nữa. Đào ngũ rồi.

- Năm nào?

- Đầu năm 54.

- Chiến thắng đến nơi mà còn chuồn, rõ hoài, có phải không ông? Ông Hiếu có không muốn nhắc đến giai đoạn ấy cũng là phải thôi, chẳng vinh quang gì.

Tôi với ông Thạc quen nhau hồi ông còn làm trưởng phòng chính trị quân khu 3, tôi từ Việt Bắc về làm công tác tổng kết quân sự. Rồi tiếp quản thủ đô, mấy đợt rèn cán chỉnh quân, chúng tôi gặp nhau luôn. Ông về hưu với quân hàm đại tá. Người khác ở tuổi ông, có thâm niên quân đội như ông, thì đã lên tướng từ lâu. Chuyện dân "tạch tạch xè," đi kháng chiến bị phân biệt đối xử là chuyện thường tình, chẳng làm ai ngạc nhiên. Quen nhau lâu thế nhưng tình bạn giữa chúng tôi không thể gọi là thân thiết, có lẽ tại tính tình không hợp, hoặc tại cái gì đó không giải thích được, nhưng biết nhau hơn nửa thế kỷ mà vẫn giữ được quan hệ quen biết nhau thì cũng coi như có sự gần gụi. Ông sang Đức ở với con gái, không hiểu nhờ ai mà

biết địa chỉ của tôi, ông có biên thư hỏi thăm, thành thử có việc qua vùng ông ở, tôi rẽ vào thăm. Ông mừng lắm, ôm chặt, vỗ lưng tôi đồm độp, mắt nhoà đi. Ông đang trong cơn cô đơn, tôi đoán. Tâm trạng này, với từng cơn ác tính, có ở bất cứ người lớn tuổi nào trong cuộc sống xa quê. Hỏi thì ông bảo cuộc sống của ông tạm ổn, không có gì đáng phàn nàn. Anh con rể người Đức là chuyên viên của hãng Siemens nổi tiếng, lương cao; cô vợ trông nom một cửa hàng hoa tươi, nhiều khách quen, có bề phát đạt. Ngoài ngôi nhà ở khang trang ở trung tâm Stuttgart hai vợ chồng còn tậu được một nhà vườn. Ở nước Đức như thế là thuộc loại trung bình khá. Khi mới sang, ông bố vợ ở chung với các con, ít lâu sau ông dọn ra ở nhà vườn. Ông bảo ở đây cũng đủ mọi tiện nghi, lại được ở một mình, dễ chịu hơn, chưa kể sáng sáng còn có việc làm — với cái cuốc, cái kéo tỉa cây, bình tưới, ông chăm sóc mấy giàn hoa leo, mấy luống rau thơm, ăn không ngồi rồi buồn chết được. Thỉnh thoảng, cuối tuần, hai vợ chồng dẫn mấy đứa cháu ngoại ra thăm ông. Ông không biết một tiếng Đức nào, với ai ông cũng chỉ gật đầu mỉm cười thay lời chào. Anh con rể gật đầu chào lại, nhưng không cười. Hai đứa cháu trai nghịch như quỷ sứ, vừa ra đến nhà vườn là chúi ngay vào các trò chơi của chúng, la hét om sòm.

- Cái giống Đức tính lạnh, ông ạ, không như người mình — ông nhận xét. Giao thiệp với dân Đức không dễ, chẳng biết trong bụng chúng nó nghĩ gì. Thằng rể tôi được cái lễ độ, biết kính trọng bố vợ.

Ông tiếp tôi ở nhà vườn, xăng xái đi nấu cơm thết bạn. Tôi thấy ông đi đứng còn nhanh nhẹn, lưng không gù, giọng sang sảng, duy có nước da mai mái, dấu ấn của bệnh sốt rét kinh niên, làm ông hơi xấu mã. Hàm dưới đưa ra, má hóp lại. Ở tuổi 76 mà được như thế là tốt rồi. Trong phong thái, ông vẫn còn giữ được chút gì đó của một thời chinh chiến, khi ông còn là một cán bộ quân sự quen ra lệnh. Bây giờ không ra lệnh được cho ai thì ông ra lệnh con béc-giê giống Đức lúc nào cũng quanh quẩn bên chủ. Nó to như con bê, mà hiền khô. Dưới sự chỉ huy của ông nó biết ăn cơm nguội rưới tí nước thịt, y như một con vàng hoặc con vện Việt Nam. Tôi muốn hỏi ông sang Đức sống lẻ loi thế này làm gì cho khổ, trong khi ở Việt Nam ông có bạn bè, có họ hàng. Tuổi già sống cô độc ở xứ người có vui gì. Lương hưu cấp tá giờ khá hơn trước nhiều, thừa đủ cho một cuộc sống không còn nhiều đòi hỏi. Ông cũng cho biết nhà nước bây giờ chiều cán bộ hưu lắm, nhất là đám có thâm niên cách mạng cao, không muốn họ gây chuyện nay kiến nghị mai phản đối, hoặc a dua với bọn mới hưng đòi dân chủ.

- Sang đây ông có gặp lại ông Hiếu không?

- Có. Mà không.

- Là thế nào?

- Tôi có trông thấy hắn ta, nhưng không gọi.

- Sao vậy? — tôi trợn mắt - Ông giận ông ấy hở? Giận cái chuyện đào ngũ ấy à? Vớ vẩn. Chuyện từ đời tám hoánh mà đến giờ còn để bụng thì ông quẩn rồi đấy. Bọn mình, thằng chó nào cũng vậy, gần đất xa trời cả rồi, mọi chuyện xửa xưa ông nghe tôi, cứ quăng tuốt đi, cho nó nhẹ. Ông âm lịch quá đấy.

Ông Thạc nhún vai, môi dưới trề ra. Im lặng một lúc, ông thủng thẳng:

- Không phải tôi giận hắn cái chuyện ấy đâu, chuyện ấy tôi không tính, bộ đội hồi ấy đào ngũ nhiều, chẳng phải mình hắn... Hồi Cải cách ruộng đất bọn con cái địa chủ, phú nông, không trước thì sau, theo nhau chuồn bằng sạch. Không như chúng ta, đã đi với cách mạng là ta đi đến cùng. Chúng nó không thể kiên trì lập trường cách mạng là do bản chất giai cấp của chúng nó khác ta...

Tôi che miệng ngáp. Giời ạ, cái bài ca lập trường giai cấp cũ rích tưởng chừng không còn có thể nghe thấy ở bất cứ đâu, đùng một cái lại gặp nó giữa lòng nước Đức. Tôi chán. Tôi còn ngạc nhiên nữa. Từ lâu rồi ông bạn tôi, chính ông, cũng đã biết thừa rằng ông, và cả thế hệ ông nữa, bây giờ là cái vỏ chanh vắt kiệt bị quẳng vào thùng rác lịch sử, rằng cuộc cách mạng đầy lãng mạn là lẽ sống một thời trai trẻ của lớp người như ông đã biến mất, thay vào đó là một xã hội của những kẻ đi sau về trước, trong cái xã hội đó những người như ông chẳng là cái gì hết. Biết thì ông biết đấy, không phải ông ngu, ông không biết, nhưng trong tâm tư ông, trong cái vô thức vô duyên của ông, lại có cái gì đó chống lại cái biết của ông, khốn nạn vậy. Những người như ông không ít. Trong họ cái quá khứ hào hùng nặng như cối đá, bất chấp sự biết ấy, sự ngộ ấy, vẫn cứ tiếp tục tồn tại, nó sống không cần anh có biết đến nó hay không, nó hiện hữu thường trực như một bản năng được cấy ghép, âm thầm hiện hữu, thậm chí ta không nhận thấy nó, nhưng thỉnh thoảng nó lại trỗi dậy, thỉnh thoảng lại hung hăng lên tiếng. Trong

cái xã hội do chính họ tạo ra, nhưng lại hình thành ngoài ý muốn của họ, theo một cách khác hẳn, họ chẳng còn gì để tự hào, họ thấy mình là đồ bỏ trong lòng xã hội ấy, thế là họ đành nhẫn nhục sống với những kỷ niệm, với những giáo điều đã chết và những hào quang không còn lấp lánh.

- Vậy thì vì cớ gì ông giận?

- Hắn là thằng vô ơn, ông ạ — ông thở dài. Tôi giận là giận cái sự vô ơn ấy, giận lắm. Hắn chịu ơn tôi, nhưng khi gặp tôi, hắn lờ. Tôi chỉ cần được nhìn thấy hắn mừng rỡ khi gặp lại tôi thôi, thế là đủ, thế là được, khốn nạn, nào tôi có mong gì hơn, nhưng không, khi gặp tôi, hắn lờ tịt.

2

Ông Hiếu cười buồn khi nghe tôi kể chuyện tôi gặp ông Thạc.

- Tôi nhớ ông ấy chứ, quên sao được. Trí nhớ tôi không đến nỗi tồi. Tôi có nhìn thấy ông ấy thật. Và tôi đã không gọi, đúng thế. Chuyện ông ấy kể cho ông nghe không sai, ông ấy không bịa, đúng là ông ấy có làm ơn cho tôi thật. Nhưng là một thứ ơn mà người mang ơn không muốn nhớ đến...

Chúng tôi ở trong một biệt thự nhỏ và xinh xắn bên bờ hồ Bodensee, còn có tên là hồ Konstanz, giáp giới ba nước Đức, Áo, Thuỵ Sĩ. Hồ này rộng, nó đứng thứ hai tính về diện tích các hồ thuộc vùng núi Alpes. Giá đất ở những nơi có địa thế đẹp ở ven hồ Konstanz đắt khủng khiếp, có thể so với giá đất ở Hà Nội. Ở những địa điểm có thể xây khách sạn, nhà nghỉ phải có nhiều tiền lắm lắm mới xây được một biệt thự riêng. Tôi hiểu như thế nên rất ngạc nhiên thấy bên trong ngôi biệt thự chắc chắn là đắt tiền của ông Hiếu chẳng có gì sang trọng. Giữa phòng khách chình ình một cái chõng tre y như trong một quán nước ở đồng bằng sông Hồng; trên đó lỏng chỏng một cái ấm giỏ và mấy cái bát sành. Ghế ngồi là những thân gỗ mộc xù xì, nhưng có đệm dành cho khách không quen ngồi ghế gỗ. Tôi đã gặp cách bài trí theo lối cổ ở nhiều nhà người Việt ly hương, với những hoành phi, câu đối sơn son thếp vàng, những sập gụ, tủ chè, tràng kỷ, cái nào cái nấy thuần bằng gỗ quý đặt trong nước làm... Cũng là nỗi nhớ quê hương, nhưng khác với nỗi nhớ của ông Hiếu, nó là nỗi nhớ trưởng giả hoặc mang hơi trưởng giả.

- Tại sao?

Ông Hiếu bắt đầu câu chuyện gợi trí tò mò của tôi vào một đêm khuya, cả hai đều khó ngủ. Chúng tôi ngồi bên nhau, an nhàn tựa lưng trên ghế dài đặt sát mép nước hồ. Ban đêm mặt hồ phẳng lặng như một tấm gương vô cùng lớn màu đen, với những đốm lửa nhấp nháy ở chân trời, rất xa, nơi có quần thể đông đúc khách sạn và nhà hàng.

- Ông Thạc chưa kể cho ông nghe?

- Chưa. Ông kể đi.

Ông Hiếu im lặng một lúc lâu. Hình như ông do dự, ông không muốn kể, có thể là ông không muốn gợi lại một quá khứ muốn quên. Ông chỉ kể khi tôi phải thúc giục vài lần nữa. Sau đây là câu chuyện tôi được nghe trong đêm ấy.

"Ông Thạc lúc bấy giờ đã là bí thư chi bộ, tôi là quần chúng. Chúng tôi đều học sinh xuất thân, lý lịch của chúng tôi đơn giản, chúng tôi vào bộ đội như là lẽ đương nhiên - thanh niên thời chiến thì phải cầm súng bảo vệ Tổ quốc. Tôi với ông Thạc vừa là bạn, vừa có quan hệ cấp trên cấp dưới. Cái sự tôi ở trong diện cảm tình đảng, đang thời kỳ thẩm tra lý lịch để kết nạp cũng là do ông Thạc quan tâm nâng đỡ. Chứ tôi, nói thật với ông, chẳng mặn mà gì cái sự vào đảng.

- Vào thời ấy mà không biết quý cái sự vào đảng thì, nói thế nào cho đúng nhỉ, - tôi nói - hoặc ông rất cấp tiến, hoặc ông hâm.

- Tôi không cấp tiến, cũng chẳng hâm — tôi lười, ông ạ - ông Hiếu cười khe khẽ. Người ta phấn đấu để được vào đảng, để được đề bạt, để được oai với người khác, tôi thì không. Còn chiến tranh thì mình làm lính, hết chiến tranh thì thôi, chẳng lẽ ở bộ đội cho đến hết đời à? Trong đảng họ nghĩ gì về tôi, tôi không biết. Mà họ nghĩ gi mới được chứ? Tôi ở đơn vị chiến đấu suốt từ những ngày đầu kháng chiến cho tới khi quân khu lấy về làm ở phòng chính trị, dưới quyền ông Thạc. Tôi không thích làm lính ống quyển , nhưng quân lệnh như sơn, phải chấp hành.

- Ông có phạm kỷ luật gì trong thời gian ấy không?

- Không.

- Ông Thạc nói ông mang ơn ông ấy là ơn thế nào? — tôi rụt rè hỏi.

Ông Hiếu im lặng.

- Tôi đoán... ông phạm kỷ luật gì đó và ông ấy đã gỡ tội cho ông?

- Cái ơn còn lớn hơn. Tôi sẽ kể ông nghe.

Ông không kể ngay. Ông nhìn ra hồ. Khi có

gió, mặt nước cũng lăn tăn một chút làm xao động những đốm lửa xa.

Tôi im lặng chờ. Cuối cùng rồi ông Hiếu cũng bắt đầu câu chuyện gợi trí tò mò của tôi:

"Một hôm, ông Thạc gọi tôi ra chỗ vắng. Ông thì thào:

- Lâu nay cậu có tin tức gia đình không?

- Không. Cũng đến cả năm rồi không thấy thư từ gì hết. Chắc cũng chẳng có chuyện gì đâu, vùng tôi ít bị máy bay bắn phá — tôi nói. Ông cụ tớ cũng bận. Làm chủ tịch xã, lại còn kiêm nhiều việc trên huyện nữa. Tớ tính sau đợt chỉnh quân tới sẽ xin đi phép về thăm các cụ.

Ông Thạc có vẻ lúng túng. Có vẻ ông ấy phải chọn lời:

- Tớ nói chuyện này, nhưng cậu phải tuyệt đối bí mật nhá.

- Cậu biết tính tớ rồi, tớ không phải đứa bép xép.

Ông chớp chớp mắt rồi ghé sát vào tai tôi, giọng trầm trọng:

- Ông cụ bà cụ cậu bị lên địa chủ phản động rồi...

Tôi chết điếng.

Tôi không tin ở tai mình. Lúc bấy giờ ở vùng chúng tôi đóng quân đã qua bước giảm tô giảm tức, đang đi vào cải cách ruộng đất, nhưng đơn vị chúng tôi chỉ học tập chủ trương chính sách để ủng hộ chứ không trực tiếp tham gia công tác cùng các đội các đoàn. Trong học tập tôi được biết cải cách ruộng đất do đảng lãnh đạo là một cuộc cách mạng long trời lở đất, là sự đổi đời ở nông thôn, giai cấp nông dân vùng lên đánh đổ bọn cường hào gian ác. Thế nhưng, tôi cũng như nhiều đồng đội của tôi, cứ nghĩ rằng ở đây, hoặc ở đẩu ở đâu kia, mới có những tên địa chủ tàn bạo, ác độc, chứ những quân quỷ sứ ấy không thể có ở quê mình, đừng nói gì ngay trong nhà mình.

- Nghe đâu lại còn Việt Quốc hay Việt Cách gì đó nữa...

Tôi không còn nghe thấy gì nữa. Tôi gục xuống.

— Chắc cậu cũng chẳng biết hết những việc làm của ông cụ đâu... - tiếng ông Thạc văng vẳng bên tai tôi.

- Nhưng chẳng có gì giấu được quần chúng được phát động...

- Làm gì có chuyện ấy được - tôi đứng phắt dậy, tôi kêu lên, rền rĩ. Ông cụ bà cụ tớ hiền như đất ấy mà, nào có biết đảng phái là cái gì.

- Địa phương gửi công văn đến, hỏi về cậu đấy.

- Hỏi về tớ?

- Phải. Tớ đã viết công văn trả lời sau khi hội ý toàn chi bộ, bảo đảm cậu là cán bộ tốt.

- Chuyện ấy xảy ra khi nào?

Ông Thạc thở dài:

- Ba tuần rồi.

Tôi nhớ lại: có một cái gì đó không bình thường trong ánh mắt của các đảng viên khi gặp tôi. Dường như họ tránh nhìn tôi. Trong sinh hoạt cơ quan, mọi chuyện chỉ có đảng viên được biết, quần chúng chỉ có thể đoán rằng có chuyện gì đó, xấu hoặc tốt, căn cứ thái độ của họ.

- Sao cậu không cho tôi biết?

- Nói sao được?! Nguyên tắc.

- Bây giờ cậu bảo tớ phải làm gì?

Ông Thạc suy nghĩ lung.

- Bây giờ cậu về nhà đi - ông nói. Đừng nói với ai cậu đi đâu, chuyện đó mặc tớ lo. Đây là công lệnh, bản sao công văn đơn vị gửi chi bộ địa phương, cứ cầm theo, phòng xa, có khi hữu dụng. Về đến nhà rồi, gặp được ông cụ bà cụ rồi thì trở lại ngay đơn vị. Đấy là tất cả những gì tớ có thể làm cho cậu.

Tôi nói:

- Ông Thạc đối với ông thật là tốt.

- Tôi không nói ông ấy xấu. — ông Hiếu đáp — Ông nghe nốt câu chuyện đã.

"Tôi lập tức lên đường. Đi suốt đêm. Suốt ngày hôm sau. Vừa đặt chân vào nhà, tôi bị bắt ngay. Đám du kích ập đến, trói gô tôi lại. Chúng quát tháo, chúng chửi mắng, không cho tôi kịp ở miệng. Mà chúng nó là ai chứ? Toàn người quen kẻ thuộc cả, ông ạ, không hàng xóm láng giềng thì cũng người cùng thôn, cùng xã. Nghe chúng nói với nhau tôi mới biết mẹ tôi không chịu được hành hạ đã thắt cổ tự vẫn tuần trước, còn cha tôi sẽ bị bắn vào sáng hôm sau. Tôi lặng đi. Tôi không khóc được. Nước mắt chưa chảy đã cạn. Mẹ tôi là một nửa cuộc sống của tôi. Ngay cả khi sống xa nhà tôi vẫn cảm thấy mẹ ở bên tôi. Cha tôi khác, tôi yêu cha, kính trọng cha, nhưng không gần gụi cha như gần gụi mẹ. Tôi không tưởng tượng được cái tai hoạ giáng xuống gia đình tôi lại lớn đến như thế, lại kinh khủng đến như thế. Đau đớn nhất là cái sự tôi là bộ đội chẳng giúp được gì cho các cụ. Không mảy may. Ngày nay ai cũng biết rõ rằng những khẩu hiệu "Người cày có ruộng," "Đánh đổ bọn cường hào ác bá, nông dân giành lấy chính quyền," Nông dân là quân chủ lực

của cách mạng"... chỉ là những lời lừa mị. Nhưng lúc ấy khác, lúc ấy chúng có một tác dụng ghê gớm. Nông dân ào ào đi theo đội cải cách, hô những khẩu hiệu đùng đoàng ấy đến khản tiếng, đến rạc người. Có thể họ chân thành tin ở cuộc đổi đời mà đảng hứa hẹn, rồi đây họ sẽ trở thành những ông chủ bà chủ ở trong làng, họ sẽ có những gì mà những người sang trọng có, có thể là như thế. Điều tôi biết chắc là những con người khốn khổ hi vọng ở số quả thực sẽ được chia ngay lập tức sau khi bọn nhà giàu trở thành kẻ có tội với cách mạng — một thúng thóc, cái âm đồng, cái phản gỗ, có khi là cả cái sập gụ cũng nên...

Sáng hôm sau, tôi bị điệu ra trường đấu. Dân chúng cả mấy xã tề tựu ở sân trường học của xã. Tôi đã nghe tiếng loa thúc giục mọi người đi dự cuộc đấu "tên phản động đầu sỏ, tên cường hào gian ác, tên địa chủ có nợ máu với nhân dân" từ khi còn tối đất. Trường học này đầy ắp những kỷ niệm thời thơ ấu của tôi và của những người bạn học mặt sát khí đằng đằng lăm lăm súng trường mã tấu đứng ở vòng ngoài. Tôi nhìn thấy cha tôi, bị trói giật cánh khuỷu, bị lôi đi xềnh xệch, bước chân lảo đảo, giữa một đám đông xỉa xói, gào thét, những bộ mặt biến dạng với những đôi mắt đỏ ngầu, những cái miệng há to, nhớt dãi chảy xuống ngực áo, giữa rừng cánh tay vung lên hạ xuống theo những khẩu hiệu đòi trả nợ máu...

- Kinh khủng! Hồi ấy tôi đang theo học ở Liên Xô nên không được chứng kiến những gì xảy ra, chỉ được nghe kể lại, sau này...

- May cho ông, ông là người gốc thành phố, chứ dân nông thôn chúng tôi hồi ấy, chỉ cần hơi có máu mặt một tí là chết toi. Chẳng riêng gia đình tôi, người cùng cảnh ngộ với chúng tôi nhiều vô số kể... Tôi nói hơi có máu mặt, tức là những người có của ăn của để, chứ không nói những người có dư chút ít ruộng đất. Ở nông thôn miền Bắc nước ta , ông biết đấy, đâu có nhiều địa chủ lớn. Gọi là địa chủ, chứ đó chỉ là nông dân khá giả, do chăm chỉ làm ăn mà hoặc khéo sắp xếp thu vén mà hơn người. Hơn cũng chẳng nhiều, bất quá vài ba mẫu là cùng, mà lại là mẫu ta.

Ông Hiếu thở dài.

- Có cần kể cho ông nghe chi tiết cuộc đấu không?

Ông Hiếu đặt câu hỏi, rồi im lặng hồi lâu, như thể ông đang nhớ lại cảnh tượng hãi hùng mà ông không phải chỉ là người chứng kiến. Ông là người trong cuộc, người chịu đựng.

- Đại khái là có một cuộc đấu kéo dài, một cuộc xử án chớp nhoáng. Tất cả diễn ra trong những tiếng hô khẩu hiệu không ngớt. Rồi cha tôi bị điệu ra trước bức tường xa nhất của trường học, nơi vẫn còn cái khẩu hiệu do chính tay tôi viết năm 1945: "Hồ Chí Minh muôn năm! Việt Minh vạn tuế!" Cha tôi bị bắn ở đó. Trước khi bị bắn, cụ chằm chằm nhìn tôi, nước mắt đầm đìa. Có vẻ cha tôi muốn nói điều gì đó với tôi nhưng không thể nói được — trong miệng cụ là một búi giẻ bẩn thỉu, từ đó nhểu xuống đất những giọt dãi...

- Cụ "đi" có nhanh không?

- Không — ông lắc đầu — Lúc đấu thì hùng hổ lắm, nhưng đến lúc phải cầm súng bắn người thì hình như không ai muốn, hoặc người nào cũng không muốn mình là người bắn viên đạn giết chết một mạng người, thành thử những người du kích được phân công hành quyết đều bắn trượt trong loạt đạn đầu tiên. Những "ông đội" "bà đội" phải hò hét, quát lác liên hồi, giật lấy súng chỉ cách cho họ bắn họ mới bắn được. Có vài viên trúng, máu loang trên ngực cha tôi, nhưng cụ vẫn chưa nhận được viên đạn kết liễu. Một "ông đội" mắt long sòng sọc chạy xổ đến bên cọc, rút súng lục, bắn thêm một phát vào thái dương cụ mới "đi".

Tôi nhắm mắt lại, không muốn hình dung cảnh tượng gớm ghiếc đó.

Chúng tôi ngồi bên nhau, im lặng rất lâu.

- Về sau này, khi nhớ lại những phút hãi hùng đó tôi mới hiểu ra vì sao trước khi đưa những người gọi là địa chủ phản động ra đấu chính thức, người ta bắt nông dân phải đấu lưng trước đã...

- Đấu lưng?

- Vâng, đấu lưng. Tức là người bị đấu phải quỳ, nhưng không được quay mặt lại đám đông đấu mình, còn những khổ chủ, những người được "đội" bồi dưỡng để đấu thì xỉa xói vào lưng người bị đấu mà kể khổ, kể tội... Chẳng qua nếu những người nông dân hiền lành thật thà mà nhìn vào mặt người hôm qua còn là họ hàng, làng xóm, tối lửa tắt đèn có nhau thì họ không nỡ lòng nào bịa đặt ra những tội lỗi không có, không thốt nổi thành lời những điều vu oan giá hoạ bất nhân, bạc ác như đội dạy được. Con người không phải dễ dàng trở thành quỷ. Phải dạy dỗ, phải huấn luyện, ông ạ. Và không phải bao giờ người ta cũng thành công. Có nhiều người thà chết chứ không chịu trở thành quỷ.

- Tôi tin có những người như thế.

- Điều đáng buồn là một khi đã thành quỷ rồi thì khó trở lại làm người lắm. Tôi có chú em họ, hồi cải cách ruộng đất còn nhỏ đã đi theo đội học đòi đấu tố, lớn lên thì vào đảng, rồi làm quan, ăn bẩn, cho đến khi về hưu không bị sứt mẻ gì, gọi là hạ cánh an toàn. Giàu có lắm, nhưng bị người trong họ ngoài làng xa lánh. Cũng có người cực chẳng đã phải nhờ vả chú ấy việc này việc khác, nhưng trong thâm tâm họ đều khinh bỉ. Chú ấy phân trần với tôi: "Thời thế nó thế thì phải thế, ai cũng phải làm phải ăn, em cũng không thể khác, người ta không hiểu em, chứ em có lòng dạ nào làm hại bà con." "Nhưng họ khinh chú là phải chứ?" tôi hỏi. "Thì họ có cách nào khác, yêu em à?", chú ấy bùi ngùi.

- Sau vụ ấy ông trốn vào thành?

Ông Hiếu tránh nhìn tôi.

- Vâng - ông nói khẽ. Tôi còn biết đi đâu?

- Tôi hiểu. Lúc ấy lòng ông đầy hận thù.

- Không hẳn thế. Lúc ấy trong lòng tôi đầy mâu thuẫn thì đúng hơn. Tôi không muốn rời bỏ hàng ngũ kháng chiến. Nhưng tôi cũng không thể ở lại. Quên, chưa nói để ông biết, ông Thạc nhìn xa đã cấp cho tôi đủ giấy tờ cần thiết để tôi không bị lôi vào cuộc đấu tố cùng với gia đình. Đội cải cách đã tha cho tôi trở lại đơn vị.

- Nhiều người ở trong hoàn cảnh ông đã không "dính tê."

- Vâng, có người rồi còn trở thành cán bộ cấp cao nữa, tôi biết. Họ phải trả giá đất cho sự thăng tiến ấy, bằng sự dối trá thường xuyên, bằng sự hàng phục tuyệt đối. Tôi không có đủ dũng khí và lòng kiên trì để làm được như họ. Khi đã ở trong thành rồi, có nhiều lúc tôi lại muốn trở ra vùng kháng chiến. Có một sự giằng xé như thế đấy.

Sương xuống làm tôi rùng mình. Cả một vùng hồ Bodenzee lặng lẽ như không lúc nào nó lặng lẽ như thế.

- Ông có gia nhập quân đội Pháp không? Tôi muốn nói ông rồi có bị bắt lính và phải chiến đấu ở phía bên kia không?

- Không. Tôi trốn lính. Tôi không muốn cầm súng nữa, dù ở bên này hay ở bên kia. Nhưng cũng phải thú thực với ông: sau cái chết của cha tôi, cũng có lúc tôi có ý định đi với quân Pháp để đánh lại những kẻ đã mang lại thảm hoạ cho gia đình tôi. Tôi cũng căm thù lắm chứ. Nhưng tôi đã không làm điều đó nhờ một lời khuyên. Chả là lúc mới về thành tôi ở nhờ trong một ngôi chùa. Khi biết ý định của tôi, sư cụ bảo: "Con tính sai rồi. Đi với cái Ác này để diệt cái Ác kia không được đâu. Chỉ có cái Thiện mới diệt được cái Ác thôi, con ạ." Tôi nghe lời sư cụ, nhưng tôi không tìm thấy cái Thiện ở đâu cả.

- Tìm ra cái Thiện đích thực thật là khó. Tất cả chỉ là tương đối.

- Vì không tìm ra nó, tôi chỉ biết làm một người dân bình thường. Nhưng đến năm 75 thì tôi hiểu — cái Ác đang thắng, nếu không làm được gì để chống nó thì chỉ còn cách tránh xa nó, tránh thật xa, xa chừng nào hay chừng ấy, có gọi là chạy trốn nó thì cũng đúng. Chẳng có gì vinh quang trong chuyện ấy...

Chúng tôi đi ngủ. Đêm đã quá khuya.

Hôm sau, trong bữa điểm tâm, ông Hiếu đột ngột ra cho tôi một câu hỏi lạ tai:

- Ông có nghĩ rằng cải cách ruộng đất là một sai lầm như người ta thường nói không?

- Một sai lầm chứ. Đó là điều không thể chối cãi được. Chính đảng cộng sản vốn không bao giờ chịu nhận mình sai, cũng đã thừa nhận là thế. Người ta đã phải sửa sai ngay sau đó.

- Ông tin người ta có sửa sai?

Tôi có cảm giác ông Hiếu chỉ chờ tôi nói khẳng định để cười vào mũi tôi. Hẳn ông có cách nhìn khác đối với việc ấy.

Tôi gật đầu.

- Họ có sửa sai. Nhưng có sửa đến nơi đến chốn hay không lại là chuyện khác. Và còn phải sửa dài dài, bởi vì trang sử cải cách ruộng đất cho đến nay vẫn chưa khép lại được. Nghe nói mới đây thành phố Hà Nội vừa quyết định đền bù cho những gia đình có người bị giết trong cải cách ruộng đất.

- Đền bù thế nào?

- Một hay hai triệu đồng gì đó cho mỗi người bị chết oan.

Ông Hiếu cười khe khẽ:

- Tức là khoảng trên dưới một trăm đô-la. Theo tỷ hối hiện tại.

- Khoảng ấy.

Ông Hiếu trầm ngâm nhìn vào ly cà phê.

- Tôi thì không nghĩ đó là một sai lầm. Nói cho đúng, bây giờ tôi mới nghĩ được như thế. Trước kia thì không. Trước kia tôi không nghĩ ra. Một sai lầm có tính toán trước rằng kết quả nó sẽ là như thế như thế, không thể gọi là một sai lầm — ông Hiếu thở dài. Người ta chỉ buộc lòng gọi nó là sai lầm khi mưu toan của họ bị bóc trần.

- Cái gì làm cho ông nghĩ như thế?

- Ông nhớ lại xem. Ông sẽ thấy điều này: ở bất cứ quốc gia nào, để tiến hành cải cách ruộng đất người ta phải điều tra tình hình ruộng đất trước đã. Nhưng ở miền Bắc trước cải cách ruộng đất, ông thấy không, đã không có một cuộc điều tra nào hết.

Tôi giật mình. Ý nghĩ ấy chưa từng đến với tôi.

- Ông có lý — tôi thừa nhận. Tôi hồi ấy ở một trong những cơ quan trung ương. Tôi không được biết có một báo cáo nào về chuyện ấy.

- Người ta tính những cái mà hồi ấy chúng ta không nghĩ tới. Người ta muốn thanh toán cho bằng hết những người đã ủng hộ cuộc kháng chiến trong thời kỳ cách mạng còn trứng nước hiện đang giữ những chức vụ trong chính quyền kháng chiến để thay vào đó những người hoàn toàn mới. Những người hoàn toàn là của họ. Để làm gì? Để những kẻ được chia quả thực cướp được kia, những kẻ bỗng dưng có được địa vị ăn trên ngồi trốc kia sẽ hết mình với họ... Chỉ có chúng mới là những kẻ rất mực trung thành với họ.

- Tôi muốn hỏi thêm ông một câu.

- Ông hỏi đi.

- Tôi nghĩ ông Thạc muốn ông được gặp mặt cụ nhà lần cuối là một ý nghĩ tốt. Ông không nghĩ thế?

Ông Hiếu cười khe khẽ. Tiếng cười gằn nghe đầy cay đắng.

- Một ý nghĩ tốt chứ, tôi thừa nhận. Có khi nó còn tốt hơn cả những gì tôi nghĩ nữa. Ông ấy đã giúp tôi tỉnh ngộ. Tôi phải chịu ơn ông ấy. Nhưng tôi không cảm được cái ơn ấy, trong lòng tôi. Có lẽ tôi tham lam chăng, khi tôi cho rằng trong những ngày ấy tôi cần một cái gì hơn thế. Một cái gì đó chứng tỏ ông ấy đứng về phía tôi, kẻ chịu đựng một bi kịch không đáng có. Một cái gì đó chứng tỏ ông ấy không đứng về phía những tên đao phủ. Cái gì đó ấy sẽ an ủi tôi nhiều hơn, cho sẽ cho tôi thêm một chút niềm tin đã mất vào con người...

3

Ít lâu sau cuộc gặp gỡ với ông Hiếu, tôi lại gặp ông Thạc. Ông vừa về Việt Nam tham dự cuộc họp mặt truyền thống của quân khu. Ông vui hẳn lên, khác với lần chúng tôi gặp nhau ở Stutgart. Ông kể chuyện những đổi thay ở đất nước, chuyện Hà Nội khác trước đến không nhận ra, chuyện ông vừa được nhận thêm một huân chương vì những công trạng trong quá khứ...

- Ông đã gặp "Hiếu Nhà Băng" rồi hả? Hắn nói sao?

Tôi lúng túng:

- Ông ấy vẫn nhớ ông. Nhưng ông ấy không muốn gặp lại... Vì cuộc gặp lại ấy sẽ làm ông ấy nhớ đến những ngày ông ấy không muốn nhớ đến nữa..

- Cái thằng... Nó mới âm lịch làm sao! Bây giờ mà không biết quên đi quá khứ, hướng tới tương lai là ngu, là xuẩn ngốc. Nó y như mấy thằng đang đòi dân chủ ấy, trong tụi nó có cả những thằng cánh ta ngày trước, tức là đã từng trong quân ngũ, chúng nó mắt nhắm tịt, ương như cua, không biết rằng nước ta bây giờ dân chủ lắm rồi, hơn hẳn ngày xưa rồi, ngày xưa không có nhiều dân chủ là do hoàn cảnh, là chuyện bất khả kháng, chứ bây giờ khác, bây giờ đảng ta vững mạnh, có lực lượng quân đội, công an hùng hậu, thì cho hay chưa cho, cho nhiều hay cho ít, là chuyện của đảng, đảng không keo xỉn trong chuyện ấy, vấn đề là phải có tính toán; cho cái gì trước cho cái gì sau, cho vào lúc nào...

Tôi nhìn ông. Ông nói say sưa. Ông bốc. Trong ông ấn tượng của chuyến đi đầy tràn.

- Ông Hiếu gửi lời thăm ông.

Tôi nói để mà nói.

- Thế hả? Nó chỉ gửi lời thăm thôi? Không nói thêm gì nữa?

- Không.

- Hắn không kể cho ông nghe tôi đã làm ơn gì cho hắn?

- Không.

Ông Thạc sa sầm mặt.

- Cái thằng vô ơn đến thế là cùng. Để lúc nào tôi kể ông nghe đầu đuôi chuyện tôi đã làm gì cho hắn... Bây giờ chúng mình kiếm cái gì chén đã. Chắc ông đi đường cũng đói bụng rồi.

Tôi vội vã chìa tay ra:

- Xin lỗi, hôm nay tôi mắc một cái hẹn. Để bữa khác vậy.

Trong lòng bàn tay tôi là một vật mềm, nhũn nhẽo.

- Ờ ờ... Tiếc quá! Có bao nhiêu chuyện muốn kể ông nghe.

- Tiếc quá!

- Nói tóm lại, thằng Hiếu là một thằng vô ơn, ông nhớ đấy, tôi nói với ông rồi đấy.

Ông Thạc nói theo khi tôi đã ra đến cửa.

Các Giai Đoạn của Cuộc Cải Cách Ruộng Đất

TRẦN GIA PHỤNG

Xã hội Việt Nam, cho đến nay, vẫn là một xã hội dựa trên căn bản nông nhiệp. Bất cứ nhà cầm quyền nào tại nước ta đều phải giải quyết những vấn đề do nền nông nghiệp lạc hậu của chúng ta đặt ra, hầu tìm kiếm những giải pháp thích hợp để thăng tiến đời sống của nông dân, một thành phần chiếm khoảng 70% dân số hoạt động. Cộng sản Việt Nam lại càng chú trọng đến vấn đề nầy hơn nữa, vì lý thuyết Mác xít dùng yếu tố kinh tế để giải thích những vận động của lịch sử. Căn bản của yếu tố nầy là quan hệ sản xuất giữa chủ và thợ, mà ứng dụng vào xã hội nông nghiệp là quan hệ giữa chủ đất (điền chủ hay địa chủ) và dân cày (nông dân hay tá điền). Hơn nữa, do ảnh hưởng chủ thuyết của Mao Trạch Đông, lấy nông thôn bao vây thành thị, nên khi nắm quyền tới đâu, cộng sản Việt Nam tổ chức cải cách ruộng đất (CCRĐ) tới đó, để tập họp sức mạnh nông dân và cô lập giới phú hào.

Ngay từ năm 1949, Việt Minh (VM) cộng sản đã phát động CCRĐ, nhưng việc nầy chỉ tiến hành mạnh mẽ từ năm 1950 trở đi. Vào năm nầy, Hồ Chí Minh qua Liên Xô xin viện trợ. Stalin thúc bách Hồ Chí Minh thực hiện ngay hai việc: thứ nhất tái công khai đảng cộng sản và thứ hai đẩy mạnh CCRĐ theo đường lối cộng sản.

Sau cuộc gặp nầy trở về, Hồ Chí Minh triệu tập Đại hội lần 2 đảng Cộng Sản Đông Dương tại chiến khu rừng núi Tuyên Quang, tái công khai đảng cộng sản dưới danh xưng mới là đảng Lao Động (LĐ) ngày 19-2-1951, do Hồ Chí Minh làm chủ tịch, Trường Chinh làm tổng bí thư. Về việc CCRĐ, Hồ Chí Minh và VM cộng sản thực hiện dần dần qua năm đợt liên tiếp, và chỉ chấm dứt năm 1956 để chuẩn bị chiến tranh tấn công Việt Nam Cộng Hòa.

Cuộc CCRĐ của VM cộng sản chia làm năm giai đoạn, bắt đầu từ năm 1949 đến 1956. Trong những giai đoạn đầu trước năm 1954, cuộc CCRĐ chưa lên đến cao điểm ở miền Nam và miền Trung nước ta, nên nông dân ở miền Nam vĩ tuyến 17 ít có kinh nghiệm về việc nầy. Chỉ có vài nơi VM gọi là vùng "tự do," do họ kiểm soát ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định diễn ra cảnh đấu tố (đấu tranh và tố cáo). Lúc đó, VM bắt đầu cuộc thương thuyết ở Genève, rồi đất nước bị chia hai, VM rút ra Bắc, nên cảnh đấu tố ở các tỉnh miền nam vĩ tuyến 17 chưa dữ dội lắm. Trong khi đó, tại Bắc Việt, khi mới bắt đầu, cuộc CCRĐ khá ôn hòa, nhưng trở nên mạnh mẽ từ sau khi Hồ Chí Minh nhận lệnh của Stalin năm 1950, và càng ngày càng ác liệt, nhất là giai đoạn 5 từ 1955 đến 1956 là giai đoạn sắt máu giết hại nhiều người nhất.

GIAI ĐOẠN SƠ KHỞI: Vào giữa năm 1949, khi sửa soạn chuyển qua giai đoạn phản công quân sự, VM đã vững mạnh ở vùng nông thôn và nhất là rừng núi Việt bắc. Lúc đầu, VM thực hiện cuộc CCRĐ một cách nhẹ nhàng, chỉ kiếm cách tăng gia sản lượng nông nghiệp nhắm cung ứng nhu cầu đội quân càng ngày càng gia tăng. Để khuyến khích nông dân ra sức cầy bừa, chính phủ VM đã ra sắc lệnh số 78/ SL ngày 14-7-1949 thành lập "Hội đồng giảm tô," ấn định các chủ đất (điền chủ, hay như VM gọi là địa chủ) phải giảm thiểu đồng bộ tiền thuê đất (địa tô) cho tá điền (nông dân) là 25%, có nơi có thể giảm tối đa 35% trong trường hợp tá điền quá nghèo khổ. (1) Sau đó, thông tư liên bộ số 33/ NVI ngày 21-8-1949 đưa ra những nguyên tắc chủ yếu về việc phân chia tạm thời cho nông dân ruộng đất tịch thu của các điền chủ người Pháp và những điền chủ "Việt gian," tức là những người bị VM kết tội thân Pháp, hoặc không cộng tác với VM. (2)

GIAI ĐOẠN THỨ NHÌ: Trong năm 1950, một loạt sắc lệnh nông nghiệp ra đời có tính cách mỵ dân, nhắm đẩy mạnh sản xuất, phục vụ công cuộc kháng chiến của VM, bắt đầu bằng sắc lệnh

số 20/ SL ngày 12-2-1950 ra lệnh tổng động viên toàn bộ "nguồn nhân lực [người], vật lực [gia súc, nông cụ] và tài lực [tiền bạc] cho tổ quốc."

Sau đó, ngày 22-5-1950, xuất hiện cùng một lúc hai sắc lệnh. Sắc lệnh số 89/FL quyết định xóa bỏ tất cả những hợp đồng vay nợ giữa tá điền với điền chủ ký kết trước năm 1945, và xóa bỏ cả những hợp đồng ký kết sau năm 1945 nếu con nợ đã trả đủ 100% số tiền đã vay, hoặc con nợ đã từ trần vì sự nghiệp của VM thì gia đình khỏi trả nợ.

Sắc lệnh thứ nhì do chính phủ VM ban hành cùng ngày 22-5-1950 mang số 90/ FL, quốc hữu hóa tất cả những đất đai đã bỏ hoang trong năm năm liên tục kể từ ngày ra sắc lệnh (điều 2). Đất đai nầy sẽ được chia cho nông dân nghèo, tạm thời trong thời gian 10 năm, và ba năm đầu cho miễn thuế (điều 3 và 4). Những thửa ruộng bị bỏ hoang chưa tới năm năm, điền chủ bắt buộc phải cho những tập đoàn nông dân cày cấy lại, hoặc cho người khác thuê cày. Nếu các điền chủ bất tuân, uỷ ban kháng chiến hành chánh địa phương sẽ can thiệp và ra điều kiện hợp đồng thuê mướn (điều 5). Ngoài ra, sắc lệnh nầy không áp dụng cho những đất đai trồng cây kỹ nghệ thu hoạch theo mùa hằng năm, hoặc những điền chủ đang phục vụ VM nên không thể trồng trọt, và cấm việc xẻ nhỏ những đồn điền kỹ nghệ (điều 8).

GIAI ĐOẠN THỨ BA: Giai đoạn thứ ba bắt đầu bằng sắc lệnh ngày 20-4-1953, đăng trên Công báo VM ngày 20-5-1953. Sắc lệnh nầy không có gì mới lạ, chỉ củng cố những "thành quả" của cuộc cải cách trước. Lần nầy, giá thuê đất được hạ thêm 25% để "làm thế nào cho tiền thuê đất không thể vượt quá 1/3 lợi tức mùa gặt." Luật mới quy định các chủ đất không được buộc tá điền phải đóng thêm tiền cho các phí tổn khác, như tiền thuê dụng cụ hay trâu bò cầy bừa (điều 6), cũng như cấm các chủ đất hủy bỏ những hợp đồng cũ để ký kết những hợp đồng tương tự khác (điều 14, 16). Sắc luật nầy nhắc lại việc huỷ bỏ hoàn toàn tiền nông dân vay nợ trước tháng 8-1945 (điều 17), và hoãn lại những món nợ của các thành phần ưu đãi của VM (binh sĩ VM, người nghèo...) trong trường hợp những chủ nợ đang sống trong vùng do chính quyền Quốc Gia kiểm soát (điều 18). Đối với những chủ nợ sống tại vùng VM, các con nợ vay sau 1945 cũng được giảm từ 18 đến 20% (điều 21). Sắc lệnh nầy quyết định tịch thu tất cả những tài sản của "đế quốc" Pháp, "Việt gian" và "địa chủ ác ôn" để phân phối lại cho những người không có đất đai nhà cửa, và ưu tiên cho những thành phần nòng cốt của VM (điều 25 đến 30). Cuối cùng, sắc luật nầy thành lập "Uỷ ban nông nghiệp" các cấp. Ở trung ương, Ủy ban nông nghiệp do thủ tướng đứng đầu, gồm bộ trưởng Canh nông, bộ trưởng Nội vụ, đại diện Mặt trận Liên Việt,(3) và hai đại diện của Ủy ban Liên lạc Nông dân. Ở mỗi cấp hành chánh, cho đến cấp xã đều có những "Uỷ ban nông nghiệp" gồm những nhân vật tương tự ở mỗi cấp (điều 35, 36).

GIAI ĐOẠN THỨ TƯ: Vào cuối tháng 11 đầu tháng 12-1953, VM triệu tập Đại hội Đại biểu đảng LĐ, và đại hội Trung ương đảng tại vùng chiến khu Việt Bắc. Đề tài thảo luận chính của khóa họp đảng LĐ lần nầy là câu khẩu hiệu "ruộng đất cho người cày." Sau gần một tháng hội họp, kết quả thảo luận của Trung ương đảng LĐ được đưa cho quốc hội VM thông qua để có hình thức dân chủ, trong kỳ họp ngay sau đó. Quốc hội nầy thành lập từ năm 1946 gồm 444 người, nay chỉ có 171 đại biểu dự họp. Đảng LĐ quyết định thực hiện dần dần cuộc CCRĐ theo một kế hoạch được soạn thảo kỹ lưỡng.

Sắc lệnh CCRĐ lần nầy hơi khác với đường lối cải cách của Liên Xô. Tại Liên Xô, đảng Cộng Sản Liên Xô xóa bỏ hẳn sự tư hữu đất đai, và nông dân chỉ có "quyền lao động." Việt Minh theo đường lối cải cách của Trung Cộng và Bắc Triều Tiên, trên lý thuyết không xóa bỏ hẳn quyền sở hữu đất đai của nông dân mà cho phép dân cày có quyền có đất. Việc nầy thực sự chỉ có trên lý thuyết, chứ trong thực tế, nhà nước cộng sản quản lý toàn bộ đất đai.

Mở đầu, sắc lệnh ngày 4-12-1953 nêu lên ý nghĩa và mục đích của cuộc CCRĐ lần nầy là "bãi bỏ toàn diện quyền sở hữu đất đai của 'thực dân Pháp' và của tất cả những 'đế quốc' khác, đồng thời thiết lập quy chế sở hữu đất đai của nông dân" (điều 1). Toàn bộ đất đai của "thực dân Pháp," "Việt gian," "địa chủ phản động," và những "phú hộ ác ôn" đều bị tịch thu (điều 1). Đất đai của những thành phần dân chủ tiến bộ, kháng chiến và hợp tác với VM sẽ được trưng dụng. Nhà nước sẽ bồi thường hằng năm khoảng 1,5% tài sản (điều 4). Đối với những điền chủ lẫn tránh chính sách bằng cách sang, bán, chuyển nhượng đất đai sau cuộc CCRĐ lần thứ ba (20-4-1953), nhà nước xem đó là những hành động bất chính, sẽ trưng dụng đất đai và bồi thường bằng tín phiếu ngân hàng (điều 5). Những trung

nông đã mua những đất nầy sẽ phải bán lại cho những nông dân nghèo vô sản với giá phải chăng (điều 5). Đặc biệt sắc lệnh nầy chấp nhận các cơ sở tôn giáo như chùa, nhà thờ, và các tổ đình làng xã sử dụng một ít đất đai và phải tự cày cấy để tự mưu sinh (điều 10). Trên nguyên tắc, sắc luật bãi bỏ quyền sở hữu đất đai của ngoại kiều (điều 19). Tuy nhiên cũng có một số miễn trừ cho đất đai của những người ngoại quốc, đặc biệt cho người Trung Hoa vì họ được CHNDTH bảo trợ. Ngoại kiều có quyền giữ đất nếu không có nghề gì khác để sinh sống (điều 25). Nguyên tắc phân phối đất đai có vẻ lý tưởng: giao đất theo nhu cầu của nông dân, người không có gì được nhiều, người đã có đất thì được ít hơn [?], và không giao đất cho những ai đã có đủ đất (điều 26). Điều nổi bật trong sắc lệnh nầy là người được phân phối đất có quyền chuyển nhượng bằng cách thừa kế, thế chấp, bán hay cho kẻ khác (điều 31). Đây rõ ràng là ảnh hưởng từ luật điền địa CHNDTH, nhưng hoàn toàn có tính cách lý thuyết mà thôi. Việc thực hiện luật CCRĐ lần nầy được giao cho Nông hội, một thành phần của Mặt trận Liên Việt, với sự chấp thuận của Ủy ban Kháng chiến hành chánh tỉnh (điều 34). Cuối cùng, sắc lệnh nầy cấm đoán mọi sự phản kháng cuộc CCRĐ (điều 35), và quy định việc thiết lập tòa án nhân dân đặc biệt để xét xử những thành phần chống lại cuộc CCRĐ của Việt Minh (điều 36).

GIAI ĐOẠN THỨ NĂM: Vào giữa năm 1954, nước Việt Nam bị chia hai bằng Hiệp định Genève ký kết ngày 20-7-1954, theo đó Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tức VM cộng sản cai trị ở phía bắc vĩ tuyến 17, Quốc Gia Việt Nam ở phía Nam. Nói cách khác, cộng sản không còn ở rải rác trong các chiến khu khắp Bắc, Trung và Nam Việt Nam, mà tập trung tại vùng phía bắc vĩ tuyến 17 đến biên giới CHNDTH. Hồ Chí Minh và đảng LĐ muốn áp đặt một chính quyền độc tài theo chủ thuyết Mác-Lê trên lãnh thổ miền Bắc. Muốn thế, họ nhắm ngay đến thành phần rộng rãi chiếm đại đa số xã hội Việt Nam, đó là nông dân ở thôn quê. Nắm được nông thôn, kho lương thực của dân chúng, thì cộng sản sẽ nắm được thành thị không mấy khó khăn.

Tình hình ruộng đất ở Bắc Việt thay đổi lớn lao sau hiệp định Genève, vì khoảng 1,000,000 người bỏ đất Bắc di cư vào Nam, để lại toàn bộ điền sản tại quê nhà. Sau khi tái tổ chức chính quyền, tạm ổn định tình hình, Hồ Chí Minh ký sắc luật về CCRĐ ngày 14-6-1955. Sắc luật nầy dựa căn bản trên hai sắc lệnh tháng 4 và tháng 12 năm 1953, theo đó nhà nước tịch thu toàn bộ tài sản (đất đai, nhà cửa, gia súc, nông cụ...) của những người "thực dân," địa chủ gian ác, cường hào ác bá, "Việt gian" phản động; trưng thu không bồi thường và thu mua đất đai, nông cụ, gia súc thuộc các nhân vật "tiến bộ," các địa chủ đã tham gia kháng chiến, các địa chủ thuộc thành phần thương gia hay kỹ nghệ gia; truất hữu đất đai của các tổ chức tôn giáo như Thiên Chúa giáo, Phật giáo (chương 2). Những người được thụ hưởng chính sách CCRĐ theo thứ tự ưu tiên: nông dân không có đất, hay thiếu đất để tự mưu sinh, các thành phần nghèo khổ ở thôn quê làm thợ hoặc buôn bán nhỏ có thể xin đất trồng trọt để cải thiện đời sống, gia đình liệt sĩ, chiến sĩ cộng sản, thương phế binh (chương 3). Việc quy định thành phần xã hội của một người sẽ do hội nghị đại biểu nông dân quyết định. Một toà án nhân dân sẽ xét xử các địa chủ phản động, gian ác, những người chống phá "cách mạng" hay chống phá CCRĐ; hoặc xét xử những vụ tranh chấp ruộng đất, những vấn đề liên quan đến CCRĐ, như việc quy định thành phần xã hội, phân chia tài sản... (chương 4). (4)

(Toronto, Canada)

1. Tô hay địa tô là tiền thuê đất mà tá điền (nông dân cày ruộng) trả cho chủ đất (điền chủ hay địa chủ). Tô có thể trả bằng tiền hay bằng hiện vật tức hoa màu mỗi mùa gặt được. Ngày xưa, chủ ruộng chịu giống, trâu cày, tá điền làm công. Khi thu hoạch, tá điền nộp tô là 50% hoa màu cho chủ ruộng, nông dân (tá điền) hưởng 50% hoa màu. Theo cách nầy, giảm tô thêm 25%, nghĩa là chủ ruộng chỉ còn 25% hoa màu thu hoạch, còn nông dân (tá điền) được 75%. Nếu giảm thêm 35%, nghĩa là chủ ruộng còn 15%, nông dân hưởng 85%.

2. Những cuộc CCRĐ từ giai đoạn sơ khởi đến giai đoạn thứ tư, theo tài liệu của Bernard Fall, Le Viet-Minh, *Max Leclerc et Compagnie, Paris, 1960, [Bản dịch có bổ sung của* The Viet-Minh Regime *[Chế độ Việt Minh] cũng do Bernard Fall viết, Viện Liên Lạc Thái Bình Dương và Đại Học Cornell, New York, 1956, tt. 265-291.*

3. Mặt trận Liên Việt (Liên hiệp Quốc dân Việt Nam) do Việt Minh cộng sản thành lập ngày 27-5-1946, do Huỳnh Thúc Kháng làm chủ tịch, Tôn Đức Thắng, phó chủ tịch. Năm 1947, Huỳnh Thúc Kháng từ trần, Tôn Đức Thắng lên thay.

4. Lâm Thanh Liêm, "Chính sách cải cách ruộng đất của Hồ Chí Minh: sai lầm hay tội ác?", đăng trong Hồ Chí Minh, sự thật về thân thế và sự nghiệp, *một nhóm tác giả, Nxb. Nam Á, Paris, 1990, tt. 185-186.*

Hồi ức của một nhân chứng

NGUYÊN THAO

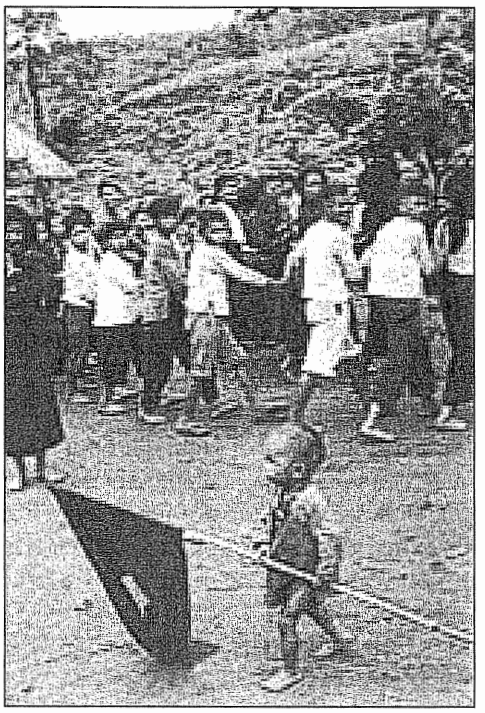

Ảnh của Dmitri Baltermants

Sau chiến thắng trận Điện Biên Phủ năm 1954, Cộng sản Việt Nam đã ký hiệp định Genève, thôn tính và cai trị được một nửa nước Việt Nam. Giặc ngoài coi như đã dập tắt, chúng quay lại nghĩ đến chuyện quét sạch giặc trong, đó là giai cấp phong kiến. Bởi vậy qua năm 1955, 1956, chúng phát động phong trào cải cách ruộng đất, một cuộc cách mạng mà chúng gọi là long trời lở đất, tầm vóc ngang hàng với chiến dịch Điện Biên Phủ. Thực chất và cốt lõi của phong trào là đập nát hệ thống phong kiến mà tiêu biểu là tầng lớp "trí, phú, địa, hào" còn sót lại trong xã hội để thực thi chuyên chính vô sản không bị vướng mắc.

Gia đình tôi là một nạn nhân của phong trào đó và bản thân tôi đã buộc phải đi tham dự những buổi đấu tố người thân ruột thịt của mình theo lệnh của chúng, nên tôi viết ra đây những sự thật diễn tiến của phong trào chỉ có phần thiếu chứ không có phần thêm, ghi lại những ngày tháng đầy máu và nước mắt, dã man và ghê tởm, một trang sử ô uế, dơ dáy nhất trong lịch sử của dân tộc.

Tôi chỉ ghi lại một cách tổng quát sự việc chứ không muốn đi sâu vào chi tiết vì đi sâu vào chi tiết thì có lẽ phải viết thành một cuốn sách, vả lại tôi muốn bôi xóa đi trong não bộ của tôi những hình ảnh man rợ của thời thượng cổ mà ở thế kỷ 20, cộng sản Bắc Việt còn áp dụng trên đất nước của mình.

Đứng đầu phong trào cải cách ruộng đất thời ấy là Trường Chinh. Dưới Trường Chinh là một đội Cải cách ruộng đất. Đội này quyền hạn to lớn, nhận lệnh từ Trung ương đi thẳng về địa phương mà không qua chính quyền tỉnh, huyện, xã. Vậy ai là người được sung vào đội này. Thưa đó là những đảng viên trung kiên, thuộc ba đời nghèo khó (tam đại bần cố nông), mù chữ, dốt đặc cán mai, được tuyển chọn từ địa phương đi lên qua các cấp đảng điều tra và xác nhận lý lịch. Sở dĩ tôi nói như vậy vì lúc ấy trong làng tôi có "ả M..." được tuyển chọn sung vào đội này. Vùng quê Nghệ Tĩnh người con gái lớn lên quá lứa tuổi lấy chồng được gọi là "ả". Ả

M... con một góa phụ nghèo đói trong làng. Sau năn 1945, cộng sản có tổ chức các lớp bình dân học vụ về đêm, ả M... mới được đi học nên giỏi lắm ả M... chỉ tòm tèm đánh vần đọc chữ. Cuộc đời của ả M... lớn lên nào biết gì ngoài ruộng đồng rồi vào núi, ra chợ, lặn lội kiếm kế sinh nhai, nhưng ả M... được gia nhập đảng và trở nên đảng viên trung kiên, hăng say hội họp.

Đội được tập huấn một thời gian, sau khi mãn khóa, được phân bổ về các làng xã để thực thi công tác.

1. Đội về làng

Khoảng độ tuần lễ trước khi đội về làng, dân làng được huy động ra làm vệ sinh đường sá sạch sẽ. Các khẩu hiệu chào đón đội được viết kẽ khắp nơi, từ cột đình làng cho đến bụi tre, gốc dứa. Bầu không khí trở nên trang nghiêm pha lẫn chút khiếp sợ, coi đội như những đấng quyền uy về để thay đổi nếp sống dân làng. Riêng đối với thành phần như chúng tôi, tuy cũng là dân làng nhưng nghe tin đội về thì cảm thấy như những tên đao phủ sắp giáng lên cuộc đời của gia đình mình những nhát búa đấu tranh giai cấp không khoan nhượng, tương lai không biết sẽ đi về đâu.

2- Công việc đầu tiên của Đội: Bắt rễ, xâu chuỗi

Chỉ vài ngày sau khi đội về làng, thái độ của dân làng đối với thành phần chúng tôi thay đổi hẳn. Mới vài ngày trước đó gặp nhau còn chào hỏi, thì giờ đây cúi mặt làm ngơ. Rõ ràng sau vài đêm hội họp, đội đã chỉ giáo cho họ rõ "ai là bạn, ai là thù": Giai cấp bần cố nông là nòng cốt của Đảng, giai cấp trung nông được liên kết, phú nông bị cô lập, còn địa chủ cường hào, trí thức phản động là những kẻ thù. Tôi không rõ số lượng đội viên về trong xã tôi là bao nhiêu nhưng trong làng tôi ở chỉ có hai người. Họ chia nhau đến ở trong những gia đình tiêu biểu nghèo nhất làng để áp dụng đường lối tam cùng "cùng ăn, cùng ở và cùng làm." Thật vậy, họ là những người xuất thân từ nghèo khó như ả M... nên không trở ngại việc ăn ở chung với gia đình nghèo, vả lại lệnh ở trên buộc họ phải làm vậy. Có ăn ở chung với nhau họ mới tìm hiểu được thành phần trí, phú, địa hào trong làng, cuộc sống của họ, cách đối xử với dân làng và nhất là sự bóc lột của họ đối với người nghèo khổ ra sao? Giai đoạn này gọi là giai đoạn "bắt rễ." Nếu sau một thời gian 5, 10 ngày chung sống, được Đội rỉ tai tuyên truyền về tội ác của giai cấp địa chủ cường hào trong làng rồi mà những gia đình nghèo khó ấy vẫn tỏ thái độ không hận thù mà lại có đôi phần bênh vực thì đội chuyển đến một gia đình khác và cho cái rễ ấy là "rễ thối." Họ cứ làm như vậy cho đến khi tìm được cái rễ tốt, một cái rễ có lập trường giai cấp, nói nôm na ra là cái rễ ấy phải biết nghe lời tuyên truyền của đội, suy nghĩ một chiều, phải biết hận thù và nhất là phải biết đặt điều nói láo tội ác của giai cấp trí phú địa hào trong làng mà không hổ thẹn với lương tâm để nay mai ra đấu trường đấu tố.

Khi đã kiếm được cái rễ tốt rồi thì từ cái rễ ấy phải đi móc nối với những người khác cùng chí hướng lập trường với mình, hoặc xúi dục những kẻ non dạ, sợ sệt, bất mãn đứng về phía của mình, số lượng càng nhiều, càng tốt. Giai đoạn này gọi là "xâu chuỗi." Xong giai đoạn "xâu chuỗi" và những người trong chuỗi được đội kiểm tra tư tưởng lập trường rồi thì đội mới bắt dân làng hội họp để học tập. Dĩ nhiên thành phần chúng tôi đâu được tham dự mà ngược lại chỉ nằm kín trong nhà về đêm và xung quanh nhà du kích địa phương thay phiên canh gác, nghe ngóng theo dõi, đến nỗi muốn đi cầu, đi tiểu cũng phải mang thùng, mang xô vào trong nhà sử dụng, đâu dám bước ra ngoài sợ bị bắt và ghép tội âm mưu phá hoại, chống đối Đảng, chống đối nhân dân. Ngoài ra, nằm trong nhà, chúng tôi cũng phải cảnh giác cao độ, đóng kín gài chặt các cửa sổ, các khe hở, sợ chúng ở ngoài ném vào các giấy tờ, truyền đơn có tính chất phản động rồi ập vào nhà soát xét bắt bớ. Những thủ đoạn đê hèn, bần tiện này đã từng xảy ra trong thời gian phát động giảm tức, giảm tô năm 1953. Chúng tôi sống như người có mắt mà mù, có tai mà điếc, có miệng mà câm, bị cô lập hẳn với những người xung quanh kể cả anh em bà con họ hàng ruột thịt. Hằng ngày lo kiếm kế sinh nhai, trời sẩm tối là đóng cửa nhà lên giường nằm ngủ, ngay những chuyện mà người trong nhà muốn bàn tán với nhau cũng phải ghé tai nói nhỏ sợ tụi du kích ở ngoài nghe ngóng rồi kết tội âm mưu tính kế. Chúng tôi sống như trong người mang đầy ung nhọt, chỉ trông chờ ngày chúng vỡ mủ cho nó thoải mái. Trong lúc đó dân làng cũng chẳng sung sướng gì ngoài các người trong rễ và chuỗi, vì hàng ngày họ phải đi làm việc vất vả để kiếm sống, tối đến nhiều khi chưa kịp ăn đã phải ra đình làng hội họp đến nửa đêm có khi đến một giờ

sáng mới về, chưa kịp ngủ thì Trời đã hừng sáng phải thức dậy ra đồng làm việc. Những buổi họp như vậy thì rễ và chuỗi thi nhau lên phát biểu, tố cáo địa chủ, phản động đủ điều xấu xa, gian ác, bóc lột, cường hào, đến nỗi người nghe cũng phải giật mình và thầm nghĩ đây toàn chuyện vu cáo nhưng nào ai dám bàn tán, hé môi ngay trong buổi họp. Những ai ở đâu thì họ không biết chứ những gia đình đã sống trong làng từ đời này qua đời khác, ai ra sao người ta cũng rõ. Đành rằng những người giàu có thì cuộc sống sung túc hơn, nhưng họ cũng không phải là ngồi mát ăn bát vàng, ít nhiều họ cũng có lao động, họ cũng có tình nghĩa lân lý, giúp đỡ người nghèo đói khi hoạn nạn, điển hình nhất qua vụ đói năm Ất Dậu 1945, hoặc trận lụt khủng khiếp năm Quý Tỵ, 1953, những người giàu có trong làng đã biết nhường cơm xẻ áo, tương thân tương trợ. Những buổi họp như vậy cứ kéo dài đêm này qua đêm khác để cho các diễn viên "rễ và chuỗi" tập vở kịch đấu tố thành thạo, lúc đã chín mùi đội mới quyết định ngưng để chuyển qua giai đoạn đấu tố.

3- Đấu tố: bắt địa chủ, đắp mô đất, rào đấu trường

Kể từ ngày đội về cho đến ngày phát động đấu tố, thời gian kéo dài gần ba tháng. Các đội viên phụ trách các làng mang tổng kết tội ác địa chủ, cường hào về xã họp, từ đó mới quyết sẽ đem những ai ra đấu trường để đấu. Trong buổi họp mật này, chúng cũng quyết định sẽ giết những ai và giết bao nhiêu người trong số những người sẽ đem ra đấu. Khi đã có quyết định rồi thì Đội sẽ cùng du kích xã đến niêm phong nhà cửa của người bị đấu mà đội gọi là những tên địa chủ, cường hào đầu sỏ và bắt người bị đấu đi giam một nơi khác có khi xa xã chín, mười cây số. Song song với việc bắt địa chủ thì du kích xã còn phải lo việc rào đấu trường, đắp mô đất và dựng lên một cái rạp sơ sài để cho Tòa ngồi xử án. Đấu trường là một khoảng đất rộng trong xã, xung quanh được rào sơ sài bởi những cây tre nối kết lại. Trên khoảnh đất ấy được dựng lên một cái sạp bằng mấy tấm ván, cao chừng một mét, trên có mái che và trong đó đặt một cái bàn với hai ghế. Cách cái sạp chừng năm, sáu mét là một mô đất được đắp lên một bên cao, một bên thấp. Bên cao để cho người đấu đứng đấu và bên thấp để cho người bị đấu quỳ xuống. Trên mặt đất của người quỳ còn được bỏ vỏ mít có gai nhọn hoặc những viên đá nhám để khi quỳ đầu gối bị đau. Phía cuối của đấu trường được làm thêm một cái rặc nhỏ giống như cái chuồng để nhốt trâu bò. Cái rặc này là nơi để cho con cái địa chủ ngồi xem, tách biệt với nông dân ở ngoài.

Sau một tuần lễ, công tác chuẩn bị hoàn tất, Đội quyết định ngày khởi đấu, phần lớn đấu về đêm để ban ngày nông dân tranh thủ sản xuất. Trên các ngả đường dẫn đến đấu trường, dân chúng với bó đuốc cháy sáng trên tay ùn ùn kéo tới, đứng xa nhìn như những lũ ma trơi đi ăn đêm. Không một ai dám ở nhà vì sợ phê bình mất lập trường vì còn thương địa chủ. Tập trung đâu đấy xong xuôi, làng nào ngồi vào vị trí làng ấy. Vợ con địa chủ bị lùa vào rặc ngồi và gài chặt then cổng lại, có du kích đứng canh giữ ở ngoài. Cả một vừng lửa sáng rực, ánh sáng lập lòe. Tòa bắt đầu bước ra. Những tiếng hoan hô vang dậy, theo sau là những tiếng đả đảo địa chủ. Tòa tuyên bố đây là Tòa án nhân dân đặc biệt được thiết lập để xét xử những tên địa chủ cường hào, ác bá đầu sọ trong xã. Tòa chỉ có hai người, một tự xưng là giai cấp công nhân ngồi ghế chánh án, một tự xưng là đại diện giai cấp nông dân ngồi ghế phụ thẩm theo đúng sách lược là công nông liên minh. Ngoài hai người đó, Tòa không có công tố viên, biện lý, luật sư bào chữa; ngay cả đến một người thư ký cũng không. Đúng là Tòa án của loài muông thú ở trong rừng và xử án theo luật rừng.

Yên lặng một chốc, Tòa ra lệnh giải địa chủ tới đấu trường. Người địa chủ với hai cánh tay bắt quặt ra phía sau bị trói chặt lại được tên du kích dắt đi như dắt một con chó. Mặt mày hốc hác, phờ phạc vì mấy ngày bị giam giữ đâu được cho ăn uống gì nhiều. Cả đấu trường vang lên tiếng đả đảo tên..., đả đảo tên... vang dội. Những ngọn đuốc từ các cánh tay lên cao xuống thấp, trông thật ghê rợn. Tôi tưởng tượng như cảnh xảy ra của Diêm Vương xử án ở dưới âm ty địa ngục, hoặc một bộ lạc man rợ của thời thượng cổ, chứ không phải ở trên đất nước Việt Nam ở thế kỷ 20, thế kỷ mà con người sắp bước chân lên mặt trăng. Tôi ngửa mặt lên Trời để nhìn, lòng se sắt tê tái, nước mắt khô cằn không còn để chảy; lòng hoài nghi vào sự linh thiêng của Trời đất, Thánh thần không chứng dám thảm cảnh này hay sao?

Thế rồi giờ đấu bắt đầu. Người địa chủ quỳ trên mô đất, ngước mắt nhìn nông dân hỏi tội. Lúc này những cái rễ và chuỗi tranh nhau lên hò hét hạch tội và bao giờ theo sau cũng có

câu "mi có nhận tội không?" Cứ thế, cứ thế, đấu cho đến khi nào người bị đấu gục mới thôi... Gục đây có nghĩa là nhận hết tội lỗi của nhân dân đấu. Nếu chưa gục thì những tiếng đả đảo lại thét lên và đấu hết đêm này qua đêm khác cho đến khi gục. Cái đau đớn và oái oăm là trong số người lên đấu đôi khi là con đấu tố cha (thường là con bà thứ), vợ đấu tố chồng (vợ thứ) em đấu tố anh (con bà cả, bà hai). Những trường hợp này phần lớn vì sợ sệt, vì ganh tỵ về quyền lợi, vì muốn tỏ ra có lập trường dứt khoát với địa chủ, được xui dục bởi mấy cái rễ và chuỗi ở trong làng. Trong nhiều đêm liên tiếp đấu hết người này sang người khác, thường mỗi đợt đấu ba người. Sau khi đấu xong, Tòa tuyên bố nghỉ một hay hai ngày rồi mới tập trung dân chúng lại xử án. Trong lúc xử án, Tòa ra lệnh cho đấu bổ túc cho đến lúc không còn ai lên đấu nữa Tòa mới xử tội. Tôi không nhớ rõ hình như bộ luật cải cách ruộng đất chỉ ngắn gọn trong chín câu, mỗi câu là một điều vi phạm và phạm một trong ba điều là bị tử hình tại chỗ. Đối với những người bị kết tội tử hình thì Tòa vừa đọc xong đến chỗ tịch thu toàn bộ gia sản là du kích đã lên vặn đầu địa chủ, nhét giẻ vào miệng, bịt mắt lại và cột dắt đi treo lên giá, chưa cần Tòa đọc tiếp bốn chữ tử hình tại chỗ. Điều đó chứng tỏ rằng giết ai chúng đã bàn bạc trước và súng ống đã sẵn sàng đặt dưới cái sạp của Tòa ngồi. Tử tội không nói được điều gì dù là một lời kêu oan chứ đừng nói đến việc kháng cáo. Thế rồi một trong những tên "rễ" nhảy lên cầm súng dí ngay vào ngực của người tử tội nổ súng, máu phun ra ngay vào mặt và áo quần... Cái ác độc trong sự hiểu biết ngu xuẩn của lũ người ấy tưởng rằng hành động của mình như vậy là vinh quang, tắm được máu quân thù đúng như trong bài quốc ca mà chúng thường hát "Đường vinh quang tắm máu quân thù." Sau đó chúng lấy dao chặt dây trói cho người địa chủ rớt xuống và lấy dây cột vào chân kéo lê trên mặt đất đến một hố chúng đã đào sẵn, lấy chân đá xuống và không quên lật úp mặt địa chủ xuống vì chúng quan niệm rằng khi chôn mặt nằm sấp xuống thì dòng họ địa chủ sẽ tuyệt nòi.

Viết đến đây tôi không muốn tả chân thêm được nữa. Tôi muốn để cho linh hồn những người thân yêu của tôi bị chết oan uổng yên nghỉ nơi suối vàng. Nhiều hành động man rợ và ghê tởm đến độ không có một từ nào tả nổi, tả hết cách hành xử giữa con người và con người mà Thượng Đế đã ban cho bộ não khôn ngoan hơn loài vật. Giờ này ngồi viết lại cảnh này, trái tim tôi như muốn rướm máu lại, đầu óc tôi xâm xoàng. Ai đã tạo nên cảnh ấy. Đảng Cộng sản Việt Nam dưới triều đại Hồ chí Minh. Đảng đã dạy lớp người nào thi hành cái cảnh ấy. Tầng lớp ngu muội nhất trong xã hội loài người, tầng lớp sẽ lên nắm quyền cai trị nhân dân theo đường lối triệt để chuyên chính vô sản của Đảng giao phó.

Ăn mày là ai? Ăn mày là ta.
Đói cơm rách áo, hóa ra ăn mày
(Ảnh chụp ở bãi biển Sầm Sơn, Thanh Hóa năm 1994)

4. Hậu quả của cải cách ruộng đất

a) *Về phía địa chủ*: Cha, anh bị giết hoặc tù đày. Nhà cửa, tài sản bị tịch thu. Đuổi ra khỏi nhà chỉ vỏn vẹn với một bộ áo quần rách rưới trên người không mang theo được cái giường, chiếc chiếu, cái đèn dầu, lếch thếch đến ở nhà

của một gia đình nghèo khó đổi cho họ đến ở nhà mình. Không có một dụng cụ gì trong tay kể cả cái dao, cái rựa làm sao để sống. Con cái địa chủ vẫn được cấp phát đất ruộng để trồng trọt nhưng không có trâu bò, cày bừa kể cả cái cào, cái cuốc làm sao mà sản xuất. Biết mượn ai và ai dám can đảm cho mượn. Không sản xuất thì bị ghép tội chống đối cách mạng, chống đối nhân dân.

b) *Về phía nông dân*: được cấp phát ruộng đất, tài sản tịch thu của gia đình địa chủ như trâu bò, dụng cụ sản xuất. Nhưng thành phần địa chủ trong xã có được bao nhiêu người và tài sản tịch thu được đâu có nhiều để phân phối cho người nghèo trong xã với số lượng đông đảo. Chẳng hạn như hai hoặc ba bộ gia đình thuộc diện bần cố, được bình chọn vào ở nhà của địa chủ hoặc chung nhau nhận được một con trâu, từ đó đâm ra ganh tỵ, cấu xé nhau, tạo nên sự chia rẽ trầm trọng.

5. Phong trào sửa sai

Như tôi đã viết ở phần đầu, cải cách ruộng đất chỉ là cái vỏ bề ngoài, cốt lõi của nó ở bên trong là thi hành biện pháp trấn áp. Trấn áp để triệt tiêu uy tín, ảnh hưởng và làm nhục giai tầng phong kiến trong xã hội, đồng thời tạo nên một sự sợ hãi trong quần chúng nhân dân, dọn đường cho thành phần vô sản lên nắm quyền cai trị tại các địa phương được suông sẻ. Bởi vậy Đảng mới đưa những đội cải cách về nông thôn, một loại người mà não bộ không tìm ra được chút nào về chỉ số thông minh để thực thi công tác. Về làng, Đội là những ông Trời con, phối hợp với các rễ và chuỗi tác oai, tác quái, muốn bắt ai đấu tố thì bắt, muốn giết ai thì giết, chẳng cần những người ấy là địa chủ hay phản động cường hào. Đau đớn thay là những gia đình có con cái đã từng tham gia kháng chiến, hoạt động cho cách mạng từ năm 1945 khi cộng sản mới cướp được chính quyền, thậm chí có người tham gia vào đảng Cộng sản từ năm 1930 và hiện còn giữ chức vụ trong guồng máy tại Trung ương, thế mà ở nhà cha bị đấu tố đến chết vào năm 1953 và anh bị giết năm 1956 qua hai đợt phát động giảm tức giảm tô và cải cách ruộng đất. Điển hình ông Bác họ của tôi chỉ hành nghề lương y, có ba người con trai. Người con trai thứ hai đang là chủ tịch Ủy ban hành chánh một huyện gần giới tuyến, người con trai đầu đã bị bắt đấu tố và giết chết tại chỗ. Biết bao nhiêu trường hợp tương tự đã xảy ra có giấy mực nào tả nỗi, tả hết. Hàng chục ngàn người vô tội bị lũ Đội xác người mà đầu óc ma quỷ ghép tội địa chủ phản động cường hào đem ra đấu tố và giết chết, tổng kết trên 70% là bị giết lầm oan uổng.

Cũng vì lý do đó mà sau khi cải cách ruộng đất chấm dứt thì một số gia đình thuộc diện này đã ra tận Ba Đình đội khăn tang trên đầu khiếu nại. Để thoa dịu sự phẫn nộ vì uất ức, ông Hồ Chí Minh đã ra tiếp kiến, nghe giải bày rồi chảy nước mắt. Việc này tôi cũng chỉ nghe qua lời đồn đãi, còn việc ông khóc thiệt hay khóc giả chỉ có lương tâm của ông biết vì thời đó ông là Chủ tịch nước kiêm luôn Tổng bí thư đảng cộng sản Việt Nam kia mà. Sau màn chảy nước mắt là việc khiển trách và hạ tầng công tác của ông Trường Chinh và phong trào sửa sai ra đời. Sửa sai được gì nữa khi hàng chục ngàn người dân vô tội bị giết oan đã nằm trong lòng đất lạnh, nhà cửa tài sản đã bị tịch thu toàn bộ và chia năm xẻ bảy cho người khác rồi, cuộc sống đã trải qua những ngày thê lương, thảm khốc, danh dự bị dày vò, chà đạp, sỉ nhục đến tận cùng, thử hỏi trên cõi đời này có cái gì để đền bù lại được mà minh oan, xin lỗi. Những sách lược độc ác bao giờ cũng đổ lỗi cho các địa phương đã thi hành lệch lạc, điển hình như vụ Tết Mậu Thân sau này ở Huế. Màn kịch này được Đảng ưu việt cứ diễn hoài từ ngày cướp được chính quyền cho đến nay và rồi còn tiếp diễn nữa, nếu còn Đảng cai trị. Riêng bản thân tôi cũng lợi dụng được sửa sai đó mà thoát khỏi lũy tre làng và trải qua bao thăng trầm còn sống được đến ngày hôm nay để viết lại những tội ác dã man, ghê tởm nhất mà Đảng đã chỉ đạo cho những đảng viên thuộc thành phần nồng cốt trung kiên nhất thi hành trong vụ cải cách ruộng đất ở miền Bắc vào năm 1956.

*

Hơn 36 năm sau, tôi về lại làng, ngôi làng đã cho tôi bao kỷ niệm thân yêu trong thời thơ ấu, nhưng rồi từ ngày Đảng cộng sản nắm quyền cai trị đã gieo biết bao tai họa, bây giờ nhìn làng tôi thấy dửng dưng, tình nghĩa khô ráo, chỉ còn chút tình thương với bà con ruột thịt. Tôi có dò hỏi cuộc sống của những rễ và chuỗi, những người đã hăng say đấu tố trong thời kỳ cải cách ruộng đất bây giờ ra sao thì được trả lời con cháu họ vẫn nghèo mạt rệp chẳng có gì thay đổi. Tôi chỉ biết mỉm cười thương hại./.

Gia vị tuổi già

TÚY HỒNG

Khi cây bạch dương sau nhà trở mình thì lá mùa thu cũng đã chuyển sang màu vàng nguyên chất. Nắng ngọt dịu của tháng mười một ấm như nắng hanh vàng ngày nào nướng chín trái bí ngô, quả cam, trái chuối.

Tháng ba lưng lưng chim hót ngang trời thật ra không làm người di tản thấy vui như mấy tháng dài mùa thu len lén vào tim.

Trong những khu vườn Việt Miên Lào ở Oregon, mùa thu ánh lên màu vàng từ trái hồng ngâm và màu cám gạo lứt của trái lê. Hai thứ trái cây trân quý này hương vị ngọt thanh nhưng về hình thức, trái hồng đội một cái nón trên đầu trông như cái chụp đèn nên không đẹp.Thứ quả này lại chín vào cuối thu nên không đủ nắng để ngọt.

Tháng bảy ngày rằm xá tội vong nhân.
Tháng tám chơi đèn kéo quân,
Trở về tháng chín chung chân buôn hồng.

Câu ca dao cho thấy hồng là một thứ quả đắt giá, các con buôn phải góp tiền hùn vốn với nhau mới bán mua nổi cái thứ trái cây này.

Trong truyện Tàu, hồng là một thứ trái cây của lính: đoàn quân viễn chinh Trung Hoa ngày xưa , buổi mai thức dậy từ bốn giờ sáng tập luyện môn võ công Tài chi đã điểm tâm một trái hồng và một chén cháo kê.

Tôi, tên Lê Thị Hảo, ngày xưa dạy quốc văn trường Hàm Nghi Huế, hiện đang đứng nói chuyện với bà láng giềng bên hông.

Bà bạn tóc vàng của tôi nhún vai: "Trái Asian pear với trái persimmon không chua mà cũng không ngọt để chúng ta làm jam, làm jello và jelly."

Tôi kể ra: "Người Mỹ chỉ thích cắn trái apple thôi. Mỗi năm, một người Mỹ trung bình ăn 60 pound nho tươi. Người Mỹ nhai nho trông thật điệu và khi từ trên lầu cao bước xuống nhà dưới trong thật lẹ và nhanh như lướt.

Bà hàng xóm lắc cái đầu vàng cười: "Trái cây thì phải ngọt, chỉ có trái dưa mới nhạt. Nghĩ cũng lạ, cây xứ nóng đem sang trồng ở đây thì hớn hở ra trái như điên; trong khi đó cây honey dew và cây cantaloup của chúng tôi ngày xưa đem sang trồng ở Việt Nam thì èo uột chết nghẻo."

Nàng hàng xóm này là chủ nhân một cái máy cắt cỏ kêu la to nhất xóm suốt mùa hè vừa qua, tươi cười tiếp: "Tôi cũng không ưa thứ trái cây có sạn trong ruột như trái Asian pear. Hảo! hãy nhìn cây Asian pear và cây persimmon của Ruan trái ra chi chít, coi chừng gẫy cành đa! Phải hái bớt vứt đi thì trái mới to.

Hảo tức là tôi tỏ ra thân mật: "Người Nam chúng tôi trồng cây trái và rau quả là cốt để cho người và chim muông cùng thưởng thức, chia xẻ tình bằng hữu để hiểu nhau và thân nhau hơn. Chúng ta là hàng xóm, lũ chim trên cây bạn hiền tinh nghịch."

Hảo giảng thêm rằng có hai loại chim: chim ăn chay và chim ngã mặn. Khác với loài người, bầy chim ăn chay green finch, blue jay, ani... không phải là những con di điểu đã từng bay sang Nhật tu học Thiền, tránh xa nghiệp chướng karma và charm, mà đích danh là những đặc công phá hoại ngày đêm mổ rỉa trái chín. Trong khi đó thì lũ chim ăn mặn tức là những con tropon, magpie, plover... thì lại ngoan hiền như những tín đồ Phật tử ngày đêm mổ sâu moi đất diệt trùng thân ái giúp các nhà nghệ sĩ làm vườn phát triển tài hoa trồng tỉa.

Nhìn những cây lê cây hồng của người Việt Nam sai quả nặng trịch, Hảo nhớ lại hồi xưa lúc còn cuộc chiến, Tổng thống Eisenhower phái đại tá Edward Landsdale, người hùng của đệ nhị thế chiến, sang Nam làm cố vấn quân sự tại dinh Độc Lập, Tổng thống Mỹ tặng dân Việt Nam Cộng Hòa một quả dưa honey-dew và một quả dưa cantaloup, bộ canh nông cho đem trồng ở Đà Lạt. Mười tháng sau, dân Đà Lạt được thưởng thức một trái dưa cantaloup to bằng cái trứng gà và một quả dưa honey dew ăn nhạt thách như dưa leo Anh Cát Lợi.

Nhìn những cây lê cây hồng đậu đầy trái,

Hảo lại nghĩ rằng người mình có cõi lòng nồng nàn và tâm tình ấm ngọt. Khi mùa trái cây đến, họ hái làm quà cho nhau. Đây là điểm tựa của câu tục ngữ "có đi có lại mới toại lòng nhau." Ngày còn chiến tranh đỏ rực, Nga Sô đã viện trợ cho Cộng Sản Bắc Việt đầy đủ hỏa tiễn địa không để bắn rớt tàu bay Mỹ và để bắt sống phi công Hoa Kỳ.

Khôn lanh hơn dân tộc nào hết trên quả đất điêu đứng này, và cũng thông minh hơn bất cứ dân tộc nào hết trên quả đất bầm dập này, là Cộng Sản Bắc Việt. Sau khi ký thỏa hiệp trao đổi tù binh với Hoa Thịnh Đốn, ai cấm họ chỉ trao trả cho Mỹ một nửa số phi công rớt tàu bay mà thôi, số còn lại cứ việc đem cống hiến Nga Sô để tạ cái ơn đã cho họ hỏa tiễn Sam. Đó là tài xử thế, phép giao thiệp ở đời. Người Nga dại gì mà không dùng những tù binh này để dạy sinh viên không quân Nga lái tàu bay tại những nơi nào đó trên lãnh thổ Nga như là "Đại học máu" hoặc "The charm school."

Vì thế cho nên Hảo đã trồng một cây hồng ngâm trước ngõ để lỡ ai cho Hảo một trái lê thì Hảo lập tức biếu lại một trái hồng. Cố nhân đã xác định rằng trồng hồng ngọt và lê lành là cốt để đem cho nhau lấy thảo chứ ai lại nhai rau ráu một mình coi kỳ lắm.

Hảo chào bà bạn trở về vườn mình. Một khu vườn cỏ mọc đủ nuôi một con bò. Một giống giặc cỏ khỏe mạnh tên là cỏ ống, không thể cắt cụt bằng máy được mà phải nhổ cả gốc. Nhìn cỏ tươi non quá, Hảo nghĩ tới những chuyện tình xanh. Quê nhà giờ đây chiến tranh đã chấm hết hơn ba mươi năm nay rồi nên tất cả văn sĩ đều không viết được một chuyện tình nào thật xanh và thật tươi như cỏ. Vậy thì đời sống đã khô héo rồi. Hảo bỗng sực nghĩ rằng cả hơn tháng nay quên không tưới cây. Nhưng trước hết hãy lưu ý tới đám giặc cỏ ống này đã. Từ xưa, đàn bà vẫn quan niệm trọng hoa khinh cỏ nên không hiểu được nỗi lòng và xác thịt của cọng cỏ cũng đa tình như họ. Cỏ lắm khi cũng có tư cách và tác phong của nhà nho chứ không phải bao giờ cỏ cũng lả lơi đùa cợt như cô gái điếm duyên dáng dễ thương. Cỏ purslane, cỏ crabgrass, cỏ gà, cỏ cú, cỏ may... tâm tư của mỗi bụi cỏ cũng là tâm tư của Hảo. Cỏ hổ ngươi... Sách thuốc Tàu dạy rằng nơi chỗ nào nhiều phấn thông thơm vàng và bột bướm bướm theo gió bay khắp, lọt vào miệng và cổ chúng ta hồi nào không hay, thì đích thị quanh quất đâu đó thế nào cũng mọc sẵn một vạt hổ người, trinh nữ làm dáng gai góc giữ gìn hạnh kiểm và luân lý!! Chúng ta cứ việc nhổ lên đem về nhà nấu uống. Hôm sau chúng ta sẽ bớt ngứa cổ và nghẹt mũi.

Bốn giờ làm vườn trôi qua. Hảo bước tới cạnh hàng rào bà láng giềng để nhổ tận gốc một hàng cây nhỏ mọc đâm chồi qua khe hở vườn nhà người ta. Vài chùm bông dại màu tím sà xuống trên tóc bạc, Hảo nghĩ tới hoa bắp và hoa bèo lòng thấy thương thương nhà thơ Hàn Mặc Tử.

Cố gắng làm thêm một giờ nữa, Hảo đói bụng tưởng có thể nuốt trực một nồi cơm điện và một con gà lôi nướng lá chanh nên phải vào nhà lục tủ lạnh. Trong lúc chờ hâm nóng thức ăn, Hảo nặn cái bắp thịt ở cánh tay và thấy nó cứ nhão ra mỗi ngày và chưa đụng vào đã rung rung như jello Mỹ. Một chàng thanh niên Mễ chạy xe vô hẻm, âm nhạc từ máy car stereo xẹt ra như tiếng rú.

Hảo vừa định ăn cơm thì điện thoại reo: "Hello chị Hảo. Khỏe không? Lệ đây, chị còn nhớ Lệ không? Có phải mấy đứa con của chị đều Mỹ hết phải không?"

Đây là một câu hỏi Hảo đã quen nghe, nên trả lời không vấp váp: "Con gái đầu lòng của tôi lấy một con trai của một cựu chiến binh Hoa Kỳ động viên sang Nam năm 1969, gia nhập tiểu đoàn A, đại đội 7, sư đoàn bộ binh 402."

"Con trai của chị cũng lấy Mỹ hết phải không?" Làm như là một câu hỏi đầy tính cách bảo thủ.

"Đúng vậy. Thằng con Út của tôi lấy con gái của một chuẩn úy không quân Mỹ, quân dịch năm 1971 khi Tổng thống Nixon bỏ bom và gài mìn quân cảng Hải Phòng."

Bà Lệ, Lệ Đá ném thêm một cú nữa: "Chị có bao nhiêu cháu nội cháu ngoại Mỹ?"

Hảo dễ dàng đỡ: "Chỉ vài đứa thôi, nhưng tôi không nhớ rõ mắt chúng nó màu xanh, màu xám, hay màu nâu hạt dẻ."

Hảo nhớ lại những ngày ở Sài Gòn đường Trần Quốc Toản, trong hẻm cụt, một ông cảnh sát có hai cô con gái lấy Tây và một cậu con trai lấy Tàu, cả xóm kêu ông là ông Quốc tế.

Lệ-đá thở dài: "Hồi anh còn sống, bạn bè ai cũng thương anh. Anh không ngoại hóa." Lê-đá lại thở dài nữa: "Bạn bè ai cũng mến anh vì anh không tự bứng gốc, không thay quốc tịch, anh không từ chối quê hương."

Những lời nói ấy nghe buồn như những dòng thơ mới do các thi sĩ hiện đang sống tại hải ngoại

sáng tác. Lê cười lên mấy tiếng lẻ rồi chào.

Điện thoại trở lại yên lặng cho đến hai giờ sau mới reo lại: "Hảo, Hảo ngọt, có phải bồ đó không?"

Đúng là giọng nói của Trang bạn cũ đang ở tiểu bang California nơi có nắng Sài Gòn đa tình. Trang luôn luôn kêu Hảo là Hảo ngọt vì nghĩ rằng chất đường trong lời nói sẽ làm Hảo lên tinh thần.

Trang la lên thật thân mật "Cuối tháng này tụi này về Việt Nam, vé máy bay đã mua rồi."

"Mấy tháng trước ông bà đã về rồi, nay lại về nữa?"

Trang cũng hỏi, "Bồ có muốn gửi gì về cho gia đình không?"

Hảo ngồi gục cổ. Trong nhà tôi hiện chỉ có một nửa bao gạo nàng Hương, một chai nước mắm, một chai xì dầu đậu nành, mấy cân thịt trong tủ lạnh, và hai mươi đô la tiền mặt. Theo sở Welfare office thì cái nhà đang ở và cái xe để đi đây đi đó không phải là đồ để gửi.

Trang nhảy qua chuyện khác: "Này bồ ơi, con mẹ Liên bỏ thằng cha Sĩ rồi, để chạy theo một kép trẻ ở Alaska! Con mẹ quăng hai đứa con vào tay ông chồng để chui vào giữa cặp đùi chàng tình nhân đánh cá."

Hảo chú ý nghe bạn nói tiếp: "Làm sao chịu được cái lạnh ở vùng địa đầu Alaska nhỉ?

Hảo cứ yên lặng để nghe thêm: "Chắc hơi ấm của thân thể khiến họ bất chấp hơi lạnh."

Hảo nói: "Tha hồ ăn đồ biển. Ăn cá ngon hơn ăn thịt."

"Nguyên do tại cái ông chồng già của con mẹ quá ngu quá tin vợ, đã chứa chấp chàng đánh cá đó trong nhà. Chàng đánh cá là bạn học cũ của con mẹ."

Hảo gật gù: "Khơi khơi để sổng mất mụ vợ. Đàn ông và đàn bà phải giữ đúng luật nam nữ thụ thụ bất thân. Bạn gì mà bạn, nó leo lên người bà nó nhún nó nhổi hồi nào bà không hay."

Trang ừ một tiếng dài: "Con mẹ đó đá văng tưng ông chồng trí thức thì tui OK, nhưng con

NGUYỆT THƯ

Thu dỗi

Sáng hôm nay
cả bầu trời đầy gió
hơi lạnh về nhuộm đỏ lá mùa thu,
chiếc cầu em qua phủ kín sương mù
cứ tưởng tượng có anh chờ bên đó.

Cứ tưởng tượng
ở đằng sau lớp khói
cuối con đường - chỗ sương lẫn cùng mây,
anh đã về theo gió núi heo may
cho em gởi bàn tay vào trong túi.

Sáng hôm nay
nhìn lá vàng thay áo
ngẩn ngơ hoài lời trêu ghẹo ngày xưa:
"Mùa thu về? Hay mùa chỉ ghé qua?
Em đừng đợi, trước sau mùa cũng tới."

Không người đợi
thu và em cùng dỗi
nhựa không dâng cho lá trở sắc vàng,
thu giận hờn để "ngàn dặm quan san"
và em giận, thơ sẽ buồn thơ chết.

Sáng hôm nay
lẽ ra trời xanh biếc
mới vào thu sao đã lạnh vô cùng,
có phải vì quay quắt nhớ ai không
mà mây bỗng sa xuống mù lũng thấp.

Thu đã về
từng chuỗi sương trong vắt
đọng hững hờ - hạt nước mắt thu phân,
cứ ước chi có anh ở thật gần
để năn nỉ em và thu: "đừng dỗi."

mẹ đó bỏ công ăn việc làm để chụp một chàng đánh cá salmon ở Alaska tui nhức đầu. Con mẹ đang làm ở hãng State Farm lương lãnh một năm trên 50 nghìn dollar."

"Tình yêu đại thắng full-time job. Tình yêu xanh tươi hơn tiền tiêu."

"Hãng State Farm đóng cho con mẹ hơn hai phần ba tiền bảo hiểm nhân thọ mỗi năm." Trang lại xuống giọng trầm: "Con mẹ không phải trả một xu bảo hiểm sức khỏe nào cả. Toàn gia đình con mẹ được khám bệnh miễn phí, mua thuốc trụ sinh miễn phí, được mua bao ny lông ngừa thai miễn phí, nhe răng há miệng cho nha sĩ trám răng miễn phí. Bồ Tát ơi! Bây giờ mà còn có người bỏ tiền chạy theo tình."

Rồi Trang kết luận: "Bồ Đề Đạt Ma ơi! Như con đây, con chỉ biết tiền mà thôi."

Sau một hồi tung hứng, chuyện dài Việt kiều tạm ngưng, đôi bạn già gác máy. Chuyện dài Việt kiều hải ngoại đại khái là tình dục, là sức hút của thân thể, tình và tiền , tình và thù, tình và lửa.

Hảo quay lại. Từ tấm ảnh lớn thờ ở phòng khách, chồng Hảo lặng lẽ ngó thẳng, với đôi mắt Hảo có thể diễn ra trăm lời trách móc. Em vẫn còn chống Chống Cộng phải không em? Bao nhiêu thập niên đã qua đi, anh nghĩ rằng bây giờ trong cái nhà này người chống Cộng phải là anh.

Tôi ngồi ngó vào đôi mắt chồng, người chết nói tiếp em không phải là người nội trợ tốt, em lười biếng làm bếp , bỏ bê vườn tược, không thích dọn dẹp nhà cửa, và trên tất cả những tội tình đó, em còn phạm một lỗi nặng nữa là không biết dạy con. Dạy con cầm đũa ăn cơm. Em không có tâm hồn của một người mẹ. Thiên chức tối cao của em là làm mẹ., người dạy trẻ phải bền lòng kiên chí, cấm bỏ cuộc và phải tự tìm ra nguồn cảm hứng và cái đẹp trong nghệ thuật của đạo đức. Nuông chiều con và sợ con là hèn. Khi kẻ làm cha mẹ tỏ ra sợ con thì gia đạo là một ngõ bí. Hãy nhìn vào cộng đồng người Việt để thấy luân lý còn tươi sáng lắm, anh thấy người đàn bà nào cũng thật dễ thương! Nào bà Hương, nào bà Huệ, bà Cúc đang nấu cơm trong bếp... họ vo hạt gạo không gảy, họ đổ nước vào vừa phải, và khi hạt gạo thơm chính hiệu con nai đen vừa chín tới, hạt cơm không nhão nhẹt một cục ở đáy nồi. Lấy em, anh phải tự tay nấu lấy nồi phở mà ăn vì em không thích mùi ngũ vị hương và rau húng quế. Người đàn bà này, em muốn gì? Thì giờ của người đàn bà là của người đàn ông. Đời của người đàn bà là một diễm phúc được lệ thuộc vào đời đàn ông. Tự do của đàn bà là cơm áo, là sự hiến dâng đồ ăn cho đàn ông.

Người đàn bà là một nghệ sĩ sáng tác ra cái ngon, cái đẹp. Lý tưởng cuả đàn bà là phục vụ chồng. Nghĩa vụ của người phụ nữ là cái bếp, cái vườn và cái nhà. Khi người đàn bà còn, là cái bếp còn. Một lần nữa, em hãy trông gương các bà Hương, bà Huệ, bà Lan... trong cộng đồng người Việt, họ dạy con nói tiếng Viet , tiếng mẹ đẻ, họ mớm cho con trẻ chút hạnh phúc trong tình yêu quê hương. Em, em trái lại, em dùng con để học Anh ngữ, để thực tập English, để trau dồi vocabulaire, để bắt chước cách phát âm đúng giọng. Chính em là một người mẹ mất gốc, trước khi con chúng ta mất gốc. Bánh cookie của người Mỹ ngon quá phải không em?

Hảo đứng phắt dậy, cầm cái mặt tiền của tấm ảnh quay vào tường. Hãy xếp lại những lời anh nói. Một người nói, một người cãi, đó là hai đương sự đã tự mình phá hạnh phúc của chính mình. Hạnh phúc, hãy nghĩ rằng, là một sự im lặng. Chịu thua không phải là thua.

Buổi tối, Hảo ăn cơm trước mặt kính TV, chương trình "Little Saigon" chiếu cảnh đám tang nhạc sĩ Trần Thiện Thanh tức ca sĩ Nhật Trường, giọng ca tình cảm nhất một thời mù mịt lửa chiến tranh. Hiện diện trong tang lễ, nhạc sĩ Nhật Ngân trong quân phục màu dầu olive đứng cạnh một thằng bé đội khăn tang, mặt áo chế vải thô đưa tay ngang trán chào quốc kỳ Việt Nam. Thằng bé chắc là cháu đích tôn thừa trọng của Trường. Sau lưng nó, thân nhân của Nhật Trương, gồm phần đông là phụ nữ trẻ tuổi buồn bã hát một ca khúc của Trần Thiện Thanh.

Tiếp theo, màn màn ảnh nhỏ quảng cáo dịch vụ bán xe hơi của anh Duy Đặng và anh Phan Cường. Sau đó, màn ảnh nhỏ chiếu cảnh Mục sư Nguyễn Xuân Bảo đem cơm về quê hương cho đồng bào. Đúng ra, Mục sư Bảo đã vác gạo về Việt Nam nhưng Hảo dùng chữ cơm vì gạo nấu chín sẽ thành cơm.

Buổi tối ấy cùng với cây bạch dương và cây liễu rũ sau nhà trở mình, Hảo trằn trọc không ngủ được vì cú điện thoại của Lệ-đá. Sách báo ở đây vẫn đề cập đến những cái khó khăn trong công việc giáo dục thiếu nhi. Thống kê cho thấy tỉ số trẻ con biết vâng lời cha mẹ khuyên bảo chừng độ 18 phần trăm, 82 phần trăm kia là do

tay chúng tự tạo lấy, do nhân tính của tuổi trẻ trong môi trường học đường và xã hội. Một bài giáo khoa nhắc tới tấm gương sáng do bà mẹ của nhà độc tài Staline nêu lên. Mẹ của người hùng đỏ Staline là một người đàn bà mềm dịu nhưng cũng là phụ nữ cứng mạnh trong tinh thần và ý chí đã uốn vặn khối kim khí quý Joseph Staline trở thành danh nhân số một hoặc số hai của đệ nhị thế chiến. Ở Nga Sô và các nước Cộng Sản, công việc dạy con chắc cũng khó khăn như đánh tư bản vậy. Ở Hoa Kỳ và các nước tư bản, công việc dạy con có khó khăn như đánh Cộng Sản không?

Có những giấc ngủ cần đọc chuyện tình nên có những chuyện tình dành cho giấc ngủ. Hảo lướt mắt qua một truyện ngắn kể chuyện một phụ nữ quan niệm rằng nếu yêu ai , cô tha cho người ấy khỏi phải cưới cô, cô chỉ đến ngủ với người ấy chừng vài chục đêm thôi rồi cô de. Hảo nghĩ rằng cô ả Thị Mầu này chắc lười nấu ăn số dách và chắc rất thông minh. Thế nào là một người đàn bà thông minh? Ai cũng biết rằng người thông minh là một người giỏi toán và học bài mau thuộc. Theo kinh nghiệm, chữ "thông minh thường đi kèm với chữ khôn. Người "khôn" và người "thông minh" là những kẻ đầu óc sáng suốt, hiểu nhiều biết rộng, suy nghĩ nhanh và ứng đối mau lẹ. Sau đó ta có thể nói thêm rằng người khôn có thể là người thâm và người thông minh đôi khi có thể là người dại. Vậy thì cô ả thông minh đó chắc phải nắm trong tay một công việc bảo đảm lắm!

Mỹ là một dân tộc mà Hảo chưa thấy người đã nghe tiếng rên rỉ về nạn thất nghiệp leo thang. Việt Nam là một dân tộc mà người Sài Gòn không công ăn việc làm tràn ra khỏi nhà đi đứng chật đường.

Mười mấy năm về trước ở Seattle, Hảo như một cô hồn vất vưởng đi tìm việc vì nhà băng ở Seattle lâm nạn phá sản. Hảo đứng hàng đầu trong danh sách nhân viên sẽ bị sa thải. Mười ngón tay đánh máy dưới 25 chữ một phút, không biết thay bóng đèn cho cái computer mình phải xử dụng hằng ngày và khi máy vi tính nhiễm trùng virus thì không biết lau chùi.

Một nam đồng nghiệp da màu nâu nhạt đã dùng một củ khoai môn xứ Hawaii cắt tiện thành một cái ten-key bỏ túi để giờ ăn trưa anh ta đặt nó lên đùi rồi miệng nhai khoai môn Hạ Uy Di tay mò mẫm sờ vào cái máy vi tính đó để thực tập. Anh ta trở nên một nhân viên đánh máy và bấm số đúng nhất phòng kế toán. Hảo đưa tiền nhờ anh ta làm cho mình một cái máy đúng y như vậy nhưng thực tập được hai tuần lễ thì mủ khoai môn ngứa tay gải bóng lên. Người Việt Nam không thể bì với người Hạ Uy Di được: họ ăn khoai môn từ lúc vừa mới đầy tháng. Bé thơ bú sữa khoai môn nhiều chất dinh dưỡng hơn sữa đậu nành và ăn khoai môn nghiền nát thành baby food. Người lớn tiêu thụ chừng hai ký khoai môn mỗi ngày gồm cả lá và thân cây muối dưa hoặc xào tươi với hải sản. Người già răng rụng thì húp xúp khoai môn nấu nhừ.

Khi lũ bạch quỷ tây phương đến các quốc gia hải đảo Thái Bình Dương đặt thuộc địa, người da trắng đã chở vô số phân bón Hoa Kỳ đến Hạ Uy Di. Lần đầu tiên dân hải đảo thấy phân bón Mỹ, tối tân, sạch sẽ, khô ráo, đựng trong bao cẩn thận như bao gạo! Củ khoai môn Hạ Uy Di trở nên to như cái chày vồ giã gạo. Cùng một thời, du kích Cộng sản quốc tế xâm nhập Hạ Uy Di, nhưng thất bại vì biển bao vây không có đường rút lui và ngư dân thờ ơ. Cộng sản với nông dân khi sống như cá với nước và khi chết như cá ướp muối.

Nhìn hai tay dính mủ khoai môn của Hảo, anh bạn bảo: "Nếu để nhà băng đuổi thì mất toi tiền hưu non. Sở an sinh xã hội đang cần một thư ký xếp hồ sơ."

Hảo về nhà dục con gái: "Điện thoại đến chỗ này xin việc cho mẹ."

Nó phản đối: "Mẹ xin việc làm, tại sao mẹ không gọi cho người ta mà lại sai con."

"Tiếng Anh ú a ú ớ, mẹ gọi điện thoại cho bao nhiêu chỗ nhưng không nơi nào cho mẹ đi phỏng vấn cả." Hảo nói.

Hảo nói tiếp, "Con xưng tên con là Hảo, con nói với họ con là mẹ nghe không!"

Chờ hai ngày, Hảo được kêu đi phỏng vấn, bà xếp nói ngay sau câu hỏi đầu tiên: "Trong điện thoại, "you" nói English rất là 'gheo' nghe tốt lắm mà!"

Năm Hảo 48 tuổi, hôn nhân kết thúc, người chồng rũ áo vô thường ra về bên kia bến khổ. Người Vietnam tính hay đi trễ, như người Mễ hay ăn đậu, nhưng khi đã hẹn gặp tử thần, người Việt Nam luôn luôn giữ đúng lời hứa, sớm một giờ không đi, trễ một giờ không ở. Năm ấy chồng Hảo chưa tròn năm tư tuổi.

Năm đó, con gái đầu lòng của Hảo, Thúy mới mười bảy tuổi, bắt buộc phải đi làm và xin được việc đứng bán chè ba màu ở một tiệm ăn Việt Nam. Mấy cậu khách hàng kêu nó cô bán chè ơi! Nhiều lúc bốn năm cậu cùng gọi chè

một lúc, nó pha màu không kịp, các cậu xúm lại cự nự nó, ông chủ phải chạy tới đứng giữa dang hai tay ra đẩy các cậu lui.

Năm tháng trôi qua, khi nhà băng phụ ở Seattle chính thức phá sản, Hảo tự lưu đày xuống phố Portland làm việc với nhà băng chính. Hảo thuê một chỗ ở dưới đó. Bốn đứa con chưa đem đi theo được khi ngôi nhà rao bán cả năm không ai mua.

Đọc sách Cổ học tinh hoa, một bài luân lý kể chuyện một chị lợn cái đẻ ra bốn con heo con ụt ịt, trong đó có hai bé heo giống mẹ sắc đen tuyền, còn hai chú nhỏ kia thì loang lổ trắng đen. Ngụ ý luân lý của bài cổ học này là giữa người và lợn cũng có điểm giống nhau về tinh thần cũng như thân thể và ảnh huởng của cha mẹ gieo vào con cái lên đến 50 phần trăm.

Thời gian mẹ con xa cách kéo dài hai năm chờ đợi bán ngôi nhà Lỗ Tấn. Bà bạn ở Seattle gọi đùa cái nhà của Hảo là ngôi nhà Lỗ Tấn. Cái nhà này năm 1980 trị giá hai mươi lăm ngàn dollar. Trong thòi gian chờ đợi, cứ cách hai tuần lễ Hảo lái xe từ Portland về Seattle xào nấu một mớ thức ăn để tủ lạnh và kỳ cọ hai cái buồng tắm. Mỗi lần về nhà, con lợn mẹ gầy còm này nhận xét chỉ có hai con heo con ở nhà coi tivi hoặc làm bài tập, còn hai con heo ranh kia thì đang đi bụi đời đâu đó ngoài đường với đám ngựa chứng.

Nhà bán xong, Hảo chỉ bắt được ba thằng con trai theo về Portland, con Thúy cương quyết ở lại để sà vào nhà cha mẹ thằng bồ Mỹ của nó xin cắm dùi.

Hảo kêu: "Con làm như vậy không được, người Việt Nam sẽ cười mẹ."

Hảo nghe con của mình chọi lại: "Được mẹ ạ, đây là overseas."

Đây là hải ngoại. Đây là nơi tôi mất quyền hành trước sức mạnh của con tôi? Đây là nơi tôi có một gia đình nhưng tôi không trị nổi. Đây là nơi tôi bất lực như Hoàng đế Thiệu Trị, vì vua nhu nhược nhất cuả triều Nguyễn, người đã buông tay không nắm lòng dân, không quật lại quân Pháp... Không cách chi Hảo tìm ra được một nơi chỗ cho con gái ăn nhờ ở đậu. Cái nhà là nhà của ai, công ai làm ra người ấy ở và bảo trì. Cái nhà của tôi là phần thưởng tôi đã đoạt và riêng tôi thưởng thức một mình, làm vuờn và trồng cây ăn trái, không cá nhân nào được xông vào cắm dùi. Kẻ cắm dùi là kẻ xâm nhập trái phép, xâm phạm quyền tư hữu và quyền tự do. Chiến tranh cũng có thể là do sự dành giựt một chỗ ở và là sự bảo vệ một chỗ ở như chiến tranh Việt Nam và Triều Tiên.

Người Tàu bảo nước Mỹ là một nước đẹp, một nước cười, một nước đã dạy ta lòng thương yêu chó mèo. Một chân trời có khí hậu nhân đạo, một thời tiết lạnh nhưng không phải cái lạnh ác đức như ở Nga sô, nước Mỹ là một đất hứa mà dân bất mãn từ bao quốc gia khác, nhiều nhất là tầng lớp nông nô bần cố ở Nga sô mơ ước đến xin tị nạn Cộng sản phản bội họ. Sau cách mạng dân bần cố nông Nga vẫn bị giai cấp khác đè đầu.

Hảo bảo con: "Bố chết rồi, con nên thương mẹ hơn, con về ở với mẹ."

Nó im lặng như thể ngầm bảo mẹ không thể cắt đứt được mối tình Việt- Mỹ nhỏ nhoi này.

Khi rứt lìa nó ra để lái xe về định cư ở Portland, mẹ con ôm nhau, níu giữ nhau khó tách rời. Từ chiếc radio cầm tay, có tiếng hát bài "lòng mẹ" mà tôi nghe như bài đạo ca "No coming, no going" của sư cô Anabel Chân Đức Nghiêm. Đi không phải là biệt ly, lời bài hát vỗ vào lồng ngực, dội vào xương sườn, xương vai, chảy vào động mạch, tĩnh mạch. Mẹ muốn bắt giữ con, cầm tù đời con, ghì lấy con, trói cột con vào lòng. Mẹ bóp nghẹt con rồi mẹ thả con ra thở tự do. "I hold you close to me, I release you to be so free." Mẹ túm lấy cổ con, cột chặt con lại rồi mẹ mở trói cho con tự do. Mẹ nuốt ực con vào lòng rồi mẹ nhả con ra, con thiên nga của riêng lòng mẹ, mẹ nghiền ép con, mẹ dát mỏng con ra rồi mẹ thả tay ra cho con bay. Con gái của mẹ, mẹ cướp đoạt con rồi mẹ phóng thích con đây. " I am in you and you are in me." Trong con có mẹ và trong mẹ có con. Bàn chân tôi có còn đứng trên mặt đất không? Đầu tóc con tôi úp vào mặt tôi. Bó tóc huyền, sợi to như sợi chỉ thêu bung ra che kín mắt mũi tôi và hình như hai mẹ con không còn nghe biết gì nữa hết ngoài màu đen và tiếng thì thầm của suối tóc con gái cùng hương thơm hoa đồng cỏ dại thuốc gội đầu con dùng hằng ngày. Con thơm như hoa lilac, con thơm như hoa lily, con thơm như ổi xá lị.

Người đàn bà này, người đàn bà do tôi đẻ ra, thế nào rồi cũng phải xa nhau, nhưng chúng ta không mất nhau vì trong con có mẹ và trong mẹ có con, dù chúng ta có cách chia nhau qua muôn vạn đường bay, đường biển, đường bộ, trong con vẫn có mẹ và trong mẹ vẫn có con!

(Còn tiếp)

Một Thuở Học Trò

HỒ PHỔ LẠI

Tôi gặp thầy lúc tôi vừa đặt chân lên lớp một, cấp trung học. Thầy tên Ưng Biền, một cái tên thuộc dòng vua chúa triều Nguyễn. Nghe đâu, ở lứa tuổi thanh niên đã có một thời thầy vô bưng theo kháng chiến. Về sau trở ra hồi chánh, thầy lập gia đình và đi dạy học. Lúc dạy tôi thầy trạc 45, còn tôi thì ở tuổi 11, 12. Xét chung chung thầy thuộc loại người đẹp trai, dáng dấp cao ráo, khuôn mặt đều đặn, thái độ khoan thai, nói năng từ tốn. Ngày thường thầy tới trường trong bộ âu-phục hợp thời trang. Những ngày lễ lạc, thầy thắng bộ quốc phục: áo the đen, quần vải trắng, đầu đội khăn đóng, chân mang giày hạ. Nghĩa là thoạt nhìn bên ngoài, thầy Ưng Biền là hiện thân của một nhà mô phạm gương mẫu muôn đời.

Nhưng, phải chăng ngoài cái vỏ bên ngoài và ngoài cái phần bên trong, trong con người còn cái cốt lõi giấu kín tận đáy sâu thăm thẳm của mỗi cõi lòng. Đặc biệt trong con người của thầy Biền ba khía cạnh riêng biệt đó không những chỉ khác người mà còn khác nhau, thậm chí còn đối nghịch nhau như nước với lửa.

Điểm lạ lùng thứ nhất là thầy có một lối... nhảy mũi rất lạ lùng, rất phong phú và vô cùng vui nhộn. Mà, hình như rằng thầy chỉ thực sự thi hành công tác nhảy mũi khi thực sự đặt chân vào lớp học. Dầu với lớp học nào và dầu ở vào thời điểm nào. Có lẽ thầy bị dị ứng với tấm bảng đen và bụi phấn trắng. Có kẻ ác ý phao vu rằng thầy Biền dị ứng với những khuôn mặt... khả ố của lũ học trò vì thầy vốn ghét cay ghét đắng cái nghề gõ đầu trẻ. Sở dĩ phải hành nghề mô phạm vì thầy bị đẩy vô cái thế «chẳng đặng đừng.» Sự thật ra sao, họa may ra chỉ một mình thầy biết một mình thầy hay. Cũng lạ đời thật! Vì, đã là con người có mấy ai không từng bị cảm cúm, nhức đầu, sổ mũi, nhảy mũi. Nhưng nhảy mũi theo lối của thầy Biền thì ở đời nầy cũng khó có ai theo kịp. Không thỉnh thoảng, không mỗi lần năm ba cái như người khác, thầy Biền nhảy mũi đều đặn hằng ngày và mỗi lần ít ra... ba mươi cái, có khi hơn. Tiếng chuông vừa đổ, học trò sắp hàng vào lớp xong xuôi thì đến lượt thầy khệ nệ ôm chồng sách vào theo. Vừa bước chân qua ngưỡng cửa lớp , thầy bắt đầu nhảy mũi. Nhảy lia lịa, nhảy liên tục, nhảy nhịp nhàng, nhảy tưng bừng và nhảy... tận tình. Ở bên dưới, lũ học sinh hồ hởi đếm theo: một, hai, ba... ba mươi. Nhịp đếm của số đông cũng nhịp nhàng, cũng tưng bừng, cũng tận tình không thua gì nhịp quân hành của đoàn quân xuất trận. Ngoài việc đếm bằng miệng, các nam sinh còn cao hứng dùng thước kẻ gõ nhịp lên bàn, mau chậm, mạnh nhẹ, cao thấp theo đúng âm điệu phát ra từ cửa miệng của thầy. Tiếng đếm, nhịp gõ chỉ dừng lại khi điệu nhảy mũi được thay thế bằng câu nạt nộ thường ngày.

- Ngồi xuống! Ngậm miệng lại!

Ngồi xuống thì ngồi xuống, ngậm miệng thì ngậm miệng. Quen tai, quen mắt chúng tôi tỉnh

bơ thi hành mệnh lệnh. Trong suốt năm học và có thêm ba năm kế tiếp nữa, giờ vạn vật chính là giờ làm chúng tôi cảm thấy thoải mái nhất. Dư luận chung quanh đồn rằng: đối với mệ Biền (thời đó ai mang họ Ưng, Hường, Bửu, Vĩnh dầu đàn ông hay đàn bà đều được bàng dân thiên hạ phong cho chức ''mệ''), học sinh chỉ cần bỏ tiền ra mua quyển sách do chính tay mệ biên soạn lấy là chắc chắn... qua cầu.

Ngay ngày gặp mặt đầu tiên, thầy Biền đã vào lớp học với chồng sách cao nghệu trong tay. Nếu tổng số học sinh trong lớp gồm 50 đứa thì số sách thầy mang theo sẽ là 50 quyển. Không thiếu không thừa. Thầy là giáo sư độc nhất dạy môn vạn vật cho toàn trường. Do đó thầy soạn sách cho cả bốn lớp. Mỗi năm một quyển. Xong màn nhảy mũi tưng bừng, thầy mở quyển sổ điểm danh ra, gọi tên từng đứa lên bàn giáo sư nhận sách và ký tên thiếu nợ. Đến kỳ học sau, răm rắp đem theo tiền trả nợ. Đôi khi có đứa vì gặp gia cảnh quá nghèo không thể trả nổi một lần thì thầy cho trả góp. Sách thầy gồm những bài biên soạn giản lược đến độ ai đọc cũng hiểu, còn những hình vẽ kèm theo thì sơ sài đến độ ai vẽ cũng được.

Đến giờ giảng bài, mỗi đứa ngồi trước quyển sách của mình, mở đúng trang bài giảng hôm đó. Thầy chỉ mặt đứa nào thì đứa đó cúi xuống đọc. Đứa sau, đọc kế dòng đứa trước. Cứ vậy cho đến hết bài. Nếu tôi nhớ không lầm thì mãi cho đến năm học cuối cùng tôi chưa lần nào có hân hạnh được nghe thầy giảng bài, đầu chỉ một dòng lấy lệ. Đôi khi vì tinh nghịch hay vì có thiện chí gây thêm hứng khởi cho lớp học, một nam sinh nào đó cắc cớ đưa tay lên, khiếu nại:

-Thưa thầy, chúng con cần nghe giảng bài.

Cả lớp cười rú lên cho không khí bớt tẻ nhạt dầu biết rõ như hai với hai là bốn rằng trước sau gì thầy cũng sẽ phán câu nầy:

- Cái lũ đầu trâu mặt ngựa tụi bây cần gì nghe giảng?

Không cần phải nghe giảng vì bài học vốn đã quá đơn giản hay vì hiểu rõ là cả bọn chúng tôi, gần 60 đứa, đứa nào như đứa nấy hằng ngày lăng xăng ôm tập vở tới trường cốt để gặp gỡ bạn bè, chơi đùa thoả thích hơn là để dùi mài kinh sử.

Xong giờ giảng bài, tới giờ trả bài. Cả lớp hai tay khoanh tròn, sách vở gấp lại, mắt mũi láo liên, mặt mày hăm hở. Lịch trình trả bài theo đúng thứ tự a, b, c, ghi trong sổ điểm danh. Mỗi kỳ học có mười đứa phải trả bài và mỗi đứa phải đọc thuộc lòng năm câu, không sai lệch đường nào. Cứ vậy, suốt năm, năm này sang năm khác. Nếu tổng số học sinh trong lớp gồm 60 đứa thì trong sáu tuần liên tiếp mỗi đứa chỉ được gọi tên đúng một lần. Một tháng rưỡi trời chỉ phải trả bài có một lần và chỉ học vỏn vẹn có năm câu. Nhiều nhỏi gì cho cam! Chúng tôi chỉ việc ghi rõ ngày giờ và học thuộc lòng số câu mình phải trả là coi như... chu tất mọi bề.

Thói đời , cứ "được đằng chân thì lân đằng đầu." Có một ngày trước giờ vạn vật không biết nghe ai xúi giục, một nam sinh khác bỗng dưng bốc đồng đưa ra trình làng một phương pháp trả bài còn thần sầu quỉ khốc hơn nữa:

- Tại sao tụi mình phải mất công học đến năm câu thay vì chỉ một câu thôi?

Chỉ một câu thôi! Nghe hấp dẫn quá trời ! Cả lớp nhao nhao, diễn giả cao hứng oang oang giải thích:

- Đề nghị nên đọc lớn tiếng câu đầu tiên rồi lập tức hạ giọng thầm thì lặp lại nguyên văn câu vừa đọc thêm bốn lần nữa. Phần bận làm thơ, phần không nghe rõ, thầy sẽ đinh ninh rằng tụi mình đọc đủ năm câu.

Nhất trí cao. Tuy nhiên, dầu lũ học trò có giở trò lường gạt tài ba đến đâu thì thái độ của thầy vẫn không mảy may thay đổi. Sống lưng thẳng ro, cặp mắt bình thản chăm chú nhìn vào tập sách cầm trong tay, thầy kiên nhẫn ngồi đợi. Cứ xong mỗi màn kịch, thầy lại phán cùng một câu:

- Thôi, vác mặt chó về chỗ ngồi! Năm điểm trên mười!

Vác mặt chó và số điểm trung bình. Là thái độ phản đối của thầy hay cũng là dịp để thầy bày tỏ cho chúng tôi hiểu rằng: với thầy, giở loại mánh khoé vặt vãnh đó ra chẳng khác nào "lấy vải thưa, che mất thánh." Nội trong lớp chỉ có tôi và vài ba tên bạn gái khác vì tánh nhát gan, vì sợ nạn "tai vách mạch rừng" sẽ có ngày bị ông bố để nóng tánh cho ăn no đòn, do đó dầu bị cám dỗ dầu thấy... tiếc rẻ vẫn không dám a dua nhập cuộc toàn bộ. Nghĩa là tôi cũng ghi nhớ ngày giờ và thứ tự phần bài mình phải trả rồi chỉ học riêng phần đó, học đủ năm câu cho ngày đó. Ngoài ra, mặc kệ.

Hỗn hào, xấc xược và láu cá như vậy, chúng tôi ngoan cố tự lừa dối mình bằng lối lý luận ba phải sau đây: Ôi! Thầy có để ý gì đâu! Sự thật, nào ngờ! Có một lần và chỉ một lần thôi...

TRẦN VẤN LỆ

Tháp Mười

Thuyền tôi tắp giữa Tháp Mười – tháp xưa đã mất và người xưa... xa! Hương tràm gió nhẹ bay qua. Ôi hương của tóc đây mà... người xưa! Con sông Vàm Cỏ Tây mờ, sương hay mây nhỉ, tôi ngờ đêm trăng. Đầu sông một áng mây nằm. Cuối sông, một đám vạc lang thang trời. Vạc kêu, buồn như thơ tôi, mười năm ngơ ngác từng lời Quê Hương...

Thuyền tôi không giữa đại dương. Mười năm, cảm tạ, còn đường về đây. Tháp Mười không ai đưa tay, con sông Vàm Cỏ vẫn đầy nhớ thương! Em à, mây bay hay sương, hay em đã hóa mùi hương rừng tràm? Áo bà ba bốn trời tan, lòng anh ngọn tháp mái tàn tạ rêu... Hương trầm, em nói hương yêu; lời xưa còn đó, ôi chiều chiều ơi!

Thuyền tôi đậu, nước thì xuôi. Về thăm không thấy mặt người để hôn. Sợ đi nữa lại bồn chồn, vốc lên vốc nước, uống buồn chết không? Đèn ai đỏ lấp lóe đồng. Không! Ma trơi đó, giữa rừng tràm đen. Cảnh xưa nhà cất chen chen, cảnh nay nhìn kỹ: cái nền biển dâu! Thuyền tôi đậu, nước thì sâu, em ơi yêu tới bạc đầu... bơ vơ! Tôi chừ cười khóc với thơ, em chừ là vạc hay cò bay kia?

Thuyền tôi tắp đúng bến về. Hỡi ơi bến vắng, tứ bề mây sương... Đầu sông, mây chắc gặp nguồn, đứng yên không khác nỗi buồn của tôi! Mai này thuyền nhổ neo trôi, trời ơi muôn cõi đất trời lại xa...

Không hiểu đêm trước bận bịu chuyện gì đến nỗi tôi không có thì giờ học bài. Xui là sáng hôm sau lại rơi đúng ngày tôi phải trả bài vạn vật. Đâu còn biết xoay xở cách nào khác ngoài cách áp dụng đúng nguyên bản chiến thuật đang thịnh hành trong lớp: học một câu, đọc một câu, rồi... Lạ lùng thay! Ngay lúc tôi vừa cố tình hạ giọng xuống cũng là lúc thầy Biền rời mắt khỏi tập thơ, quay lại, nhìn tôi. Thầy nhìn bộ y phục tôi đang mặc trong người, nhìn hai gò má tôi đỏ hực lên vì mắc cỡ, nhìn điệu bộ cuống quýt và ánh mắt cố tình tránh né của tên thủ phạm trước giờ đền tội. Vẻ mặt đăm chiêu, vầng trán cau lại, thầy cắt ngang bằng cách nói nhỏ:

- Thôi, về chỗ ngồi! Bảy điểm trên mười!

Bảy điểm thay vì năm điểm! Con số thiên vị! Vì đó là lần đầu tiên tôi phạm tội, vì tôi không thuộc con số đông trong lớp hay vì ngàn năm một thuở tôi mới bị du vô cái thế "chẳng đặng đừng" như tiếng đồn xấu mà dư luận đã gán ghép cho thầy? Dầu gì, tôi vẫn cảm thấy hối hận và xấu hổ vì, hơn ai hết tôi thừa biết rằng tôi đã cố tình tạo dịp tốt để thầy nhìn thấy tận tim đen tim đỏ của mình: Quí báu gì, cũng cá mè một lứa!

Học hành kiểu tắc trách như vậy, đến kỳ thi lục cá nguyệt chúng tôi biết đào đâu cho ra đủ số chữ để còn hòng trám đầy tờ giấy? Nhưng, ở đời hễ cứ "giang sơn nào thì anh hùng đó." Đến giờ thi, sau khi lấy phấn viết đề bài lên bảng đen, thầy ngồi xuống ung dung giở vở ra (quyển sách thường ngày thầy vẫn cầm trên tay đến ngày thi được thay thế bằng một quyển vở kiểu vở học trò, vừa cao vừa rộng). Một bên tờ giấy thi, một bên quyển sách vạn vật mở rộng toang hoang, lũ học trò hăng hái bắt tay vào việc tra cứu. Lật sách tìm tòi, sao chép lia lịa, can-kê hình vẽ từ quyển sách qua tờ giấy thi. Là rồi! Dễ dàng, mau lẹ, thuần thục như đang múa may ở chỗ không người. Vui nhộn và tự nhiên đến độ vừa "làm bài thi" chúng tôi vừa đùa giỡn, giành giật viết chì màu, thước kẻ của nhau. Trên bàn giáo sư, thầy ngồi trầm ngâm như bận tìm ý tứ để bình giảng một bài thơ của Lý Bạch hay Đào Tiềm. Thỉnh thoảng, độ nửa giờ một lần để nhắc nhở sự hiện diện của mình, thầy cất tiếng nói:

- Ê, cái thằng hàm ếch (trò Tấn, có cái cằm nhô ra phía trước như cái lưỡi câu) ngồi góc trái, mi đâu cần phải can-kê nhiều hình vẽ như vậy? Tao khuyên mi cứ việc ghi vô tờ giấy thi câu này: xem sách trang..., hình vẽ số...

Đúng nửa giờ sau, tiếng thầy cất lên lần thứ hai:

- Ê, cái con vầng trăng méo (trò Thu, có khuôn mặt hơi lõm vào phía má trái) mi sao

chép đủ ba trang rồi, đâu cần phải xin thêm giấy trắng nữa?

Lạ đời chưa! Quyển vở rộng khổ vẫn giữ yên thế dựng đứng gần như che khuất khuôn mặt của thầy, vậy thầy theo dõi chúng tôi bằng cách nào? Có một lần, sau khi vào lớp đặt chồng sách lên bàn giáo sư xong xuôi thầy quày quả trở ra, lợi dụng thời cơ anh trưởng lớp chạy bay lên lục lọi. Chỉ sau vài phút anh ta tìm ra tang vật: ở phía trên quyển vở rộng bản có khoét hai cái lỗ tròn tròn, đó chính là chỗ để đôi mắt thầy Biền nhìn xuyên qua hòng theo dõi hành tung của cả lớp.

Xong cấp trung học, tôi rời tỉnh lỵ. Sau 75 từ một thành phố khác, tôi di tản ra xứ người. Khung trời xưa, ngôi trường cũ, những khuôn mặt thầy cô bạn bè ngày đó dần dần mờ nhạt theo năm tháng. Cho đến một lần cách đây khá lâu, tôi trở lại quê nhà. Trong câu chuyện hàn huyên tôi được biết tin thầy Ưng Biền đã mất. Được tôi hỏi lý do, người kể chuyện thuật rằng:

"Trong những ngày sôi động cuối tháng 4 năm 75, thầy Biền cùng toàn bộ gia đình chạy vô Sài Gòn. Nhờ có người con trai lớn hiện cư ngụ tại Ba Lê, gia đình thầy được di tản qua Pháp. Tại phi trường Tân Sơn Nhất, trong lúc mọi người xô đẩy chen lấn nhau để lo trình giấy tờ ra sân bay thì thầy cũng chen lấn, nhưng để tìm đường đi vòng trở lại. Thoát qua cửa phi trường, với bịch hành lý nhẹ tênh trong tay thầy ra đường cái đón xe từng chặng từng chặng quay về với thành phố ven biển đó. Dạo ấy, mối quan hệ bang giao với thế giới bên ngoài chưa thiết lập bình thường, không ai biết thầy sinh sống bằng cách nào. Điều người ta có thể nhìn thấy được là cứ mỗi buổi chiều về thầy lại ra đường, mặt mày tươi tỉnh, hai tay chắp sau mông, thả bộ vòng vòng đi thăm viếng bạn bè thăm viếng bà con xóm giềng thăm viếng kẻ ở lâu năm thăm cả người mới dọn tới.

Một ngày chớm đông, vì không thấy bóng thầy xuất hiện từ mấy hôm trước, lối xóm rủ nhau chạy qua nhà thầy đấm cửa. Không nghe tiếng trả lời, họ báo động phường khóm. Khi cánh cửa lớn mở ra, người ta nhìn thấy thầy nằm bất động trên chiếc đi-văng đặt ngay giữa nhà. Thầy nằm như ngủ, dáng điệu bình thản như khi sống: đầu đội khăn đóng, mình mặc áo the, hai tay chắp lên bụng, quyển thơ Đường rách bươm mở rộng đậy trùm khuôn mặt đã đổi màu.

Tôi lắng nghe, lặng người. Vừa đê mê sung sướng vừa ngậm ngùi ân hận. Giữa đa đoan của cuộc sống này, tôi đã có nhiều cơ may hơn chán vạn người khác: chẳng hạn được gặp gỡ thầy Ưng Biền. Dưới cái bề mặt cười đùa cợt nhã, thầy là lòng sông sâu là đáy biển lớn là khu rừng hoang có chứa nhiều kỳ hoa dị thảo chưa một lần được khai phá. Thầy đã tự nguyện từ chối lần di tản qua Pháp năm 75. Vỏn vẹn một khoảng cách sân bay, vỏn vẹn mấy bậc cầu thang ngắn ngủi với không tới mười giờ lướt gió tung mây: là đoàn tụ cả đời là thừa mứa vật chất là văn minh tột đỉnh là an toàn mãi mãi về sau. Một giấc mơ ngàn đời của mọi người dân các xứ nhược tiểu, ngay cả thời bình . Huống nữa... Giữa cuộc tháo chạy hỗn loạn người người lao tới trước, giành giựt giày xéo lên nhau để tìm con đường sống; chỉ riêng thầy, một mình lủi thủi quay lui để tìm con đường... chết. Chết với quê hương, chết với bạn bè, chết với người quen kẻ lạ, chết với nỗi khốn khó tận cùng, chết với sự nghèo đói triền miên, chết với hàng phi lao lộng gió và chết với tiếng sóng biển rì rầm năm qua tháng lại.

Chung cuộc, thầy đã bỏ đi rồi. Trên cái thành phố ngày xưa đó, riêng tôi còn ở lại. Với hình ảnh khoảng sân trường rộn ràng tiếng guốc tiếng giày, với hình ảnh vô số khuôn mặt bạn bè những ngày vui thuở nhỏ và hình ảnh của thầy vầng trán cau lại cái nhìn đăm đắm... Bỗng nhiên, tôi bật khóc. Vẫn biết rằng sống là mất: mất tháng năm, mất tuổi trẻ, mất nỗi tin yêu, mất niềm vui sống, mất luôn bến bờ hạnh phúc gởi gắm thuở đầu đời. Mất dần. Mất hết. Mất sạch bong. Mất ráo trọi. Nhưng, suy cho cùng, trong tất cả những mất mát muôn đời và thường tình đó tôi chỉ là một nạn nhân đứng bên lề như ức triệu người khác hay chính là một trong những hung thủ có bằng chứng không tài nào chối cãi được? Vì, đã từ mấy chục năm trôi qua rồi, với cuộc đời nói chung và với những ân tình cũ càng nói riêng, hình như sự đóng góp đích thực của tôi chỉ có thể thâu tóm nội trong ba từ: ơ hờ, dửng dưng và hoàn toàn nguội lạnh.

Vậy, rốt cuộc lại tôi là gì, là ai, là kẻ được giao phó đóng vai trò nào trong cuộc thế này?

"Cho tôi được hồi sinh như ve sầu lột vỏ
Tuổi đôi mươi đếm lá rụng sân trường."

Québec, tháng 2.2006

Salut, Vietnam

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

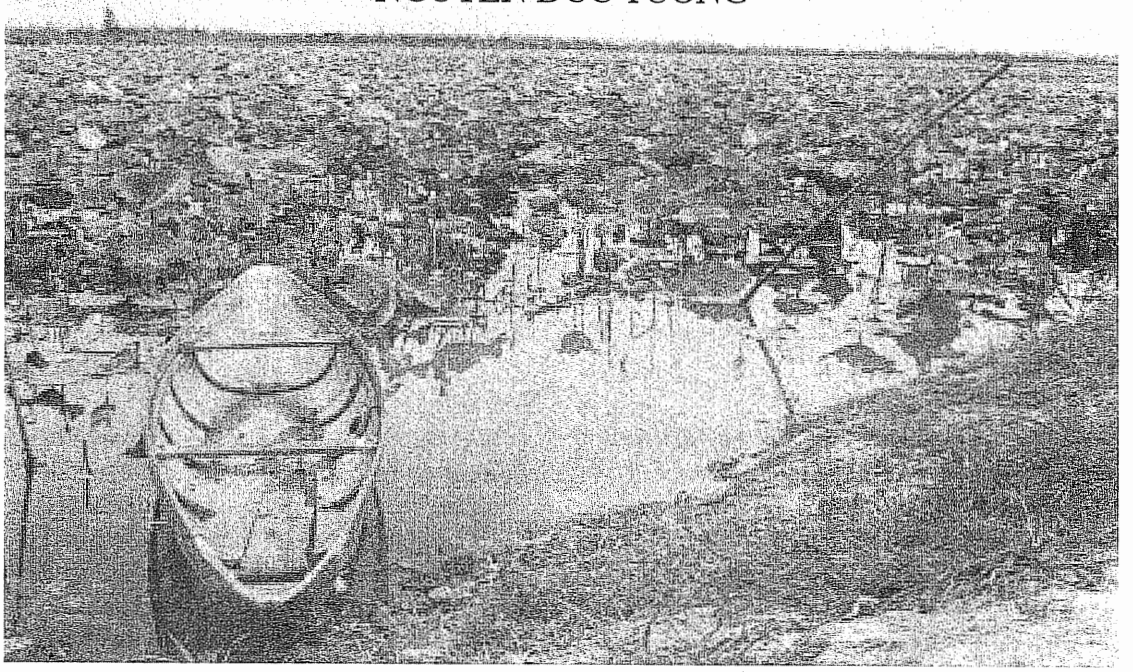

Cuối cùng, tôi cũng về đến đây. Sau nhiều tuần náo nức chờ đợi, suy nghĩ vẩn vơ, chúng tôi đã lên máy bay, trút bỏ tất cả lại đằng sau: mấy chục cen-ti-mét tuyết mới rơi, nhiệt độ bên ngoài âm 15 độ C; đáng kể nhất là những chiếc áo đại hàn dùng để đi trượt tuyết. Việc làm sau cùng này thuận lợi, đáng khen vì, sau chừng 24 giờ, khi máy bay hạ cánh xuống phi trường Tân Sơn Nhất, vào lúc nhá nhem tối vài ngày sau Tết, trời mới đổ mưa xong, nhiệt độ bên ngoài hãy còn là 28 độ.

Suốt mấy tuần lễ liền, bài hát *Bonjour Vietnam* của ca sĩ người Pháp Marc Lavoine, hát bởi Quỳnh Anh được phổ biến trên một diễn đàn trên Internet một cách "khá" bất hợp pháp. Khá bất hợp pháp là vì nhà quản lý mạng Internet nói hy vọng Quỳnh Anh cùng tác giả bài hát sẽ cho phép phổ biến trên mạng; nhưng rồi, sau vài tuần, theo lời yêu cầu của Quỳnh Anh và tác giả, bài hát bị rút lại không phổ biến trên mạng nữa.

Ca sĩ Lavoine viết bài hát này cho Phạm Quỳnh Anh, một em học sinh 18 tuổi, sinh trưởng ở gần Bruxelles bên Bỉ. Cô là một ca sĩ đang lên. Giọng hát khỏe mạnh, trong sáng của cô đã khiến nhiều người Việt thuộc nhiều lớp tuổi đang sinh sống ở nước ngoài mủi lòng, chảy nước mắt. Có lẽ Quỳnh Anh không cảm thấy được sức mạnh bão táp của lời hát thực sự gây ấn tượng đối với một số người. Như lời Lavoine kể lại, cô chợt ngưng hát, bỏ ống nghe, hỏi anh muốn nói gì với tựa đề bài hát. Sau khi Lavoine giải thích, Quỳnh Anh đeo lại ống nghe, hát ba lần và, vẫn theo Lavoine, "une voix magique".

Bài hát này nhiều hơn là một bài hát, nó khiến ta nhớ đến Trịnh Công Sơn. Đó là một bài thơ. Rõ ràng là Lavoine đã đi lại dọc ngang trên đất nước, bằng cách nào đó, sinh khí Việt đã thẩm thấu, chảy trong huyết quản của anh. Một ông bạn vong niên của tôi, giáo sư Đàm Quang Hưng, tuổi ngoài bảy mươi, đầu tóc bạc phơ, cũng háo hức nghe bài hát. Tôi không rõ ông đã nghe bao nhiêu lần, bỏ bao nhiêu thì giờ, thức bao nhiêu đêm để đẽo, gọt, cắt, xén, xoa, nắn, mài, rũa từng câu, từng chữ bởi vì cứ vài ngày ông lại hỏi ý kiến bạn bè về chữ này, chữ nọ. Cuối cùng, ông gửi cho bạn bè bài *Chào Mẹ Việt Nam* như sau:

Kể con nghe cái tên vừa lạ, vừa làm con khó đọc nên lời,

Mà con mang từ thủa chào đời.

Kể con nghe vương quốc cổ thời, với giống dòng hùng anh mắt xếch,

Nói rõ hơn những điều con biết, mà ngại ngùng mẹ chẳng nói ra.

Con chỉ biết mẹ qua hình ảnh, cuộc chiến tranh tàn khốc bạo thô,

Một cuốn phim đạo diễn Cốp Po (*), với những chiếc trực thăng thịnh nộ...

Một ngày kia, con về thăm mẹ, sẽ nói lời chào mẹ của con,

Một ngày kia, con về thăm mẹ, sẽ thốt lên hai tiếng Việt Nam.

Kể con nghe sắc da, màu tóc, với đôi chân thon nhỏ tuyệt vời,

Đã mang con từ thủa chào đời.

Kể con nghe căn nhà, đường phố, với những vùng đất lạ miền quê,

Kể con nghe phiên chợ bồng bềnh, với sự tích con thuyền tam bản.

Con chỉ biết hình dung Tổ Quốc, qua ảnh hình cuộc chiến bạo thô,

Một cuốn phim đạo diễn Cốp Pô, với những chiếc trực thăng thịnh nộ...

Một ngày kia, con về thăm mẹ, sẽ nói lời con tự chào con,

Một ngày kia, con về thăm mẹ, sẽ thốt lên hai tiếng Việt Nam.

Con sẽ chào nhà chùa, tượng Phật, giùm lớp người hàng chú, bậc cha

Con sẽ chào các bà cấy lúa, giùm lớp người hàng cô, bậc mẹ

Trong nguyện cầu, thấy lòe ánh sáng, anh em con hiện rõ trong tâm,

Con về với hồn mình, nguồn cội, với quê cha thơm ngát hương trầm...

Một ngày kia, con về thăm mẹ, sẽ nói lời con tự chào con,

Một ngày kia, con về thăm mẹ, sẽ thốt lên hai tiếng Việt Nam,

Sẽ thốt lên hai tiếng Việt Nam.

(*) Cốp Pô: Francis Coppola, đạo diễn phim Apocalypse Now.

Từ "nói lời chào mẹ của con" (dire bonjour à *ton* âme) đến "nói lời con tự chào con" (dire bonjour à *mon* âme), người nghe tưởng đang nghe một bản nhạc chuyển âm từ cung trưởng sang cung thứ, lắng xuống trong hồn người, tạo nên một cảm giác vừa ngậm ngùi, sót sa vừa giải tỏa, sung sướng, một khám phá, một *revelation*. Nhìn qua phản ứng của con gái tôi trước bài hát, (mặc dù cô mới đi chơi Việt Nam về mấy tháng trước, rất thích và lần này đòi đi theo,) tôi chắc Quỳnh Anh cũng cần phải có một thời gian mới có thể cảm thấy được "dire bonjour à *mon* âme" với đầy đủ trọng lượng của chữ nghĩa. Ngày đó tất sẽ đến vì đất nước này không là vật sở hữu của riêng ai, mặc dù có những xu hướng chính trị khác nhau hay những ông tướng Quảng Lạc đã *passés* hay những kẻ bịp bợm không từ cả tiền an sinh xã hội của những bà già khốn khổ; họ làm như thể đất nước là một cây kiểng trong nhà, tha hồ thao túng.

Một mâu thuẫn kỳ diệu cho phép mọi người toàn quyền sở hữu và ai cũng có phần, như khi dịch "ma terre," một phần để cho có vần có điệu, ông bạn tôi dịch là "quê cha" nhưng *bịa* thêm "thơm ngát hương trầm"; đó là một cử chỉ tuyệt vời của con người xa xứ, tuyên bố chiếm toàn quyền sở hữu. Riêng đối với tôi, *"toucher mon âme, mes racines, ma terre..."* đem đến cho tôi hình ảnh của Scarlett O'Hara ở cuối phim *Cuốn Theo Chiều Gió – Gone With The Wind*. Sau khi đứa con độc nhất đã chết, vô vọng, Rhett Butler bỏ đi để cô ở lại một mình trong một trang trại rộng lớn. Bóng Scarlett in trên nền trời đỏ rực, bộ mặt xinh đẹp đanh lại, đượm vẻ tàn nhẫn, cô quyết tâm xây dựng lại, tìm lại cội nguồn, mảnh đất thân yêu của cô không thơm ngát hương trầm mà có lẽ thoang thoảng mùi phân bón...

Bonjour Vietnam, đúng hơn, Bonsoir Vietnam! Sau chuyến bay dài, không có gì đáng kể ngoài chuyện được ăn sáng bằng mì gói trên máy bay, chiếc Boeing khổng lồ đổ xuống ngót 500 hành khách. Trời mới mưa nhưng ra khỏi máy bay vẫn cảm thấy cái nóng hầm hập. Thủ tục kiểm soát hộ chiếu và hành lý nhanh chóng. Tôi do dự, nghĩ đến những chuyện kinh hoàng mà tôi đã được đọc như khám xét hành lý, đô-la Mỹ kẹp sẵn trong hộ chiếu, vân vân. Tấm bảng to trên tường nói ngoài chiếu khán xin đừng để gì trong hộ chiếu khiến tôi yên tâm hơn. Anh công an kiểm soát hộ chiếu tươi cười hỏi phiếu nhập cảnh. Anh hỏi một câu gì đó, tôi không chú ý và không nghe thấy, sau khi hỏi lại, giọng anh hơi xẵng, nói, "thì viết vào

đấy!" Tôi hơi ngạc nhiên về sự thay đổi thái độ khá bất ngờ của anh. Có lẽ trong cuộc giao lưu mới của thời đại kinh tế thị trường, ván cờ đổi thế, đồng tiền biết nói – *money talks* – hàng ngày anh phải chịu đựng, tiếp xúc với nhiều hạng người mà trước đó không lâu, đúng hay sai, anh vẫn nghĩ là kẻ thù, nay khinh khỉnh, rủng rỉnh đem đô-la Mỹ về tham quan đất nước. Tôi muốn nói với anh có thể tôi không là bạn của anh nhưng cũng không phải là thù, nhưng không phải lúc này.

Sau vài phút, hành lý đi qua hải quan và máy khám, không phải mở. Ngoài phi trường, nhân viên khách sạn đã đợi sẵn để đưa về khách sạn.

*

Thành phố Hồ Chí Minh – Sài Gòn – ngày nay không phải là Sài Gòn ngày xưa. Ngày ấy, cách đây đã 32 năm, năm 1974, là lần tôi về thăm Việt Nam lần đầu. Đất nước chia đôi. Ngoài thành phố, đường đi cứ một vài cây số lại có một ụ đất chặn đường để kiểm soát, trông như những mụn lở gớm ghiếc, những người lính Cộng Hòa thời ấy trông khỏe mạnh, hùng dũng như bất cứ người lính của một quân đội tinh nhuệ nào trên thế giới. Trong thành phố, một hôm, một anh bạn bác sĩ lái xe đưa tôi đi chơi, đến gần bến Bạch Đằng, gặp một đoàn xe tang nhà binh, trên một cam nhông có mấy chiếc áo quan. Anh dừng xe để nhường, nhưng sau anh nhiều xe sốt ruột bóp còi, vài chiếc xe bóng loáng, đắt tiền vượt anh, len lỏi cắt qua đoàn người trong đám tang. Anh lắc đầu nhìn tôi, hất hàm nói, "cậu trông..." Đó là một ấn tượng khó quên. Vài ngày sau, bàn chuyện đất nước với một anh bạn khác, vị này là một kiến trúc sư, nhớ lại chuyện này tôi nói, "tôi nghĩ Sài Gòn sụp mất." Anh cãi lại, đưa ra nhiều lý luận để phản bác. Riêng tôi, nhận xét của tôi chỉ là một cảm tưởng nên câu chuyện dừng ở đó. Tôi không bao giờ ngờ Sài Gòn sụp nhanh đến thế, sáu tháng sau!

Sài Gòn ngày nay là cờ đỏ. Nhìn lá cờ bay ngạo nghễ lần đầu tiên, sau bao nhiêu năm, tôi hơi bỡ ngỡ, không còn thấy xao động như khi mới lớn, cách đây hơn nửa thế kỷ, hàng ngày hát đến long phổi, *"Diệt phát-xít, giết bầy chó đê hèn của chúng..."* Thời gian đã xoa dịu những đau thương của thời đại, phát-xít đã bị tiêu diệt hay đánh đuổi. Lý do khác có lẽ là tại sự hiện hữu của một lá cờ khác, lá cờ vàng ba sọc đỏ, có một thời đã bay ở nhiều nơi trên đất nước. Thật sự, Tây đẻ nó ra, Tây nuôi dưỡng nó với một mục đích đen tối. Cựu hoàng Bảo Đại – công dân Vĩnh Thụy – ngồi ở Hồng Kông, nhiều nhân vật đến gặp ông. Tây muốn lợi dụng ông để trở lại Việt Nam ("giải pháp", "lá bài" hay "bù nhìn", tùy theo người nói), còn những người Việt chống cộng sản muốn dùng ông làm cái neo để quy tụ lực lượng. Tây thắng!

Vua Bảo Đại có lẽ không là một người xấu, nhưng ông không phải là người quyền biến, mưu lược để cáng đáng một công việc khó khăn như những người chống cộng mong muốn. Theo GS Hoàng Xuân Hãn, sử gia Trần Trọng Kim nói vắn tắt, "Tây nó lừa ông!" Một số người như Nhất Linh, Hoàng Đạo,... nhìn rõ ông chỉ là một giải pháp hay lá bài, bỏ về ở ẩn; vài người khác như luật sư Trần Văn Tuyên cộng tác ít lâu, không chịu nổi, cũng bỏ đi luôn. Chính phủ đầu tiên của Quốc Trưởng Bảo Đại ra đời với Thủ Tướng là một ông tướng Tây, thực sự là Tây, tướng Nguyễn Văn Xuân, trước đó không lâu hãy còn là một lãnh tụ của chính phủ Nam Kỳ tự trị. Lá cờ vàng ba sọc đỏ ra đời.

Thủ tướng của những chính phủ kế tiếp cũng thường là những ông Tây. Chút ít vốn liếng uy tín của Quốc Trưởng Bảo Đại, vốn đã không nhiều, theo thời gian rơi rụng như lá mùa thu. Thật oái oăm, những chính phủ của ông càng ngày càng có thêm quyền, Việt Nam càng ngày càng độc lập, nhưng đó không phải là câu chuyện "bất chiến tự nhiên thành," vì đâu đó, trên khắp nước, không biết bao nhiêu người Việt đã đổ máu chiến đấu và Tây càng ngày càng thua đậm. Chính nhà vua cũng phải than trong cuốn sách của ông, *Le dragon d'Annam,* Tây *cho* độc lập đến năm lần mà vẫn chưa xong. Lần thứ nhất là cuộc trao đổi giữa vua Bảo Đại và Tổng Thống Pháp Vincent Auriol tại điện Elysée ngày 8 tháng Ba 1949; lần thứ năm chính phủ Pháp mới lập của thủ tướng Joseph Laniel tuyên bố sẽ "làm cho hoàn hảo nền độc lập của các quốc gia liên kết" – *parfaire l'indépendance des Etats associés* – ngày 3 tháng Bảy 1953 và mãi đến ngày 4 tháng Sáu 1954, trước khi chính phủ của ông bị đổ và sau khi Tây đã hàng ở Điện Biên Phủ, vị thủ tướng này và thủ tướng Bửu Lộc mới trao đổi văn kiện cho Việt Nam độc lập một cách "hoàn hảo."

Công bình mà nói, ở vào giai đoạn "làm cho hoàn hảo nền độc lập của các quốc gia liên kết" này, cuộc chiến không còn là chiến tranh

thuộc địa nữa mà chỉ còn là cuộc chiến để bảo tồn sự vinh quang của nước Pháp – Liên Hiệp Pháp. Các quốc gia liên kết trong Liên Hiệp Pháp (Việt-Mên-Lào) được trao trả lại những quyền quyết định, định nghĩa một quốc gia: ngoại giao, nội vụ và quốc phòng. Sự việc không xảy ra dễ dàng, đã đành rằng quân đội viễn chinh đang gặp khó khăn trên khắp các mặt trận nhưng người làm cho chính phủ Pháp lúng túng nhất lại là Quốc Vương Sihanouk của Cao Mên. Vua Sihanouk, ở vào thời đại của ông và như một người Á Đông, thường có những hành động khác thường; nhiều người Việt coi ông như một anh hề – *bouffon* – nhưng nếu có ai chịu khó tìm đọc New York Times số ngày 19 tháng Tư 1953 thì sẽ thấy "anh hề" quả đã có một kiệt tác, đi rất xa trước thời đại của mình. Sihanouk sang Paris nói chuyện với chính phủ Pháp về vấn đề độc lập. Không hài lòng, ông sang Hoa Kỳ, nói chuyện với báo chí ở New York. Về Cao Mên, ông đóng đô ở Siamreap, không về Pnom Penh, và tuyên bố sẽ ở đây cho đến khi nước ông được độc lập. Với hành động này, Sihanouk đã thắt chặt hàng ngũ dân Cao Mên sau lưng ông và ngay cả những người đang chống đối ông cũng phải nhìn nhận ông là một người ái quốc.

Lịch sử không có chữ "nếu" nhưng ta hãy cứ "nếu" thử để tưởng tượng mà chơi. Nếu vua Bảo Đại đã có một cử chỉ tương tự như Sihanouk thì lịch sử Việt Nam sẽ đi theo chiều hướng nào? Vào năm 1953, có lẽ đã muộn quá, nhưng trước đó nước Pháp đã cho ông độc lập đến bốn lần, ông không thiếu cơ hội, người Pháp không thể truất phế ông dễ dàng như đã từng làm với cha anh ông. Với hành động này, trước hết dưới mắt người dân Việt, ông không là cái bung xung của Pháp và, do đấy, ông là một biểu tượng đáng kể, không thể bỏ qua được, cục diện đất nước sẽ khác hẳn; biết đâu đấy, cuộc chiến với người Mỹ có thể đã không xảy ra.

Như đã xảy ra, với nền độc lập "hoàn hảo" thì ông thủ tướng Tây Nguyễn Văn Tâm (cũng đã từng là mật thám Tây) không thể còn chỗ đứng. Từ đây, cuộc chiến sắp tới được gieo mầm bắt đầu bén rễ. Tưởng cũng nên thêm, vào mấy năm này đảng Cộng Sản Pháp xuống đường chống chiến tranh, ủng hộ người anh em thuộc địa rất hăng hái. Điều đáng tiếc là khi ấy họ chỉ là một cái túi đựng nhiều gió lớn, đã bị gạt ra ngoài chính phủ. Chiến tranh đã kéo dài bảy năm. Nước Pháp đã bỏ lỡ nhiều cơ hội để giải quyết vấn đề một cách tốt đẹp vào những năm 1945, 1946 và 1947; trong những năm ấy, đảng Cộng Sản Pháp đang mạnh, có quyền quyết định vì giữ nhiều bộ trong chính phủ; tuy vậy, họ không bao giờ xao lãng việc bỏ phiếu phê chuẩn ngân sách chiến tranh hay việc gửi thêm quân sang Đông Dương. Rồi đến hiệp định Genève, mấy nước đồng minh anh em Nga-Tàu, vì quyền lợi của riêng họ, cũng ít nhiều bán đứng người anh em luôn. Những người lãnh đạo miền Bắc Việt Nam không quên những chuyện này, qua những tài liệu được giải mật trong những năm gần đây, điều đó hiện ra rõ ràng trong những cuộc điều đình rất gai góc với người Mỹ, nhiều khi không có lợi cho Việt Nam nữa.

Ít tháng trước hiệp định Genève, một nhà cách mạng lão thành, ông Nghiêm Kế Tổ, cho xuất bản cuốn sách *Việt Nam Máu Lửa*. Vì lý do nào đó, ông không bỏ được vị vua đã hết thời; mặc tất cả những lỗi lầm, đúng hay sai, mà ông kể bên phe kháng chiến, những cố gắng tô điểm cho những ông Tây của ông là những nỗ lực buồn thảm đến Hercules có lẽ cũng phải chịu thua. Trong sách của ông, người ta cũng được đọc cụm từ "chính nghĩa quốc gia," và có lẽ đó là lý do người ta cố gột rửa cụm từ này mãi mà không sạch.

Lần thứ sáu, không còn gì để cho nữa, Tây ra đi, trao trả lại cái xác nhà, Việt Nam độc lập dưới sự lãnh đạo của Thủ Tướng rồi Tổng Thống Ngô Đình Diệm, sau khi Quốc Trưởng Bảo Đại bị truất phế. Người ta có thể phê bình nhiều về cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm, nhưng một điều không thể nghi ngờ là ông đã nhận trách nhiệm không phải để làm bù nhìn, phục vụ quyền lợi của ngoại bang (ông đã từng từ quan triều Nguyễn, bù nhìn của chính phủ bảo hộ) và đó là một trong những lý do mà anh em ông bị giết. Chính thể của ông đã dẹp được các sứ quân cùng những tướng tá tay chân của Tây như Nguyễn Văn Hinh, Nguyễn Văn Vỹ và, ít nhất trong một thời gian, đã thổi luồng sinh khí chính nghĩa vào cụm từ "chính nghĩa quốc gia." Sau ông, chính phủ là một tập hợp phép hoán vị những chiếc ghế diễn nhạc của hầu hết những tướng tá được đào tạo từ thời Tây cũ (người ta nói trừ tướng Dương Văn Minh, các ông tướng khác đều đã từng thuộc nhóm đảng của tướng Tây Nguyễn Văn Hinh), quân đội Mỹ đổ bộ vào Việt Nam, không hề được mời, dù lấy lệ, của chính phủ của các ông tướng này. Dù thế nào chăng nữa, thực tế phức tạp, người ta không

thể bảo những người lính Cộng Hòa bấy giờ chỉ là những tên lính đánh thuê, chết mướn cho ngoại bang như dưới thời Tây / Quốc Trưởng Bảo Đại. Mặc tất cả những ông tướng ấy, quá nhiều người Việt lương thiện đã chết dưới lá cờ vàng ba sọc đỏ, tin tưởng ở chính nghĩa của họ. Đó là cái thảm kịch của đất nước, một nội chiến bị lồng vào cuộc chiến tranh khác, người ta nói là ủy nhiệm hay ý thức hệ, nhưng cốt lõi, nhìn từ chỗ đứng của một anh dân thuộc địa, nó vẫn chỉ là cuộc chiến giành quyền tự chủ nằm trong quan hệ chung là sự tranh giành quyền lợi giữa các đế quốc. Không có những bọn ngoại quốc này, chiến tranh cũng chỉ nhì nhằng như dưới thời Trịnh-Nguyễn. Kết quả của cuộc chiến dai dẳng mới, còn hơn cả những thiệt hại về tài sản, tính mạng không thể tả nên lời, đó còn là nguyên nhân của những hận thù cay đắng giữa người Việt với người Việt, đến nay vẫn còn tồn tại, một hai thế hệ khó bề giải tỏa hết.

*

Hà Nội mùa này không vắng những cơn mưa; đó là những cơn mưa dầm dề, rỉ rả, rất Hà Nội, không ướt mà cũng không khô. Sáng ra, thực sự nhiều khi không thấy mưa nhưng mặt đường ẩm ướt. Vài ngày đầu, ta thấy hay hay, gợi nhớ lại những kỷ niệm ngày xưa, nhưng rồi quen dần với những hoài niệm nhẹ nhàng đã cũ, bắt đầu để ý thấy nước lép nhép dưới chân, và sốt ruột. Đúng là Hà Nội của hơn nửa thế kỷ trước, mưa bụi – không có hoa sữa. Thứ hoa này tôi tò mò muốn biết, được nhắc đến biết bao lần trong bài hát, trong văn chương nửa thế kỷ sau. Một ông bạn nhà văn, người Trung, nhưng sống ở Hà Nội lâu năm, ông kể mỗi khi phải xa Hà Nội, công tác trong Nam, ông lại nhớ, thấy thiếu mùi hăng hăng của hoa sữa. Hoa sữa được trồng đầy đường Nguyễn Du; tôi cuốc bộ dọc con đường quen thuộc, thanh lịch này đến hồ Thiền Quang, đi tìm hoa sữa. Trái mùa, hoa đã kết thành quả, từng chùm từng chùm như những chùm đậu đũa. Và tôi vẫn chưa biết mùi hoa sữa.

Đi từ Sài Gòn ra Hà Nội, sự tương phản rất rõ. Sài Gòn sống vội vã, cho ta cảm tưởng mọi

BÙI GIÁNG

CHÀO EM VÔ TẬN

Em đằm thắm suốt không gian bỡ ngỡ
Anh chào em như lồ lộ sương mai
Đầu tiên ấy em vu vơ thăm dọ
Suốt bình sinh là tại thể miệt mài

Em nõn nà đẹp như thiên tiên từng đẹp
Em tươi xinh như vạn thuở xuân xanh
Anh không dám nhìn em trong chớp mắt
Vì điêu linh là mộng tưởng không thành.

NGƯỜI VẪN TƯỞNG ẤY CHUYỆN MUÔN ĐỜI

Người vẫn tưởng rằng xuân xanh xa thế
Ở đây là rất viễn ngạn mù khơi
Em vẫn đẹp như thiên thu hồng lệ
Từ thanh lâu gieo giọt xuống muôn đời

Anh đã định sẽ cùng em kể lể
Một nỗi đời hư huyễn khắp muôn nơi
Chiêm bao thấy em vô cùng diễm lệ
Tìm tới anh kể câu chuyện một lời

Lời là muộn của muộn màng sông bể
Tình là yêu vô lệ tưởng nhớ nhau
Em sẽ nhớ là xưa kia có kẻ
Đã yêu em và suốt kiếp mang sầu

Tuy là vậy mà ắt nhiên không phải vậy
Nói là sầu là sầu dựng thiên thu
Những chót vót thuyệt trù vô tận tụy
Chóp đỉnh về cùng bỉ ngạn phiêu du.

1994

việc làm cần phải có kết quả tức thì. Có người nói Sài Gòn mộc mạc, thiếu chiều sâu nếu không nói là hời hợt, nhưng đó có lẽ là một nhận xét mộc mạc, thiếu chiều sâu của người Bắc. Chỉ mãi sau này, đọc sách, tiếp cận với bạn bè, qua những cử chỉ, những câu nói bất ngờ, không tính toán trước tôi mới hiểu cái vội vã ấy chỉ là bề mặt, dấu kín đằng sau sự thiết tha, thâm trầm, một thân tình quý giá bền vững. Hà Nội *tà tà* hơn. Đi bộ trên vỉa hè Hà Nội, ngay cả những giờ cao điểm rộn rịp, nhất là ở những đại lộ cây cao bóng mát, khách từ xa trở về cảm thấy sự gần gũi, thanh thản, một nét vẻ riêng của Hà Nội khó định nghĩa. Tám chín giờ sáng, lác đác vòng quanh Bờ Hồ đã có vài cặp trai gái ngồi ôm nhau hôn hít – *light necking* – ấy vậy mà ta quên mất chuyện này, nhìn qua hàng liễu rủ cùng Tháp Rùa mờ mờ, ta đột nhiên cảm nhận cái thanh lịch, cái *élégance* của đất nghìn năm văn vật mà người ta vẫn hay nói.

Hà Nội ngay sau Tết, không là mùa du lịch nhưng khách du lịch vẫn đầy đường, phần đông là *Tây ba-lô*. Tây ba-lô là những khách du lịch đủ mọi quốc tịch, không nhất thiết phải mũi lõ, mắt xanh vì có không thiếu gì những thanh thiếu niên Úc, Mỹ, Canada,... gốc Việt. Đặc điểm của Tây ba-lô hiển nhiên là chiếc ba-lô, một túi lớn có nhiều túi chứa đủ mọi thứ vật dụng; chất đầy, tôi nghe nói có thể nặng đến bốn mươi ki-lô. Có những cô Tây (Đầm) ba-lô gốc Việt, nhỏ thó, tải trên lưng những chiếc ba-lô cao gần bằng cô. Tôi gặp nhiều gia đình Tây ba-lô; tôi nhớ đặc biệt một gia đình Hà Lan, hai vợ chồng và hai con nhỏ, một trai, một gái chừng 6-8 tuổi; bà mẹ thỉnh thoảng mở đọc cuốn sách du lịch về Việt Nam, rồi ngồi cẩn thận cắt nghĩa cho hai con; đây là một cuộc đi chơi học hỏi tương đối rẻ tiền. Hay một gia đình Tây ba-lô khác, có lẽ người Đức, sau khi đã an vị trên tàu (đi vịnh Hạ Long), ông bố kiểm điểm đồ đạc, nhân sự, rồi mở ba-lô lấy nước, phó mát lá và bánh bích quy xốp phân phát cho mọi người. Tây ba-lô con đeo chiếc ba-lô con (ở Việt Nam, tôi chưa thấy Tây ba-lô dắt theo một con chó như ở Montréal.)

Đi du lịch những nước đất đỏ, Tây ba-lô thường cắm lều ngủ ngoài trời. Ở Việt Nam, chỉ cần chừng mười đô-la ta cũng có thể ở khách sạn đàng hoàng, có máy lạnh, nếu khéo ra có khi được cả ăn sáng; Tây ba-lô hầu hết ngủ trong khách sạn. Tiết kiệm nhưng không nghèo, Tây ba-lô nào cũng có máy ảnh số đắt tiền; mỗi khi máy ảnh đầy, họ chỉ việc đến quán Internet, tốn chừng mười xu (hai nghìn đồng VN), viết thư, đọc thư và tải ảnh lên chứa trên Internet, máy ảnh lại như mới. Hàng năm Tây ba-lô đem vào Việt Nam một số ngoại tệ không nhỏ, nhất là sau vụ sóng thần ở Nam Dương, mùa Giáng Sinh 2004.

Trời bắt đầu quang sau vài ngày mưa, tôi đi vịnh Hạ Long. Chừng ba mươi lăm đô-la (nhiều người nói là tôi đã trả đắt hơn mất mười đô-la) cho phép ta thăm vịnh Hạ Long hai ngày một đêm, ăn tổng cộng ba bữa, đêm ngủ lại một khách sạn ở đảo Cát Bà. Tuy các công ty du lịch cạnh tranh nhau rất gắt gao, vì cần thiết, trong dịch vụ này họ vẫn phải thu xếp, làm ăn với nhau để sao cho chiếc xe *van* mười lăm chỗ ngồi và tàu du lịch ở bến tỉnh Hạ Long bao giờ cũng đầy khách. Bến tàu rất chật, tàu chen chúc; muốn lên tàu thường phải trèo qua hai ba tàu khác.

Trong nhóm đi Hạ Long của tôi, ngoài một cặp vợ chồng Việt mới cưới ở Hà Nội, đi tuần trăng mật, còn lại quá nửa là Tây ba-lô. Xe đóng kín cửa sổ vì mở máy điều hòa nhiệt độ, mùi người hôi ẩm, ngột ngạt đến nỗi một bà phải xin cô hướng dẫn mở cửa sổ mươi phút, cho thoáng. Cô hướng dẫn tốt nghiệp đại học, nói tiếng Anh lưu loát, duyên dáng, thân mật, dọc đường từ Hà Nội đến Hải Phòng giới thiệu về vịnh Hạ Long và những nơi chốn đi qua.

Tây ba-lô thì cũng là người, nghĩa là gồm đủ mọi từng lớp, mầu sắc. Ngồi nghe họ trao đổi, so sánh khách sạn, hàng quán ta có thể có đầy đủ tin tức sống động, hữu ích, không sách du lịch nào bằng. Còn kể về xấu ăn thì có lẽ không Tây ba-lô nào tệ bằng Tây ba-lô *on budget* – tiêu pha hết sức chi li. Trong nhóm của tôi có ba người Mỹ, Tây ba-lô *on budget* như thế, một bà tuổi trung niên, giọng nói dáng chừng Mid-West, một cậu giọng Brooklyn, còn một cậu phát âm, thí dụ chữ *downtown*, giọng dài bẹp xuống, phải là dân Texas. Trên bàn ăn, hai mâm cho mười người, bà nhìn một lượt thấy có một món có vẻ hợp khẩu vị của mình, rất thoải mái, bà trút vào đĩa mình quá nửa đĩa. Còn hai cậu Texas và Brooklyn thì ngồi đối diện nhau, giữa hai mâm, cũng rất thoải mái, ăn ở mâm này một miếng, gắp ở mâm kia một miếng, nhanh vô địch. Tôi ăn ít, không phải tranh nhau với ai; chỉ tội nghiệp cặp vợ chồng mới cưới ngồi đầu bàn, quá lịch sự, e dè thành ra bị đói. Mấy bữa ăn sau, rút kinh nghiệm, như con diều hâu nhảy

xuống bắt gà con, thấy đĩa nào ưng ý, tôi chụp xuống lấy đĩa, không phải cho tôi mà để tiếp cặp vợ chồng mới cưới, hậu hĩ. Họ không ngớt miệng, "cảm ơn chú!"

*

"Hai trăm năm chục, mua không, chú?" Cô đầu cơ vé chào khách trước cửa nhà Hát lớn Hà Nội.

"Nhưng chỗ ngồi tốt không, em?"

"Chỗ tốt, chú, E10."

Vé gồm ba hạng: tám mươi, một trăm và một trăm hai mươi nghìn đồng VN. Như vậy, vé đắt nhất vẫn chưa đến mười đô-la, tính nhẩm số ghế E10 cũng không xa sân khấu bao nhiêu, tôi làm một cố gắng yếu ớt, mà cả với cô bán vé. Đó là một việc làm không lợi nhuận bởi vì cô có thể ngửi thấy mùi Việt kiều đang ham từ xa mười thước. Một cô khách hàng khác nhìn với con mắt nửa thương hại nửa chán ghét; cô bình luận nhẹ nhàng Việt kiều quá thật thà, tuy mang về cho đất nước ngoại tệ nhưng đồng thời cũng lại làm đời sống thêm đắt đỏ, vật giá leo thang.

Tôi mua được vé đi xem "Thương lắm, Tóc dài ơi", chương trình gồm nhiều nghệ sĩ ưu tú: Mỹ Linh, Thu Hiền, Ngọc Anh, Xuân Nhị, ... Tôi chưa bao giờ được ngồi chỗ sang, dưới nhà nhà Hát lớn Hà Nội, lần này sẽ là lần đầu tiên và, với ghế ở hàng E, tôi có thể gần như với tới sân khấu. Nhưng tôi đã nhầm. Khi cô đưa chỗ chỉ đường lên gác, tôi mới biết mình lại phải lên tận từng thứ ba. Bực mình vì bị hớ, nhưng rồi nghĩ lại thấy vui vui: tôi được ngồi ở chỗ ghế rất quen thuộc của mình. Ngày xưa, từng này gọi là "chuồng gà" – *poulailler* – đó là nơi túi tiền học trò của tôi ngự trị.

Nhìn xuống từ chuồng gà, *xem* Mỹ Linh – gái một con trông mòn con mắt – hát, khói mờ mờ ảo ảo, kỹ xảo sân khấu, ta tưởng như đang nhìn xuống từ thiên đường hay thế giới bên kia! Dần dà, tay chân co duỗi tự do, thần trí mung lung, cũng từ chuồng gà này ta đã nghe Thái Thanh hát. Cũng từ sân khấu này cô thổn thức, tả *Quê Nghèo,*

Làng tôi không xa kinh kỳ sáng chói,
Có những cánh đồng cát dài,
Có lũy tre còm tả tơi...

Tiếng hát xâm nhập khiến cho hồn người sôi động, nhớ lại những ngày tản cư, ăn bao giờ cũng đói, mang về những nơi chốn, làng xóm, ruộng đồng, vật nhau với bạn trên cánh đồng Mũa Đồng sau mùa gặt, mỗi khi đi học về, gốc rạ đâm vào lưng... Thật hạnh phúc khi ta có thể làm được những điều nực cười một cách thoải mái, như đạp xe đạp dọc đường Trần Hưng Đạo, nơi có *villa* Thái Thanh và ban Hợp Ca Thăng Long ở, "thám thính" mỗi ngày vài lần. Hơn ba mươi năm sau, nghe Thái Thanh hát lại *Quê Nghèo* ở Montréal, giọng *bà* – bây giờ là bà – vẫn hay tuy đã bị thời gian gọt đẽo khá nhiều, nhưng tôi đâu có nghe bà vì tôi, mắt muốn đẫm nước, đang mải nghe tiếng cô Thái Thanh vang lên từ nhà Hát lớn Hà Nội, giọng cô cao vút, tròn đầy, mạnh khỏe không thua giọng Mỹ Linh dưới kia, nhưng truyền cảm hơn nhiều. Thái Thanh, Tiếng Hát Vượt Thời Gian!

Nhà Hát lớn Hà Nội, chuồng gà, không chỉ là một rạp hát mà còn là cả một đời người cho một số người. Cũng ở đây, từ chuồng gà này, trong một tuần lễ tôi đã xem kịch *Lôi Vũ* của Tào Ngu hai lần, một lần thứ ba ở nhà Hát lớn Hải Phòng, Tiền Phong đạo diễn với vai chính là Kiều Hạnh và Phạm Đình Sỹ. *Lôi Vũ* ở Hà Nội dài sáu tiếng, khán giả có hai giờ nghỉ ở giữa, tôi chạy ù về nhà ở đầu đường Phan Chu Trinh để ăn rồi quay lại xem tiếp; trình diễn ở Hải Phòng, *Lôi Vũ* bị cắt đi vài đoạn, còn bốn tiếng. Tình cờ được đọc cuốn *Tầm Xuân*, hồi ức của Đặng Anh Đào, tôi mới được biết *Lôi Vũ* cũng đã được trình diễn năm 1946, bản dịch của Đặng Thái Mai, với Kiều Hạnh trong vai cô Phượng, con sen nhà họ Chu; Phượng dan díu với Chu Bình, cậu cả con ông chủ. Trong *Lôi Vũ* tôi xem, Kiều Hạnh đóng vai Phồn Y, vợ kế của ông chủ, mẹ Chu Xung. Phồn Y chỉ hơn Chu Bình vài tuổi; mối tình loạn luân mẹ kế - cậu cả khiến Chu Xung hoảng loạn, chạy ra ngoài trong cơn giông bão (Lôi Vũ) bị điện giật chết. Từ trên cao này, tôi nhìn Phồn Y điên dại, hai tay giơ cao, mặt ngửng lên trời vừa cười hay khóc (?) vừa nói: "Tại sao con nhe răng cười mẹ như thế?" Câu hỏi và vẻ mặt Kiều Hạnh in hằn trong tâm trí tôi, cũng giống như một câu nói và vẻ mặt khác trong một vở kịch của Ibsen mà sau này tôi xem, khi cô vai chính ngồi vừa xé từng tờ tập bản thảo ném vào trong lửa vừa nói: "Tôi đốt con anh! Tôi đốt con anh!"

"Ai về mua lấy miệng cười, Ta về mua lại mảnh đời thơ ngây..." Hai trăm năm chục nghìn đồng để mua lại những ngày trong sáng của thời mới lớn. Liều thuốc cải lão hoàn đồng. Quá

rẻ!

*

"A, cụ ông đã về! Cụ ông đã về! Thưa cụ bà có về cùng không ạ?"

Who? Me? Tôi giật mình nghe cô cháu họ xinh đẹp, nhanh nhẩu bế con ra chào. Thì ra tôi đã có chất gọi bằng cụ. Hoàn toàn không phải lỗi tại tôi! Lần đầu tiên về quê nội, được chất ra đón còn hơn không. Ngày xưa về làng, ta hình dung một cổng làng, một lũy tre, và nếu con em trong làng học hành thành đạt về làng thì được làng nước tiếp đón nồng hậu. Tôi biết bác tôi đã từng được tiếp đón nồng hậu. Bà Anh Đào kể chuyện khi còn nhỏ về làng được chào đón, "A, con gái Quan Đốc đã về!" bà giải thích thêm ông Đặng Thái Mai, thân sinh của bà, khi ấy là hiệu trưởng một trường trung học. Ngày đi tản cư, đến ở làng ông Nguyễn Mạnh Tường, tôi nghe dân làng thì thầm kể chuyện về ông "Nghè Tường" vừa kính cẩn vừa huyền bí như một truyện cổ tích. Ngày nay, thời buổi tân tiến, không thấy nhà cô cháu có sập gụ, tủ chè nhưng có ti-vi, hi-fi và hình như người nào cũng có điện thoại di động. Nhưng không còn thấy cổng làng với lũy tre xanh và về làng thì được... chất ra đón. Tôi mất một hai ngày chào hỏi họ hàng, thăm viếng mồ mả tổ tiên cho đúng phép. Nhà thờ chi họ chính, tuy ở ngay trong tỉnh lỵ, đã bị mất vào thời cải cách ruộng đất. Đất bị chia cắt; ngày nay họ hàng bàn định mua lại đất cũ để xây lại nhà thờ tổ.

Chuyện vui buồn nhiều không kể xiết. Tôi đi tìm lại những bạn bè thời niên thiếu. Sau hơn nửa thế kỷ không liên lạc, bạn bè dù thân gặp lại nhau cũng chỉ là những người xa lạ. Bỡ ngỡ, ngậm ngùi, mừng rỡ nhưng dè dặt, ta diễu võ vòng quanh hồi lâu để tìm lại những điểm chung nhau, những chuyện nên nói, những điều cấm kỵ; tìm cách trấn an bạn đi xe gắn máy không có nghĩa là nghèo hèn và lái ô-tô không nhất thiết là sang trọng hay hạnh phúc. Có một người bạn tôi rất muốn gặp lại nhưng không kịp; nghe nói anh sống khá vất vả, tôi muốn kể cho anh nghe chuyện bài Quốc Tế Ca của anh đã gây phiền nhiễu cho tôi như thế nào, để cười cho bõ. Gia đình anh ở lại Hải Phòng sau hiệp định Genève, từ đó anh gửi vào Huế cho tôi bài hát khi hai miền vẫn còn thư từ đi lại. Tôi dại dột mang Quốc Tế Ca ra khoe ở giữa lớp trường Quốc Học. Ngày hôm sau, sợ xanh mặt vì, sau giờ học, hai ông công an đứng chờ sẵn ngoài cửa, mời lên ngồi giữa trên xe *jeep* đem về nhà, khám xét, lục lọi sách vở, đọc hết thư từ mà các ông ấy gọi là thư... tình; tai hại hơn nữa là mấy hôm sau, cả lớp biết vì ông hiệu trưởng kiêm giáo sư Toán ra cười hỏi chuyện thư tình ngay giữa lớp. May mắn, không chuyện gì tệ hơn xảy ra nhưng tôi được tiếng là "học sinh kháng chiến".

Những bạn bè cũ, nói chung, đều thành đạt, nhiều người có học vị cao, bác sĩ, kỹ sư. Một người bạn tôi rất mến, đẹp giai, đàn giỏi, hát hay, ngày nay là một giáo sư tiến sĩ, tuy đã nghỉ hưu nhưng anh vẫn còn dạy những lớp cao học ở Âm Nhạc Học Viện. Như đã kể ở trên, chúng tôi cũng phải mất đến nửa giờ diễu võ để tìm tần số cộng hưởng. Ngày xưa, ngày đại hội của nhà trường, đứng trước tấm màn nhung trên sân khấu nhà Hát lớn, anh hát *"Đêm qua ra đứng bờ ao, Trông cá cá lặn trông sao sao mờ..."* đã khiến nhiều con tim thổn thức. Một anh bạn khác, học cùng với tôi từ khi còn ở thị xã Hải Dương, khi chúng tôi chừng tám chín tuổi, nay là kỹ sư cũng đã nghỉ hưu. Anh kể cho tôi nghe giờ phút kinh hoàng mà anh đã sống qua những cuộc ném bom rải thảm của máy bay B52. Ông thân của anh giục mọi người xuống hầm; ở dưới hầm nghe những tiếng nổ "thịch, thịch,..." không lớn lắm, anh vội chạy lên tìm bố thì thấy cụ chỉ bị thương nhẹ, nhà cửa chung quanh còn đứng trước đó mới mấy phút đã biến đâu mất. Nhưng những cảnh đó không thấm gì với bom bỏ ở nhà máy dệt rồi sau đó anh phải đẩy xe đi chôn đồng nghiệp. Đó là những biến cố làm đứt đoạn đời người, chia thành những mảnh đời riêng biệt. Sau buổi hàn huyên và đọc lại truyện tôi viết về ông thày học cũ ở Hải Dương cùng tháng Ba năm Đói, nằm qua đêm, anh nói thấy lòng lâng lâng, nhìn lại diễn biến của một đoạn đời mình đã hoàn toàn quên hay đã đánh mất. Kể lại những biến cố đã xảy ra từ hơn ba mươi năm trước, mặt anh vẫn còn lộ vẻ đau thương, cảm xúc tràn đầy nhiều lúc như đê chực vỡ. Quãng đời trước, anh thuộc thành phần tiểu tư sản "nòi", quãng đời này có lẽ anh là người cộng sản, nhưng nhìn sự phẫn nộ trong ánh mắt anh, tôi không nhìn thấy màu sắc chính trị mà chỉ thấy sự phẫn nộ đơn thuần của một anh dân nước nhược tiểu, cái phẫn nộ tôi chia xẻ đã manh nha từ ngày còn rủ nhau đi học, bước qua những xác người chết đói.

(Còn tiếp)

MỘT SỐ TRÍCH ĐOẠN TỪ CUỐN TRUYỆN DÀI
"ÁC MỘNG"
CỦA NGÔ NGỌC BỘI

LTS. *Cuốn truyện dài Ác Mộng của Ngô Ngọc Bội được nhà xuất bản Lao Động tại Việt Nam xuất bản lần đầu năm 1990, và được nhà xuất bản Hồng Lĩnh ở California in lại vào năm 1992. Tác phẩm này có lẽ được viết trong thời kỳ gọi là "cởi trói" ngắn ngủi cho văn nghệ sĩ tại Việt Nam từ sau năm 1986, mô tả cuộc cải cách ruộng đất tại miền Bắc từ khi đất nước chia đôi năm 1954 cho tới khi "sửa sai" vào cuối năm 1956. Đúng như tên gọi của nó, những gì tác giả viết ra quả là một cơn ác mộng. Chúng tôi xin trích đăng lại một số đoạn tiêu biểu (với các tựa đề nhỏ do chúng tôi đặt) để độc giả cảm nhận được một phần nào những cảnh kinh hoàng mà dân tộc ta có lúc đã trải qua, ở miền Bắc.*

*

Cố Vấn Trung Quốc

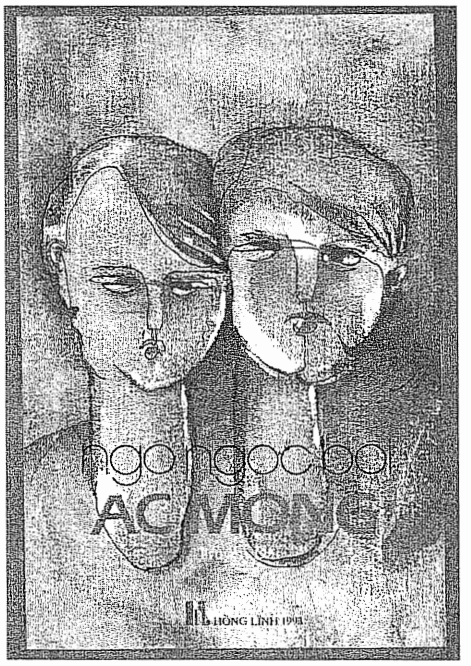

Từ ngày giải phóng biên giới, ảnh hưởng của Trung Quốc ào ạt tràn sang ta. Chiến dịch Hà Nam Ninh mở vào đầu mùa mưa. Đường Mười hai từ Việt Bắc, Hòa Bình xuống; đường số một từ Thanh, Nghệ Tĩnh ra, ban đêm như trẩy hội. Đội công tác của Bảo có mười sáu anh em, làm nhiệm vụ "tuyên truyền tiếp thu vùng công giáo mới giải phóng." Cứ hôm trước bộ đội đánh vào rút ra, sáng hôm sau anh em đến tuyên truyền chính sách, ổn định dân tình, vận động bà con trở lại làm ăn đi lễ nhà thờ. Lăn lộn hai tháng trời ở vùng Yên Mô, Yên Khánh, mười sáu anh em, "toi mạng" mất hai. Bảo cũng suýt chết mấy lần do bom na-pan, ca-nông Bô-pho hoặc bị địch nống ra đánh úp. Đợt công tác này anh gặp nhiều đoàn cố vấn Trung Quốc. Vì lầy lội, lại ngại phi pháo của Tây, nên cố vấn thường đi bằng cáng. Thực ra Bảo cũng chưa nhìn rõ mặt các cố vấn, về ban đêm chỉ thấy lù lù một đống trên cáng nhưng cũng thấy cố vấn phì phèo thuốc lá. Đằng sau mấy người lính kỉnh gánh hòm xiểng, chậu men, bô đi đại tiểu tiện... Mỗi lần gặp những đoàn như thế Bảo ngây ra nhìn, không dám nói to, trong lòng rời rợi nỗi tự hào và tin tưởng!

*

Một Vụ Xử Bắn

Tội nguy hiểm nhất và dẫn tới việc thầy Lê Đôn bị tử hình chính là do cái buồng đầy lên những sách. Năm 1949 địch từ Tam Nông, Hưng Hóa tấn công lên, chúng đóng lại hai ngày. Khi đó thầy Đôn đi công tác xa. Tên quan ba Pháp đóng ngay nhà thầy Lê Đôn, khi chúng rút đi chúng không hề tơ hào phá phách một tí gì. Cải cách ruộng đất, thằng Đảo lên tố cáo rằng "khi nó chạy tản cư, gia đình còn sót lại một ít của cải. Tối nó quay về lấy nốt, thì thấy ông Lê Đôn và ông Nhiêu Đặng đang thịt lợn, đồ xôi tiếp Tây." Một cái tội hoàn toàn bịa đặt dẫn tới thầy Lê Đôn bị xử tử. Cả làng đều thấy đó là sự vu cáo trắng trợn mà không ai dám hé răng!

- Việc họ xử tội thầy diễn ra như thế nào hở em?

- Sau cái đêm người ta tố cáo bố, cả nhà mình bị coi là đối tượng của nông dân. Bố đang

ở huyện dưới, bị bắt giam đâu không ai biết. Sáng hôm sau, nông dân vác cờ, biểu ngữ đến cắm trước sân. Rồi họ kiểm kê, niêm phong tài sản. Bộ áo cưới của em hồi ấy cũng bị người ta lấy mất. Của cải trong nhà không còn gì. Thóc lúa không, nồi niêu không, lợn gà không! Chỉ còn ít bát đĩa cổ, đồ thờ, cái bừa long răng và con trâu suýt soát tuổi em. Ngày xưa em cũng hay đi chăn với anh đấy, sừng nó đã dài bằng sải tay và hàm răng đã gãy hết. Em cũng bị gọi lên truy tiền, vàng bạc. Dì Đỉnh cũng thế. Cuối cùng người ta bóc cả cái kiểng bạc từ ngày bà nội em sắm cho em. Những đứa độc miệng nó nói: bố là phần tử phản động luồn vào Đảng, nắm được chính sách nên đã phân tán hết của cải!

Một hôm từ phía đầu làng có trống ếch và tiếng hô dậy đất: "Đả đảo địa chủ cường hào đại gian đại ác Lê Đôn bóc lột giết hại nông dân!" Em tưởng như sét đánh, tay chân run bần bật. Đám biểu tình diễn qua cổng, thằng Nhẫn nhà mình chạy ra xem. Nó trân trân vênh cái trán dô, giương đôi mắt thô lố ra nhìn, vỗ tay reo. Thằng Đảo thấy liền giơ kiếm trừng mắt hét: "Con cháu địa chủ, phú nông đây, diệt cho hết!" Nhẫn không sợ, chửi lại: "Bố mày!" Em ngồi trong nhà theo dõi, vừa sợ vừa hả quá. Tối đến, chị dâu anh, bà Mảng -hét từ bên nhà ra lệnh: "Con Mẫn sáng mai ra Gò Gành mà dự xử tội thằng Đôn! Không được vắng mặt đâu nhá!"

Sáng hôm sau họ lùa tất cả ra Gò Gành. Người ta bắt em ngồi một chỗ cùng với thằng Vang con Vọng, có du kích ôm súng ngồi canh giữ. Trước mặt là cái bục cao, kết bằng lá si, trên kê bàn ghế. Trước bục đào một cái hố nông, khoảng ngang gối, to bằng nửa chiếc chiếu, lấy đất đắp lên thành cái nấm ngay bên cạnh. Phía bên trái bục khoảng một trăm bước chân, lại thấy đào thêm một cái hố nữa, không biết nông sâu thế nào. Đất đào lên đắp thành mô phía trước như cái mả, trên mô đất chôn cái cọc bằng tre dài lút đầu người. Dân các xóm rầm rập kéo đến đi thành hai hàng dọc. Khẩu hiệu, biểu ngữ giương cao cầm ở tay, hoặc dán trên nón: "Bần cố trung nông đoàn kết kiên quyết đánh đổ giai cấp địa chủ, giải phóng nông dân!"; "Có khổ nói khổ, nông dân vùng lên!"; "Đả đảo tên địa chủ cường hào đại gian đại ác Lê Đôn bóc lột giết hại nông dân!" Người ta tuyên bố phiên tòa bắt đầu. Hà Thị Nhỏ, cố nông, ngồi ghế chánh án. Tào Lao, bần nông, và Nguyễn Văn Đãng, trung nông làm dự thẩm. Thêm một người trong đội cải cách lùn tịt, môi dày, miệng chành, đầu húi móng lừa, đeo kính trắng. Tào Lao tuyên bố: "Đây là tòa án nhân dân đặc biệt xử tội Lê Đôn." Lệnh cho du kích dẫn bố và dì Đỉnh ra. Ôi, em hồi hộp quá, trống ngực đánh thình thình, nhìn bố lại nhìn dì. Bố vẫn mạnh khỏe, nét mặt bình thản kiên nghị, áo sơ-mi bỏ ngoài quần lấm láp nhầu bẩn. Chắc hàng tháng nay người ta không cho bố tắm. Dì Đỉnh gầy xọp hẳn đi, vẫn ôm cái Khánh bên nách, vì lúc đó mới được bốn tháng, thằng Đỉnh lẵng nhẵng bám theo mẹ. Dẫn đến trước bục, người ta cởi trói và bắt hai người xuống đứng dưới cái hố mới đào. Thằng Đỉnh cũng lăn xuống hố. Du kích xách vứt nó lên. Nó khóc thét. Em vùng dậy, định chạy lại đón thằng Đỉnh liền bị thằng Phong cầm súng đứng gác trừng mắt không cho em nhúc nhích. Nó lôi thằng Đỉnh vứt vào chỗ em và thằng Vang con Vọng ngồi. Thằng Vang con Vọng nhìn bố và dì, nước mắt tràn mi, nức nở. Không thấy mẹ ngồi cùng với chúng em. Cũng không thấy đứng vào chỗ bố và dì. Ngơ ngác mãi em mới thấy mẹ ngồi lẫn với đám anh Hãn, thằng Đảo, mấy người xóm Trung, xóm Dốc và vợ con mấy tên cướp trâu, tù mất tích. Bọn này đứa nào trên đầu cũng chít vuông vải trắng. Đám người ngồi đấy gọi là "các khổ chủ". Mẹ cũng là khổ chủ. Người lên đấu đầu tiên là anh Hãn, tố khổ bị bố bóc lột anh ta đi ở không công. Rồi đến đám xóm Trung, xóm Dốc tố chuyện bán muối và thiếu thuế bị bắt gà, bắt lợn. Người thứ tư lên đấu là thằng Đảo, vì những lời vu oan giá họa của nó mà bố bị ghép vào tội chết. Không biết bây giờ lương tâm nó có bị cắn rứt. Vu khống đưa người ta đến chỗ chết, không phải là chuyện thường. "Lời nói đọi máu." Tiếp đến Hà Thị Nhỏ. Nó vu cho bố em hiếp nó ở bờ ruộng. Nó vừa nói vừa khóc lu loa như con điên. Bố là người có học, cao thượng từ bé, không thể làm cái trò nhơ bẩn như thế. Nhưng đã là ác bá, người ta phải gán cho đủ bốn tội: bóc lột, chiếm đoạt, nợ máu và hiếp dâm.

Đến khi mẹ bước lên đấu bố, em thấy lòng tan nát đau đớn. Mẹ cũng chỉ vào mặt bố: "Mày biết tao là ai không Đôn? Tao là Thỏa. Về làm dâu nhà mày từ năm mười bốn tuổi. Hơn ba mươi năm lao động nuôi mày ăn học nên người, lo cho mày giỗ tết, khao vọng... Mày trở thành cao sang quyền quý. Mày yêu con vợ hai của mày là con Đỉnh kia, mày ruồng rẫy tao."

Chuyện mâu thuẫn vợ cả vợ lẽ xưa nay cũng là thường tình, nhưng tại sao mẹ lại dám lên nói điều vô đạo như thế. Lúc này trông mẹ, em thấy xa lạ quá, lại căm giận nữa.

- Phát động quần chúng mà em! Nó không bắt em lên tố bố là may đấy!

- Cũng có đứa cốt cán đến phát động em, nhưng em không nghe. Em bảo: bố tôi đẻ ra tôi, tôi không làm điều vô luân như thế!

Rồi đến một đám vợ con bốn tên ăn cướp, chúng đứng lên một loạt, khăn tang trắng toát, mặc dầu bố chúng đã chết cách đây mười ba năm. Chúng kêu khóc ầm ĩ đòi trả nợ máu. Tào Lao cũng đứng lên nắm tay hô: "Có nợ máu phải trả bằng máu!" Quần chúng lẻ tẻ hô theo. Cuộc đấu tố bố kéo dài hơn hai tiếng. Bọn ngồi trên bục không đứa nào đọc nổi bản án. Người ở đội cải cách -cái người thấp lùn đeo kính trắng ấy- đứng lên đọc thay, quy vào điều này điều khác. Thế rồi thị Nhỏ danh nghĩa là chánh án tuyên bố, lại nói vấp đi vấp lại hai ba lần: "Lê Đôn chịu án tử hình, Thị Tính mười năm tù ngồi!" Một toán du kích lôi dì Đỉnh và cái Khánh đi. Một toán lôi bố lại chỗ cái cọc chôn sẵn, sấn vào bịt mắt. Bố lắc đầu không cho bịt, và bấy giờ em mới hiểu họ chôn cái cọc ấy là để trói bố vào, bắn.

- Xử án không có thầy cãi?

- Không!

- Không được tự thanh minh?

- Không!

- Không cho treo án mười lăm ngày để phạm nhân kháng án?

- Không!

- Bố láo thật!

- Gọi là "Tòa án nhân dân đặc biệt" xử đầu sỏ để trấn áp địch, phát động nông dân, người ta cần bắn ngay trước mặt mọi người kia mà. Một tên phó đội trong đội cải cách đứng ra chỉ huy hành hình bố. Ba du kích vác súng đứng hàng ngang. Không tưởng tượng được, ba người ấy đều là học trò cũ của thầy! Thằng Hưng, thằng Thẩm, thằng Huấn đều đi bộ đội về. Tên chỉ huy hô: "Số một ngắm bắn, bắn!" Súng nổ, bố nẩy vai trái lên. Tưởng đạn đã vào người, nhưng chưa. Nẩy vai lên hình như bố hô khẩu hiệu. "Số hai ngắm bắn, bắn!" Bố lại nẩy vai lần nữa, đạn vẫn không vào người. Trong quần chúng lúc này đã ồn ào: "Bắn oan người ta, thần linh cản đạn không cho trúng đấy!" "Số ba: Bắn!" Bố lại nẩy vai trái. Người vẫn đứng trơ trơ, giương mắt trừng trừng. Cột chôn đã lung lay, giẻ nhét ở miệng tuột ra lòng thòng. Hết phát thứ ba không trúng, mừng quá, cả ba chúng em lao lên. Nhiều người cũng xúm xít lại. Ba du kích bắn không trúng bỏ súng trốn. Tên phó đội mặt tái nhợt, mím chặt môi xông lên. Em níu tay nó. Nó hất em ra, rút phựt con dao nhọn từ trong bọc xuyên phập qua cổ bố từ trái sang phải. Bố nhào vọt qua cái cọc, lao đầu xuống cái hố đào sẵn, máu phun phì phì. Thằng Vang con Vọng lăn đùng ra đất, em cũng ngất xỉu luôn. Anh em họ nhà mình xúm đến khiêng em về nhà này. Em ốm liệt giường, mấy ngày sau mới tỉnh lại, ngơ ngác. Không biết mẹ tố bố xong rồi đi đâu, em ốm cũng không thấy đến. Thằng Vang con Vọng đi đằng nào, thằng Đỉnh, cái Khánh ai trông? Tan đàn sẻ nghé. Em khổ quá, lúc ấy đã có tự tử. Nhưng vì còn anh, còn thằng Nhẫn, chết đi... khổ anh, khổ con.

*

Tòa án nhân dân

Bảo được thông báo nội bộ: hai ngày tới Lý Đức sẽ ra pháp trường cùng với hai tên nữa, Tổng Khoái xã Hợp Đồng và Hai Thảo xã Chi Lăng. Bắn ba tên đầu sỏ đợt đầu có tính chất thị uy thuộc cụm Ba của Đoàn ủy Ba, đây cũng là đợt xử án đầu tiên trong cải cách ruộng đất đợt năm này.

Trước Đình Cả, người ta lập "Tòa án nhân dân đặc biệt." Bục xử án dựng cao và rộng. Vì xử ba tên cùng một lúc nên phải có ba chánh án, sáu dự thẩm và ba công tố viên cùng ngồi. Người ta không đào hố cho tội nhân đứng xuống, vì sân đình lát gạch, mà gánh đất đắp thành ba mô cao cho khổ chủ đứng lên tố. Nông dân đã được "vùng lên" nên phải đứng cao hơn địa chủ. Phía trên bãi tha ma Thịnh Đa đã chôn sẵn ba cây tre dài, trắng toát như ba cái cột cờ. Đằng sau ba cột đào sẵn ba hố sâu. Đất cũng được đắp lên thành bệ trước cọc chôn. Đấy là pháp trường, ai nhìn thấy cũng rợn tóc gáy. Bảo không được giao những việc trên. Vũ Long giao anh đặc trách, cùng với đội du kích xóm Thượng, canh gác ba tên "tổ chức cũ" của Quảng Hà: Bông, Tịch, Ngọc, bị tóm từ hôm xảy ra vụ Hào Chót. Ba tên này vẫn ngoan cố, cho chúng dự cuộc xử án hôm nay để khủng bố tinh thần. Ba tên sẽ buộc vào ba gốc đa bên lề đường.

Ngày xử án ba tên đầu sỏ, người ta tập trung tất cả nông dân ba xã. Từ sáng sớm, nông dân

các nơi đã cơm đùm cơm nắm, ùn ùn kéo tới, cùng các đơn vị bộ đội đóng gần, học sinh các trường. Bừng bừng khí thế, các đoàn đi theo hàng lối, có cán bộ Đội phụ trách. Người nào cũng có lá cờ con, khẩu hiệu cầm trong tay, dán trên mũ nón, quàng qua vai. Đi đầu là những lá cờ đại, những biểu ngữ, khẩu hiệu lớn bằng giấy vàng dán trên vải đỏ, miệng luôn hô khẩu hiệu, hoan nghênh chính sách cải cách ruộng đất, và đả đảo bọn địa chủ cường hào ác bá. Khu vực Đình Cả phút chốc có hàng nghìn người tập trung. Cuối cùng, những tội nhân bị dẫn tới. Tay bị trói, cổ đeo cái bảng ghi tên tuổi viết bằng vôi trắng. Mỗi tên đều có bốn du kích súng tuốt trần, lưỡi lê đi kèm. Trên bục xử án, các quan tòa đã ngồi bệ vệ, chờ tội nhân tới. Những tên tội phạm, trừ Hai Thảo vẫn bình tĩnh hiên ngang, còn hai tên kia trông không ra hồn người, bước đi thất thểu. Tới đâu cũng bị nông dân hô khẩu hiệu đả đảo rầm rầm. Tổng Khoái đã ngoài bảy mươi, không bước được, sụp hẳn xuống đường, đũng quần ướt rượt. Bốn du kích phải xốc nách lôi đi. Mọi người xô đẩy, chen chúc nhìn tận mặt từng tên. Mất một thời gian lâu mới xếp được trật tự. Bên ngoài, Bảo và mười hai du kích xóm Thượng đã đứng nghiêm túc chực sẵn, chờ du kích xóm Đình dẫn Bông, Tịch, Ngọc tới, buộc vào ba gốc đa, mỗi gốc cách nhau khoảng tám mét, như buộc ba con bò. Nhàu ra lệnh cho Bảo và du kích xóm Thượng chịu trách nhiệm canh gác, xong, đi về phía sân đình làm nhiệm vụ khác. Trên bục xét xử gồm mười hai người ngồi. Mỗi tội nhân của mỗi xã có bốn người ngồi xử. Một chánh án và hai dự thẩm là khổ chủ, một công tố người của Đội. Nguyễn Thị Lúa hôm nay được ngồi ghế chánh án. Bảo mừng thầm, rễ của anh đã được Đội tín nhiệm. Nguyễn Tuấn đội phó làm công tố viên. Cuộc xét xử bắt đầu. Ba công tố viên đều đứng lên đọc ba bản án. Xong, ba khổ chủ của ba tội nhân lên tố. Thỉnh thoảng có tiếng hô đả đảo rầm rầm. Công việc xét xử khá lạ lùng và hấp dẫn. Mười hai du kích xóm Thượng vì tuổi còn trẻ, ý thức trách nhiệm không cao, cộng với thái độ của Bảo chỉ huy cũng lành hiền, các cô các chú cứ tự ý bỏ nhiệm vụ xúm vào chỗ xử án, mặc cho Bảo canh giữ Bông, Tịch, Ngọc. Bảo đã ý tứ nới dây trói cho ba người, và kín đáo nhìn họ bằng ánh mắt thiện cảm. Họ nhìn anh biết ơn và khôn khéo trao đổi với nhau. Bảo biết nhưng cố ý lờ đi, chỉ nhắc khẽ: "Nói nhanh lên rồi tản ra, kẻo họ nhìn thấy!" Ba người nhìn Bảo đầy cảm kích.

Bảo để ý theo dõi những khổ chủ lên vạch tội Lý Đức. Nguyễn Thị Thuận hôm nay là khổ chủ chính, đầu chít khăn sô, nét mặt u sầu. Thuận tố khá trôi chảy, khá dài, lúc bổng lúc trầm, lúc hét lên căm thù, lúc quằn quại đau đớn. Thuận đã thực sự trở thành "diễn viên" dưới bàn tay bồi dưỡng của Nguyễn Tuấn. Cái tội "nợ máu" là mẹ Thuận bị đánh rồi ốm chết, hôm tố khổ điển hình ở đại hội nông dân toàn xã cố ghép cho Tổng Hoàng, nay vẫn tội ấy Thuận lại tố sang Lý Đức. Lý Đức cãi, bị làn sóng căm thù đả đảo. Cuối cùng Thục lên đấu bố –"tác phẩm" của Lê Ngọc Chuẩn. Thấy Thục, mọi người nín thở. Hai chân Thục ríu lại, trèo mãi không lên nổi cái bục đắp sấn, đành phải đứng dưới thấp chỉ mặt bố:

- Mày biết tao là ai không Đức? -Lý Đức rùng mình như bị đạn xuyên qua- Tao là... -Thục đổ kềnh ra đất, nhào gần tới chỗ Lý Đức quỳ. Tất cả nhốn nháo, có tiếng khóc sụt sịt. Nhàu lệnh cho hai du kích vực Thục ra. Đầu tóc Thục tả tơi, ngật sang một bên như đã tắt thở. Lát sau tiếng tuyên án của quan tòa vang lên. Đó là tiếng the thé của Lúa: "Tòa tuyên án tử hình Hà Đình Đức tức Lý Đức...!" Cả đám đông ầm ầm như thác vỡ. Bông, Tịch, Ngọc mặt nhợt nhạt, không còn đủ sức ngồi xổm nữa, đành bệt xuống đất. Hàng ngàn con người ào ào xô ra đường cái, chen chúc nhìn sang phía Thịnh Đa, chỗ chôn sẵn ba cây tre cao. Tổng Khoái đã chết giấc hoàn toàn, bốn du kích xã Hợp Đồng lôi hắn lệt sệt sang Thịnh Đa, không kịp trói vào cột, vứt luôn xuống hố rồi xả một băng tiểu liên. Lý Đức cung cúc đi trên bờ ao Đình, đầu cúi gục, mái tóc muối tiêu cờm cợp. Bất thần băng tiểu liên "tằng! tằng! tằng!" Lý Đức gục ngay xuống, mảng xương sọ còn dính nguyên mớ tóc tung lên trời quay quay như con cầu lông rồi mới rơi xuống mặt nước ao Đình; nổi như cái rong đuôi chó. Cá mương xúm đến thi nhau đớp, mảng tóc vẫn bập bềnh trên mặt nước. Còn lại một mình Hai Thảo được trói chững chạc vào cây tre giữa. Hai Thảo còn trẻ, chỉ ngót bốn mươi, người cao lớn. Thảo lắc đầu không cho du kích bịt mắt. Thảo là bí thư chi bộ xã Chi Lăng, Bông, Tịch, Ngọc đều quen thân. Đám quần chúng ồn ào vì ghê sợ sự giết chóc đã bỏ về quá nửa. Ba du kích xếp hàng ngang sẵn sàng nhả đạn. Khi nhét giẻ vào miệng Thảo không chặt, súng nổ lập tức Thảo nhè giẻ ra, hô trọn vẹn câu khẩu hiệu: "cách mạng

Việt Nam muôn năm!" rồi đầu mới gục xuống! Thảo giãy giụa, cây cột tre rung lên. Bông, Tịch, Ngọc trông thấy Thảo bị hành hình đều nghiến răng im lặng.

*

Ép Cung

Tịch bị hai du kích dẫn vào. Trước đây, dây trói của Tịch bằng đay ngâm, từ hôm Bông trốn, được thay thế bằng dây dù xanh còn nguyên sáu sợi lõi. Cách trói của Nhàu cũng đặc biệt, giống người miền núi thường trói hổ, trói gấu, không có cách gì tháo được. Nhàu còn đem đốt chập các đầu mối dây dù lại. Khi cần tháo, chỉ có cách cắt bằng dao. Hai cánh tay Tịch sưng tấy tím ngắt.

Vừa bước vào, Tịch đã thấy không khí nghiêm trọng hơn mọi lần truy hỏi trước. Khá đông, có cả những bộ mặt lạ anh chưa hề gặp. Vũ Long ôn tồn sai hai du kích cởi trói. Du kích loay hoay không sao tháo được. Nhàu nháy mắt với Vũ Long. Vũ Long biết ý phẩy tay cho hai du kích quay ra, rồi chỉ sang mười ba khổ chủ và nhân chứng đang cắm mặt ngồi chờ.

- Anh có biết những người này không, anh Tịch?

- Dạ, thưa Đội, người trong xã chúng con cả.

- Anh đã biết những người này đến đây làm gì rồi chứ?

- Dạ, con không biết!

- Có phải những người này đã từng họp với anh ở nhà Hào Chót dưới lá cờ sao trắng không?

- Dạ có!

- Anh kể cho mọi người nghe!

- Dạ, những người này trước đây đều là đảng viên của đảng Cộng Sản Đông Dương. Chúng con họp đều treo cờ đỏ sao vàng và cờ đỏ búa liềm vàng. Nhưng vì dùng lâu ngày, lại là vải nội hóa nên sao và búa liềm đều bạc thành sao...

Vũ Long đập bàn:

- Tịch! Mày ngoan cố sẽ chết trước khi mày muốn nhìn thấy vợ con mày.

Thoan ra hiệu cho Vũ Long bình tĩnh. Thâm tâm của Thoan không tán thành việc hỏi cung có tính cách đàn áp. Song, không dám phản đối. Vì bất cứ cương vị nào, cấp trên nào dám phản đối việc "phát động quần chúng" đều có thể nguy hại đến tính mạng. Thoan làm cụm trưởng nên nắm được nhiều việc đã xảy ra: Nguyễn Ngọc Thới đang là phó bí thư Đoàn ủy Hai, cách đây mười hôm còn ngồi duyệt án địa chủ, chỉ vì nói một câu thiếu thận trọng, lập tức ba ngày sau du kích đến lôi đi vừa mới bắn bỏ cách đây hai hôm. Đào Viết Thường, cán bộ văn phòng Trung ương Đảng, xuống tham gia cải cách ruộng đất ở một xã có phong trào cách mạng từ năm 1935 là cơ sở hoạt động của nhiều đồng chí lãnh tụ. Thường thắc mắc mấy trường hợp xử tử không đúng, liền bị Đội trưởng

KHANH TƯƠNG

VĂN KỲ THANH

ta với người biển sâu bóng khuyết
đèo bòng gì lãng nhách thô sơ
gửi theo ngọn sóng nhấp nhô
là tình ta đó đổ xô về người
duyên cột mãi cuối đời mới gặp
gặp trong phôn lắp bắp vài câu
kính qua kính lại nhức đầu
trong thư vỏn vẹn nỗi sầu nuốt than
ta với người vô duyên túc số
chờ đến già trong mộ nằm khan
ba sinh phơ phất gió đàn
khác chi cuối chợ xe tàn về không
ngồi trần trọc một mình xứ nẫu
ta dầm dề đau đáu làm thơ
nỉ non âu cũng qua giờ
gạo châu củi quê ơ hờ hờ ơ
thái hành sơn sương mờ bao phủ
đường hạ đèo một lũ chinh nhân
đòi cơn đâu phải tình gần
lang thang theo đám cô vân chái đèo
người sống đó ôm theo nỗi khổ
ta nơi này chết dở chờ theo
dưới gành nước chảy tào lao
nước trôi đi mất âm hao vọng về.

cho du kích trói dẫn trả về Đoàn ủy, bị kết án là "phá hoại phong trào." Cũng may, Thường là cán bộ cấp Trung ương vào Đảng từ năm 1935, nên Đoàn ủy còn giam lỏng, chưa bắn. Vậy Thoan là cái gì? Nhà Thoan cũng khá giả, bố cũng làm phó lý. Biết đâu mai kia người ta cũng lôi về bắn. Thoan chỉ dám lấy thế cấp trên nhẹ nhàng đỡ lời Vũ Long:

- Anh Tịch ạ, hôm nay Cụm bớt thời giờ đến gặp anh. Tôi biết, gia đình anh trước đây cũng thuộc thành phần nghèo khổ. Nay Đảng có chính sách phát động nông dân xóa bỏ bóc lột. Trên tinh thần ủng hộ giai cấp cũ của mình, anh cũng phải nhiệt tâm cùng với Đội, để hoàn thành công cuộc cách mạng long trời lở đất này. Trong quá trình đấu tranh anh có thể lầm đường, hoặc bị địch mua chuộc, trước mặt Đội anh cứ thành thật khai. Tôi sẽ báo cáo lên cấp trên xin khoan hồng cho những kẻ biết ăn năn hối lỗi. Anh không nên ngoan cố bao che cho kẻ địch. Cũng không có cách gì bao che được. Vì đây là cuộc phát động quần chúng "đào tận gốc trốc tận rễ" kẻ thù.

- Đề nghị Đội cho con nghỉ một chút. Con sắp ngất rồi.

- Du kích đâu, nới dây cho anh Tịch một chút.

Thoan nhắc, nhưng Nhàu đã nháy du kích không lên tiếng. Tịch không tài nào chịu được nữa, anh lăn kềnh ra đất, hai tay vẫn bị gò ra đằng sau. Anh nằm co quắp, vừa run rẩy vừa nói lập cập:

- Đề nghị Đội, con khai xong, Đội cho con về nhìn thấy vợ con một lần.

- Được rồi, anh nằm nghỉ một lúc cho thật bình tĩnh rồi khai đi, tôi sẽ đề nghị Đội dẫn anh về thăm vợ con anh.

Nhưng khai cái gì, Tịch vẫn chưa hề nghĩ ra. Khai không đủ chứng cớ chắc lũ khát máu này không bao giờ chịu nghe. Chục năm hoạt động vào sinh ra tử đối mặt với kẻ thù không bao giờ anh khờ khạo và mất bình tĩnh. Bốn đợt cải cách ruộng đất làm ở các nơi, tin tức đến với anh không ít. So sánh với chính sách, anh tin mình thuộc thành phần bần nông, lại là người có công với cách mạng, với kháng chiến. Anh mong cải cách đến với quê anh từng ngày từng giờ. Nhưng khốn nạn thay, cải cách ruộng đất lại để anh em "tổ chức cũ" ra ngoài vòng pháp luật. Không hiểu sao vụ Hào Chót lại bất ngờ xảy ra. Ông ta xưa nay hiền lành, chịu khó lao động. Ruộng đất chẳng có bao nhiêu, nhưng vì biết làm thợ xây, nên đời sống cũng khá. Hào Chót vì có nghề nên đi đây đi đó nhiều, chắc ông biết những vụ truy bức, đấu tố, xử tử của các đợt ba, đợt bốn. Gia đình ông lại là cơ sở của chi bộ Quảng Hà này. Ông sợ mình sẽ bị xếp vào loại đối tượng của cải cách. Có phải vì thế mà Hào Chót tự tử chăng? Bây giờ ta nhận giết Hào Chót để lấp đầu mối chắc Đội nó nghe, vì trăm lần truy hỏi chúng đều hướng vào việc này. Có lúc chúng đã trắng trợn mớm cung. Không đời nào, một đảng viên như ta lại làm cái trò hèn mạt như thế! Nhưng phải tìm cách mà kéo dài mạng sống.

Vũ Long thấy Tịch đã định thần. Anh ra lệnh cho du kích dựng Tịch dậy, rồi chỉ vào mười ba nhân chứng đang ngồi co rúm bên cạnh.

- Sao, anh Tịch, hôm giết Hào Chót anh giao việc cho những thằng này ra sao?

- Thưa Đội, đi ám sát không bao giờ con lại dám đem nhiều người như thế! Đội cân nhắc lại, Đội thương!

- Thế một, hai người, anh khai rõ ra!

- Tất cả những đứa kia, không đứa nào dám giết người ạ!

- Tiên sư mày phản cung! Bốp!

Nguyễn Tuấn chửi tục, cầm lọ mực ném vào giữa trán Nguyễn Văn Tịch. Tịch quay đơ ra đất, máu và mực loang trên mặt, mắt trợn ngược, miệng xè bọt nhãi. Nông Văn Nhàu ra múc gầu nước đổ vào mặt Tịch, máu và mực loang xuống nền nhà. Tịch cố trút bỏ những tâm tưởng ra ngoài thể xác, anh thiếp đi một giấc dài. Thế là cuộc truy hỏi Tịch lần thứ một trăm lẻ năm lại phá sản.

*

Không đời nào Nguyễn Tuấn lại chịu để phá sản cái "tác phẩm hồ sơ" của Tịch mà anh đã dày công xây dựng trong mấy tháng nay. Anh đã cam kết với Cụm trưởng Thoan, với Ban chỉ huy Đội, sẽ làm bằng được. Giả dụ nếu vụ Hào Chót không thành công thì hồ sơ của Tịch cũng chỉ thiếu có phần hiếp dâm, anh sẽ về dỗ Nguyễn Thị Thuận lên tố cáo "có một buổi sáng mù trời Thuận đi tát vũng một mình, gặp Tịch đi công tác qua đã đè Thuận xuống bờ ruộng!" Nếu cấp trên đòi khám Thuận xem đã mất trinh hay chưa thì tối nay Tuấn sẽ làm cho Thuận mất trinh. "Thủng nồi vơ rế" nếu Tịch không bị tử hình cũng phải tù chung thân chứ không thể tha bổng.

Nhưng Nguyễn Tuấn chưa phải chịu xuống thế như vậy. Truy bức dụ dỗ đều không ăn thua,

bấy giờ chuyển sang "đấu sức." Mà đấu sức, Tịch không thể sánh được với Tuấn. Tuấn kém Tịch những mười tuổi, đang thời trai trẻ. Tuấn, con một gia đình giàu có, được nuôi dưỡng chu đáo. Bố mẹ Tuấn có ruộng đất ở làng Vũ Xái, ngoại thành Hà Nội, chuyên cho phát canh, mẹ có cửa hàng ở nội thành. Toàn quốc kháng chiến, bố lên hoạt động tại Bắc Giang. Tuấn được cơ sở kháng chiến nội thành đưa ra theo bố. Rồi đi học tại Khu học xá Nam Ninh, Trung Quốc. Về, làm cán bộ ngành giáo dục Khu Ba, đi cải cách ruộng đất đợt hai tại Phú Thọ, rồi đợt ba, đợt bốn, đợt năm. Cải cách nói là phải đi ba cùng cực khổ, nhưng Tuấn có văn hóa, đợt nào cũng chỉ *ba cùng* qua qua, rồi lại sống ở văn phòng. Từ ngày về Quảng Hà, danh nghĩa Tuấn ở Thịnh Đa, nhưng từ khi Đội quyết định lấy nhà Đội San làm nơi giam giữ người, lại có Nông Văn Nhàu, một tay chúa tể nhậu nhẹt, Tuấn thường ở rịt đấy. Cái buồng của vợ chồng Đội San xưa, nay biến thành nơi ăn uống lén lút. Bữa thì bún lòng, cổ hũ chấm mắm tôm đồng (mắm tôm đồng vùng này cực kỳ ngon), bữa thì chân giò luộc, thịt chó luộc... Các thứ đều do Nhàu ra phố Trúc Sơn mua. Từ hôm tịch thu được cái xe đạp của Lý Đức, Nhàu đi lại càng thoải mái. Bát đĩa ăn xong, để luôn trong buồng, nửa đêm vắng vẻ Nhàu bưng xuống ao rửa. Bởi thế sức khỏe Tuấn mười, Tịch chẳng được một. Tuấn chủ trương đày đọa tinh thần sức lực của Tịch, bắt Tịch phải tự tay ký vào bản án mà Tuấn đã viết sẵn.

Cuộc hành hạ Tịch, Tuấn tổ chức tại nhà Đội San. Tính từ ngày bị Tuấn ném lọ mực vào trán đến nay đã là đêm thứ năm Tịch đối đầu với Tuấn, và là đêm thứ một trăm mười Tịch đối đầu với Đội cải cách. Hai tay Tịch tê liệt hoàn toàn. Tuấn không cho Tịch đứng, không cho Tịch ngồi, cũng không thể nào nằm lăn ra đất được. Dây trói hai cánh tay Tịch, Tuấn buộc lên xà nhà, bắt Tịch ngồi xổm vừa đủ căng, ngồi bệt hoặc nằm, dây treo hai cánh tay đau không chịu nổi. Trên đầu Tịch, Tuấn úp cái bàn gỗ lim, dài hai mét hai, Tịch không đứng được. Trên bàn, Tuấn để sẵn giấy tờ và rải chiếu căng màn ngủ. Tuấn đã chuẩn bị sẵn hộp mực giấu đút trong túi áo. Khuya, thấy Tịch lim dim ngủ, Tuấn đập gót chân xuống mặt bàn thật mạnh, thét:

- Tịch! Hôm ấy mày bóp cổ Hào Chót, hay thằng Ngọc bóp?

Tịch choàng tỉnh:

- Chúng con không ai giết Hào Chót!

- Sư cha mày! Mày phản cung. Ông cho mày đi theo Lý Đức. Xuống đấy sẽ hối.

Hỏi một câu thế thôi, Tuấn lại nằm dài trên bàn ngủ. Khoảng nửa tiếng, Tuấn lại nện gót chân:

- Mày bắt thang treo Hào Chót hay thằng Bông?

- Dạ, chúng con không giết Hào Chót!

Cứ thế, suốt đêm này sang đêm khác, Tuấn cứ hỏi vu vơ những câu như vậy. Đến lúc không thấy Tịch trả lời nữa, Tịch chỉ còn thoi thóp, nhanh như cắt, Tuấn vùng dậy mở hộp mực ấn dấu ngón tay cái của Tịch vào... Thế là xong. Phía trước Tuấn sẽ ghi chú "Tội phạm bị liệt hai tay không ký được nên đã điểm chỉ!" Hoàn tất việc mờ ám ấy, Tuấn nhổ nước bọt vào ngón tay cái của Tịch, lấy khăn mùi-soa lau cẩn thận. Tuấn gọi Nhàu vào thả dây treo trên xà nhà cho Tịch, gọi du kích lôi Tịch đi.

Hôm sau Nguyễn Tuấn đi lên Đoàn ủy sớm. Vụ Hào Chót có thêm Tịch và Ngọc mất đầu, sẽ còn cả Bông nữa. Bước hai cải cách ruộng đất ở Quảng Hà đã kéo dài bốn tháng. Kỳ này chắc chắn được chuyển bước ba.

*

Tỉ Lệ Địa Chủ

Đáng lẽ những cuộc hội họp tập trung đông đảo như hôm nay sẽ rất sôi động, hào hứng. Tiếng hát tiếng cười sẽ rôm rả đầy khí thế. Nguyễn Tuấn lại lên cầm càng đồng ca bài *Ánh sáng Hồ Chí Minh*. Nhưng Tuấn hôm nay như mèo bị cắt tai. Vì đợt công tác kéo quá dài, trì trệ, không tiến triển được, nên cán bộ, cốt cán và nhân dân đều tỏ ra mỏi mệt. Các kho tập trung của cải địa chủ thu được đã ẩm mốc, thóc lúa bị chuột ăn, lợn gà bị giết sạch, vẫn chưa tiến hành chia bôi được gì. Toàn Đội đang rúc vào tổ kén chưa có lối thoát. Vũ Tiềm phụ trách thống kê đứng lên giãi bày cái nỗi Quảng Hà còn thiếu mười bốn địa chủ nữa.

Tiềm người nhỏ bé, thanh mảnh, dáng thư sinh, da trắng mái, tiếng nhỏ nhẹ như đàn bà: "Theo thống kê, Quảng Hà có một ngàn hai trăm bốn mươi hộ. Tính tỷ lệ sáu phần trăm là địa chủ, Quảng Hà phải có bảy mươi tư phẩy bốn (74,4) địa chủ. Toàn xã ta mới tìm được năm mươi tám tên như vậy, còn thiếu mười sáu phẩy bốn tên (16,4). Cuộc họp thống kê Đoàn hôm ấy, anh em thống kê chúng tôi khiếu nại

"sáu phần trăm địa chủ ở nước ta là cao quá," Đoàn đã kịp thời thỉnh thị lên. Cấp trên đã hạ xuống năm phần trăm. Tôi có nghe lỏm năm phần trăm, "cố vấn" không đồng ý, nhưng cấp trên vẫn quyết. Nếu năm phần trăm thì Quảng Hà còn thiếu mười bốn tên chẵn. Tức là ta phải có bảy mươi hai tên. So với tỷ lệ sáu phần trăm ta rút được hai phẩy bốn tên (2,4)."

Tiềm trình bày dài dòng và tỉ mỉ, không khí hội nghị yên thít. Mặt người nào cũng cúi gằm lấm lét nhìn Vũ Long như nhìn con hổ đói đang thu mình chuẩn bị vồ mồi. Chợt Vũ Long vùng dậy chỉ thẳng vào mặt Lò Văn-An, cán bộ Đội, và Hà Văn Thảo, cốt cán của Mã Sơn:

- Mã Sơn tại sao không có địa chủ?

An lúng túng:

- Thưa đồng chí, Mã Sơn chỉ có mười bảy gia đình, toàn nghèo khổ mới ra ở trại từ ngày hòa bình lập lại đến nay. Theo điều tra của chúng tôi, chẳng ai có nổi một mẫu ruộng, trung nông, phú nông còn khó xét, nói gì tới địa...

- Không được! Đã có nước là phải có cá. Có nông dân là phải có địa chủ! Mã Sơn phải nhận một địa chủ, không có thì các anh về Trại Bùi mà kêu.

Trại Bùi là trại giam của Đoàn ủy. Những tội nhân chưa thành án thường đem gửi tại Trại Bùi. Tịch và Ngọc hiện đang bị giam ở đó. Nói "về Trại Bùi mà kêu" là một sự đe dọa trắng trợn. An cúi gằm mặt không dám hé răng. Vũ Long quét ánh mắt nảy lửa sang phía Nhu, Tần:

- Tám mươi sáu gia đình ở Đầm Mơ tại sao mới có hai địa chủ? Các anh làm như chó ỉa thế, ăn không thấy đau cơm của nông dân à? Đầm Mơ phải nhận thêm hai địa chủ!

Nhu, Tần ngồi như trời trồng. Vũ Long thấy việc trấn áp phủ đầu của mình có hiệu quả, anh giở sổ đọc luôn số địa chủ do anh và Ban chỉ huy Đội gán cho các xóm: "Liên Trì: hai; Đình: hai; Tam Tỉnh: hai; Sộp: một; Chợ: một..." Luồng ánh mắt của Vũ Long dịu xuống âu yếm nhìn Nguyễn Thị Thuận, cốt cán trung kiên của Nguyễn Tuấn. Thuận đang là con cưng của Đội, đã được Nguyễn Tuấn cho đọc Điều lệ Đảng để kết nạp, chuẩn bị làm Chủ tịch xã, mặc dầu Nguyễn Tuấn chưa bao giờ là đảng viên. Trong cải cách ruộng đất, không phải là đảng viên vẫn có quyền tuyên bố khai trừ đảng viên và tuyên truyền kết nạp Đảng. Do đấy, quần chúng mới phong cho là "nhất Đội nhì Trời." Thấy Vũ Long âu yếm nhìn mình, cái nét mặt cóc sỉn đen đủi và cái thân hình nhỏ bé như củ khoai của Thuận cũng trở nên ngời ngời, đôi má ửng hồng. Thuận đứng lên:

- Thịnh Đa của chúng em đã có ba địa chủ, trong đó chưa tính Lý Đức, bây giờ em xin nhận bốn địa chủ nữa ạ!

Cả Ban chỉ huy Đội vỗ tay, nhưng tuyệt nhiên hội nghị không ai vỗ tay theo. Vũ Tiềm hấp tấp đứng lên, quản bút gõ gõ vào cuốn sổ:

- Thịnh Đa nhận thêm bốn nữa, thế là vừa khuýp con số mười bốn...

Vũ Long gạt ý kiến đang nói dở của Tiềm:

- Không được, ta không chấp nhận tỷ lệ năm phần trăm, ta phấn đấu bằng được sáu phần trăm. Quảng Hà phải có bảy mươi tư phẩy bốn địa chủ. Xóm Thượng tại sao không nhận thêm hai địa chủ nào? Xóm Thượng mới có một địa chủ, nay nhận thêm hai nữa.

Lúa đứng dậy phát biểu không hề xin phép ai:

- Xóm tôi bán nông bán thương, không lấy đâu ra nhiều địa chủ thế. Địa chủ phải có tiêu chuẩn ruộng đất, tiêu chuẩn bóc lột. Đấu tranh không phải là cái trò bắt chẹt, không phải thứ ăn không nói có, cướp đoạt của cải nhà người ta. Chị Thuận chị ấy muốn xóm chị có nhiều địa chủ để cướp được nhiều ruộng đất, được nhiều miếng ăn, xóm Thượng chúng tôi không thèm! Xóm Thượng chúng tôi xin nhường nốt hai địa chủ ấy cho Thịnh Đa.

Vũ Long hét lên:

- Chị Lúa! Chị là cốt cán không được phá rối hội nghị.

- Tôi không phá rối, làm cái gì cũng phải đúng chính sách. Địa chủ phải có tiêu chuẩn, địa chủ không phải trên trời rơi xuống.

- Tôi đuổi chị ra khỏi hội nghị.

- Chẳng đuổi tôi cũng chẳng hơi đâu dự cái thứ hội nghị này -Vừa nói, Lúa vừa rút cái nón ở gầm bàn ra, bước ra khỏi ghế ngồi - Từ nay tôi xin trả cái chức cốt cán cho Đội, tôi về chịu khó bắt cua bắt ốc, đi chợ đi búa kiếm cơm nuôi chồng nuôi con. Tôi không màng cái thứ của phi nghĩa, thất đức! Xin chào các anh các chị!

Lúa úp nón lên đầu, móc quai xuống hàm, vùng vằng đi ra. Hội nghị yên phăng phắc nhìn theo Lúa ngúng nguẩy đôi mông. Vũ Long mặt như miếng sắt nguội, ra lệnh:

- Thôi, các đồng chí về cứ thế mà làm, ai không làm được thì liệu chừng!

Mọi người về hết. Ban chỉ huy Đội lại vào hậu cung Đình Cả họp tiếp.

MỘT CUỘC "ĐẤU LÝ"

THẾ SĨ TRẦN VĂN HÙNG

LTS. *Sau đây là một chương trích từ cuốn sách Giọt Lệ Trong Dòng Lịch Sử của Thế Sĩ Trần Văn Hùng (tựa đề bài này do Tòa soạn Thế Kỷ 21 đặt). Tên thật của tác giả là Nguyễn Văn Thế, người làng Lưu Mỹ, tỉnh Nghệ An. Năm 1954, mới 22 tuổi, ông đã là người cầm đầu cuộc nổi dậy ở làng ông để tranh đấu quyền được di cư vào Nam của dân làng. Trong một cuộc tiếp xúc với Ủy hội quốc tế Kiểm soát đình chiến về tận làng ông điều tra, ông đã yêu cầu Ủy hội bảo đảm an ninh cho ông, lời yêu cầu đã được ghi nhận. Nhờ vậy, dù bị kết án chung thân về vụ nổi dậy, đến năm 1956 bị dẫn độ từ nhà tù về làng để đưa ra đấu tố trong cuộc cải cách ruộng đất, ông chỉ bị "đấu lý" (không dùng nhục hình, chỉ đấu bằng lý lẽ) rồi đưa trả về nhà tù, trong khi một số địa chủ khác bị giết tại chỗ. Năm 1957 ông vượt ngục, trốn qua Lào, rồi được đưa vào miền Nam đoàn tụ với vợ con đã vào trước trong các đợt di cư.*

Cuốn hồi ký Giọt Lệ Trong Dòng Lịch Sử của ông chứa đựng nhiều mảng lịch sử có thật, hiện đang được phát hành rộng rãi ở hải ngoại.

Phong trào đấu tranh lắng dịu sau thời hạn di cư hết hiệu lực. Giờ đây từng đoàn cán bộ về làng phát động cuộc đấu tranh tiêu diệt địa chủ cường hào ác bá.

Cán bộ tìm cách móc nối, xâu chuỗi các thành phần con nuôi, đứa ở và thành phần bần cố nông tam đại để làm nòng cốt cho việc đấu tranh. Thành phần nầy phần lớn mù chữ, trước đây bị xã hội khinh rẻ, nay đội về làng tìm đến nhà, cùng ăn, cùng ở. Họ được rủ rê, tuyên truyền, bồi dưỡng về tinh thần lẫn vật chất. Họ được hứa hẹn đủ điều, được đề bạt lên ông chủ tịch nọ, chánh án kia. Trước đây họ đi làm quần quật cơm ăn không đủ no, nay đội về, họ được đội nón cối, mang chiếc xắc da lè tè, được các thành phần trí, phú, địa, hào cúi đầu thưa gởi, được cán bộ đề bạt lên các chức vụ thay thế những đồng chí cũ đã bị chụp mũ thỏa hiệp bao che cho địa chủ... Họ sung sướng say mê, quên ăn quên ngủ, cố học tập căm thù, tranh đấu để dành quyền sống cho mình. Họ trở nên mù quáng, dễ sai bảo, hễ đội bảo giết là giết, bảo bắn là bắn. Họ mất hết nhân tính và trở thành những tên ác quỉ vùng vẫy dưới thời kỳ cải cách ruộng đất.

Thành phần trí, phú, địa, hào thì bị cô lập, bị cắt đứt liên hệ với thân nhân bạn bè và trong giòng tộc.

Các thành phần nông dân, cán bộ thì ngày đêm lo học tập căm thù và đấu tố.

Lực lượng an ninh ngày đêm canh gác rình mò các đối tượng đã được ghi vào sổ đen.

Các khẩu hiệu dao to búa lớn căng đầy đường nơi công cộng. Một bầu không khí ngột ngạt căng thẳng bao trùm cả vùng trời miền Bắc khiến cho nhiều người chưa bị đấu, chưa qui lên thành phần địa chủ, nhưng quá sợ sệt đã phải tự tìm cho mình và cho cả gia đình một cái chết nhẹ nhàng hơn. Từ khi cuộc phát động cải cách ruộng đất bắt đầu, thỉnh thoảng có vài phạm nhân đang thụ hình bị dẫn độ về địa phương mình. Tình trạng này đã gieo hoang mang lo lắng cho các chính trị phạm trọng án.

Một hôm khi tiếng kẻng xuất quân đã dứt, từng đoàn người nối đuôi nhau ra đồng lao tác, trong khuôn viên trại không còn người qua lại, trại biệt giam buồng 8 im lặng như tờ, bỗng có tiếng ken két mở của sắt, tiếp theo là tiếng dùi vồ nện vào chốt cửa kêu bôm bốp. Cửa biệt giam hé mở, ánh sáng mờ nhạt tràn vào, viên cảnh vệ đứng ngoài lên tiếng:

- Thế ở phòng này phải không? Mang tất cả tư trang lên phòng Giám Thị.

Không còn nghi ngờ gì nữa! Những lo nghĩ trước đây nay đã đến với mình. Tôi gói ghém đồ đạc rồi ra khỏi phòng theo sau người cán bộ.

Tại phòng Giám Thị, Như, người đồng vụ với tôi đã được áp giải đến trước, ngồi buồn bã nhìn tôi không hỏi một lời.

Cách đó không xa, một tiểu đội du kích vai mang kiếm đứng trân trân nhìn tôi rồi lại nhìn

Như.

Bọn nhà bếp được lệnh mang đến cho chúng tôi, mỗi người một vắt cơm và khoảng dăm trăm gam gạo đi đường. Nửa giờ sau, Giám Thị Trưởng bước ra với vẻ mặt

lạnh lùng.

- Hôm nay đội công tác và nông dân đòi hỏi hai anh về địa phương. Trên đường về các anh phải nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh các đồng chí du kích. Nếu có hành động gì, các anh bị xử lý ngay tại chỗ, các anh nghe chưa?

Quay sang nhóm du kích, Giám Thị nói:

- Nay tôi giao hai phạm nhân cho các đồng chí dẫn độ về địa phương theo lệnh cán bộ phát động.

Trên con đường mòn chạy vòng vo triền chân núi, bọn phạm nhân đang lao động bất gặp chúng tôi bị trói ké sau lưng đi giữa đoàn du kích, có kẻ đứng nhìn chúng tôi với nỗi xót xa cay đắng. Có đứa nói một mình:

- Thế là hai con nhạn nữa lìa đàn!

Về đến cổng làng, một con bé lứa tuổi khoảng 14 hay 15, trên vai gánh nước, nhìn thấy chúng tôi, nó đứng lại rồi thản nhiên lên tiếng một mình:

- Chà! Thằng Như, thằng Thế, hai tên phản động đã về.

Câu nói mất dạy của đứa bé hôm nay khác hẳn với thái độ ngoan ngoãn của em bé ấy cách đây một năm về trước. Phải chăng nhờ chính sách trồng người của bác và đảng nên chỉ cách một thời gian ngắn, em bé dễ thương có giáo dục đã trở thành một đứa bé mất dạy!

Đi sâu vào trong xóm, tôi thấy một bà già từ hướng đầu kia đi lại, bà ấy là cô của vợ tôi. Trong cô đơn gặp được người thân, tôi vui mừng thầm nghĩ: Nếu vì lý do cấm liên hệ, bà cô không dám lên tiếng hỏi han thì ít nữa chúng tôi cũng gặp nhau trong ánh mắt để chia xẻ nỗi cô đơn cay đắng của mình. Mối hy vọng của tôi vừa chớm nở thì đã vội tắt lịm khi bà cô sắp giáp mặt tôi, bà đã vội vã nghiêng nón bước nhanh như chạy trốn.

Chỉ vì sợ liên hệ, thỏa hiệp bao che cho kẻ thù giai cấp liên lụy với bản thân, nên mọi người đều xa lánh chúng tôi, hay ít nữa bề ngoài họ cũng tạo ra một vẻ căm thù, để qua mặt những con mắt xoi bói của cán bộ.

Hai chúng tôi được di lý sang một làng kế cận, lệnh của đội nhốt tôi một nơi và Như một nơi khác.

Trong căn nhà tranh ủ dột, giữa nền nhà chôn sẵn một chiếc cùm gỗ vĩ đại, hai lỗ cùm chân đục nham nhở. Tên đội trưởng du kích dẫn tôi đến và ra lệnh:

- Ngồi xuống, đút hai chân vào!

Hai mảng cùm há ra như hàm răng khổng long ngoạm chặt hai cẳng chân gầy ốm của tôi.

Trên chiếc ghế băng gần đó, cán bộ đội ngồi quan sát. Một lát sau y ra lệnh cho tên du kích:

- Đồng chí xuống nhà bảo vợ con hắn mang cơm cho hắn ăn.

- Thưa đồng chí, vợ con hắn đã vào Nam rồi, tên du kích trả lời.

- Còn mụ già, mẹ hắn?

- Mụ ấy già cả bệnh hoạn, lại mới nâng lên địa chủ, chúng nó đâu có được liên hệ với nhau, đồng chí?

- Cứ bảo mụ ấy lên, lệnh của tôi.

Tên du kích không hỏi thêm lời nào, lặng lẽ bước đi.

Hai ngày lê lết trên quãng đường dài, tôi mệt mỏi nằm dài giữa nền nhà, mắt tôi lim dim, đầu óc tôi suy nghĩ mông lung. Nghe tiếng Như la thất thanh, một tên du kích chạy đến nơi tìm hiểu. Lát sau hắn đến trả lời tên cán bộ:

- Cái chân thằng Như quá lớn nhưng lỗ cùm khoét quá nhỏ, ép không vào lọt, đau đớn hắn mới la trời.

Tên đội trưởng nói:

- Cho hắn chết luôn!

Con chó ngoài sân cắn sủa, tôi quay mặt nhìn ra, thấy một bà già đi theo tên du kích. Tóc bà bạc phơ, đôi mắt thâm quầng, mặt mày bơ phờ hốc hác, mặc bộ đồ nâu bạc màu điểm vài miếng vá. Vai phải bà mang túi vải nhỏ, tay trái cầm chiếc gậy tre đi từng bước một vào sân. Khi bà xích lại gần, tôi mới nhận ra đó là mẹ già tôi. Nhìn thấy tôi ốm yếu xanh xao, tóc tai rối bù, râu ria rậm rạp, hai hàng lệ mẹ tôi tuôn trào chan chứa. Bà hình như không cần biết có cán bộ đội ngồi quan sát, quờ quạng chồm tới ôm choàng lấy tôi.

- Trời ơi! Chỉ mới đi tù một năm mà hình hài con tôi ra thế này, hỏi con còn có thể chịu đựng được bao nhiêu năm nữa?

- Con mẹ kia! Có chi thì bỏ lại cho hắn rồi về ngay đi, không được quan hệ, lời cán bộ đội.

Mẹ tôi hốt hoảng bỏ gói đồ lại, vội vã cầm chiếc gậy, lê xuống sân và bước đi.

Tên du kích mở gói quà mẹ tôi mang đến để kiểm tra, chúng nó thất vọng khi nhìn thấy món đồ chỉ vỏn vẹn ba củ lang sống và một nắm lúa

rang. Còn tôi thì ngậm ngùi thương xót mẹ già, vì đây có thể là gia tài còn lại mẹ mang hết cho con! Tôi ngước mặt nhìn cán bộ đội.

- Thưa cán bộ, chúng tôi là những người đã thành án và đang thụ hình, được nhà nước cấp tiêu chuẩn rõ ràng. Nay đội và nông dân đưa chúng tôi về đây, yêu cầu giải quyết vấn đề ăn uống cho tôi.

Yên lặng giây lát, viên đội trưởng đứng dậy ra đi.

Đến bữa ăn, chủ nhà đưa cho tôi hai muỗng cơm rải lên trên vài hạt muối. Tiêu chuẩn chết đói không thể nuôi sống một chú mèo con. Tôi không lấy làm lạ. Những hạt cơm kia là để kéo dài sự sống của tôi, chờ ngày đền tội và xóa sổ!

Ngày lại ngày nằm trần trên nền đất ẩm ướt. Không chiếu mền, lạnh buốt da, hai chân lơ lửng trên chiếc cùm gỗ. Hai khuỷu tay tôi còn vướng sợi dây thừng, tôi tự thấy mình còn hèn hạ hơn một con vật đang bị người xích trói để chờ chọc tiết.

Một nỗi đau khổ khác mà tôi đang phải chống chế từng giờ, đó là cái đói. Cái đói trở nên một hình phạt ghê gớm, nó hành hạ bao tử rồi lan tràn ra các giác quan. Mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, tất cả những hương vị đều chuyển thẳng vào bao tử, giúp bọn nha lại đứng lên biểu tình ầm ỉ. Chưa ăn thì thật là đói, ăn rồi vẫn đói như chưa ăn. Suốt ngày này qua ngày nọ cứ luẩn quẩn trong cơn đói dồn dập. Đói đến nỗi mồ hôi toát ra, mắt mờ hẳn đi, đôi lúc tỏa hào quang như đom đóm trong đêm tối.

Một dịp may cho tôi, mụ chủ nhà ôm đến một bó dây lang rồi ra lệnh cho tôi:

- Mi ngồi không, lượm lá khoai giúp tao để nấu cho heo ăn.

Để giết thì giờ và cũng có ý đồ cứu đói, tôi ngoan ngoãn nhận lời. Những lá rau xanh và non tôi lượm gom để một chỗ giao nạp cho chủ, những lá vàng, lá dính đất tôi xin chủ nhà, và sau đó lượm từng cộng lá phe phẩy vào bắp vế cho rớt cát rồi bỏ vào miệng nhai ngấu nghiến, bất kể ngon hay dở, miễn sao cho bao tử có công ăn việc làm. Dần dà bọn du kích khi vắng mặt đội, cũng còn nhớ tình bạn cũ, chuyện trò tâm sự với tôi trong những lúc canh gác buồn bã. Nhiều tên cũng làm ngơ cho mẹ già và thân nhân quan hệ lén lút mang quà bánh đến cho tôi.

Một thiếu nữ, nhân lúc canh giữ tôi, thị nghe tôi kể lại câu chuyện 18 năm về trước. Lúc đó gia đình thị cùng cả làng này bị thần hỏa thiêu rụi. Hàng ngày tôi theo ba má mang cháo phát chẩn cho đồng bào. Đặc biệt gia đình thị thì được ba má tôi đón về nhà bao bọc cho đến lúc dựng lại nhà cửa, lập lại cuộc sống ổn định mới trở về chỗ cũ. Thị cũng thừa nhận có lần cha mẹ thị nhắc lại biến cố trên và vô cùng cảm kích trước tấm lòng quảng đại từ tâm của cha mẹ tôi.

Hai tuần lễ trôi qua, đội công tác đã nghiên cứu hồ sơ của tôi xong. Họ cũng vẽ vời tập luyện cho bọn bần nông cách đấu tố và ra lệnh dẫn tôi đến đấu trường.

Mặt trời đã lặn, bóng đêm âm u, tôi vừa mới ăn cơm xong, chưa kịp uống nước, thì bọn du kích mang dây thừng đến trói tôi lại và dẫn đi. Trước khi vào đấu trường, chúng bắt tôi dừng chân tại nhà một tên cán bộ. Bước vào sân, tôi thấy một gã cán bộ còn nằm trên chiếc chõng tre, quay mặt nhìn ra cửa sổ.

Người đó là Cước, người giúp việc lâu năm cho cha mẹ tôi, được cha mẹ tôi coi như người trong nhà và tận tình giúp đỡ bao bọc.

Năm 1953 Giảm tô, cán bộ phát động tìm đến nhà vận động y đấu cha mẹ tôi. Cước thẳng thắn trả lời:

- Biết bao năm rồi, cứ mỗi kỳ giáp hạt tháng Ba tháng Tám, nếu không nhờ ông bà ấy, thì tôi đâu còn sống đến ngày hôm nay để tố khổ họ.

Trước phản ứng của Cước, cán bộ lờ đi. Một năm sau, Cộng Sản dùng chính sách thuế nông nghiệp để bòn rút tài sản dân chúng. Vì không muốn kéo cày làm công không, nhân lúc bạo quyền Cộng Sản tận thu tài sản những gì còn sót lại của gia đình, tôi gọi anh em Cước, Đào giao tặng toàn bộ ruộng đất luôn cả hoa màu sắp thu hoạch cho anh em giòng họ Cước để đáp lại ơn của người nông dân trung thành ấy. Đối với họ thuế khóa đóng cũng tốt, không đóng bạo quyền cũng lờ đi. Hôm nay gặp lại Cước, tôi những tưởng y còn dính chút tình nghĩa đối với mình, tôi cất tiếng chào trước:

- Anh Cước!

Nhìn thấy và nghe giọng nói của tôi, Cước im lặng, ngồi dậy quay mặt vào trong. Tôi sượng sùng và ngỡ ngàng trước sự trở mặt của Cước. Đào, em Cước từ ngoài bước vào cố lờ đi như không quen biết với tôi. Hắn đến bên cửa sổ và lên tiếng:

- Dậy, chúng mình đi đấu, anh Cước.

Bên đấu trường gần đó có tiếng hô lớn:

- Đả đảo tên đầu sỏ Nguyễn Văn Thế đại gian đại ác!

- Có khổ nói khổ nông dân vùng lên!

- Nợ máu phải trả bằng máu!

Tiếng hô vừa dứt, bọn du kích dẫn tôi vào đấu trường. Bọn chúng được lệnh mở trói tôi ra. Chúng không bắt tôi quì trên mô đá như các địa chủ khác.

- Gã chủ tọa là tên con nuôi của một nhà trong xóm, hắn có giọng nói cà lăm:

- Tau...tau ra lệnh cho mi, hôm nay phải ...phải đấu lý với nông dân. Tau gọi thì thì thì phải dạ. Muốn nói...nói gì thì phải thưa ông thưa bà, và xưng... xưng con. Nghe hông? Mời bà con đấu.

Mở màn cuộc đấu, một phụ nữ trạc tuổi 45, mặt mày lem luốc, tóc tai rối bù, quần áo mướp xơ để tỏ ra mình là cố nông tam đại. Thị bước đến trước mặt, cầm mái tóc tôi giật xuống:

- Thế nè, hồi di cư, tụi mi tuyên bố dân Lưu Mỹ và Thuận Nghĩa không đấu cụ (cha xứ) nên tụi mi cho ở đồng Tháp Mười là chỗ lúa gạo dư thừa, sung sướng hơn, có đúng không?

Tôi đáp:

- Nếu chúng tôi có ác tâm đưa đồng bào và thân nhân chị vào chỗ khổ thì nay hành tội tôi cũng là đáng. Còn chúng tôi có ý tốt đưa bà con chị và đồng bào đến chỗ sung sướng hơn, sao lại đấu tôi?

Một tên khác chạy lên:

- Tụi mi cưỡng ép dân bỏ làng bỏ nước đi Nam để đi lính và làm phu cho giặc. Khi nhà nước cho đồng bào ra đi, tụi mi viết thư về bảo đồng bào đừng đi để bôi xấu nhà nước, có không?

- Thật là mâu thuẫn khi kết tội tôi cưỡng ép bà con ra đi rồi lại buộc tội tôi là bảo đồng bào ở lại! Mà thư đó từ bao giờ?

- Mi giả vờ quên rồi hả? Hồi tháng 3 năm 1955 thằng Bá Lợi đọc trong nhà thờ, mi giả bộ, giả tịch để chạy tội!

- Chị lầm rồi, lúc đó chắc có một Thế nào đó, còn Thế này đang nằm trong cùm, bốn bề có lính gác thì làm gì có thư với từ, lệnh với lạt!

Hường rẽ đám đông xông tới:

- Hồi tụi mi cướp được chính quyền, mi ra lệnh cho bọn phản động đổ nước nóng vào tai tau, có không?

- Anh Hường à! Tôi cùng anh sống chung với nhau trong một làng, ra vào gặp nhau trong một lối, lúc nào cũng tay bắt mặt mừng. Tôi có thù hận gì với anh đâu mà phải ra lệnh đổ nước nóng vào tai anh. Và đổ nước nóng vào tai anh để làm gì? Vả lại hồi đó tôi còn bận tâm nhiều chuyện lớn hơn là việc anh tưởng tượng.

Định, một cán bộ địa phương thay Hường đấu tiếp:

- Đêm 8-1-1955 tụi mi bắt huyện ủy, xã đội, công an và cả tụi tao về đấu tố, buộc tụi tau ký vào biên bản nhận tội vào làng trộm gà, lợn, bò.

- Có, nhưng những người bị bắt hôm đó đã nhìn nhận vào làng để trộm cắp gà vịt, và họ đã ký vào biên bản nhận tội, chắc ông còn nhớ. Chúng tôi có đặt điều đâu.

Tôi vừa dứt lời, Định nắm tay dáng mạnh một quả vào tam tinh. Tôi đảo người, cả một vùng hào quang tỏa ra như đom đóm. Tôi tưởng chừng hai con ngươi của mình đã văng ra ngoài. Nhưng may quá, qua giây lát mắt tôi sáng lại bình thường.

Giờ đây anh em giòng họ Cước xuất hiện tố khổ tôi:

- Thế nè, cha mẹ mi là địa chủ bóc lột tụi tau tận xương tủy. Cuối năm 1953, mi giả nhân giả nghĩa đưa ruộng vườn đến gán cho tụi tau, mục đích để mua chuộc tụi tau và trốn thuế nhà nước.

Tôi trả lời:

- Anh Cước, anh là người giúp việc cho cha mẹ tôi do sự thỏa thuận, tiền thù lao trả sòng phẳng. Tôi còn nhớ, những lúc giáp hạt, vợ con anh mang thúng đến xin khoai, gạo về ăn không tính tiền, anh quên không tố khổ nốt. Còn tôi, tôi tặng anh ruộng tốt nương lành kể cả hoa màu sắp thu hoạch không đòi hỏi một xu, thì đâu phải là bóc lột. Các anh canh điền thì phải nạp tô cho nhà nước, còn tôi, không cày ruộng nữa thì còn đóng thuế gì mà phải trốn?

Bọn Cước, Đào bước xuống thì Kỳ một bộ mặt quen thân với tôi tiến lên tố khổ:

- Thế! Hồi di cư mi rủ rập tau bỏ nước bỏ Đảng ra đi, mi hứa vào Nam sẽ lo vợ con cho tau, đúng không?

- Chuyện rủ rập là quyền của tôi, còn đi hay không là quyền của anh. Trước đây anh có ý định cưới em vợ tôi, nếu vào Nam tôi lấy quyền huynh thế phụ giúp anh cưới hỏi thì đâu có gì là đáng tội.

Kỳ lặng lẽ bước ra ngoài góc sân và nói một mình:

- Thua, thua!

Một phụ nữ đột xuất giơ tay xin phép đội

lên đấu. Chủ tọa phấn khởi đứng dậy hỏi tên:

- Ai? Đồng bào nào muốn lên đấu tố đó?

Có tiếng đáp lại:

- Chị Hướng, chị của thằng phản động.

- Không được, không được! Chủ tọa trả lời.

Chị Hướng thất vọng khi định bước lên trước mặt tôi tố cáo vài lời vớ vẩn, để chị em được nhìn mặt nhau lần cuối nhưng bị từ chối. Xa xa ngoài góc sân có tiếng xì xào:

- Thằng phản động lỳ thật, mà hắn cãi cũng có lý.

Có tiếng khác nói tiếp:

- Có như thế mà năm vừa rồi suốt hàng tháng chính quyền phải mất ăn mất ngủ với chúng. Chúng dám bắt cả bí thư huyện, nhốt cả công an, đánh cả bộ đội. Thế mà chúng còn mời quốc tế về tố gian nhà nước nữa!

Gà đã gáy tan, đám nông dân ngáp dài ngái ngủ, bọn chủ khổ (1) đấu tố bị chận đầu. Đấu trường trở nên tẻ nhạt. Đội ra lệnh tạm ngưng cuộc đấu.

Đám chủ khổ đấu tôi không gục, đội bố trí đấu trường khác, tăng cường thêm một số chủ khổ của hai xã Hiến Sơn và Đại Sơn đến tiếp sức.

Hôm sau, bọn chủ khổ địa phương không còn phấn khởi chạy lên đấu tôi, nhưng một số người xã Đại Sơn thay phiên nhau lên đấu. Một người bước lên:

- Thế, mi là tên đầu sỏ ác ôn, là tay chân Mỹ Diệm dám ngang nhiên lập làng kháng chiến chống lại nhà nước, chống lại nông dân, gây nhiều tội ác. Mi đáng chết!

Đám chủ khổ xã Hiến Sơn thì chạy lên chửi mắng la hét:

- Mi là thằng phản động ác ôn, đã gây thương vong cho đồng bào xã tau hàng chục người. Nợ máu mi phải trả bằng máu.

Tôi đáp:

- Chúng tôi bị kẻ khác đến tấn công nên đã đánh trả lại để tự vệ. Chúng tôi có qua xã Hiến Sơn, Đại Sơn để tấn công đồng bào đâu.

Tên khác chạy lên dí tay vào mặt tôi:

- Đ. mẹ mày, tên ác ôn ngoan cố. Đả đảo tên ác ôn ngoan cố! Đề nghị nông dân văm nhỏ hắn ra từng mảnh!

Đợt hai cải cách, đội đã giết mất hai người, đó là ông ngoại vợ tôi và ông Phan Văn Quí đồng vụ với tôi. Ông Quí đang thụ hình bị bắt về đấu tố và bị giết một cách tàn nhẫn.

Đợt ba sắp đến, dư luận đồn đại, cán bộ đội định giết thêm vài người nữa để làm lễ tế Đảng. Tôi và Như có thể là những người đứng đầu sổ bị xóa tên.

Một buổi sáng mẹ già lại đến thăm tôi, lần nầy mẹ mang đến một đòn bánh tét nhỏ. Khi đến gần, mẹ tôi nghẹn ngào không nói nên lời, đôi mắt đỏ hoe. Hình như mẹ tôi muốn báo cho tôi một hung tín nhưng không dễ dàng nói lên được. Ngưng chốc lát, mẹ tôi sụt sùi với giọng nói run run:

- Mẹ mua chiếc bánh này đem đến để mẹ con cùng ăn và chia xẻ niềm đau thương với con. Mẹ biết rất có thể đây là lần sau hết mẹ con ta gặp nhau và mai đây mẹ không còn cơ hội để gặp lại con nữa!

Nhìn mẹ với vẻ mặt âu yếm, tôi nói:

- Khi xưa, trước ngày Chúa chịu khổ hình trên thập giá, Ngài đã mở tiệc ly với các môn đệ Ngài. Hôm nay mẹ đưa chiếc bánh này tượng trưng cho bữa tiệc mẹ khoản đãi con trước lúc mẹ con ta xa nhau vĩnh viễn. Chúng ta hãy cùng nhau dùng đi. Mọi sự con chuẩn bị rồi, là người ai thoát khỏi sự chết. Điều con vui mừng nhất là con không phải hổ thẹn với lương tâm. Con tin tưởng một ngày nào đó mẹ con ta lại gặp nhau vĩnh viễn ở kiếp khác.

Thấy hai mẹ con chúng tôi ngồi tâm sự khá lâu, chú du kích từ nhà dưới bước lên nói khẽ:

- Nói chuyện lâu rồi, bà già về đi, lỡ cán bộ đội bắt gặp có hại cho bà và liên lụy đến cả tôi nữa.

Mẹ từ giã tôi với hai hàng lệ chan chứa.

Tiếng kẻng báo thức đã bắt đầu, ngoài đường vọng lên tiếng trống nhịp ba, xen lẫn tiếng ồn ào của trẻ nít, thỉnh thoảng chúng hô vài khẩu hiệu kích động đồng bào đến đấu trường tham dự cuộc đấu.

Tôi lặng câm, nằm dài trên nền nhà đưa mắt nhìn ra ngoài cổng đón chờ bọn lý hình đến trói mình đưa đi hành tội.

Ngoài đường tiếng ồn ào của trẻ đã dứt, tiếng trống không còn dư âm để lại. Chú du kích thức khuya canh gác mệt mỏi, vẫn khò khò ngủ. Từng phút đợi chờ hồi hộp, tôi chẳng thấy ai động đến mình. Bảy giờ rồi mười giờ rồi mười hai giờ trôi qua. Đến một giờ chiều, từ hướng Nam có hai loạt đạn nổ kèm theo tiếng hoan hô dội về chấm dứt cuộc đời hai tên địa chủ!

Cuộc đấu tranh bước vào thời kỳ cao điểm. Hàng ngày vẫn nghe tiếng súng nổ từ làng trên xã dưới. Nhiều gia đình địa chủ, vợ chồng con cái khiếp đảm trước cực hình, họ đã tự tìm cái chết cho mình.

Trong lúc bà mẹ vợ tôi bị qui lên địa chủ, bà bị bắt nhốt và đấu tố. Ở nhà ông nội vợ tôi không ai lo lắng nên phải chết đói. Đội cho bà về để cùng một thân nhân mai táng ông nội. Một bà vợ của địa chủ khác đã từ trần trong lúc chồng còn bị đấu tố. Đội không cho con cháu lượm xác bằng hòm hoặc chiếu nhưng bắt thân nhân lấy rơm bó lại và khiêng ra đồng đào hố lấp tử thi như chôn một con thú.

Trong lúc ngồi canh gác buồn tẻ, chú du kích kể lại một chuyện đời trớ trêu trong cải cách ruộng đất. Một tên địa chủ ở làng kế cận, bị các chủ khổ bắt quỳ trên mô đá, chịu đấu tố ngất ngư nhưng vẫn ngoan cố không chịu đầu hàng. Đến lượt người ta thấy một thằng bé trạc tuổi mười ba xuất hiện trước mặt lão địa chủ. Hắn nắm mái tóc cha và hỏi:

- B. mi biết tau là ai không?

Người cha ngước mặt nhìn con và trả lời:

- Thưa ông, con biết ông là con của con.

Thằng bé tát mạnh vào mặt lão địa chủ:

- Tau chẳng có liên hệ gì con cha với mi, tụi bay vì sướng quá đẻ tau ra, bỏ tau bơ vơ, nếu không có đội nuôi thì tau đã bị chết đói!

Người cha gục đầu xuống không nói nửa lời, hai giòng lệ chảy dài xuống hai gò má nhăn nheo. Dăm phút sau ông đã đầu hàng để nhận một cái chết tức tưởi.

Nhiều gia đình địa chủ, vợ con quá khiếp sợ trước cực hình, hoặc bị mua chuộc nên chấp nhận đứng về phía đảng và nông dân để đấu tố chồng, cha.

Các địa chủ sau khi bị hành quyết, toàn bộ tài sản bị tịch thu, thân nhân bị đuổi ra khỏi nhà và bị cô lập, không cho ra khỏi nơi cư trú, không được liên hệ với thân nhân , nên nhiều người đã phải chết đói hoặc nhảy xuống giếng, thắt cổ... tự tử.

Trong lúc xã hội còn quay cuồng điên loạn, bắn giết bừa bãi, thì một chuyện bất ngờ xảy ra. Cán bộ đội ra lệnh cho du kích tháo gỡ cùm và dẫn tôi đến nhốt chung cùng một số địa chủ chuẩn bị lên đường đi cải tạo. Những người địa chủ hầu hết già cả, bị đấu tố và bỏ đói nhiều ngày nên thân hình ốm teo kiệt sức. Có người cầm chiếc gậy tre đi thất thểu, như một kẻ hành khất tàn tật. Tôi là một tù nhân trẻ nhất trong bọn, nên được lệnh làm cu ly khiêng cáng một lão già ngoài tám mươi đi cải tạo.

Lão già ngồi trên chiếc cáng đan bằng mấy thanh tre nguệch ngoạc, nhíu mắt nghe tôi đọc mấy vần thơ:

Võng lọng ngựa xe chưa là vinh
Xiềng xích gông cùm chưa là nhục.

Lão nhếch mép cười và gật đầu như đồng ý với cảnh ngộ của mình.

Tại trại tập trung địa chủ, khi duyệt lại hồ sơ, Ban Giám Thị thấy lý lịch của tôi không liên quan gì tới địa chủ. Cũng không bị kết án lại trong cải cách, nên từ khước và ra lệnh cho du kích giải tôi về đội. Đội công tác ký lệnh trả tôi về trại cũ. Nơi đây nêu lý do trại đã giao cho đội, tên NguyễnVăn Thế không còn thuộc quyền quản lý của ban giám thị.

Đã mấy tháng bỏ công ăn việc làm, đêm ngày lo canh giữ, nay phải đưa đi dẫn về, bọn du kích chán nản, có tên thốt lên:

- ĐM, bắt người ta về, bắn không bắn, tha không tha, nhận không chịu nhận, quanh đi quẩn lại chỉ hành xác tụi này!

Trở lại địa phương thêm một thời gian nữa, không phải để cho đấu tố thêm, nhưng là một dịp để tôi được nghe thêm những gì còn sót lại của màn chót cải cách ruộng đất.

Tháng 4-1956 tôi được trại cũ Yên Sơn tiếp nhận. Thật là may mắn cho tôi. Trước đây tôi rời trại trong lo âu, nay trở lại trong vui mừng, vì tôi không phải đi chuyến tàu suốt như nhiều người đồng cảnh khác.

CHÚ THÍCH :

(1)- Chủ khổ hay khổ chủ là những người trước kia bị bóc lột nay được khích động lên đấu tố.

Tìm đọc:

Giọt Lệ
Trong Dòng Lịch Sử
của **Thế Sĩ Trần Văn Hùng**

Giá: Hoa Kỳ và Canada: $16.00
Các nước khác: $20.00

Liên lạc: Trần Văn Hùng
4491 Glade Rd
Forest Park, GA 30297
Tel: (404) 608-1649

U.B.H.C. Xã Thượng Thanh
Quận 8
Thành phố Hà - Nội

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

Năm 1959
Số 6

BẢN SAO GIẤY KHAI TỬ

Họ, tên, tuổi người chết	Kiều-văn Nhạ 56 tuổi.
Quốc tịch	Việt-Nam
Nam hay nữ	Nam
Nghề nghiệp chỗ ở người chết	Địa-chủ thôn Thượng-Cát xã Thụy-Phương quận 8 Hanoi.
Ngày, tháng, năm chết	tháng 2 năm 1956.
Nơi chết	Thôn Thượng-Cát xã Thụy-Phương quận 8 Hanoi

Làm tại Thượng-Thanh ngày 16 tháng 9 năm 1959

CHÚ THÍCH: Trong CCRĐ là Địa chủ cường hào gian ác bị kết án tử hình xử ngay ở đấu trường lúc đó ở thôn Thượng-Cát, đến ngày hôm nay vợ mới khai và xin khai tử.

SAO LỤC
Thượng-Thanh ngày 16 tháng 9 năm 1959
Chủ tịch U.B.H.C. Xã

ỦY BAN HÀNH CHÍNH
XÃ THƯỢNG-THANH
THÀNH PHỐ HÀ-NỘI

CCRĐ : Cải cách ruộng đất.
Địa chủ : Địa chủ cường hào gian ác.

VẾT TÍCH MỘT VỤ TỬ HÌNH TRONG CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT:

Ông Kiều Văn Nhạ bị giết tháng 2 năm 1956. Phần chú thích trên tờ giấy khai tử ghi: *Trong CCRĐ là Địa chủ cường hào gian ác bị kết án tử hình, xử ngay ở đấu trường lúc đó ở thôn Thượng Cát, đến ngày hôm nay vợ mới khai và xin khai tử.*

Được biết ông Kiều Văn Nhạ là thân sinh của ông Kiều Duy Vĩnh, người trước đây đã có nhiều bài viết đăng trên báo Thế Kỷ 21.

Đấu Tranh Chính Trị

VÕ VĂN TRỰC

(Trích từ cuốn Chuyện Làng Ngày Ấy)

LTS. Trong cố gắng tìm hiểu xã hội miền Bắc trong thời kỳ đen tối cải cách ruộng đất, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả một chương trong cuốn sách "Chuyện Làng Ngày Ấy" của tác giả Võ Văn Trực, do nhà xuất bản Tạp Chí Văn Học ở California ấn hành năm nay, 2006.

Võ Văn Trực sinh năm 1936 tại làng Hậu Luật, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. "Chuyện Làng Ngày Ấy" do nhà xuất bản Lao Động tại Hà Nội in vào năm 1993, nhưng chưa ra khỏi nhà in đã bị thu hồi và cấm phát hành cho tới ngày nay. Nhà xuất bản Tạp Chí Văn Học cho biết:

Võ Văn Trực được biết như một nhà thơ đảng viên, Phó Tổng biên tập báo Văn Nghệ trung ương, công tác lâu năm tại cơ quan Hội Nhà Văn, về hưu sau khi có sách bị cấm. Như "mấy lời tâm sự" của tác giả ở cuối sách: "Chuyện làng ngày ấy là chuyện làng xóm, gia tộc, gia đình xẩy ra những năm sau Cách Mạng tháng Tám. Tôi ghi lại một cách trung thực những điều tôi nghe, tôi thấy, tôi biết..."

Chính vì "ghi lại một cách trung thực" qua cái nhìn của một nhà văn lúc về già nhìn lại nên Chuyện Làng Ngày Ấy thực sự là một cuốn biên niên sử sinh động về cuộc cách mạng ruộng đất, "đào tận gốc, trốc tận rễ" tất cả những gì bị kết tội là "thuộc xã hội cũ" ở làng quê Việt Nam. Trong vẻn vẹn có gần 200 trang in, Võ Văn Trực cứ lặng lẽ, từ tốn và chậm rãi đưa ra rất nhiều "sự thực của lịch sử" mới nghe tưởng chuyện tầm thường, ngẫm lại mới thấy bàng hoàng, xót xa. Và rồi gấp sách lại, người ta thấy rõ cái mô hình cộng sinh từ ngàn đời nay của dân quê Việt Nam vẫn là làng xóm chứ tuyệt nhiên không phải những hợp tác xã nông nghiệp, những tập đoàn sản xuất theo mô hình Cộng Sản.

Mọi mưu toan xóa bỏ đơn vị "làng xóm," thay thế bằng những thiết chế kìm kẹp khác, đều phá vỡ cân bằng môi trường sinh tồn của dân tộc, đều bộc lộ những ảo tưởng của những đầu óc nông cạn. Đó là cái tài tình của Võ Văn Trực khi không cần lôi kéo mà ông cũng vẫn dẫn người đọc đi đến kết luận đó...

Đền thờ Bạch Y Thần trở thành địa điểm của những họp lớn. Thượng điện biến thành kho phân, luôn luôn bốc lên một mùi hôi thối. Hạ điện là nơi họp, bốn góc nhà bị trẻ em nghịch ngợm đái, nước tiểu thấm vào tường xông lên mùi khai nồng nặc. Dạo này liên miên đêm nào cũng họp, toàn là những cuộc họp quan trọng, người ngồi chật ních cả ba gian.

Rét. Đói. Mưa dầm. Người dự họp vẫn đông. Họp để vạch mặt những người man khai thuế nông nghiệp, để đấu tranh với những người không chịu nộp thuế nông nghiệp, dần dần phát hiện ra "bọn phản động phá hoại sự nghiệp cách mạng" - gọi là đấu tranh chính trị.

(...)

Trưa nay, ông cu Đình gặp tôi nhờ tôi viết một "bài văn nghệ" để tối đọc. Tôi sung sướng vì được các đồng chí lãnh đạo tín nhiệm. Mẹ tôi biết việc đó, nói nhỏ với tôi bằng vẻ mặt quan trọng: "Con cố gắng viết cho hay, rồi học thuộc lòng, tối đọc cho lưu loát." Viết những bài văn vần để ngâm, kể vè, hát chèo, hát tuồng, hát trống quân, sa mạc động viên trong các buổi họp trở thành sở trường của tôi. Có lúc tôi viết rồi nhờ một cô gái nào đó hát. Có khi tôi viết và tự diễn xuất một vai tuồng, một vai chèo hoặc một vai hề. Bài nào tôi viết cũng được người nghe vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt, vì nội dung rất sát với tình hình thôn xóm, thậm chí nếu cần thì kể rõ tên ông này tích cực, bà nọ tiêu cực.

Sau khi ông cu Đình gặp, tôi trốn biệt ở một nơi vắng vẻ, hì hục viết quên cả ăn cơm. Tối

đến, bắt đầu vào cuộc họp, ông cu Đình giới thiệu tôi "hát văn nghệ." Tôi hồi hộp đứng dậy trình bày theo điệu hát giậm:

Trăm năm trong cõi người ta
Đóng thuế nông nghiệp thật là vẻ vang
Khắp dưới bể trên ngàn
Nhân dân ta nô nức
Chiến sĩ mình nô nức.
Tấm lòng dân như ngọc
Soi đường lối Đảng mình
Thật rạng tỏ anh minh
Đánh tan quâm xâm lược
Diệt trừ bầy xâm lược.

Cán bộ thì tất bật
Mang túi dết bên người
Cứ chạy ngược chạy xuôi
Đến nhà dân vận động
Đến từng nhà vận động.

Cơm khoai ăn lưng lửng
Người đã gọi bên ngoài
Chân lồng dép trụt quai
Đội mưa dầm đi họp
Đội trời mưa đi họp.

Có kẻ giàu nứt cót
Thuế má cứ khai man
Lẩn trốn đủ trăm đàng
Như là lươn là trạch
Như đồ lươn đồ trạch.

Phải ra tay vạch mặt
Cái lũ trạch lũ lươn
Đục khoét vùng hậu phương
Dân tình ta cơ khổ
Chiến sĩ mình cơ khổ.

Phải nhất tề tóm cổ
Cái lũ trạch lũ lươn
Phá vật cản, mở đường
Thuận đà lên thắng lợi
Chóng đến ngày thắng lợi.

Tôi vừa đọc xong, tiếng vỗ tay hoan hô như muốn vỡ tung cả mái ngói. Đã bao nhiêu lần tôi được vỗ tay như thế, đến lần này tôi vẫn không nén được niềm vui sướng cứ trào lên. Tôi càng phổng mũi khi chủ tọa cu Đình nói: "Anh Trực nói rất đúng: Phải ra tay vạch mặt, cái lũ trạch lũ lươn - phải nhất tề tóm cổ, cái lũ trạch lũ lươn. Xin mời bà con thẳng thắn vạch mặt."

Anh chàng cà lăm hăng hái nổ phát súng đầu tiên:

- Tôi... tôi... tôi vạch... vạch... mặt...

Chủ tọa cản lại:

- Anh Cà hôm qua nói nhiều rồi, để nhường lời cho người khác.

- Không... không... Tôi chỉ xin... xin... bình một câu về... về... cái bài văn... nghệ... của... của... ch... chú Trực.

Chủ tọa:

- Anh nói thật ngắn.

- Tôi... tôi... nói thật... thật ngắn. Ch... chú... chú Trực nói... nói... cái lũ... lũ trạch... lũ... lũ... lươn cũng là... cái... lũ... liếm... l...

Không khí hội trường đang trang nghiêm, bỗng lại vang lên tiếng cười.

Chủ tọa cu Đình mặt đỏ gay:

- Từ giờ phút này, tôi cấm không ai được cười! Cười là phá hoại hội nghị. Cười là tiếp tay cho bọn chống lại chính sách thuế nông nghiệp của Đảng và chính phủ.

Ông Hành Giật giơ tay:

- Tôi tán thành ý kiến của chủ tọa. Nhưng tôi phải nói thế này mới đầy đủ. Cấm đàn ông không được cười là đúng. Nhưng đối với đàn bà thì phải cho họ cười mỉm, chứ cấm họ cả cười to cả cười mỉm thì chỉ có cách là bắt họ đứng họp.

Đã quen với lối hài hước, xỏ xiên của ông, mọi người hiểu ý và lại không nén được tiếng cười. Chủ tọa thẳng tay ra lệnh cho dân quân tống cổ ông Hành Giật ra khỏi hội trường. Lập tức không khí hội nghị trở lại nghiêm trang như bàn thờ và nặng nề như núi.

Thoáng nhớ lại những người mà tối qua và suốt ngày hôm nay ông đã dày công gặp gỡ và mớm lời cho họ, ông gọi tên từng người:

- Bà con đã tín nhiệm cử tôi làm chủ tọa thì tôi có quyền quyết định mọi việc. Bây giờ xin mời những người này phát biểu: anh Toàn, bà Nhuyên, ông Vận... Sau đó, những người khác tiếp tục.

Toàn chạy lên, chỉ tay vào mặt bà Hinh và ông Khang:

- Ngoài mặt trận các chiến sĩ không tiếc máu xương để giành độc lập, tự do, hạnh phúc cho đất nước. Các ông các bà thật là vô ơn bội nghĩa, ăn cháo đái bát. Các ông các bà được ăn no mặc ấm mà không nghĩ đến các chiến sĩ nhịn đói nhịn khát ăn sương nằm gió, lăn lộn ở chiến trường. Các ông các bà là kẻ nằm há miệng chờ sung rụng. Đến lúc nước nhà độc lập thì các ông các bà lại xông vào trước để tranh phần nhiều. Tư tưởng đó là tư tưởng của bọn phong kiến, đế quốc,

của quân xâm lược sài lang...

Bà Nhuyên cũng đứng nghiêng người giống tư thế anh Toàn:

- Bà Hinh ông Khang là quân đế quốc, là lũ sài lang... Bà Hinh ông Khang, là đồ phản động, là đồ Việt gian. Bà Hinh ông Khang là quân đế quốc, là lũ sài lang. Bà Hinh ông Khang, là đồ phản động, là đồ Việt gian. Bà Hinh ông Khang...

Nghe bà nói như hát, có cô gái nào đó bật ra tiếng cười. Chủ tọa cu Đình lại ra lệnh cho dân quân tống cổ cô ta ra khỏi hội trường.

Chính thái độ kiên quyết của chủ tọa làm cho không khí cuộc họp trở nên nghiêm trọng. Lồng ngực của người nào cũng nóng ran.

Đến lượt ông Vận. Cái lưng ông hơi gù. Nhưng toàn bộ tư thế đứng của ông cũng giống như anh Toàn, bà Nhuyên. Tất cả như cùng được đúc ra từ một cái lò:

- Tôi phán cho các ông bà biết - Ông Vận nói - Ông cha ta lấy chữ "đạo" làm đầu, còn các ông các bà thì lấy chữ "tặc" làm đầu. "Tặc" là gì, các ông các bà có biết không? "Tặc" là phong kiến, đế quốc, "tặc" là xâm lược sài lang. Man khai thuế nông nghiệp, trốn thuế nông nghiệp, chống lại chính sách thuế nông nghiệp tức là "tặc". Các ông các bà là "tặc". Các chiến sĩ ngoài mặt trận là "đạo". "Tặc" chống lại "đạo" tức là phi nhân, phi nghĩa, phi độc lập, phi tự do, phi hạnh phúc. Các ông các bà...

Một người đàn ông từ phía dưới thét to:

- Chúng nó chống Đảng chống chính phủ, không gọi chúng nó là "ông, bà," mà gọi là "thằng," là "con."

Như mèo vớ được cá rán, chủ tọa bật dậy:

- Ông Tư phải không? Mời ông lên đây!

Ông Tư xồng xộc chạy lên:

- Tao thấy chúng mày thường gặp nhau họp kín, thậm thụt bàn với nhau. Bàn cái gì? Bàn chống Đảng chống chính phủ à? Dân công không chịu đi, khất lần này lần khác. Thuế không chịu đóng. Tao căm ghét chúng mày.

Ông Tư giơ chân đạp vào lưng bà Hinh, ông Khang ngã chúi mặt.

Một người đàn bà giọng ồm ồm như ếch kêu:

- Họp kín thì còn nhiều người khác nữa, chứ không riêng gì hai tên Khang với Hinh.

Chủ tọa:

- Còn những tên nào? Bà cho biết.

- Còn ông Đẹt, ông Thọ.

- Đẹt, Thọ lên đây!

Ngay trước bàn chủ tọa có thêm hai người nữa là thành bốn người. Bốn người ngồi vòng tay, cúi mặt như bốn tội nhân ngồi trước vành móng ngựa. Trong ánh đèn lờ mờ, họ run cầm cập như cầy sấy.

Trong bốn người này thì ông Thọ - tôi quen gọi là chú xã Thọ - nghèo nhất. Bố chú chết sớm, chú đi làm thuê khắp nam bắc đông đoài. Chẳng có một tấc đất cắm dùi. Sau ngày giành được chính quyền, chú mới được chia dăm tấc đất, dựng một cái lều để chui ra chui vào. Ở làng tôi, trên bốn mươi tuổi người ta đã có cháu nội cháu ngoại, riêng ông Thọ cũng đã chừng ấy tuổi mà chưa lấy được vợ nên dân làng gọi là "xã Thọ." Chú cũng thuộc dòng họ Võ, chi dưới của chi họ tôi, nên tôi gọi là "chú xã Thọ" một cách thân mật. Thỉnh thoảng chú lên giúp việc cho nhà tôi như bửa củi, xe đá. Lúc rỗi rãi, chú thường ngồi uống nước chè xanh với bố mẹ tôi và kể những chuyên ma quái ở miền ma thiêng nước độc Phủ Quỳ. Dịp giáp hạt, mẹ tôi thường san sẻ cho chú củ khoai lang hay bát khoai khô. Có một lần tôi nhớ mãi, mẹ tôi đến chơi thấy chú nằm lả đói, vội vàng về nhà mở vạt cà muối đen ngòm bốc ra một bát lổn nhổn củ chuối, cây rau dền, xơ mít và cà pháo. Chú chống tay ngồi dậy ăn một cách ngon lành, uống đầy một bụng nước, rồi chắp tay vái mẹ tôi. Ngược lại, chú cũng rất thương tôi. Kỳ thi năm ấy, tôi tìm được một chỗ khuất để ôn bài, đó là cây đa giếng Đình. Vòm cây rậm rạp, tôi trèo lên ngồi ở chạc ba, học suốt buổi. Các cô đi gánh nước, trẻ chăn trâu không biết tôi ngồi trên đó. Chỉ riêng chú xã Thọ, nhà ở gần cây đa, biết nơi tôi thường ngồi học. Khoảng nửa buổi chiều, chú thường đem ra cho tôi bát khoai xéo hoặc mấy củ khoai lang hoặc mấy bắp ngô luộc. Khi cây đa bị sét đánh chết, chú nói đùa: "Trời đánh chết cây đa, nhưng không đánh chết được chữ của anh Trực."

Chú xã Thọ là như thế, nghèo khổ, hiền lành, sao lại làm phản động? Năm thì mười họa chú có đến làm thuê cho ông Khang, thỉnh thoảng ngủ đêm ở đó. Hình như chú cũng nhẹ dạ, khờ dại nghe những người trong tổ chức Quốc Dân Đảng rủ rê, dự một vài cuộc họp. Có lẽ vì thế mà chú bị người ta ghép vào tội "làm phản động." Đây là lời buộc tội của người đàn bà giọng ồm ộp như ếch kêu:

- Thằng ni ngu si suốt đời - Nghe quân Quốc Đảng ngỏ lời rủ rê - Đầu óc tăm tối u mê - Đi dự họp kín, theo nghề chó săn!

Nói xong, bà dồn tất cả sức mạnh vào cánh tay phải tát vào đầu chú xã Thọ. Cái khăn thủ rìu rách xơ xác trên đầu chú bung ra và làm tung

tóe mớ lá hương nhu - chú đau đầu nên phải bọc lá hương nhu và suốt cả ngày hôm nay chú nằm rên một mình ở nhà. Ăn cái tát bất ngờ, chú bị choáng và ngất xỉu. Chủ tọa ra lệnh cho dân quân kéo lê chú ngồi tựa lưng vào cột và tiếp tục "vạch mặt ba tên kia."

- Nó vờ ốm để không khai. Phải cảnh giác với âm mưu của bọn chó săn.

Như bị dùi châm vào mông đít, chủ tọa chồm chồm đứng bật dậy:

- Hoan nghênh tinh thần cảnh giác của ai vừa nói đó. Tên Thọ vờ ốm. Bắt tên Thọ phải khai kỳ hết, khai xong mới được ốm.

Gần chục người xô lên:

- Đúng, đúng...
- Bắt khai đi...
- Những ai dự họp kín?
- Thằng nào trùm, phải lôi mặt ra!

Một người nắm tóc chú xã Thọ giật rất mạnh:

- Thằng nào trùm?
- Ngợi...
- Thằng nào nữa?
- Giản...
- Còn thằng nào nữa?
- Hết rồi...

Qua giọng trả lời thều thào của chú xã Thọ, người ta nghe rõ cái tên "Ngợi" và "Giản". Trúng tủ! Ngợi và Giản là đầu mối của mọi hoạt động chống chính quyền trong thôn xã. Ngợi tốt nghiệp pơ-ri-me. Giản vốn làm xếp ga. Cả hai đều là bà con thân thiết với hàn Hạp, một viên quan về hưu.

Khơi trúng ngòi, cái ung nhọt vỡ ra. Hàng chục cánh tay giơ lên. Hàng chục cái đầu nhô về phía trước. Hàng chục cái miệng tranh nhau nói. Lời va vào lời, tiếng va vào tiếng, chát chúa, ghê tai, rợn gáy:

- Trói cổ chúng nó lại!
- Đào tận gốc trốc tận rễ bọn chó săn!
- Đánh bỏ mẹ!
- Giết mẹ chúng nó đi!

Chủ tọa cu Đình khuôn mặt hiện lên một vẻ khác thường, vừa hăm hở vừa căm giận: "Hoan nghênh tinh thần đấu tranh của bà con nông dân. Tôi hạ lệnh dân quân bắt trói hai tên Ngợi và Giản, nhốt vào ngục."

Trời chưa tối hẳn, người đến dự họp đã khá đông. Bà đang cấy dở sào ruộng cũng vội về ăn cơm nguội để đi họp. Ông đang bửa củi cũng dừng tay ăn vội mấy củ khoai để đi họp. Cụ già đang lên cơn hen cũng choàng tấm chăn đi họp... Vắng họp lại sợ người ta nghi là mình có liên quan gì đến bọn phản động, nên ai cũng lo đi sớm.

Tối hôm nay là tối thứ ba của cuộc "đấu tranh chính trị." Không khí làng xóm sục sôi, căng thẳng. Đi trên đường làng, làm ngoài đồng, người ta túm tụm nhau bàn tán:

- Không ngờ làng ta lại nhiều phản động đến thế!
- Ông Thọ ngu ngơ thế mà cũng làm phản động à?
- Cứ ngỡ bọn Việt gian phản động phải như Nguyễn Văn Thinh, Trần Văn Hữu, Lê Hữu Từ, bây giờ mới biết làng ta cũng có Việt gian phản động.
- Bà Hinh với ông xã Thọ cũng làm Việt gian phản động thì lạ thật. Trời sắp sập rồi.
- Tôi cứ tưởng họ nghe xui dại, hóa ra họ làm phản động thật.

(...)

- Dân quân đâu? Dẫn những bọn có tội với cách mạng vào đây! Chủ tọa ra lệnh.
- Có! Xã đội trưởng Niên trả lời.

Mấy người dân quân dẫn ông Khang vào trước. Ông đứng vòng tay, cúi gục đầu, tóc xõa. Chú xã Thọ cùng với bà Hinh, ông Đẹt, ông Ngợi, ông Giản lếch thếch đi sau.

Chủ tọa cứng cỏi, vào ngay chương trình:

- Bà con ta thẳng tay vạch mặt bọn hại dân hại nước, đào tận gốc trốc tận rễ hang ma động quỷ. Ta không thương xót gì chúng nó. Thương xót là mất lập trường giai cấp. Bằng tất cả mọi cách, ta bắt chúng nó khai hết. Không khai thì đánh chết. Chết thì chôn!

Từ phía dưới, ào ào xông lên ba người, rồi bốn người, rồi năm người, rồi sáu người. Họ đứng xúm quanh đám người bị quy là phản động, chửi rủa om sòm, váng tai váng óc. Cuối cùng, một bác nông dân hét to: "Chúng nó ngoan cố lắm. Chúng nó cứ đứng lì như tảng đá. Phải treo cổ một thằng để làm gương." Bị kích động, hàng chục người nhao nhao:

- Phải treo cổ một thằng!
- Phải treo cổ một thằng!
- Đừng treo cổ. Treo cổ thì nó chết ngay. Chết ngay thì nó không biết đau. Cứ treo ngược lên.
- Phải rồi, treo ngược lên.
- Treo thằng Khang! Treo ngược lên!

Ba anh dân quân mang đại đao xồng xộc tới, buộc dây thừng vào hai cổ chân ông Khang, rồi trèo lên xà nhà kéo ngược dây. Ông Khang vội vàng van xin:

- Tôi xin khai hết. Tôi xin khai hết.

Họ lại buông dây xuống để ông Khang đứng nói:

- Tôi có tội với dân với nước. Từ nay tôi không dám làm phản động nữa!

Dân quân A:

- Mi làm phản động với ai?

Dân quân B:

- Mi đã chỉ điểm cho giặc mấy lần?

Dân quân C:

- Mi đã nhận mấy tỉ đô la của Quốc Dân Đảng?

Bị hỏi dồn dập, ông Khang không biết trả lời thế nào. Chủ tọa liền ra lệnh: "Thằng này ngoan cố, treo ngược lên xà nhà!" Ba dân quân lại xô vào. Ông Khang chắp hai tay lậy: "Cho tôi khai. Tôi xin khai hết." Chủ tọa hỏi từng câu:

- Mi làm phản động với ai?

- Với mấy người đang ngồi đây.

- Mi đã chỉ điểm cho giặc mấy lần?

- Hai lần.

- Mi đã nhận mấy tỉ đô la của Quốc Dân Đảng?

- Năm tỉ.

- Mi để ở đâu? Mang ra đây...

Ông Khang lúng túng... Chủ tọa kết án là "thằng này ngoan cố, treo lên xà nhà!" Ba dân quân hung hăng cột dây thừng vào cổ chân ông Khang, kéo ngược lên xà nhà. Ông Khang bỗng trở thành cái xác treo ngược lủng lẳng. Tất cả mọi người trong hội trường không ai bảo ai, bỗng đứng giãn ra vây thành vòng tròn. Một người giơ chân đạp vào đầu ông Khang, ông bị văng sang bên kia, ở bên kia lại một người khác giơ chân đạp vào đầu ông... Cứ như vậy, cái đầu ông Khang như một quả bóng bị đá từ phía này sang phía kia...

Một người trong đám đông nhô đầu ra:

- Nó ngoan cố không chịu khai. Buộc dây như thế này nó không đau. Tôi đề nghị buộc dây vào hai ngón chân cái.

Hàng chục người nhao nhao hưởng ứng:

- Phải rồi! Buộc vào ngón chân!

- Buộc vào ngón chân!

- Buộc vào ngón chân!

Một dân quân trèo lên xà nhà mở dây. Hai dân quân đứng dưới đỡ ông Khang nằm xuống đất. Họ dùng sức mạnh thiết sợi dây thật chặt vào hai ngón chân cái ông Khang, rồi lại treo ngược lên xà nhà. Lúc này thân thể ông mềm nhũn như một cái xác không hồn. Bất chợt, ông rên lên ư ử... Ngay tức thì một dân quân đạp trúng vào mặt ông hộc máu mũi:

- Lại còn vờ rên!

Tự nhiên có người gục đầu vào vai tôi. Tôi nhận ra trong ánh đèn lờ mờ: đó là thằng Biều con ông Khang. Nó khóc nấc lên, nhưng cố bịt miệng để không bật ra thành tiếng, cái đầu nó cứ rung trên vai tôi một nỗi đau tuyệt vọng. Tôi cảm thấy nặng vai quá, cái vai gầy gò của tôi lúc này phải chịu đựng gánh nặng hàng tấn. Một cảm giác ghê ghê như cật nứa cứa khắp làn da tôi. Liệu có ai nhìn thấy thằng Biều gục đầu vào vai tôi không? Lúc này người ta đang chăm chú nhìn vào thân thể ông Khang đang bị treo ngược, một số người thì cúi mặt xuống để khỏi phải chứng kiến cảnh rùng rợn kia. Tôi vờ như không biết có thằng Biều bên cạnh. Nhưng trong bóng tối, tôi giơ cánh tay ra phía sau nắm lấy bàn tay Biều. Bàn tay nó rung rung như một chiếc lá sắp rụng. Tôi biết lòng nó đang tê tái, đang xé gan xé ruột vì người cha đang bị hành hình ngay trước mặt nó. Tôi không có đủ bản lĩnh để tự phân tích ông Khang có phản động hay không, có theo bọn Quốc Dân Đảng hay không, có man khai thuế nông nghiệp nhiều hay ít, tôi chỉ rùng mình vì người ta đánh đập ông tàn nhẫn quá. Có lẽ ông chết mất. Ông Khang chết thằng Biều sẽ khổ lắm, nó không còn được tiếp tục đi học với tôi nữa...

Chủ tọa cu Đình đĩnh đạc lên tiếng:

- Lệnh của trên là phải giải hai tên đầu sỏ Ngợi và Giản lên huyện ngay đêm nay. Các đồng chí dân quân thực hiện mệnh lệnh của tôi!

Xã đội trưởng Niên "tuân lệnh" dẫn hai dân quân vào trói cánh gà Ngợi và Giản. Sợi dây thừng xiết mạnh quá mặt Ngợi nhăn lại và cánh tay tì xuống. Anh dân quân đấm một phát như trời giáng vào mặt Ngợi:

- Mi chống lại à!

Hàng chục người xô tới đánh túi bụi vào Ngợi và Giản. Họ ngã sấp mặt xuống nền nhà. Anh dân quân đá vào hông họ và quát:

- Đứng dậy mà đi! Vào nhà tù nằm cho sướng!

Chỉ còn lại giữa đấu trường mấy người: bà Hinh, ông Đẹt, ông Thọ và ông Khang đang bị treo ngược lơ lửng.

Bất thình lình một ông già hùng hổ rẽ đám đông, xộc vào giữa, đá vào đầu ông Khang một cú như sét đánh: "Tổ cha quân phản động." Thân thể ông Khang văng xa như đánh đu, dây thừng bị đứt, cái thân nặng nề của ông rơi thịch lên đầu đám đông. Đám người giãn ra. Một người kêu lên: "Nó chết rồi". Người khác: "Chết thì chôn". Anh dân quân đến gần: "Nó đang thở.

Bọn này ăn sướng, chưa chết được đâu!"

Chủ tọa:

- Để tên Khang nằm đó. Bà con vạch mặt những tên khác.

Vòng người càng ngày càng xiết hẹp lại như vòng lửa bao vây bầy thú bị trọng thương. Trong vòng người ấy tưởng có thể bất giác lúc nào một cánh tay vung ra hoặc một bàn chân giơ lên là có thể thụi vào con thú chết ứ ự ngay tức khắc. Tôi chợt nhớ những ngày hội vây hổ ở Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu. Khi phát hiện con hổ về làng bắt trâu bò, người ta gióng trống gióng mõ, tổ chức trai tráng bao vây. Xung quanh con hổ là một vòng hào. Ngoài vòng hào là vòng người. Chiêng, trống, thanh la, não, bạt và tiếng hò reo long trời lở đất. Cuộc bao vây kéo dài bảy ngày, mười ngày, nửa tháng... Con hổ bị thác loạn thần kinh, lúc đầu hốt hoảng, dần dần bị tê dại, cuối cùng một đám lực điền cầm vũ khí xông vào đấu chết hổ.

Con hổ còn bị loạn thần kinh, huống hồ là con người. Những con người đang ngồi giữa vòng vây đêm nay có còn chút tỉnh táo của thần kinh để nghĩ về thân phận họ? Họ không những là người cùng làng xóm, cùng chung lưng đấu cật để tạo nên một cộng đồng nhỏ bé và ấm áp, mà là người cùng dòng máu, dòng máu họ Võ, cùng một ông tổ Triệu Cơ. Một lời cám dỗ vu vơ nào đó, một lời đồn đại lăng nhăng nào đó, họ trở thành đối tượng trong cuộc "đấu tranh giai cấp quyết liệt này". Chủ tọa cu Đình đã nói rõ điều này bằng những lời lẽ hầu như học thuộc lòng trong bài chính trị sơ cấp: "Lịch sử loài người được hình thành trên cơ sở lịch sử đấu tranh giai cấp. Chúng ta không bao giờ quên là phải đấu tranh giai cấp để tồn tại. Muốn đấu tranh giai cấp thắng lợi thì phải đề cao tinh thần cảnh giác, phải triệt để cảnh giác với mọi phần tử xấu đang lăm le phá hoại cuộc đấu tranh giai cấp của chúng ta." Vì tinh thần cảnh giác quá cao, cho nên ông Khang trở thành thủ quỹ của bọn phản động nước ngoài giữ những năm tỉ đô la, chú xã Thọ nghèo rớt mùng tơi đến làm thuê cho ông Khang cũng trở thành đảng viên trung kiên của Quốc Dân Đảng. Cũng vì tinh thần cảnh giác quá cao cho nên bây giờ những con người này chịu đựng những đòn tra khảo nhục hình nặng gấp trăm gấp vạn lần lầm lỡ của họ.

Hãy nghe một thanh niên kể tội ông Đẹt:

- Khi giặc đổ bộ lên Quỳnh Lưu thì mi đem con dao găm ra mài. Mi mài dao găm để làm gì? Mi mài dao găm để ám sát cán bộ, để đội giặc lên mà rước vào nhà phải không?

Hãy nghe một bô lão kể tội bà Hinh:

- Khi cán bộ thuế nông nghiệp vào vận động thì mi đem rổ khoai ra mời cán bộ ăn. Hành động của mi có hai âm mưu: một là mi mua chuộc cán bộ, hai là mi khinh thường cán bộ, chỉ mời cán bộ ăn khoai lang, còn cơm gà cá gỏi thì mi để dành nuôi bọn phản động.

Hãy nghe một người đàn bà kể tội chú xã Thọ:

- Một hôm tao thấy mi từ nhà bà Đoan ra, tay cầm một gói cà. Mi có nhớ là mi gói cà bằng cái gì không? Bằng ảnh của Mao chủ tịch. Mi có tư tưởng nhạo báng lãnh tụ cộng sản quốc tế.

Nghe đến tên "bà Đoan" mẹ tôi, tôi giật nẩy mình. Mẹ tôi lại bị "liên quan" rồi. Tình thế sẽ ra sao đây? Chủ tọa cu Đình gọi:

- Bà Đoan có đây không?

Mẹ tôi ngập ngừng đứng dậy, nói "có" thì không hiểu sao chú xã Thọ lúc này còn tỉnh táo để thưa bẩm:

- Thưa chủ tọa là hôm đó tôi nhặt được tờ giấy rơi ngoài đường, tôi không biết đó là giấy in ảnh Mao chủ tịch. Tôi vào bà Đoan chơi, bà cho tôi một nắm cà muối, tiện tờ giấy đang cầm trên tay, tôi dùng gói cà.

Chủ tọa:

- Có đúng không bà Đoan?

Mẹ tôi:

- Lúc đó trời nhập nhoạng tối, tôi không để ý là tờ giấy in ảnh Mao chủ tịch.

Chủ tọa:

- Bà là người của đoàn thể mà bà kém tinh thần cảnh giác cách mạng. Bọn phản động lợi dụng tất cả mọi cơ hội chúng ta sơ hở để bôi xấu lãnh tụ, bôi xấu phong trào cộng sản quốc tế, bôi xấu hòa bình thế giới. Tôi đề nghị bà hãy nghiêm khắc tự kiểm điểm bản thân.

Mẹ tôi:

- Dạ... Tôi sẽ nghiêm khắc tự kiểm điểm...

*

Trời rét căm căm. Mãi đến nửa buổi tôi mới lùa trâu ra đồng. Tới đầu làng, một cảnh tượng khủng khiếp hiện ra trước mặt tôi:

Những người bị đấu tối hôm qua đang bị trói ở gốc cau!

Hàng cau này chạy dài từ xóm Đông đến xóm Trung dọc con đường lớn qua sân vận động, qua giếng Đình và cửa đình. Những đêm trăng sáng, chúng tôi thường rủ nhau ra đây chơi đến tận gà gáy canh hai canh ba. Trai gái cũng thường hò

hẹn gặp nhau ở nơi này, rồi thổi tù và kéo nhau thành phường lên núi hái củi... Bây giờ hàng cau thân yêu đã biến thành nơi đày đọa những người bị quy là phản động.

Mỗi gốc cau trói một người: ông Đẹt, bà Hinh, ông Khang, chú xã Thọ. Còn hai người nữa là ông Ngợi và ông Giản đã bị bắt lên huyện. Trong số người này, thực ra chỉ có Ngợi và Giản hăng hái tổ chức nhiều hoạt động chống lại chính quyền cách mạng. Ông Đẹt, bà Hinh, ông Khang bị kẻ khác xúi giục, đóng thuế nông nghiệp không đúng kỳ hạn, không chịu đi dân công hỏa tuyến mà lại bỏ tiền thuê người khác đi thay. Còn chú xã Thọ thì có tội tình gì? Nhà chú nghèo xơ nghèo xác. Ngợi và Giản thỉnh thoảng cho một ít tiền, một ít gạo, chú nhẹ dạ dự vài cuộc "họp kín." Vậy cái tội chính của chú là có tham dự "họp kín," dùng ảnh Mao chủ tịch gói cà và dự họp Nông Hội không đầy đủ... Nhưng tất cả những người này đều bị quy tội như nhau, đều là phản động, đều bị đánh đập, đều bị trói vào gốc cau.

Tối hôm qua rét như muốn nứt nẻ da người, nứt nẻ trời đất. Mấy đứa chúng tôi nằm ôm nhau trong ổ rơm vẫn còn rét. Thế mà những người này sau cơn tra tấn ê ẩm cơ thể, lại bị phơi ra ngoài trời. Họ chống chọi bằng cách nào để qua một đêm rét như thế?

Từ xa, tôi đã nhìn thấy họ ngồi im như những đống đất. Tôi cũng nhận rõ người nào bị trói ở gốc cau nào. Họ còn sống đủ cả hay có ai đã bị chết rét? Thường ngày tôi lùa trâu qua lối này, nhưng hôm nay một cảm giác hãi hùng ngăn tôi lại. Tôi rẽ lối khác, rồi dừng sau bụi chuối già, chăm chú nhìn tới. Hình như cả bốn người vẫn còn sống. Ông Khang ngoẹo đầu một bên vai. Bà Hinh gục đầu khom lưng xuống. Ông Đẹt ngồi duỗi chân ra. Chú xã Thọ tựa sát lưng vào gốc cây. Tất cả chỉ giống nhau là hai tay bị trói gò vào phía sau qua thân cau.

Từ trong làng đã có nhiều người rời tổ ấm ra đồng làm việc. Kẻ gánh mạ. Người vác bừa. Kẻ dắt bò. Người dong trâu. Bình lặng như tựa ngàn xưa. Mà sao hôm nay im lìm và nặng nhọc đến vậy? Không ai nói chuyện với ai. Cũng không ai dám nhìn xuống gốc cau đang có người bị trói - những người bị trói đều có quan hệ ràng rịt với họ, xưng hô với nhau bằng bác, chú, dì, anh, em... Sự phân hóa thành "hai tuyến giai cấp" thật nhanh chóng và bất ngờ.

Bên kia sông Bùng, từ các làng khác như Thổ Hậu, Hạnh Lâm, Vĩnh Thọ... có một đoàn các bà qua đò sang bên này đi chợ Lèn. Họ gánh gồng, đội, mang ngổn ngang những thúng mủng, bị cói, lồng gà. Đến hàng cau, họ dừng lại, một bà nói:

"Thì ra quân phản động đây rồi! Tôi cứ tưởng là phản động ở đâu đâu, té ra quân phản động ở làng Hậu Luật. Bà cho chúng mày biết tay!" Nói xong, bà tốc váy đái lên đầu ông Đẹt. Mấy bà khác cũng làm theo: tốc váy đái lên đầu ông Khang, bà Hinh, chú xã Thọ. Nước đái chảy từ tóc xuống ướt đẫm cả quần áo. Nước đái có làm cho những người bị trói ấm hơn chút ít hay xót thêm bởi vết thương đêm qua bị tra tấn? Mấy bà đái xong rồi bỏ đi. Tưởng thế là đủ làm nhục những người bị trói. Ngờ đâu có một bà khác băm bổ bước tới "Vì quân phản động này mà con tao phải ăn sương nằm gió ngoài mặt trận," vừa nói bà vừa đái rê từ đầu ông Đẹt qua đầu ông Khang, bà Hinh, chú xã Thọ.

Tôi đứng nhìn rất rõ, rất kỹ - một cảm giác rờn rợn nổi gai ốc khắp da thịt.

Tôi lại tiếp tục lùa trâu ra đồng. Từng bước một. Từng bước một. Hai bàn chân nặng như hai tảng đá.

Trưa. Trên đường trở về, tôi gặp thằng Luy con bà Hinh tay bê nồi, bát và thìa. Có lẽ nó mang cơm cho mẹ nó. Hằng ngày thằng Luy cùng đi học với tôi, đùa chơi vô tư với nhau. Hôm nay gặp tôi nó cúi mặt, vờ như không nhìn thấy tôi. Nó buồn nó đau hay nó xấu hổ? Ờ, mà sao lại xấu hổ nhỉ? Bỗng dưng giữa tôi và nó mở ra một hố sâu ngăn cách... Luy đi qua rồi, tôi len lén quay lại nhìn nó, chợt bắt gặp nó quay lại nhìn tôi. Nó vờ đánh rơi cái thìa, cúi xuống nhặt. Còn tôi thì vờ giơ roi tre quất vào đít con trâu.

Đến gần hàng cau, tôi thấy những người bị trói đã được phủ áo ấm, chỉ phủ bên ngoài thôi, chứ không được mặc vào hẳn hoi. Chắc là người nhà vừa mới mang tới. Nhưng chú xã Thọ không có người nhà, không có vợ con, không có anh em ruột thịt, ai đã choàng lên chú một tấm vải rách?

Đang vơ vẩn suy nghĩ, tôi nghe tiếng bước chân phía sau lưng, rồi vượt qua tôi rất nhanh. Thì ra cái Hoa em thằng Biều. Tay nó xách tao gióng đựng cái nồi nhỏ. Hẳn nó mang cơm cho ông Khang? Tôi vờ cho trâu cúi xuống bên đường uống nước để dõi theo cái bóng bé nhỏ của Hoa lê bước dọc hàng cau rồi dừng lại bên ông Khang. Hoa ngồi thụp xuống, úp mặt vào hai bàn tay, vai rung lên. Dường như bàn tay nó quá nhỏ không đủ sức đỡ nổi cái đầu quá nặng, nó vẹo người và sụp xuống chân ông Khang đang duỗi

ra. Theo bản năng, ông Khang định oằn người ôm lấy đứa con gái, nhưng bỗng khựng lại vì hai tay đang bị trói. Sau một lúc định thần, Hoa lấy khăn lau mặt bố. Bàn tay Hoa nương nhẹ lau những vết máu dính xung quanh mũi và mồm. Ông Khang nhăn mặt lại vì đau. Cánh tay Hoa run lên... Nó mở nồi và bón cho bố từng thìa cháo. Ông không nuốt được. Hoa đỡ bố ngồi thẳng để cho cái ngực không gập xuống. Rồi lại bón cháo. Ông lắc đầu. Hoa giàn giụa nước mắt. Nó đánh liều đến gần anh dân quân đang đứng gác, xin mở trói cho bố. Anh dân quân mặt lạnh như tiền, thủng thẳng bước đi, không hề đáp lại một tiếng. Hoa mạnh dạn bước theo và nói to hơn: "Thưa chú, cho cháu mở trói cho cha cháu, ăn xong chú lại trói như cũ." Anh dân quân vẫn không quay lại, nói xẵng giọng: "Mày định âm mưu cái gì? Mở trói để bỏ chạy à? Đến lúc này mà mày còn âm mưu làm cho tao mất cảnh giác giai cấp à?" Hoa thất vọng, trở lại với bố, nặng nhọc bón từng thìa cháo. Khó khăn lắm ông Khang mới nuốt hết một thìa. Hoa vẫn kiên nhẫn bón cho bố đến gần một tiếng đồng hồ.

Về nhà, tôi thấy mẹ tôi đờ đẫn. Mẹ không ngồi yên, đi đi lại lại trong gian nhà hẹp có vẻ xấng xở, bận rộn, đặt cái sàng lên cái mẹt, đặt cái thúng vào cái nia, cầm cái liềm từ chỗ này giắt vào chỗ kia... Toàn là những động tác thừa. Cuối cùng mẹ vo gạo thổi cơm. Tôi ngồi bên mẹ, giơ bàn tay hơ lửa. Tôi định hỏi mẹ một câu, mà cứ ngập ngừng mãi không thốt ra thành lời. Tha thẩn hồi lâu, tôi dồn hết nghị lực để nói:

- Mẹ...

- ?

- Cách mạng thành công lâu rồi, sao lại nhiều phản động thế?

- Thế mới là chuyên chính vô sản con ạ. Đấu tranh giai cấp càng ngày càng quyết liệt thì bọn phản động càng hoạt động nhiều.

- Mẹ có lấy tài liệu cho con xem được không?

- Không được con ạ. Họp chi bộ, mọi người chỉ được nghe giảng chứ không được cầm tài liệu.

- Chú xã Thọ nghèo khổ, hiền lành thế, có đúng là phản động không? Hay người ta nói sai?

- ...

- Sao họp chi bộ, mẹ không bênh chú xã Thọ?

Nước mắt chảy ra trên gò má nhăn nheo, mẹ nói trong sụt sùi tiếng khóc:

- Con muốn người ta bắt trói luôn cả mẹ à?

Giữa mẹ và tôi là những câu đối thoại ngắn gọn, rời rạc và giữa những câu đối thoại là nhiều khoảng cách chứa chất lộn xộn suy tư vừa đơn giản của người nông dân vừa đầy mâu thuẫn của bản năng con người. Sau câu nói của mẹ "Con muốn người ta bắt trói luôn cả mẹ à" là một khoảng cách khá dài để dẫn đến câu hỏi của tôi:

- Chú xã Thọ không có anh em ruột thịt để mang cơm cho chú, con đem ra cho chú một nắm cơm có được không?

- ...

- Có được không hở mẹ?

- Đợi cho trời tối đã...

Đợi cho trời tối, tôi mang nắm cơm đi trong tư thế sợ sệt, hèn nhát và trao vào tay chú với động tác sợ sệt, hèn nhát.

- Chú...

- Anh Trực à...

Chú từ từ mở cặp mắt mệt mỏi:

- Anh về ngay kẻo người ta thấy.

Tôi đứng dậy định vụt chạy, nhưng bản năng bảo cho tôi biết rằng hai tay chú đang bị trói thì cầm cơm ăn làm sao được. Tôi bình tĩnh ngồi xuống, bẻ nắm cơm thành từng mẩu nhỏ đút vào mồm chú. Nhưng chú lắc đầu. Tôi không hiểu. Chú tì hai cánh tay bị trói ra phía trước và ngả bàn tay ra: "Anh đặt cơm vào đây." Tôi đặt mẩu cơm vào lòng bàn tay chú. Chú ngoẹo đầu xuống một bên và ngoạm mồm ăn mẩu cơm. Như thế là chú có thể tự ăn được. Chú ăn cơm mà rán gân rán sức như đi đánh vật. Đưa cơm vào mồm đã khó khăn, nhai cũng khó khăn, nuốt cũng khó khăn. Mỗi lần nhai chú nhăn mặt và dồn sức bình sinh để nuốt ực một cái. Tôi để ý, thì ra chú bị gãy hai răng cửa và lung lay hai răng khác. Tối qua, trong lúc "vạch tội", ai đã đấm một cú quá phàm làm cho chú bị hỏng hàm răng. Trời rét mà sau khi nuốt mấy miếng cơm, trán chú đã dâm dấp mồ hôi. "Anh về đi," chú nói khe khẽ. Tôi về... Từ đầu hàng cau, anh dân quân nhìn thấy tôi, nhưng anh ta vội quay đi và tảng lờ như không thấy.

*

Mẹ tôi đi chợ Lèn về, mặt tái nhợt, báo tin:

- Cậu Quế chết rồi!

Sao? Cậu Quế chết rồi à? Tôi bủn rủn cả người, hỏi lại mẹ:

- Cậu Quế chết rồi à?

Bố tôi, chị tôi, em tôi... Cả nhà xúm quanh mẹ:

- Cậu Quế chết?

- Sao lại chết?

- Chết từ bao giờ?

Mẹ ngồi thừ người bên rổ rau cải. Mẹ nhìn tôi, mặt ỉu xìu:

- Cậu Quế của con chết rồi!... Người ta đấu ác quá. Nửa đêm, cậu vào chuồng xí thắt cổ chết!

- Ai nói với mẹ?

- Người làng Quang Trạch đi chợ, tìm gặp mẹ, nói nhỏ vào tai mẹ...

Thì ra thế! Tôi thở dài... Cuộc đấu tranh ác nghiệt này đã bén lửa vào mái nhà yên ấm của tôi. Cậu Quế là em trai thứ ba của mẹ tôi. Mỗi lần theo mẹ về bên ngoại ăn giỗ, thế nào cậu cũng cho tôi tiền, hoặc một quả mít, một cái mũ ca lô, một đôi dép cao su "con hổ". Cậu thương tôi lắm vì tôi ngoan ngoãn và chăm học. Có lần cậu gọi tôi lên núi, bắt cho tôi mấy chú sáo đen, nhốt vào cái lồng tre xinh xắn, bảo tôi mang về bên nội. Cách đây mấy năm, huyện cho tôi sang Trung Quốc học ngân hàng. Vừa nghe tin, cậu liền đem quà xuống: bộ quần áo mới, cái cặp da, đôi giày vải. Cậu xoa đầu: "Cháu sang bên đó nghe lời bác Mao học cho giỏi, sau về mà kiến thiết nước nhà." Tôi rơm rớm nước mắt, cảm thấy vừa như ân hận vừa như phụ lòng cậu: "Thưa cậu... Cháu nói với huyện là cháu không đi. Cháu nhớ nhà lắm." Cậu Quế tỏ vẻ ngạc nhiên: "Sao cháu lại dại thế? Cả huyện chọn được ba đứa. Sang đó học sướng như trời mà cháu lại từ chối... Có ai dại như cháu..." Mới đó thôi, tình thương của cậu, bàn tay của cậu, ánh mắt của cậu, bỗng chốc thành xa xưa.

Mấy năm vừa rồi, người ta phá sạch đền chùa, cậu Quế lại lập bàn thờ Phật trong nhà. Người ta nghi là cậu chống lại chính quyền nên mới lập bàn thờ Phật. Bị dân quân bắt ra đình cho dân làng Quang Trạch đấu. Tra khảo cậu, cậu không khai - vì có biết gì đâu mà khai. Càng không khai, cậu càng nếm đủ mọi món đòn tra tấn: treo ngược lên xà nhà, trói vào gốc cây, hắt nước bẩn vào mặt. Nhục nhất là cậu bị mấy mụ đàn bà tốc váy trùm lên đầu. Hàng tháng trời cậu bị giam, không được về nhà. Đêm hôm ấy cậu xin phép người dân quân gác cho đi ỉa. Người dân quân ngủ quên, sáng dậy, không thấy cậu ở đâu cả, chợt mở chuồng xí, thì thân hình cậu đã cứng đơ treo lủng lẳng bởi sợi dây thừng. Lúc sắp chết cậu bị treo ngược, lúc chết rồi cậu bị treo xuôi. Mọi người đồn khẽ: cái số cậu vừa bị thiên thần vừa vị hạ thần hành hạ.

Cậu Quế chết rồi! Tê điếng cả người tôi. Gia đình không dám xuống báo tin cho mẹ. Quê nội và quê ngoại chỉ cách nhau hơn ba kilômét, mà không dám liên hệ với nhau giữa lúc xã hội đang tràn đầy sự nghi kỵ. Mẹ tôi đi chợ, người làng Quang Trạch không dám đàng hoàng báo tin cho mẹ. Một bà thấy mẹ đang mua rau, len lén đến ngồi bên cạnh vờ mua rau, ghé vào tai mẹ thì thầm cái tin khủng khiếp ấy.

Cậu Quế chết rồi! Từ nay tôi về quê ngoại không được gặp cậu nữa. Vả lại, với không khí nghi kỵ này chẳng biết đến bao giờ tôi mới được đặt chân vào gian nhà ông bà ngoại tôi, cậu tôi, mợ tôi. Cậu chết đi, để lại bốn em nhỏ. Mợ Quế chưa đầy ba mươi tuổi, liệu mợ có chịu đựng nổi tình cảnh gia đình thê thảm cho đến hết đời?...

Mẹ ngồi thừ người hàng tiếng đồng hồ. Cả nhà cũng ngồi im lặng như bụt. Trưa rồi, chẳng ai buồn nấu cơm ăn. Mẹ uể oải đứng dậy, thở dài:

- Mẹ phải về lo tang cho cậu...

Chị tôi hỏi:

- Chúng con cũng phải đi chứ?

Mẹ lắc đầu:

- Thôi... một mình mẹ...

Người chị thứ hai vô tình nói một câu:

- Liệu mẹ về lo tang cho cậu thì Đảng có kỷ luật mẹ không?

Mẹ òa khóc:

- Chẳng thà mẹ chịu mất Đảng... Mẹ là con cả của ông bà mà không về thì cả họ hàng làng nước người ta chửi cho thối óc...

Vừa nói mẹ vừa ôm mặt khóc rưng rức. Có lẽ bị nén qua nhiều cơn đau đớn, qua vụ thuế khả năng, qua việc chú xã Thọ bị hành hạ, bây giờ mẹ mới bật miệng thốt ra một câu thành thật "Chẳng thà mẹ chịu mất Đảng..." Nhưng rồi dường như trong đầu mẹ chợt lóe ra một tia sáng lý trí, mẹ dặn lại: "Mẹ nói gì chỉ trong nhà biết thôi, đừng lộ cho người ngoài biết." Rồi mẹ đội nón lủi thủi về ngoại. Bản năng thôi thúc, tôi chạy theo mẹ ra đến tận đầu ngõ:

- Con cũng về đưa tang cậu...

Mẹ quay lại:

- Con đừng đi...

Tôi đứng lặng người nhìn theo mẹ. Thế là cả nhà tôi chỉ một mình mẹ về ngoại đưa tang cậu Quế. Ai đã tạo ra cái hố ngăn cách này giữa tôi và cậu tôi? Nước mắt tôi cứ đào ra hết đợt này đến đợt khác. Nước mắt cháu vẫn còn mặn lắm cậu Quế ơi. Dẫu có sức mạnh hung hãn nào dọa nạt, nước mắt cháu vẫn không bao giờ nhạt như nước mưa...

Trúc Lâm Thiền Viện.com

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Mắt biết thấy là Chân Tâm
Tai biết nghe là Chân Tâm
Thân biết xúc chạm là Chân Tâm

Chân Tâm là ông chủ thường biết rõ ràng trùm khắp sáu căn mà không có tướng mạo. Không có sinh diệt.

Là phát minh mới của Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt. Để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo Thiền Tông Việt Nam hiện nay.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang

Xin vui lòng liên lạc Mãn Tâm An: (714) 891-6742

9455 Bolsa Ave. # E, Westminster, CA 92683. USA

hay www. Thientongvietnam.vinamall.com - truclamthienvien.com

Băng mới phát hành của Thiền Sư Thanh Từ: Khám phá được ông chủ - Thầy Nhật Quang: Chữ Tu

#1 Authorized DIRECTV Dealer Vietnamese Direct

DIRECTV

Việt Satellite

15567 Brookhurst St. Westminster, CA 92683 Tel: (714) 775-5400 1-800-581-6910 www.VietSatellite.com

HD Receiver/DVR Rebate $100.00
"Mail-in Rebate"

CHƯƠNG TRÌNH GIẢM GIÁ ĐẶC BIỆT TRONG MÙA FOOTBALL

FREE công lắp ráp & shipping cho 4 phòng

$24.99 Đài Việt Nam - SBTN và các đài địa phương

$32.98 2 Đài VN - SBTN và VHN cùng các đài địa phương

SBTN + 80 ĐÀI MỸ $44.99

FREE 7 đài HBO, 9 đài SHOWTIME, 3 đài CINEMAX và 12 đài STARZ cho 3 tháng đầu trị giá $132

Offer June 28 to Oct 2

NFL SUNDAY TICKET (cho 4 tháng) $69.99 (cho 4 payments)

Ask about our offer of

FREE (TOTAL CHOICE PLUS, HBO, SHOWTIME, CINEMAX, STARZ và SPORT PACK cho 4 tháng đầu) FREE hơn 250 đài, trị giá $400

THÊM SBTN + $14.99 Offer June 28 to Oct 2

5 ĐÀI NÓI Tiếng Quãng Đông & Quan Thoại $36.99

FREE 7 đài HBO, 9 đài SHOWTIME, 3 đài CINEMAX và 12 đài STARZ cho 3 tháng đầu trị giá $132

Offer June 28 to Oct 2

Hiện tại có chương trình DISCOUNT $10.00 mỗi tháng cho 15 tháng trong những vùng zipcode qui định như: Orange County, LA, cho qui đồng hương xem TV bằng CABLE muốn chuyển sang DIRECT TV (Qualified customer only).

Khách hàng từ Cable chuyển qua DIRECTV sẽ được giảm giá trong hóa đơn mỗi tháng $10 cho đến 15 tháng (tùy theo vùng ấn định)

1-800-581-6910 www.vietsatellite.com

Chương trình TV Việt Ngữ gồm các tiết mục như sau: Tin tức quốc nội, thế giới, tin tức cộng đồng, những bài bình luận thời sự chính trị nóng bỏng, cải lương, phim bộ Hồng Kông và Đại Hàn chuyển âm tiếng Việt, Chương trình Thiếu Nhi, Em học tiếng Việt, y học, Khoa học trong đời sống ...

Mở cửa 7 ngày trong tuần; Chúng tôi có nhân viên lắp ráp trên toàn quốc Hoa Kỳ

Những lệ phí hàng tháng kể trên chỉ áp dụng cho phòng đầu tiên. Kế từ phòng thứ 2 trở lên, mỗi phòng phải trả thêm $4.99